

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 6 (TRUNG CẤP)

TẬP 1 (1/2) • TỪ #001 – #561

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 6 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 1: Gồm 561 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #001 đến #561 trên tổng số 1123 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mục**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=6> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0001

挨

ái

chịu, chịu đựng, bị; sát gần, kề bên

在严冬极寒风雪中野外科考时，队员们紧紧挨在一起互相取暖，顽强战胜了恶劣天气。

Zài yán dōng jí hán fēng xuě zhōng yě wài kē kǎo shí, duì yuán men jìn jìn āi zài yì qì hù xiāng qǔ nuǎn, wán qiáng zhàn shèng le è liè tiān qì.

Trong chuyến khảo sát khoa học dã ngoại giữa bão tuyết giá rét mùa đông, các đội viên nép sát vào nhau để cùng sưởi ấm, ngoan cường chiến thắng thời tiết khắc nghiệt.

10 nét

HÁN VIỆT : AI

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đỏ Nổi Bật: Đẩy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 6 (3.0) • TẬP 1

Tập này: 561 từ vựng

356

Danh từ

152

Động từ

30

Tính từ

2

Đại từ

0

Số & Lượng từ

21

Từ loại khác



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0001

挨
ái

chịu, chịu đựng, bị; sát gần, kề bên

在严冬极寒风雪中野外科考时，队员们紧紧挨在一起互相取暖，顽强战胜了恶劣天气。
Zài yán dōng jí hán fēng xuě zhōng yě wài kē kǎo shí, duì yuán men jìn jìn āi zài yì qì hù xiāng qǔ nuǎn, wán qiáng zhàn shèng le è liè tiān qì.
Trong chuyến khảo sát khoa học dã ngoại giữa bão tuyết giá rét mùa đông, các đội viên nép sát vào nhau để cùng sưởi ấm, ngoan cường chiến thắng thời tiết khắc nghiệt.

10 nét

HÁN VIỆT: AI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0002

挨打
áidǎ

bị đánh, bị ăn đòn; chịu đòn tụt hậu

落后就要挨打，发展才能自强；我们要坚定不移走中国特色自主创新道路，加快实现高水平科技自立自强。

Luò hòu jiù yào āi dǎ, fā zhǎn cái néng zì qiáng; wǒ men yào jiǎn dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhū chuāng xīn dào lù, jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.

Tụt hậu lạc hậu thì sẽ bị đòn bị đánh, phát triển mới có thể tự cường; chúng ta phải kiên định không ngừng bước đi trên con đường tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc, đẩy nhanh thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

24 nét

HÁN VIỆT: AI TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0003

挨着
āizhe

kề bên, sát liền kề, cạnh sát bên

在国家前沿大科学装置园区内，高精度同步辐射光源大科学实验大厅紧紧挨着微纳加工超净中心。

Zài guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì yuán qū nèi, gāo jīng dù tóng bù fú shè guāng yuán dà kē xué shí yàn dà tīng jìn jìn āi zhe wēi nà jiā gōng chāo jīng zhōng xīn.

Bên trong khu công viên thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia, đại sảnh thực nghiệm khoa học lớn nguồn sáng bức xạ synchrotron độ chính xác cao nằm kề bên sát liền kề trung tâm siêu sạch gia công vi nano.

19 nét

HÁN VIỆT: AI TRƯỚC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0004

安检
ānjiǎn

kiểm tra an ninh, soi chiếu an ninh

我国国际机场全面启用毫米波全息智能安检通道，实现了旅客无感快速安检通行。

Wǒ guó guó jī jī chǎng quán miàn qǐ yòng háo mǐ bō quán xī zhì néng ān jiǎn tōng dào, shí xiàn le lǚ kè wú gǎn kuài sù ān jiǎn tōng xíng.

Sân bay quốc tế nước ta đã đưa vào sử dụng toàn diện làn kiểm tra an ninh soi chiếu an ninh thông minh hologram sóng milimet, thực hiện việc hành khách đi qua kiểm tra an ninh nhanh chóng không chạm.

26 nét

HÁN VIỆT: AN KIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0005

罢工
bàigōng

bãi công, đình công

铁路总工会与资方通过多轮建设性平等协商化解了薪酬争议，避免了可能导致全线瘫痪的全国性大罢工。

Tiě lù zōng gōng huì yǔ zī fāng tōng guò duō lún jiàn shè xìng píng děng xié shāng huà jiě le xīn chóu zhēng yì, bì miǎn le kě néng dǎo zhì quán xiàn tān huán de quán guó xíng dà bà gōng.

Tổng công đoàn đường sắt cùng giới chủ thông qua nhiều vòng thương lượng bình đẳng mang tính xây dựng đã hóa giải mâu thuẫn về tiền lương, ngăn chặn cuộc đại bãi công toàn quốc có nguy cơ làm tê liệt toàn tuyến.

26 nét

HÁN VIỆT: BÃI CÔNG

HSK 6 (3.0)

Trợ từ

#0006

罢了
bàle

mà thôi, thế thôi (trợ từ ngữ khí cuối câu)

面对科研攻关中遇到的暂时挫折，青年学者坚定地表示：“这只不过是一次积累经验的宝贵探索罢了！”

Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn shí cuò zhé, qīng nián xué zhě jiǎn dìng de biǎo shì: "zhè zhǐ bù guò shì yì cì jī lěi jīng yàn de bǎo guì tàn suǒ bà le!"

Đứng trước những trắc trở tạm thời gặp phải trong trận đánh nghiên cứu khoa học, người học giả trẻ tuổi kiên định bày tỏ: 'Đây chẳng qua chỉ là một lần tìm tòi vô giá tích lũy kinh nghiệm mà thôi thế thôi!'

25 nét

HÁN VIỆT: BÃI LIỄU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0007

白领
báilǐng

nhân viên văn phòng, giới cổ cồn trắng (lao động trí óc)

国家高新技术产业开发区聚集了数十万年轻高素质科研工程师与现代数字化白领人才。

Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū jù jí le shù wàn nián qīng gāo sù zhì kē yán gōng chéng shī yǔ xiàn dài shù zì huà bái lǐng rén cái.

Khu phát triển ngành công nghệ cao mới cấp quốc gia quy tụ hàng chục vạn nhân tài nhân viên văn phòng giới cổ cồn trắng số hóa hiện đại cùng các kỹ sư nghiên cứu khoa học tổ chức cao trẻ tuổi.

18 nét

HÁN VIỆT: BẠCH LÃNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0008

百分点
bǎi fēn diǎn

điểm phần trăm (percentage point)

最新发布国家统计局报告显示，今年高技术制造业投资增速比全部固定资产投资高出七点三个百分点。

Zuī xīn fā bù de guó jiā tǒng jì jù bào gào xiǎn shì, jīn nián gāo jì shù zhì yào tóu zī zēng sù bǐ quán bù fíng chǎn tóu zī gāo chū qī diǎn sān gè bǎi fēn diǎn.

Báo cáo thống kê quốc gia mới nhất cho thấy, tốc độ tăng trưởng đầu tư ngành chế tạo công nghệ cao năm nay cao hơn tốc độ tăng trưởng toàn bộ đầu tư tài sản cố định 7,3 điểm phần trăm.

35 nét

HÁN VIỆT: BÁCH PHẦN ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0009

办公
bàngōng

làm việc, xử lý công vụ, làm việc văn phòng

国家重点实验室全面推行绿色低碳智慧云办公平台，极大提升了跨学科多团队协同科研办公效率。

Guó jiā zhòng yán shí shì yàn shì quán miàn tuī xíng lǜ sè dī tàn zhī huì yún bàngōng píng tái, jí dà tíng shēng le kuà xué kē duō tuán duì xié tóng kē yán bàngōng xiào lǜ.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đẩy mạnh toàn diện nền tảng làm việc văn phòng đám mây thông minh xanh ít phát thải carbon, nâng cao vượt bậc hiệu suất xử lý công vụ làm việc nghiên cứu khoa học hiệp đồng nhiều nhóm đa ngành học.

24 nét

HÁN VIỆT: BIỆN CÔNG



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0010

办事处

bànshìchù

văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc

国家科技创新国际交流中心在海外多个全球顶尖创新枢纽城市设立了高水平科技合作联络办事处。

Guójiā kējì chuàngxīn guójì jiāoliú zhōngxīn zài hǎi wài duō gè quánqiú dīngjiān chuàngxīn shù niǔ chéngshì shìlè lì le gāo shuǐ píng kējì hé zuò liánluò bànshìchù.

Trung tâm Giao lưu Quốc tế Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc gia đã thiết lập các văn phòng đại diện văn phòng liên lạc hợp tác khoa học công nghệ trình độ cao tại nhiều đô thị đầu mối đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới ở nước ngoài.

33 nét

HÁN VIỆT: BIỆN SỰ XỬ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0011

办学

bàn xué

mở trường, điều hành trường học, tổ chức giáo dục

高校坚持把立德树人作为根本任务，不断创新科教融汇与产教融合协同育人的办学模式。

Gāo xiào jiān chí bǎi lì dé shù rén zuò wéi gēn běn rèn wù, bù duàn chuàngxīn kējì jiào róng huì yǔ chǎn jiào róng hé xié tóng yù rén de bàn xué mó shì.

Trường đại học kiên trì lấy việc lập đức bồi dưỡng con người làm nhiệm vụ căn bản, không ngừng đổi mới sáng tạo mô hình mở trường điều hành trường học cùng nuôi dưỡng giáo dục kết hợp doanh nghiệp – giáo dục và khoa học – giáo dục.

23 nét

HÁN VIỆT: BIỆN HỌC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0012

半决赛

bàn jué sài

bán kết

老师鼓励大家积极半决赛，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bàn jué sài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bán kết, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

34 nét

HÁN VIỆT: BÁN QUYẾT TÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0013

傍晚

bàng wǎn

chập tối, hoàng hôn, xế chiều

傍晚时分漫步在江滨栈道上，微风拂面，天边金黄色的晚霞将江水染得绚丽斑斓。

Bàng wǎn shí fēn mànbù zài jiāng bīn zhàn dào shàng, wēi fēng fú miàn, tiān biān jīn hóng sè de wǎn xiá jiāng jiāng shuǐ rǎn dé xuàn lì bān lán.

Lúc chập tối dạo bước trên lối đi bộ ven sông, gió nhẹ thoảng qua mặt, ráng chiều đỏ rực ánh vàng nơi chân trời nhuộm mặt nước dòng sông thành muôn sắc màu lung linh rực rỡ.

23 nét

HÁN VIỆT: BÀNG VẮN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0014

保健

bǎojiàn

bảo vệ sức khỏe, chăm sóc y tế sức khỏe

国家全面健全覆盖全民的公共卫生与妇幼保健医疗服务体系，切实筑牢全民健康基石。

Guójiā quán miàn jiàn quán fù gài quán mǐn de gōnggòng wèi shēng yǔ fù yù jiàn kāng yī liáo bǎojiàn fú wù tǐ xì, qiè shí zhù láo quán mǐn jiàn kāng jī shí.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện hệ thống dịch vụ y tế bảo vệ sức khỏe chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và y tế công cộng bao phủ toàn dân, củng cố vững chắc nền tảng sức khỏe toàn dân.

22 nét

HÁN VIỆT: BẢO KIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0015

报刊

bàokān

báo chí, báo chí và tập san định kỳ

国家级权威科技报刊开设了“科学家精神”专题专栏，生动报道功勋科学家矢志报国的感人事迹。

Guójiā jí quán wēi kējì bàokān kāi shè le "kējì xué jiǎ jīng shén" zhuān tí zhuān lán, shēng dòng bào dào gōngxūn kējì xué jiǎ shì zhī zhì bào guó de gǎn rén shì jì.

Báo chí báo chí và tập san khoa học công nghệ có thẩm quyền cấp quốc gia đã mở chuyên mục chuyên đề 'Tinh thần Nhà khoa học', đưa tin sinh động về những tấm gương câu chuyện xúc động một lòng son sắt phụng sự Tổ quốc của các nhà khoa học có công lao.

22 nét

HÁN VIỆT: BÁO SAN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0016

报考

bàokǎo

đăng ký dự thi, nộp hồ sơ thi tuyển

今年全国各大重点高校基础科学强基计划吸引了数万名怀揣科学强国梦想的优秀学子踊跃报考。

Jīn nián quán guó gè dà zhòng diǎn gāo xiào jī chǔ kē xué qiáng jī jì huà xī yǐn le shù wàn míng huái chuāi kē xué guó qiáng mèng xiǎng de yōu xiù xué zǐ yǒng yuè bào kǎo.

Kế hoạch Củng cố Nền móng (Cường Cơ Kế Hoạch) khoa học cơ bản của các trường đại học trọng điểm lớn trên cả nước năm nay đã thu hút hàng vạn sinh viên học sinh xuất sắc mang trong tim ước mơ dùng khoa học xây dựng đất nước giàu mạnh hăng hái đăng ký dự thi nộp hồ sơ thi tuyển.

24 nét

HÁN VIỆT: BÁO KHẢO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0017

抱歉

bào qiàn

xin lỗi, áy náy

非常抱歉让您在贵宾接待室久等了，我们马上为您办理入住手续。

Fēi cháng bào qiàn ràng nín zài guì bīn jiē dài shì jiǔ děng le, wǒ men mǎ shàng wéi nín bàn lǐ rù zhù shǒu xù.

Thật vô cùng áy náy vì đã để quý khách phải đợi lâu tại phòng đón tiếp VIP, chúng tôi sẽ làm thủ tục nhận phòng cho quý khách ngay bây giờ.

22 nét

HÁN VIỆT: BẢO KHIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0018

暴风雨

bào fēng yǔ

mưa bão, cơn giông tố bão táp

在迎击特大台风暴风雨抢险救灾一线，应急救援队伍挺身而出、日夜奋战守护人民群众生命财产安全。

Zài yíng jī tè dà táifēng bào fēng yǔ qiǎng xiǎn jiù zāi yì xiàn, yíng jí jiù yuán duì wú tíng shēn ér chū, rì yè fèn zhàn shǒu hù rén mín qúnzhòng shēngmín cái chǎn ān quán.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ đón đánh cơn giông tố bão táp mưa bão siêu bão đặc biệt lớn, đội ngũ cứu nạn khẩn cấp đã dũng cảm xung phong, ngày đêm chiến đấu bảo vệ an toàn tài sản tính mạng của quần chúng nhân dân.

32 nét

HÁN VIỆT: BẠO PHONG VŨ



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0019

暴力

bào lì

bạo lực

全社会必须筑牢法治底线，对任何形式的家庭暴力、校园欺凌与网络暴力行为坚决依法严厉惩处。

Quán shè huì bì xū zhù láo fǎ zhì dī xiàn, duì rèn hé xíng shì de jiā tíng bào lì, xiào yuán qī líng yǔ wǎng luò bào lì xíng wéi jiǎn jué yí fǎ yán lì chéng chú.

Toàn xã hội bắt buộc phải giữ vững lần ranh dõ pháp trị, kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với mọi hành vi bạo lực gia đình, bạo lực học đường và bạo lực mạng.

16 nét

HÁN VIẾT : BẠO LỰC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0020

暴露

bào lù

lộ ra, phơi bày, bộc lộ (khuyết điểm, sơ hở)

经过高强度的极限压力测试，该分布式系统底层架构在极端高并发流量冲击下暴露出了微小的内存泄漏缺陷。

Jīng guò gāo qiáng dù de jí xiàn yā lì cè shì, gāi fēn bù shì xì tǒng dī céng jià gòu zài jī duān gāo bìng fā liú liàng chōng jī xià bào lù chū le wēi xiǎo de nèi cún xiè lòu quē xiàn.

Trải qua đợt kiểm thử áp lực cực hạn cường độ cao, kiến trúc tầng dưới của hệ thống phân tán này dưới tác động của lưu lượng truy cập đồng thời cực lớn đã bộc lộ ra lỗ hổng rò rỉ bộ nhớ vì mô nhỏ bé.

19 nét

HÁN VIẾT : BẠO LỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0021

暴雨

bào yǔ

mưa to, mưa như trút nước, mưa xối xả

国家气象中心依托气象卫星与数字雷达大模型，实现了对极端特大暴雨天气的公里级高精度超前预报。

Guó jiā qì xiàng zhōng xīn yī tuō qì xiàng wèi xīng yǔ shù zì lèi dà dá mó xíng, shí xiàn le duì jí duān tè dà bào yǔ tiān qì de gōng lǐ jí gāo jīng dù chāo qián yù bào.

Trung tâm Khí tượng Quốc gia dựa vào mô hình lớn radar kỹ thuật số và vệ tinh khí tượng đã thực hiện việc dự báo sớm độ chính xác cao cấp độ km đối với thời tiết mưa to mưa xối xả đặc biệt lớn cực đoan.

22 nét

HÁN VIẾT : BẠO YǪ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0022

爆

bào

nổ tung, bộc phát; quá tải, bùng nổ

重大科学发现信息发布后，前沿科技创新成果展厅瞬间人气爆棚，吸引了海内外海量学者驻足交流。

Zhòng dà kē xué fā xiàn xiāo xī fā bù hòu, qián yán kē jì chuàng xīn chéng guǒ zhǎn tīng shùn jiān rén qì bào péng, xī yīn le hǎi nèi wài hǎi liàng xué zhě zhù zú jiāo liú.

Sau khi thông tin phát hiện khoa học trọng đại được công bố, phòng triển lãm thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong ngay lập tức đông nghịt bùng nổ lượng người tham quan, thu hút lượng lớn học giả trong và ngoài nước dừng chân giao lưu.

8 nét

HÁN VIẾT : BỘC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0023

爆发

bào fā

bùng phát, bùng nổ (dịch bệnh, chiến tranh, núi lửa)

新一轮以生成式人工智能为代表的全球数字科技革命全面爆发，深刻重塑了各行各业的生产力格局。

Xīn yī lún yǐ shēng chéng shì rén gōng zhì néng wéi dài biǎo de quán qiú shù zì kē jì gé mìng quán miàn bào fā, shēn kè zhòng sù le gè háng gē yè de shēng chǎn lì gé jú.

Làn sóng cách mạng khoa học công nghệ số toàn cầu mới với đại diện là trí tuệ nhân tạo tạo sinh đã bùng nổ toàn diện, tái định hình sâu sắc cục diện sức sản xuất của mọi ngành nghề.

18 nét

HÁN VIẾT : BỘC PHÁT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0024

爆炸

bào zhà

phát nổ, nổ tung; bùng nổ (thông tin)

在当今海量数据与知识信息爆炸的时代，保持独立清晰的批判性思考与终身学习能力尤为关键。

Zài dāng jīn hǎi liàng shù jù yǔ zhī shì xīn xī bào zhà de shí dài, bǎo chí dú lì qīng xī de pī pàn xīng sī kǎo yǔ zhōng shēn xué xí néng lì yǒu wéi guān jiàn.

Trong thời đại bùng nổ thông tin tri thức và dữ liệu khổng lồ ngày nay, việc giữ vững tư duy phản biện độc lập mạch lạc cùng năng lực học tập suốt đời là vô cùng then chốt.

18 nét

HÁN VIẾT : BỘC TRÁC

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0025

悲惨

bēi cǎn

thảm thương, bi thảm, thê lương

通过回顾近代历史上列强侵略给中华民族带来的悲惨深重灾难，更让我们深切感受到国家独立与富强的无比珍贵。

Tōng guò huí gù jìn dài lì shǐ shàng liè qiáng lì zhì zhōng huá mín zú dài lái de bēi cǎn shēn zhòng zāi nàn, gèng ràng wǒ men shēn qín gǎn shòu dào guó jiā dú lì yǔ fù qiáng de wú bǐ zhēn guì.

Thông qua việc nhìn lại những thảm họa bi thảm nặng nề mà các thế lực ngoại bang xâm lược gây ra cho dân tộc ta trong lịch sử cận đại, càng giúp chúng ta cảm nhận sâu sắc sự quý giá vô bờ bến của nền độc lập và sự giàu mạnh của đất nước.

18 nét

HÁN VIẾT : BỊ THẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0026

背心

bèixīn

áo may-ô, áo ba lỗ, áo gi-lê

智能可穿戴健康监测背心内置了微型高柔性心电传感器，能够全天候实时监测心血管生理指标。

Zhì néng kě chuān dài jiàn kāng jiān cè bèi xīn nèi zhì le wēi xíng gāo róu xìng xīn diàn chuán gǎn qì, néng gòu quán tiān hòu shí shí jiān cè xīn xué guān shēng lí zhǐ biāo.

Chiếc áo may-ô áo ba lỗ áo gi-lê quan trắc sức khỏe có thể mặc thông minh tích hợp cảm biến điện tim siêu mềm dẻo dạng vi mô bên trong, có thể quan trắc các chỉ tiêu sinh lý tim mạch theo thời gian thực suốt 24/7.

19 nét

HÁN VIẾT : BỐI TÂM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0027

背着

bèizhe

cồng trên lưng, đeo trên lưng (bèi); giấu giếm sau lưng (bèi)

科考队员背着沉重的高精度地质采样仪器与应急设备，顶风冒雪攀登在青藏高原冰川绝壁之上。

Kē kǎo duì yuán bèi zhe chén zhòng de gāo jīng dù dì zhì cái yàng yí qì yǔ yìng jī shè bèi, dǐng fēng mào xuě pān dēng zài qīng zàng gāo yuán bīng chuān jué bì zhī shàng.

Các đội viên khảo sát khoa học đeo trên lưng mang trên lưng các thiết bị khẩn cấp và dụng cụ lấy mẫu địa chất độ chính xác cao nặng trĩu, đội gió vượt bão tuyết leo lên trên vách đá băng hà cheo leo của cao nguyên Thanh Tạng.

19 nét

HÁN VIẾT : BỐI TRƯỚC



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0028

被告

bèi gào

bị cáo, bị đơn (trong vụ kiện)

在公开依法开庭审理的知识产权侵权诉讼中，原告与被告律师围绕专利核心权利要求保护范围展开了激烈的法庭辩论。

Zài gōng kāi yī fā kāi tíng shěn lǐ de zhī shǐ chān quán qín quán sù sòng zhōng, yuán gào yǔ bèi gào lǚ shī wéi rào zhuān lì hé xīn quán lì yào qiú bǎo hù fàn wéi zhān kāi le jī liè de fǎ tíng biàn lùn.

Trong phiên tòa xét xử công khai theo luật định vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, luật sư của nguyên đơn và bị đơn đã triển khai cuộc tranh tụng gay gắt trước tòa xoay quanh phạm vi bảo hộ yêu cầu quyền cốt lõi của sáng chế.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BỊ CÁO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0029

奔跑

bēn pǎo

chạy, sải bước chạy, lao nhanh về phía trước

青年科学家在探索世界科技前沿的广阔赛道上奋力奔跑，勇攀世界科学技术最高峰。

Qīng nián kē xué jiā zài tàn sù shì jiè kē jì qián yán de guǎng kuò sài dào shàng fèn lì bēn pǎo, yǒng pān shì jiè kē xué jì shù zuì gāo gào fēng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi dốc sức sải bước chạy lao nhanh về phía trước trên đường đua rộng mở khám phá ranh giới khoa học công nghệ thế giới, dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học kỹ thuật thế giới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: BỎN BÀO

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn /
Tính từ

#0030

本地

běndì

địa phương, bản địa, tại chỗ

高新技术产业园区积极培育本地顶尖科技创新领军企业，带动了区域经济全产业链高质量转型升级。

Gāo xīn jì shù chǎn yè yuán qū jī jí péi yù běn dì dīng jiān kē jì chuàng xīn lǐng jūn qī yè, dài dòng le qū yù jīng jì quán chǎn yè lián gāo zhì liàng zhuǎn xíng shēng jí.

Khu công viên ngành công nghệ cao mới tích cực nuôi dưỡng các doanh nghiệp dẫn đầu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ bản địa địa phương, thúc đẩy nâng cấp chuyển đổi chất lượng cao toàn bộ chuỗi ngành nghề kinh tế khu vực.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BẢN ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời
gian

#0031

本期

běn qī

kỳ này, số này, đợt này (tạp san/học kỳ)

本期国际权威顶尖物理学学术期刊以封面专版形式，深度报道了我国在量子隐形传态领域的重大突破。

Běn qī guó jī quán wēi dīng jiān wù lǐ xué xué shù kān wù yǐ fēng miàn zhuān bǎn xíng shì, shēn dù bào dào le wǒ guó zài liàng zǐ yǐn xíng chuán tài lǐng yù de zhòng dà tū pò.

Kỳ này số này của tạp chí học thuật vật lý hàng đầu có tầm quốc tế dưới hình thức chuyên bản trang bìa đã đưa tin sâu sắc về bước đột phá trọng đại của nước ta trong lĩnh vực truyền thái lượng tử ẩn hình.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BẢN KỲ

HSK 6 (3.0)

Đại từ

#0032

本身

běn shēn

bản thân nó, tự thân, nội tại

科学探索本身就是一段充满未知与挑战的壮丽旅程，其价值不仅在于最终发现，更在于求索过程中的求真精神。

Kē xué tàn sù běn shēn jiù shì yí duàn chōng mǎn wèi zhī yǔ tiǎo zhàn de zhuàng lì lǚ chéng, qí jià zhí bù jīn zài yú zuì zhōng fā xiàn, gèng zài yú qiú suǒ guò chéng zhōng de qiú zhēn jīng shén.

Bản thân cuộc thám hiểm khoa học đã là một hành trình tráng lệ ngập tràn những điều chưa biết và thử thách, giá trị của nó không chỉ nằm ở phát hiện cuối cùng mà còn nằm ở tinh thần cầu thị chân lý trong suốt quá trình kiểm tìm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BẢN THÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0033

本土

běntǔ

bản thổ, bản địa, trong nước

我们要坚持自主创新与开放合作相统一，在重大工程实践中着力培育一批具有国际竞争力的本土领军科技人才。

Wǒ men yào jiān chí zì zhū chuàng xīn yǔ kāi fàng hé zuò xiāng tǒng yī, zài zhòng dà gōng chéng shí jiàn zhōng zhuó lì péi yù yí pī jù yǒu guó jī jìng zhēng lì de běn tǔ lǐng jūn kē jì rén cái.

Chúng ta phải kiên trì sự thống nhất giữa hợp tác mở cửa và tự chủ đổi mới sáng tạo, chú trọng nuôi dưỡng một lực lượng nhân tài khoa học công nghệ dẫn đầu trong nước bản địa cố sức cạnh tranh quốc tế trong thực tiễn các công trình trọng đại.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: BẢN THỔ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0034

本质

běn zhì

bản chất, cốt lõi

面对纷繁复杂的表面现象，我们要学会透过现象看本质，准确把握事物发展的客观规律。

Miàn duì fēn fán fù zá de biǎo miàn xiàn xiàng, wǒ men yào xué huì tòu guò xiàn xiàng kàn běn zhì, zhǔn què bǎ wù fā zhǎn de kè guān guī lǜ.

Đứng trước muôn vàn hiện tượng bề nổi phức tạp, chúng ta phải học cách nhìn thấu hiện tượng để thấu suốt bản chất, nắm bắt chuẩn xác quy luật phát triển khách quan của sự vật.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BẢN CHẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0035

逼

bī

ép buộc, bức bách, dồn ép; tiến sát

外部势力的极限技术封锁非但没有难倒我们，反而倒逼我国高新技术产业走上了完全自主可控的创新之路。

Wài bù shì lì de jí xiàn jì shù fēng suǒ fēi dàn méi yǒu nán dǎo wǒ men, fǎn ér dào bài wǒ guó gāo xīn jì shù chǎn yè zǒu shàng le wán quán zì zhǔ kě kòng de chuàng xīn zhī lù.

Sự phong tỏa công nghệ giới hạn của các thế lực bên ngoài không những không làm khó được chúng ta, mà trái lại còn ép buộc thúc bách ngành công nghiệp công nghệ cao nước ta bước lên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ kiểm soát hoàn toàn.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: BỨC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0036

笔试

bǐshì

thi viết, bài thi viết trên giấy

在国家前沿大科学装置青年科研骨干公开选拔中，考核分为专业笔试与多学科专家综合答辩面试两个环节。

Zài guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì qīng nián kē yán gǔ gàn gōng kāi xuǎn bā zhōng, kǎo hé fēn wéi zhuān yè bǐ shì yǔ duō xué kē xué zhuān jiā zōng hé dá biàn miàn shì liǎng gè huán jié.

Trong kỳ tuyển chọn công khai cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học thanh niên của thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia, kỳ sát hạch được chia thành hai khâu: phỏng vấn bảo vệ tổng hợp chuyên gia đa ngành học và thi viết bài thi viết chuyên môn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BÚT THÍ



HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0037

必将

bìjiāng

ắt sẽ, chắc chắn sẽ, nhất định sẽ

新时代青年科技人才在前沿科学领域的拼搏攻坚，必将铸就中华民族伟大复兴的坚实科技基石。

Xīn shí dài qīng nián kē jì rén cái zài qián yán kē xué lǐng yù de pīn bó gōng jiān, bì jiāng zhù jiù zhōng huá mín zú wēi dà fù xīng de jiān shí kē jì jī shí.

Sự nỗ lực vượt khó trong các lĩnh vực khoa học tiên phong của nhân tài khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới chắc chắn sẽ ắt sẽ đúc nên nền móng khoa học công nghệ vững chắc cho sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

22 nét

HÁN VIỆT: TẮT TƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0038

必修

bìxiū

bắt buộc, môn học bắt buộc (compulsory)

高校将人工智能导论与科研诚信学术道德列为全校所有理工科专业本科生的核心必修课程。

Gāo xiào jiāng rén gōng zhì néng dǎo lùn yǔ kē yán chéng xìn xué shù dào dé liè wéi quán xiào suǒ yǒu lǐ gōng kē zhuan yè běn kē shēng de hé xīn bì xiū kē chéng.

Trường đại học đã đưa đạo đức học thuật thành tín nghiên cứu khoa học và nhập môn trí tuệ nhân tạo thành môn học bắt buộc cốt lõi dành cho toàn thể sinh viên đại học tất cả các chuyên ngành khoa học tự nhiên và công nghệ toàn trường.

20 nét

HÁN VIỆT: TẮT TU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0039

闭

bì

đóng, khép lại; bế mạc; ngừng

微电子纳米超净车间采用双重互锁自闭密封安全门，严密阻断外界细微灰尘颗粒侵入实验空间。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jìng chē jiān cǎi yòng shuāng chóng hù suǒ zì bì mǐ fēng ān quán mén, yǎn mì zǔ duàn wài jiè wēi xì hǔi chén kē lì qín rù shí yàn kōng jiān.

Phòng xử lý siêu sạch nano vi điện tử áp dụng cửa an toàn niêm phong tự đóng khép lại khóa liên động đôi, ngăn chặn nghiêm ngặt các hạt bụi vi mô bên ngoài xâm nhập vào không gian thực nghiệm.

8 nét

HÁN VIỆT: BẾ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0040

边缘

biān yuán

ria, mép, bờ cõi; công nghệ ria (Edge computing)

随着边缘计算与物联网终端智能芯片的大规模应用，数据在网络边缘即可实现毫秒级的超低时延实时处理。

Suí zhuó biān yuán jì suàn yǔ wù lián wǎng zhōng duǎn zhì néng xīn piàn de dà guī mó yīng yòng, shù jù zài wǎng luò biān yuán jì kě shí xiàn háo miǎo jí de chāo dī shí yǎn shí shí chǔ lǐ.

Cùng với việc ứng dụng quy mô lớn công nghệ tính toán biên (Edge computing) và chip thông minh trên các thiết bị đầu cuối Internet vạn vật, dữ liệu có thể được xử lý trực tiếp tại rìa mạng theo thời gian thực với độ trễ siêu thấp chỉ tính bằng mili-giây.

17 nét

HÁN VIỆT: BIÊN DUYÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0041

编制

biānzhì

biên chế; biên soạn, lập kế hoạch; đan lát

国家发展改革委联合多部门科学编制完成了未来十年国家战略前沿重大科技基础设施建设中长期规划。

Guó jiā fā zhǎn gǎi gé wēi lián hé duō bù mén kē xué biān zhì wán chéng le wèi lái shí nián guó jiā zhàn lüè qián yán zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī jiàn zhōng cháng qī guī huà.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia liên kết cùng nhiều bộ ngành đã hoàn thành việc lập kế hoạch biên soạn một cách khoa học Quy hoạch Trung và Dài hạn Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Khoa học Công nghệ Trọng đại Tiên phong Chiến lược Quốc gia trong mười năm tới.

25 nét

HÁN VIỆT: BIÊN CHẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0042

扁

biǎn

bằng phẳng

老师鼓励大家积极扁，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí biǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bằng phẳng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: THIỀN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0043

变更

biàngēng

thay đổi, điều chỉnh biến đổi (kế hoạch/thông tin)

在重大科研工程实施过程中，任何关键设计参数的变更都必须经过总体专家组严格论证与安全评审。

Zài zhòng dà kē yán gōng chéng shí shī guò chéng zhōng, rèn hé guān jiàn shè jì cān shù de biàngēng dōu bì xū jīng guò zǒng tǐ zhuān jiā zǔ yán gé lùn zhèng yǔ ān quán píng shěn.

Trong quá trình thực thi công trình nghiên cứu khoa học trọng đại, bất kỳ sự thay đổi điều chỉnh nào đối với các tham số thiết kế then chốt đều bắt buộc phải trải qua thẩm định an toàn và luận chứng nghiêm ngặt của tổ chuyên gia tổng thể.

19 nét

HÁN VIỆT: BIẾN CANH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0044

变换

biànhuàn

biến đổi, chuyển đổi hoán đổi, luân phiên thay đổi

深空射电望远镜通过超快傅里叶变换算法芯片，实现了对浩瀚宇宙海量微弱信号的实时精准频谱分析。

Shēn kōng shè diàn wǎng yuǎn jìng tōng guò chāo kuài fú lǐ yè biàn huàn suàn fǎ xīn piàn, shí xiàn le duì hào hàn yǔ zhòu hǎi liàng wēi ruò xìn hào de shí shí jīng zhǔn pǐn pín pǔ fēn xī.

Kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu thông qua chip thuật toán biến đổi chuyển đổi Fourier siêu nhanh đã thực hiện phân tích phổ tần chuẩn xác theo thời gian thực đối với khối lượng khổng lồ tín hiệu yếu ớt của vũ trụ bao la.

22 nét

HÁN VIỆT: BIẾN HOÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0045

变形

biànxíng

biến dạng, biến hình, thay đổi hình dạng

新型智能形状记忆合金材料能在受到外部温度变化刺激时，自主恢复原始预设结构而不发生永久变形。

Xīn xíng zhì néng xíng zhàng jì yì hé jīn cái liào néng zài shòu dào wài bù wēn dù biàn huà cì jī shí, zì zhǔ huī fù yuán shǐ yù shè jié gòu ér bù fā shēng yǒng jiǔ biàn xíng.

Loại vật liệu hợp kim ghi nhớ hình dạng thông minh kiểu mới có thể khi chịu kích thích biến đổi nhiệt độ bên ngoài sẽ tự chủ phục hồi kết cấu thiết lập sẵn ban đầu mà không bị biến dạng vĩnh viễn.

20 nét

HÁN VIỆT: BIẾN HÌNH


HSK 6 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#0046

便

biàn

liền, thì, là; tiện lợi

只要双方秉持真诚合作的意愿，许多看似棘手的难题便能迎刃而解。

Zhǐ yào shuāng fāng bǐng chí zhēn chéng hé zuò de yì yuàn, xǔ duō kàn shì jǐ shǒu de nán tí biàn néng yíng rèn ér jiě.

Chỉ cần hai bên cùng giữ vững thiện chí hợp tác chân thành, nhiều bài toán khó sẽ được tháo gỡ dễ dàng.

11 nét

HÁN VIỆT: TIỆN

HSK 6 (3.0)

Liên từ / Động từ

#0047

便是

biànshi

chính là, tức là, đó là

胸怀祖国、服务人民，勇攀高峰、敢为人先，这便是广大功勋科学家生生不息的崇高精神密码。

Xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín, yǒng pān gāo fēng, gǎn wéi rén xiān, zhè biàn shì guāng dà gōng xūn kē xué jiā shēng shēng bù xī de chóng gāo jīng shén mì mǎ.

Mang trong tim Tổ quốc, phụng sự Nhân dân, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, dám đi đầu trước thiên hạ, đó chính là chính là mật mã tinh thần cao đẹp đời đời bất diệt của đồng đạo các nhà khoa học có công lao.

19 nét

HÁN VIỆT: TIỆN THÌ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#0048

遍地

biàndì

khắp nơi, đầy khắp mặt đất, tràn ngập

金秋十月稻浪飘香，广袤辽阔的东北黑土地上呈现出一派遍地金黄、喜迎大丰收的壮丽画卷。

Jīn qiū shí yuè dào làng piāo xiāng, guǎng mào liáo kuò de dōng běi hēi tǔ dì shàng chéng xiàn chū yí pài biàn dì jīn huáng, xǐ yíng dà fēng shōu de zhuàng lì huà juǎn.

Tháng Mười mùa thu vàng hương lúa thơm ngát, trên mảnh đất đen Đông Bắc bao la bát ngát hiện ra một bức tranh tráng lệ vàng óng tràn ngập khắp nơi đầy khắp ruộng đồng đón chào mùa vàng đại bội thu.

22 nét

HÁN VIỆT: BIẾN ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#0049

表面上

biǎomiànshàng

bề ngoài, nhìn bề ngoài, trên bề mặt

这套复杂的量子物理测量方案表面上看推演繁复，但其内在遵循着极其优美简洁的对称性物理定律。

Zhè tào fù zá de liàng zǐ wù lǐ cè liáng fāng àn biǎo miàn shàng kàn tuī yǎn fán fù, dàn qí nèi zài zūn xún zhe jí qí yōu měi jiǎn jié de duì chèn xìng wù lǐ dìng lǚ.

Phương án đo đạc vật lý lượng tử phức tạp này nhìn bề ngoài bề ngoài xem chừng suy diễn rườm rà, nhưng bên trong nó lại tuân theo các định luật vật lý tính đối xứng vô cùng giản dị và tuyệt mỹ.

30 nét

HÁN VIỆT: BIỂU DIỆN THƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0050

病房

bìngfáng

phòng bệnh, phòng nội trú bệnh viện

现代化国家医学中心智慧重症监护病房全面部署了多模态生命体征实时监测与智能预警系统。

Xiàn dài huà guó jiā yī xué zhōng xīn zhì huì zhòng zhèng jiān hù bìng fáng quǎn miàn bù shǔ le duō mó tài shēng mìng tǐ zhēng zhí shí jiān cè yǔ zhì néng yù jǐng xì tǒng.

Phòng bệnh phòng nội trú chăm sóc đặc biệt thông minh Trung tâm Y học Quốc gia hiện đại hóa đã triển khai toàn diện hệ thống cảnh báo thông minh và quan trắc dấu hiệu sinh tồn đa phương thức theo thời gian thực.

16 nét

HÁN VIỆT: BỆNH PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0051

病情

bìngqíng

bệnh tình, tình trạng bệnh diễn biến

多学科顶尖医学专家组通过远程高清医疗会诊系统，精准研判危重症患者病情并制定最优手术方案。

Duō xué kē dǐng jiān yī xué zhuān jiǎ zǔ tóng guò yuǎn chéng gāo qīng yī liáo huì zhěn xì tǒng, jīng zhǔn yán pàn wēi zhòng zhèng huàn zhě bìng qíng bìng zhì dǐng zui yōu shǒu shù fāng àn.

Hội đồng chuyên gia y học hàng đầu đa ngành học thông qua hệ thống hội chẩn y tế từ xa độ nét cao đã nhận định đánh giá chuẩn xác diễn biến bệnh tình tình trạng bệnh của bệnh nhân nguy kịch và xây dựng phương án phẫu thuật tối ưu.

16 nét

HÁN VIỆT: BỆNH TÌNH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0052

拨打

bō dǎ

bấm số gọi điện, quay số

遇到突发伤病或紧急交通事故险情时，市民应当在第一时间迅速拨打全国统一急救电话并保持通话畅通。

Yù dào tū fā shāng bìng huò jí jǐn jiāo tōng shì qù xiān qīng shí, shì mǐn yīng dāng zài dì yí shí jiān xùn sù bō dǎ quán guó tóng yī jǐ jiù diàn huà bǐng bǎo chí tóng huà chāng tōng.

Khi gặp phải tình huống tai nạn chấn thương đột phát hoặc sự cố giao thông khẩn cấp, người dân cần nhanh chóng bấm số gọi đường dây nóng cấp cứu thống nhất toàn quốc và giữ thông suốt đường dây liên lạc.

23 nét

HÁN VIỆT: BẮT TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0053

波动

bō dòng

dao động, biến động, sóng dao động

国家超精密重力测量实验室利用超导重力仪，能够极其灵敏地探测到地球重力场微米级的微小波动。

Guó jiā chāo jīng mì zhòng lì cè liáng shí yàn shì lì yòng chāo dǎo zhòng lì yí, néng gòu jí qí líng mǐn de tàn cè dào dì qiú zhòng lì chǎng wēi mǐ jí de wēi xiǎo bō dòng.

Phòng thí nghiệm đo trọng lực siêu chính xác quốc gia sử dụng máy đo trọng lực siêu dẫn có thể dò tìm cực kỳ nhạy bén những dao động biến động nhỏ bé cấp độ micromet của trường trọng lực Trái Đất.

22 nét

HÁN VIỆT: BA ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0054

波浪

bō làng

sóng, con sóng, làn sóng

全球单机容量最大的兆瓦级深远海波浪能发电示范装置在南海海域成功并网，将汹涌的海水波浪转化为稳定绿电。

Quán qiú dān jī róng lượng zì dà de zhào wǎ jí shēn yuǎn hǎi bō làng néng fā diǎn shì fàn zhuāng zhì zài nán hǎi yù chéng gōng bìng wǎng, jiāng xiōng yǒng de hǎi shuǐ bō làng zhuǎn huà wéi wěn dìng lǜ diàn.

Thiết bị trình diễn phát điện bằng năng lượng sóng biển sâu xa cấp Megawatt có công suất đơn lẻ lớn nhất thế giới đã hòa lưới điện thành công tại vùng biển Nam Hải, chuyển hóa những con sóng biển cuộn trào thành nguồn điện xanh ổn định.

19 nét

HÁN VIỆT: BA LĂNG



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0055

播

bō

gieo trồng; phát sóng, truyền phát

国家电视台面向全球多语种同步直播了大国重器成功完成首次深海载人万米深潜的壮丽历史画面。

Guó jiā diàn shì miàn xiàng quán qiú duō yǔ zhòng tóng bù zhǐ bō le dà guó zhòng qì chéng gōng wán chéng shǒu cì shēn hǎi zài rén wàn mǐ shēn qián de zhuàng lì lì shǐ huà miàn.

Đài truyền hình quốc gia hướng tới toàn cầu đã truyền hình phát sóng trực tiếp đồng thời đa ngôn ngữ khung hình lịch sử tráng lệ về việc đại khí quốc gia hoàn thành chuyến lặn sâu có người lái vạn mét biển sâu lần đầu tiên thành công.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: BÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0056

补考

bǔkǎo

thi lại, kỳ thi lại bổ sung

高校教务处严格规范课程考核管理, 为因参加国家重大科研任务而请假的优秀学子统一组织规范补考。

Gāo xiào jiào wù chǔ yán gé guī fàn kè chéng kǎo hé guǎn lǐ, wéi yīn cān jiā guó jiā zhòng dà kē yán wú yàn rén wú ér qǐng jià de yōu xiù xué zǐ tóng yì zǔ zhǐ guī fàn bǔ kǎo.

Phòng đào tạo trường đại học quản lý chuẩn hóa nghiêm ngặt việc sát hạch môn học, tổ chức thi lại kỳ thi lại chuẩn mực thống nhất cho các sinh viên xuất sắc phải xin nghỉ vì tham gia nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BỔ KHẢO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0057

补课

bǔkè

học bù, dạy bù, bổ túc kiến thức

针对部分在核心算法理论上存在短板的青年学者, 实验室专门组织院士专家开展周末前沿学术补课研讨。

Zhēn duì bù fēn zài hé xī suàn fǎ lǐ lùn shàng cún zài duǎn bǎn de qīng nián xué zhě, shí yàn shì zhuān mén zǔ zhī yuàn shì zhuān jiā kāi zhǎn zhōu mò qián yán xué shù bǔ kè yán tào.

Hướng tới một bộ phận học giả trẻ tuổi còn tồn tại điểm yếu trong lý luận thuật toán cốt lõi, phòng thí nghiệm đã đặc biệt tổ chức cho các chuyên gia viện sĩ triển khai các buổi hội thảo dạy bù bổ túc học thuật tiên phong vào cuối tuần.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BỔ KHOÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0058

补习

bǔxí

học thêm, bổ túc, bồi dưỡng kiến thức

在青年创新拔尖人才研修班上, 学员们系统补习了量子信息科学与高等泛函分析等前沿跨学科核心理论。

Zài qīng nián chuàng xīn bá jiān rén cái yán xiū bān shàng, xué yuán men xì tǒng bǔ xí le liàng zǐ xīn xī kē xué yǔ gāo děng fán hán fēn xī děng qián yán kuà xué kē hé xī lǐ lùn.

Tại lớp tu nghiệp nhân tài xuất chúng đổi mới sáng tạo thanh niên, các học viên đã học thêm bồi dưỡng bổ túc một cách hệ thống các lý luận cốt lõi liên ngành tiên phong như giải tích hàm năng cao và khoa học thông tin lượng tử.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BỔ TẬP

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0059

补助

bǔzhù

tiền trợ cấp, phụ cấp; trợ cấp hỗ trợ

国家设立高水平基础科学博士后专项支持计划, 大幅提高了青年科研人员的生活待遇与学术创新补助。

Guó jiā shè lì gāo shuǐ píng jī chǔ kē xué hòu shì hòu zhuān xiàng zhī chí jì huà, dà fú tí gāo le qīng nián kē yán rén yuán de shēng huó huò dài yù yǔ xué shù chuàng xīn bǔ zhù.

Nhà nước thiết lập kế hoạch hỗ trợ chuyên án sau tiến sĩ khoa học có bản trình độ cao, nâng cao vượt bậc mức trợ cấp phụ cấp đổi mới sáng tạo học thuật và đãi ngộ sinh hoạt cho cán bộ nghiên cứu trẻ.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: BỔ TRỢ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0060

捕

bǔ

bắt

老师鼓励大家积极捕, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bắt, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: BẮT

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0061

不便

búbiàn

bất tiện, không thuận tiện; khó khăn

现代高铁车站全面普及无障碍升降平台与轮椅专用绿色通道, 极大方便了行动不便的特殊旅客出行。

Xià dài gāo tiě chē zhàn quán miàn pǔ jí wú zhàng ài shēng jiàng píng tái yǔ lún yǐ zhuān yòng lù sè tōng dào, jí dà fāng biàn le xíng dòng bù biàn de tè shū lǚ kè xíng.

Nhà ga đường sắt cao tốc hiện đại phổ cập toàn diện luồng xanh chuyên dụng cho xe lăn và bộ nâng hạ không rào cản, tạo thuận tiện tối đa cho các hành khách đặc biệt đi lại khó khăn bất tiện.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BẤT TIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#0062

不成

bùchéng

không thành, không xong; chẳng lẽ (chẳng lẽ A hay sao)

世上无难事, 只要肯登攀; 面对卡脖子技术难关, 我们决不能半途而废、干不成大事。

Shì shàng wú nán shì, zhǐ yào kěn dēng pān; miàn duì qiā bó zǐ jī shù nán guān, wǒ men jué bù néng bàn tú ér fèi, gàn bù chéng dà shì yè.

Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền (chỉ cần chịu trèo lên đỉnh cao); đứng trước ải khó công nghệ nghẽn cổ chai, chúng ta tuyệt đối không thể bỏ dở nửa chừng, làm không thành không xong đại sự nghiệp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BẤT THÀNH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0063

不见

bújiàn

không thấy, biến mất, không gặp

经过生态系统综合修复, 昔日黄沙漫天、寸草不生的荒凉景象早已消失不见, 取而代之的是葱郁绿洲。

Jīng guò shēng thái zì xī tǒng zōng hé xiū fù, xī rì huáng shā mǎn tiān, cùn cǎo bù shēng de huāng liáng jǐng xiàng zǎo yǐ xiāo shī bù jiàn, qǔ ér dài zhī de shì cōng yù lǜ zhōu.

Trải qua phục hồi tổng hợp hệ sinh thái, cảnh tượng hoang vu một ngọn cỏ không mọc nổi cát vàng ngợp trời thuở nào từ lâu đã biến mất không thấy, thay thế vào đó là ốc đảo xanh tươi tốt.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: BẤT KIẾN



HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0064

不仅仅

bùjǐnjǐn

không chỉ dừng lại ở, không đơn thuần là

科技创新的真正意义不仅仅在于发表顶尖学术论文，更在于将成果转化为推动国家高质量发展的现实生产力。

Kē jī chuàng xīn de zhēn zhèng yì yì bù jǐn jǐn zài yú fā biǎo dīng jiān xué shù lùn wén, gèng zài yú jiāng chéng guǒ zhuǎn huà wéi tuī dòng guó jiā gāo zhì liàng fā zhǎn de xiàn shí shēng chǎn lì.

Ý nghĩa thực sự của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không chỉ dừng lại ở không đơn thuần là việc công bố các bài báo học thuật đỉnh cao, mà càng ở chỗ chuyển hóa thành quả thành lực lượng sản xuất hiện thực thúc đẩy đất nước phát triển chất lượng cao.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CẬN CẬN

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0065

不禁

bù jīn

không kìm được, bất giác, bỗng nhiên

站在巍峨雄奇的长城之巅极目远眺群山莽莽，令人不禁油然而生强烈的民族自豪感与爱国之情。

Zhàn zài wēi é xióng qí de cháng chéng zhī diǎn jī mù yuǎn tiào qún shān mǎng mǎng, lìng rén bù jīn yóu rán ér shēng qiáng liè de mín zú zì háo gǎn yǔ ài guó zhī qíng.

Đứng trên đỉnh Vạn Lý Trường Thành hùng vĩ tráng lệ phóng tầm mắt nhìn ra muôn trùng núi non bao la bát ngát, khiến người ta không kìm được mà trào dâng niềm tự hào dân tộc và tình yêu quê hương đất nước mãnh liệt.

23 nét

HÁN VIỆT

BẮT CẨM

HSK 6 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#0066

不料

bù liào

chẳng ngờ, nào ngờ, không dè

科考队原计划当天翻越雪山垭口返程，不料午后突降罕见特大暴风雪，全员随即启动应急避险程序。

Kē kǎo duì yuán jì huà dāng tiān fān yuè xuě shān yǎ kǒu fǎn chéng, bù liào wǔ hòu tú jiàng hǎn jiàn tè dà bào fēng xuě, quán yuán suí jí qǐ dòng yǐng jí bǐ xiǎn chéng xù.

Đoàn khảo sát khoa học dự định trong ngày sẽ vượt qua đèo núi tuyết để trở về, nào ngờ buổi chiều bất ngờ đổ xuống trận bão tuyết đặc biệt lớn hiếm thấy, toàn đội lập tức kích hoạt quy trình trú ẩn khẩn cấp.

23 nét

HÁN VIỆT

BẮT LIỆU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0067

不通

bù tōng

không thông, tắc nghẽn; không thông suốt vô lý

面对外部技术封锁与霸权打压，妄图阻断中国科技发展步伐的做法在历史大势面前是根本行不通的。

Miàn duì wài bù jì shù fēng suǒ yǔ bà quán dǎ yā, wàng tú zǔ duàn zhōng guó kē jì fā zhǎn bù fá de zuò fǎ zài lì shǐ dà shì miàn qián shì gēn běn háng bù tōng de.

Đứng trước sự chèn ép bá quyền và phong tỏa công nghệ từ bên ngoài, mưu đồ muốn ngăn chặn bước chân phát triển khoa học công nghệ của Trung Quốc trước đại thế lịch sử là hoàn toàn không thông suốt không thông không thể thực hiện nổi.

19 nét

HÁN VIỆT

BẮT THÔNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0068

不再

bù zài

không còn nữa, không lặp lại

随着我国完全自主攻克高端重型燃气轮机核心制造工艺，国家关键动力装备不再受制于国外技术垄断。

Suí zhe wǒ guó wán quán zì zhǔ gōng kè gāo duān zhòng xíng rán qì lún jī hé xīn zhì zào gōng yì, guó jiā guān jiàn dòng lì zhuāng bèi bù zài shòu zhì yú guó wài jì shù lǒng duàn.

Cùng với việc nước ta hoàn toàn tự chủ chinh phục quy trình chế tạo cốt lõi của tuabin khí hạng nặng cao cấp, trang thiết bị động lực then chốt quốc gia không còn không còn nữa bị phụ thuộc vào thể độc quyền công nghệ nước ngoài.

22 nét

HÁN VIỆT

BẮT TÁI

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0069

不怎么

bù zěnmě

không... lắm, không mấy (không hào hứng lắm)

老一辈战略科学家一生淡泊名利，对个人物质享受和名誉地位不怎么在乎，心系祖国科技自立自强。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yì shēng dàn bó míng lì, duì gè rén wù zhì xiǎng shòu hé míng yù yù dì wèi bù zěnmě zài hu, xīn xì zǔ guó kē jì zì lì zì qiáng.

Các nhà khoa học chiến lược tiến bối trọn đời đạm bạc danh lợi, đối với địa vị danh dự và thụ hưởng vật chất cá nhân không mấy không bận tâm lắm, chỉ một lòng hướng về tự chủ tự cường khoa học công nghệ của Tổ quốc.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CHẤM YÊU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Cụm từ

#0070

不怎么样

bù zěnmeyàng

chẳng ra sao, không tốt lắm, bình thường

做科学研究容不得半点弄虚作假，浮躁应付得出的实验数据哪怕表面再光鲜也是质量不怎么样、经不起推敲。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé bàn diǎn nuò xué zǎo, fú zǎo yīng fù dé chū de shí yàn shù jù nǎ pà biǎo miàn zài guāng xiān yě shì zhì liàng bù zěnmeyàng, jīng bù qǐ tuī qiāo.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho nửa điểm gian lận giả mạo, số liệu thực nghiệm thu được từ sự đối phó xốc nổi cho dù bề ngoài có bóng bẩy đến mấy cũng là chất lượng không tốt lắm chẳng ra sao, không chịu nổi sự xem xét kiểm chứng.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CHẤM YÊU DẠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0071

不值

bù zhí

không đáng, không bỏ, không đáng giá

青年学者要树立崇高的人生理想与学术志向，切不可为了一时的眼前蝇头小利而做出不值得的学术不端行为。

Qīng nián xué zhě yào shù lì chóng gāo de rén shēng lǐ xiǎng yǔ xué shù zhì xiàng, qiè bù kě wéi le yí shí de yǎn qián yíng tóu xiǎo lì ér zuò chū bù zhí dé de xué shù bù duān xíng wéi.

Học giả trẻ tuổi cần xác lập chí hướng học thuật và lý tưởng nhân sinh cao đẹp, tuyệt đối không được vì mọn lợi nhỏ trước mắt nhất thời mà làm ra những hành vi sai trái học thuật không đáng không bỏ.

21 nét

HÁN VIỆT

BẮT TRỊ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0072

不至于

bù zhìyú

không đến mức, không đến nỗi

由于飞控团队制定了周密的多重安全冗余案，即便遭遇突发电磁干扰，空间站交会对接也不至于发生失控风险。

Yóu yú fēi kòng tuán duì zhì dìng le zhōu mì de duō zhòng ān quán róng yú yù àn, jí biàn zāo yù tú fā diàn cí gān rǎo, kōng jiān jiāo huì duì jiē yě bù zhì yú fā shēng shī kòng fēng xiǎn.

Nhờ vào đội ngũ điều khiển bay đã xây dựng phương án dự phòng an toàn đa tầng chu đáo, cho dù có gặp phải can nhiễu điện từ đột xuất, việc ghép nối giao hội trạm vũ trụ cũng không đến mức không đến nỗi xảy ra nguy cơ mất kiểm soát.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CHỈ VU



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0082

残酷

cán kù

tàn khốc, khốc liệt, tàn nhẫn

面对全球产业链重构与前沿科技竞争的残酷现实，唯有咬紧牙关坚持自主创新才能在国

际竞争中立于不败之地。
Miàn duì quán qiú chǎn yè lián zhòng gòu yú
qián yán kē jì jīng zhēng de cán kù xiàn shí, wéi
yǒu yǎo jīn yá guān jiān chí zì zhù chuàng xīn cái
néng zài quán qiú jì jīng zhēng zhōng lì yú bù bài zhī
dì.

Đứng trước hiện thực tàn khốc khốc liệt của
việc tái cấu trúc chuỗi công nghiệp toàn cầu
và cạnh tranh khoa học công nghệ tiên
phong, chỉ có kiên trì sáng tạo mới có thể đứng vững ở
vị thế bất bại trong cạnh tranh quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: TÀN KHỐC

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#0083

惨

cǎn

thảm, thảm thương, bi đát; dữ dội
thê thảm

牢记历史教训，居安思危；我们必须加快实
现高水平科技自立自强，坚决避免关键核心
技术受制于人的惨痛教训。

Láo jì lì shǐ jiào xùn, jū ān sī wēi; wǒ men bì xū jiā
kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, jiān
jué bì miǎn guān jiàn hé xīn jì shù shòu zhì yú rén
de cǎn tòng jiào xùn.

Khắc ghi bài học lịch sử, lo nghĩ khi đang yên
vui; chúng ta bắt buộc phải đẩy nhanh thực
hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ
trình độ cao, kiên quyết tránh bài học đau
đớn thảm thương thê thảm khi công nghệ lõi
then chốt bị phụ thuộc vào người khác.

8 nét

HÁN VIỆT: THẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0084

仓库

cāng kù

kho hàng, nhà kho, kho chứa

现代化国家级应急救援物资智慧储备仓库配
备了高架立体货位与无人智能搬运穿梭机，
实现了数分钟内物资极速出库。

Xiān dài huà guó jiā jí yǐng jiù yuán wù zī zhì huì
chǔ bèi cāng kù pèi bèi le gāo jià lǐ tǐ huó wèi yǔ
wú rén zhì néng bān yùn chuān suō jī, shí xiàn le
shù fēn zhōng nèi wù zī jí sù chū kù.

Kho dự trữ thông minh vật tư cứu hộ khẩn
cấp cấp quốc gia hiện đại được trang bị hệ
thống giá để hàng đa tầng trên cao cùng
robot con thoi tự hành thông minh, thực hiện
xuất kho vật tư siêu tốc chỉ trong vài phút.

26 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG KHỐ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0085

藏

cáng

cất giấu, cất giữ; tàng trữ; Tạng
(Zàng: Tây Tạng/kho tàng)

国家重大科学工程深地实验室深藏在地下两
千四百米厚的岩层深处，屏蔽了地表一切宇
宙射线的干扰。

Guó jiā zhòng dà kē xué gōng chéng shēn dì shí
yàn shì shēn cáng zài dì xià liǎng qiān sì bǎi mǐ
hòu de yán céng shēn chù, píng bì le dì biǎo yí
qiè yǔ zhòu shè xiàn de gān rǎo.

Phòng thí nghiệm lòng đất sâu của công trình
khoa học trọng đại quốc gia cất giấu ẩn sâu
nơi sâu thẳm tầng đá dày 2.400 mét dưới
lòng đất, che chắn toàn bộ sự can nhiễu của
các tia vũ trụ trên bề mặt đất.

12 nét

HÁN VIỆT: TẠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0086

操纵

cāo zòng

thao túng, điều khiển, giật dây

深海机器人操作员凭借高精度力反馈操纵手
柄，在数千米深海海底平稳精准完成复杂海
底热液喷口样品抓取。

Shēn hǎi jī qì rén cāo zuò yuán píng jié gāo jīng
dù lì fǎn kuī cāo zòng shǒu bǐng, zài shù qiān mǐ
shēn hǎi dǐ píng wěn jīng zhǔn wán chéng fù
zá hǎi dǐ rè yè pēn kǒu yàng pǐn zhuā qǔ.

Kỹ thuật viên điều khiển robot biển sâu nhờ
vào cần gạt thao tác phản hồi lực độ chính
xác cao đã hoàn thành việc gắp mẫu vật
miệng phun thủy nhiệt phức tạp dưới đáy đại
dương sâu hàng ngàn mét một cách êm ái và
chẩn xác.

25 nét

HÁN VIỆT: THAO TUNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0087

侧

cè

bên, mé bên, sườn bên; nghiêng về
một bên

大跨度悬索桥主塔两侧配备了高阻尼抗风减
震拉索系统，能从容抵御超强台风侧向强风
冲击。

Dà kuà dù xuán suǒ qiáo zhǔ tǎ liǎng cè pèi bèi le
gāo zǔ ní kàng fēng jiǎn zhèn lǎ suǒ xì tǒng, néng
cǒng róng dī yǔ chǎo qiáng tái fēng cè xiàng
qiáng fēng chōng jī.

Hai bên mé bên sườn bên của tháp chính cây
cầu treo dây văng nhịp lớn trang bị hệ thống
cáp kéo giảm chấn cản gió độ giảm chấn
cao, có thể ung dung chống chịu cú va đập
của gió mạnh tạt ngang sườn bên từ siêu
bão.

8 nét

HÁN VIỆT: TRẮC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0088

厕所

cè suǒ

nhà vệ sinh, toilet

高速公路服务区全新升级的智慧公厕干
净整洁，配备了人性化的母婴设施。

Gāo sù gōng lù fú wù qū quán xīn shēng jí de zhì
huì gōng wù gān jìng zhěng jié, pèi bèi le
lè rén xīng huà de mǔ yīng shè shī.

Khu nhà vệ sinh công cộng thông minh mới
được nâng cấp tại trạm dừng nghỉ cao tốc
rất sạch sẽ ngăn nắp, trang bị đầy đủ tiện ích
mẹ và bé tiện lợi.

22 nét

HÁN VIỆT: XÍ SỞ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0089

测定

cè dìng

đo đạc xác định, trắc định đo lường

高精度质谱仪能够精准测定极地古老冰芯样
品中微量放射性同位素的绝对丰度，还原古
气候变迁。

Gāo jīng dù zhì pǔ yí néng gòu jīng zhǔn cè dìng jī
dì gǔ lǎo bīng xīn yàng pǐn zhōng wēi liàng fàng
shè xīng tóng wèi sù de jué duì fēng dù, huán
yuán gǔ qì hòu biàn qiān.

Máy quang phổ khối lượng độ chính xác cao
có thể đo đạc xác định trắc định chuẩn xác
độ giàu tuyệt đối của các đồng vị phóng xạ
vi lượng trong mẫu lõi băng cổ xưa vùng địa
cực, tái hiện lại sự biến đổi khí hậu cổ đại.

16 nét

HÁN VIỆT: TRẮC ĐỊNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0090

策略

cè lüè

chiến lược, sách lược, mưu lược

在应对复杂多变的国际经贸博弈中，企业应
当制定灵活多元的全球供应链采购与风险对
冲策略。

Zài yǐng duì fù zá duō biàn de guó jì jīng mào bó
yì zhōng, qǐ yè yīng dāng zhì dìng líng huó duō
yuán de quán qiú gōng yòng yàn cái gòu yǔ fēng
xiǎn duì chōng cè lüè.

Trong việc ứng phó với cuộc độ sức kinh tế
thương mại quốc tế biến chuyển phức tạp,
doanh nghiệp cần hoạch định sách lược thu
mua chuỗi cung ứng toàn cầu và phòng ngừa
rủi ro linh hoạt đa dạng.

22 nét

HÁN VIỆT: SÁCH LƯỢC



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0091

策划

cè huà

hoạch định, lên kế hoạch, đạo diễn kịch bản

故宫文创团队精心策划了一系列将中华优秀传统文化与现代数字化沉浸式光影深度交融的精品大展。

Gù gōng wén chuàng tuán dui jīng xīn cè huà le yí xì liè jiāng zhōng huá chuán tǒng yōu xiù chuán tǒng wén huà yǔ xiàn dài shù zì huà chén jìn shì guāng yǐng shēn dù jiāo róng de jīng pǐn dà zhǎn.

Đội ngũ sáng tạo văn hóa Cố Cung đã công phu hoạch định lên kế hoạch cho một chuỗi các triển lãm đặc sắc đỉnh cao kết hợp sâu sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp với ánh sáng công nghệ tương tác số hóa nhập vai hiện đại.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · SÁCH HOA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0092

层面

céngmiàn

bề diện, tầng diện, cấp độ bình diện

国家在战略政策层面全面加大对基础前沿科学研究的稳定支持, 为实现重大原创突破创造优良生态。

Guó jiā zài zhàn lüè zhèng cè céng miàn quán miàn jiā dà duì jī chǔ qián yán kē xué yán jiū de wěn dìng zhī chí, wèi shí xiàn zhòng dà yuán chuàng tǔ pò chuàng zào yōu liáng shēng tài.

Nhà nước trên cấp độ bình diện tầng diện chính sách chiến lược tăng cường toàn diện sự hỗ trợ ổn định đối với nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong, kiến tạo hệ sinh thái ưu việt để thực hiện các đột phá nguyên tác trong đại.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · TẦNG DIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0093

查出

chá chū

tìm ra, tra ra, phát hiện ra (nguyên nhân/bệnh/lỗi)

高分辨医学影像与人工智能辅助诊断系统能够在几秒内精准查出早期微小恶性肿瘤病灶。

Gāo fēn biàn yī xué yǐng xiàng yǔ rén gōng zhì néng fú zhù zhěn duàn xì tǒng néng gòu zài jǐ miǎo nèi jīng zhǔn chá chū zǎo qī wēi xiǎo è xìng zhǒng liú bìng zhào.

Hệ thống chẩn đoán hỗ trợ trí tuệ nhân tạo và hình ảnh y học độ phân giải cao có thể tra ra tìm ra phát hiện ra chuẩn xác ổ bệnh khối u ác tính siêu nhỏ ở giai đoạn sớm chỉ trong vòng vài giây.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · TRA XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0094

查看

chá kàn

xem xét, kiểm tra đối chiếu, quan sát

总工程师一大早便深入大科学装置施工现场, 逐一仔细查看每一处超高真空密封管道的焊接质量。

Zōng gōng chéng shī yī dà zǎo biān shēn rù dà kē xué zhuāng zhì shì gōng xiàn chǎng, zhú yī zǐ xì chá kàn měi yī chù chāo gāo zhēn kōng mì fēng guǎn dào de hàn jiē zhì liàng.

Vị tổng công trình sư từ sáng sớm tinh mơ đã đi sâu vào hiện trường thi công thiết bị khoa học lớn, cẩn thận quan sát xem xét kiểm tra lần lượt từng chất lượng mối hàn của đường ống niêm phong chân không siêu cao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · TRA KHÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0095

差异

chāyī

sự sai biệt, khác biệt, chênh lệch

科研人员通过多组高精度对比实验, 深入揭示了不同纳米晶体结构在超低温下的微观物理电导差异。

Kē yán rén yuán tōng guò duō zǔ gāo jīng dù duì bǐ shí yàn, shēn rù jiē shì le bù tóng nǎn mǐ jīng tǐ jié gòu zài chāo dī wēn xià de wēi guān wù lǐ diǎn dǎo chā yì.

Cán bộ nghiên cứu khoa học thông qua nhiều nhóm thực nghiệm so sánh độ chính xác cao đã hé lộ sâu sắc sự sai biệt chênh lệch khác biệt về độ dẫn điện vật lý vi mô của các cấu trúc tinh thể nano khác nhau dưới nhiệt độ siêu thấp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · SAI DỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0096

拆迁

chāiqiān

giải tỏa di dời, giải phóng mặt bằng

城市推进城中村改造与阳光拆迁安居工程, 让广大回迁居民住进了宽敞明亮、配套设施齐全的现代化新居。

Chéng shì tuī jìn chéng zhōng cūn gǎi zào yǔ yáng guāng chāi qiān ān jū gōng chéng, ràng guǎng dà huí qiān jū mǐn zhù jìn le kuān chǎng míng liàng, pèi tào qí quán de xiàn dài huà xīn jū.

Thành phố đẩy mạnh công trình an cư giải tỏa di dời giải phóng mặt bằng công khai minh bạch và cải tạo làng trong đô thị, giúp đồng bào cư dân tái định cư được chuyển vào ở trong những ngôi nhà mới hiện đại khang trang rộng rãi sáng sủa, tiện ích đồng bộ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · SÁCH THIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0097

产量

chǎnliàng

sản lượng, sản lượng thu hoạch/chế tạo

我国耐盐碱超级杂交水稻在数百万亩示范基地全面喜迎大丰收, 平均亩产量再创历史新高纪录。

Wǒ guó nài yán jiǎn chāo jí jiā zāo shuǐ dào zài shù bǎi wàn mǔ shí fàn jī dì quǎn miàn xī yíng dà fēng shōu, píng jūn mǔ chǎn liàng zài zài chuàng lǐ shǐ xīn jì lù.

Lúa lai siêu cấp chịu mặn phen của nước ta trên hàng triệu mẫu đất căn cứ trình diễn đã đón nhận mùa vàng đại bội thu toàn diện, sản lượng trung bình trên mỗi mẫu lại xác lập kỷ lục lịch sử mới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · SẢN LƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0098

昌盛

chāng shèng

hưng thịnh, thịnh vượng, phồn vinh

五千多年来, 中华民族始终以勤劳勇敢与自强不息的精神追求国家的繁荣富强与民族的昌盛繁荣。

Wǔ qiān duō nián lái, zhōng huá mín zú shǐ zhōng yǐ qín láo yǒng gǎn yǔ zì qiáng bù xī de jīng shén zhuī qiú guó jiā de fán róng yǔ qín zú de chāng shèng fán róng.

Hơn 5.000 năm qua, dân tộc ta luôn lấy tinh thần cần cù dũng cảm và tự lực tự cường không ngừng nghỉ để mưu cầu sự phồn vinh giàu mạnh của đất nước và sự hưng thịnh trường tồn của dân tộc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · XƯỞNG THỊNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0099

常规

chángguī

thường quy, thông thường quy chuẩn, quy tắc thông lệ

该项颠覆性前沿实验方案打破了常规学术思维定式, 开辟了探索微量子物理未知的全新技术路径。

Gāi xiàng diǎn fù xìng qián yán shí yàn fāng àn dǎ pò le cháng guī xué shù sī wéi dìng shì, kāi pì le tàn suǒ wēi liàng zǐ wù lǐ wéi zhī de quán xīn jì shù lù jīng.

Phương án thực nghiệm tiên phong mang tính cách mạng này đã phá vỡ lối mòn tư duy học thuật thông thường quy chuẩn thường quy, mở ra lộ trình công nghệ hoàn toàn mới khám phá thế giới chưa biết của vật lý lượng tử vi mô.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · THƯỜNG QUY



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#0100

常年

cháng nián

quanh năm, cả năm, quanh năm suốt tháng

青藏高原高海拔野外气象观测站的科研人员常年顶风冒雪坚守在海拔五千多米的雪峰哨卡，记录下了宝贵的极端气候数据。

Qīng zàng gāo yuán gāo hǎi bá yě wài qì xiàng guān cè zhàn de kē yán rén yuán cháng nián dǐng fēng mào xuě jiǎn shǒu zài hǎi bá wǔ qiān duǒ mǐ de xuě fēng shào qiǎ, jì lù xià le bǎo guī de jí duān qì hòu shù jù.

Các nhà nghiên cứu khoa học thuộc trạm quan trắc khí tượng đã ngoại vùng núi cao cao nguyên Thanh Tạng quanh năm dầm mưa dãi tuyết kiên cường bám trụ tại các chốt điểm ngon núi tuyết ở độ cao hơn 5.000 mét, ghi lại những dữ liệu khí hậu cực đoan vô giá.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG NIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0101

厂商

chǎngshāng

nhà sản xuất, hãng sản xuất, doanh nghiệp chế tạo

在国际高新技术装备博览会上，我国自主研发制造的高端工业母机厂商吸引了全球海量采购商洽谈合作。

Zài guó jì gāo xīn jì shù zhuāng bèi bó lǎn huì shàng, wǒ guó zì zhǔ yán fā zhì zào de gāo duān gōng yè mǔ jī chǎng shāng xī yǐn le quán qiú hǎi liàng cǎi gòu shāng qià tán hé zuò.

Tại Triển lãm Trang thiết bị Công nghệ Cao Quốc tế, các hãng sản xuất nhà sản xuất máy công cụ công nghiệp cao cấp do nước nhà tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thu hút đông đảo các nhà thu mua toàn cầu tới đàm phán hợp tác.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: HÃNH THƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0102

场地

chǎngdì

sân bãi, địa điểm bãi tập, mặt bằng

大科学装置建设现场场地开阔、设施齐备，各项前沿大型试验子系统正在有条不紊地展开联调安装。

Dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè xiàn chǎng chǎng dì kāi kuò, shè shī qì bèi, gè xiàng qián yán dà xíng shì yàn zì xì tǒng zhèng zài yǒu tú bù sù de zhān kāi lián diào ān zhuāng.

Sân bãi mặt bằng hiện trường xây dựng thiết bị khoa học lớn vô cùng rộng mở, trang thiết bị đồng bộ đầy đủ, các hệ thống con thử nghiệm quy mô lớn tiên phong đang triển khai lắp đặt hiệu chỉnh liên động một cách bài bản ngăn nắp.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0103

场馆

chǎngguǎn

nhà thi đấu, cung thể thao, hội trường triển lãm

亚运会全部比赛场馆全面推行百分之百绿色电力供应与低碳节能运行，树立了国际绿色体育场馆标杆。

Yà yùn huì quán bù bǐ sài chǎng guǎn quán miàn tuī xíng bǎi fēn zhǐ bǎi lǐ sè diàn lì gōng yīng yù dì tǎn jié néng yùn xíng, shù lì le guó jì lǜ sè tǐ yù chǎng guǎn biāo gān.

Tất cả các nhà thi đấu hội trường cung thể thao thi đấu của Đại hội Thể thao châu Á triển khai toàn diện nguồn cung cấp điện xanh 100% và vận hành tiết kiệm năng lượng ít phát thải carbon, xác lập tiêu chuẩn chuẩn mực nhà thi đấu thể thao xanh quốc tế.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG QUẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0104

场景

chǎngjǐng

bối cảnh, khung cảnh; kịch bản bối cảnh ứng dụng

国家大力推进通用人工智能技术在智能制造、智慧医疗与深空探测等重大关键战略场景的深度落地应用。

Guó jiā dà lì tuī jìn tōng yòng rén gōng zhì néng jì shù zài zhì néng zhì zào, zhì huì yī liáo yǔ shēn kōng tàn cè děng zhòng dà guān jiàn zhàn lǚ chǎng jǐng de shēn dù luò dì yīng yòng.

Nhà nước ra sức thúc đẩy công nghệ trí tuệ nhân tạo đa năng ứng dụng triển khai sâu sắc trong các khung cảnh kịch bản bối cảnh chiến lược then chốt trọng đại như y tế thông minh, chế tạo thông minh và thám trắc không gian sâu.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG CẢNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0105

畅通

chàngōng

thông suốt, trôi chảy, lưu thông liên mạch

加快构建全国统一大市场，着力打通制约经济循环的关键堵点，切实保障全国物流人流资金流高效畅通。

Jiā kuài gòu jiàn quán guó tóng yī dà shì chǎng, zhuó lì dà tōng zhì yuē jīng jì xún huán de guān jiàn dǔ diǎn, qiè shí bǎo zhàng quán guó wù liú rén liú zī jīn liú gāo xiào chàngōng.

Đẩy nhanh xây dựng thị trường thống nhất lớn toàn quốc, dốc sức khơi thông các điểm nghẽn then chốt kìm hãm tuần hoàn kinh tế, bảo đảm thiết thực cho dòng lưu thông hàng hóa, dòng người và dòng vốn tài chính trên cả nước diễn ra thông suốt hiệu quả cao.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: SƯỞNG THÔNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ /
Tiến tố

#0106

超

chāo

siêu, vượt bậc; vượt quá, vượt trội (tiến tố)

我国科研团队完全自主研发制成功的超导量子计算原型机，在特定算法运算速度上实现了量子优越性。

Wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì zhǔ yán zhì chéng gōng de chāo dǎo liàng zǐ jì suàn yuán xíng jī, zài tè dìng suàn fǎ yùn suàn sù dù shàng xiàn le liàng zǐ yuè yǐng xìng.

Cỗ máy mẫu thử nghiệm tính toán lượng tử siêu dẫn siêu do đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công đã thực hiện tính ưu việt tính toán lượng tử trên tốc độ tính toán thuật toán đặc thù.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: SIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0107

超出

chāochū

vượt ra ngoài, vượt quá (phạm vi/dự kiến)

经过反复高精度极限测试，该型号国产芯片的运算效能与耐恶劣环境稳定性远远超出了先前的设计预期。

Jīng guò fǎn fù gāo jīng dù jí xiàn cè shì, gāi xíng hào guó chǎn xīn piàn de yùn suàn xiào néng yǔ nài è liè huán jīng wěn dìng xìng yuǎn yuǎn chāo chū le xiān qián de shè jì yù qī.

Trải qua các bài thử nghiệm giới hạn độ chính xác cao lặp đi lặp lại, độ ổn định chịu môi trường khắc nghiệt và hiệu năng tính toán của dòng chip sản xuất trong nước này đã vượt ra ngoài vượt quá xa so với dự kiến thiết kế trước đó.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: SIÊU XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0108

炒

chǎo

xào, rang; dầu cơ

妈妈在厨房里熟练地热锅下油，不一会儿就端出了一盘香气四溢的家常清炒时蔬。

Mā ma zài chú fáng lǐ shú liàn dì rè guō xià yóu, bú yí huì er jiù duān chū le yí pán xiāng qì sì yì de jiā cháng qīng chǎo shí shū.

Mẹ vào bếp thuần thục bắc chảo đun dầu nóng, loáng một cái đã bung ra một đĩa rau xào tươi theo mùa thơm nức mũi chuẩn vị cơm nhà.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: SAO



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0109

炒股

chǎogǔ

chơi chứng khoán, đầu tư cổ phiếu

金融监管部门持续加强投资者教育，引导广大公众树立长期价值投资理念，坚决防范盲目炒股投机风险。

Jīn róng jiān guǎn bù mén chí xù jiǎng qǐng tóu zī zhě jiào yù, yǐn dǎo guāng dà gōng zhòng shù lì cháng qǐ jiǎ zhī tóu zī lǐ niàn, jiǎn jué fáng fān máng mù chǎo gǔ tóu zī jī fēng xiǎn.

Cơ quan giám sát tài chính liên tục tăng cường giáo dục nhà đầu tư, định hướng đông đảo công chúng xác lập quan niệm đầu tư giá trị lâu dài, kiên quyết phòng ngừa rủi ro đầu cơ lướt sóng chơi chứng khoán đầu tư cổ phiếu mù quáng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT SAO CỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0110

炒作

chǎozuō

thổi phồng, lăng-xê đánh bóng, tung chiêu trò

科技界必须坚守严谨求实的科学道德规范，坚决杜绝在未经验证的前沿技术概念上进行不实夸大炒作。

Kē jì jiè bì xū jiǎn shǒu yán jīn qiú shí de kē xué dào dé guī fàn, jiǎn jué zài wèi jīng yàn zhèng de qián yán jì shù gài niàn shàng jìn xíng bù shí kuā dà chǎo zuō.

Giới khoa học công nghệ bắt buộc phải giữ vững chuẩn mực đạo đức khoa học cầu thị nghiêm cần, kiên quyết bài trừ việc thổi phồng lăng-xê phóng đại không đúng sự thật trên các khái niệm công nghệ tiên phong chưa qua kiểm chứng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT SAO TÁC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0111

车号

chēhào

số hiệu toa xe, biển số xe

高铁旅客通过手机购票软件与车站智能大屏幕，能够清晰精准查询所乘列车车次、车号与检票口信息。

Gāo tiě lǚ kè tōng guò shǒu jī gòu piào ruǎn jiàn yǔ chē zhàn zhì néng dà píng mù, néng gòu qīng xī zhǔn què xún suǒ chéng líe chē chē cì, chē hào yǔ jiǎn piào kǒu xìn xī.

Hành khách đi tàu cao tốc thông qua màn hình lớn thông minh tại nhà ga và phần mềm mua vé trên điện thoại có thể tra cứu chuẩn xác rõ ràng thông tin cửa soát vé, số hiệu toa xe biển số xe và chuyển tàu mà mình đi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT XA GÀO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0112

车牌

chēpái

biển số xe, biển số xe cơ giới

城市全面推行新能源汽车绿色专用车牌与不限行便民政策，有力促进了绿色低碳出行新风尚。

Chéng shì quán miàn tū xíng xīn néng yuán qì chē lǜ sè zhuān yòng chē pái yǔ bù xiàn xíng biàn mǐn biān yì cè, yǒu lì cù jìn lǜ sè dī tàn chū xíng xīn fēng shàng.

Thành phố đẩy mạnh toàn diện chính sách tiện dân không hạn chế lưu thông cùng biển số xe màu xanh chuyên dụng cho xe ô tô năng lượng mới, thúc đẩy mạnh mẽ nếp sống mới đi lại xanh ít phát thải carbon.

📖 18 nét

HÁN VIỆT XA BÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0113

车展

chēzhǎn

triển lãm ô tô, triển lãm xe hơi

在国际顶级车展上，我国自主研发制造的高端智能新能源概念汽车以颠覆性智驾科技惊艳全场。

Zài guó jì dǐng jí chē zhǎn shàng, wǒ guó zì zhǔ yán fā zhì zào de gāo duān zhì néng xīn néng yuán gài niàn qì chē yǐ diǎn fù xíng zhì jià kē jì jīng yàn quán chǎng.

Tại triển lãm ô tô triển lãm xe hơi hàng đầu quốc tế, dòng xe ô tô ý niệm năng lượng mới thông minh cao cấp do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo đã làm kinh ngạc toàn trường bằng công nghệ lái thông minh mang tính cách mạng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT XA TRIỂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0114

撤离

chèlí

rút lui, sơ tán, rút khỏi vùng nguy hiểm

在特大自然灾害来临前，国家应急指挥部迅速组织危险地带群众安全有序撤离并妥善安置。

Zài tè dà zì rán zāi hài lái lín qián, guó jiā yìng jí zhǐ huǐ bù xún sù zǔ zhǐ wēi xiǎn dì dài qún zhòng ān quán yǒu xù chè lí bìng tuǒ shàn ān zhì.

Trước khi thiên tai đặc biệt lớn ập tới, Ban Chỉ huy Ứng phó Khẩn cấp Quốc gia đã nhanh chóng tổ chức cho bà con nhân dân tại các khu vực nguy hiểm sơ tán rút lui an toàn có trật tự và bố trí an ở thỏa đáng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT TRIỆT LỠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0115

撤销

chèxiāo

bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi (quyết định, giấy phép)

市场监管部门依法撤销了该企业因提交虚假财务资料与违法造假而骗取的全部行政许可与荣誉资质。

Shì chāng jiān guǎn bù mén yī fǎ chè xiāo le gāi qì yě yīn tí jiāo xū jiǎ cái wù zì liào yù huán jīng wéi fá ér piàn qǔ de quán bù xíng zhèng xǔ kě yǔ róng yù zī zhì.

Cơ quan quản lý thị trường đã theo quy định pháp luật bãi bỏ thu hồi toàn bộ giấy phép hành chính và chứng nhận danh dự mà doanh nghiệp này đã gian lận đạt được do nộp hồ sơ tài chính giả mạo và vi phạm pháp luật về môi trường.

📖 21 nét

HÁN VIỆT TRIỆT TIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0116

撑

chēng

hỗ trợ

老师鼓励大家积极撑，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极撑，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chēng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hỗ trợ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT CHỐNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0117

成分

chéng fèn

thành phần, yếu tố cấu thành

在选购天然护肤品时，建议仔细阅读包装上的成分表，避免接触易过敏物质。

Zài xuǎn gòu tiān rán hù fū pǐn shí, jiàn yì zì xì yuè dú bāo zhuāng shàng de chéng fèn biǎo, bì miǎn jiē chù yì guò mǐn wù zhì.

Khi chọn mua mỹ phẩm dưỡng da thiên nhiên, bạn nên đọc kỹ bảng thành phần in trên bao bì để tránh tiếp xúc với các chất dễ gây dị ứng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT THÀNH PHẦN


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0118

成品

chéngpǐn

thành phẩm, sản phẩm hoàn thiện cuối cùng

高精度光学镜片从毛坯研磨到最终成品交付，必须经过上百道微米级极限表面抛光与镀膜工序。

Gāo jīng dù guāng xué jìng piàn cóng máo pī yán mó dào zui zhōng chéng pǐn jiāo fù, bì xū jīng guò shàng bǎi dào wēi mǐ jí jiǎn xiàn biǎo miàn pǎo guāng yú dù mǎo gōng xù.

Thấu kính quang học độ chính xác cao từ phôi thô mài giữa cho tới khi bàn giao thành phẩm sản phẩm hoàn thiện cuối cùng bắt buộc phải trải qua hàng trăm công đoạn phủ màng và đánh bóng bề mặt giới hạn cấp độ micromet.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH PHẨM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0119

承诺

chéngnuò

cam kết, hứa hẹn; lời cam kết

中国庄严承诺力争在2030年前实现碳达峰、2060年前实现碳中和，展现了负责任大国的胸怀与担当。

Zhōng guó zhuāng yán chéng nuò lì zhēng zài 2030 nián qián shí xiàn tàn dà fēng , 2060 nián qián shí xiàn tàn zhōng hé , zhǎn xiàn le fù zé rèn dà guó de xiōng huái yǔ dān dāng.

Trung Quốc trang nghiêm cam kết phấn đấu đạt đỉnh phát thải carbon trước năm 2030 và trung hòa carbon trước năm 2060, thể hiện tâm vóc và tinh thần trách nhiệm của một nước lớn.

18 nét

HÁN VIỆT : THỬA NẠC

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#0120

城区

chéngqū

khu vực đô thị, nội thành thành phố

城市全面规划建设了连通核心城区与科技新城的现代化大容量快速轨道交通网络。

Chéng shì quán miàn guī huà jiàn shè le lián tōng hé xīn chéng qū yǔ kē jì xīn chéng de xiàn dài huà dà róng liàng kuài sù guī dào jiāo tōng wǎng lù.

Thành phố đã quy hoạch xây dựng toàn diện mạng lưới giao thông đường sắt nhanh tốc độ lớn hiện đại hóa kết nối đô thị khoa học mới với khu vực đô thị nội thành cốt lõi.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH ÂU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0121

城乡

chéngxiāng

thành thị và nông thôn, thành thị nông thôn

国家全面推进城乡基本公共服务均等化与基础设施一体化，持续缩小城乡区域发展差距。

Guó jiā quán miàn tuī jìn chéng xiāng jī běn gōng gòng fú wù jūn děng huà yǔ jī chǔ shè shī yī tǐ huà, chí xù suǒ xiǎo chéng xiāng qū yù fā zhǎn chà jù.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện việc bình đẳng hóa dịch vụ công cộng cơ bản và tích hợp hạ tầng thành thị nông thôn thành thị và nông thôn, liên tục thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền và giữa nông thôn với thành thị.

20 nét

HÁN VIỆT : THÀNH HƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0122

城镇

chéngzhèn

thị trấn, thành thị đô thị nhỏ

国家积极推进以人为核心的新型城镇化建设，促进广大中小城镇特色产业集群蓬勃发展高质量发展。

Guó jiā jī jī tuī jìn yǐ rén wéi hé xīn de xīn xíng chéng zhèn huà jiàn shè, cù jìn guǎng dà zhōng xiǎo chéng zhèn tè sè chǎn yè jī qún péng bó gāo zhì liàng fā zhǎn.

Nhà nước tích cực thúc đẩy xây dựng đô thị hóa kiểu mới lấy con người làm trung tâm, thúc đẩy các cụm ngành nghề đặc sắc của đồng đảo các thị trấn thành thị vừa và nhỏ phát triển chất lượng cao phồn vinh.

19 nét

HÁN VIỆT : THÀNH TRẤN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0123

持有

chíyǒu

nắm giữ, sở hữu, mang theo (chứng chỉ/cổ phần)

在重大前沿技术攻坚中，我国自主研发团队已在国际核心专利池中持有数百项高价值基础发明专利。

Zài zhòng dà qián yán jì shù gōng gōng jiǎn zhōng, wǒ guó zì zhǔ yán fā tuán dǐ zài guó jì hé xīn zhuān lì chí zhí zhōng chí yǒu shù bǎi xiàng gāo jià zhī jī chú fā míng zhuān lì.

Trong các trận đánh công nghệ tiên phong trọng đại, đội ngũ tự chủ nghiên cứu phát triển của nước ta đã sở hữu nắm giữ hàng trăm bằng sáng chế phát minh cơ bản giá trị cao trong kho bằng sáng chế cốt lõi quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT : TRÌ HỮU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0124

冲击

chōngjī

tác động, va chạm, cú sốc; xung kích

我国多元化、韧性强劲的产业链供应链体系，经受住了全球地缘政治震荡与外部供应链断裂的重大冲击考验。

Wǒ guó duō yuán huà, rèn xìng qiáng jīng de chǎn yè lián gōng yìng lián tī xì, jīng shòu zhù le quán qióu dì yuán zhèng zhì zhèn dòng yǔ wài bù gōng yìng lián duàn liē de zhòng dà chōng jī kǎo yàn.

Hệ thống chuỗi công nghiệp chuỗi cung ứng đa dạng hóa có sức bền dẻo dai mạnh mẽ của nước ta đã vượt qua kỳ sát hạch thử thách tác động nghiêm trọng từ những biến động địa chính trị toàn cầu và sự đứt gãy chuỗi cung ứng bên ngoài.

22 nét

HÁN VIỆT : XUNG KÍCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0125

崇拜

chóngbài

sùng bái, tôn sùng, ngưỡng mộ tôn thờ

青年一代应当崇尚科学真理与奉献精神，理性崇拜那些为人类科技进步与国家强盛作出卓越贡献的科学巨匠。

Qīng nián yí dài yīng dāng chóng shàng kē xué zhēn lǐ yǔ fèng xiàn jīng shén, lǐ xìng chóng bài nà xiē wéi rén lèi kē jì jìn bù yǔ guó jiā qiáng shèng zuò chū zhūo yuè gòng xiàn de kē xué jù jiàng.

Thế hệ thanh niên cần tôn sùng chân lý khoa học và tinh thần cống hiến, ngưỡng mộ sùng bái một cách lý trí những bậc cự phách khoa học đã có cống hiến trác tuyệt cho sự tiến bộ khoa học công nghệ của nhân loại và sự giàu mạnh của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT : SÙNG BÁI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0126

宠物

chǒngwù

thú cưng, vật nuôi

饲养陪伴型宠物不仅需要倾注爱心，更需要主人具备高度的责任感与科学照护常识。

Sì yǎng péi bàn xíng chǒng wù bù jīn xū yào qīng zhù ài xīn, gèng xū yào zhǔ rén jù bèi gāo dù de zé rèn gǎn yù kē xué zhào hù cháng shí.

Nuôi thú cưng bầu bạn không chỉ cần dành trọn tình yêu thương mà quan trọng hơn người chủ cần có tinh thần trách nhiệm cao độ cùng kiến thức chăm sóc khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT : SÙNG VẬT


HSK 6 (3.0)

Động từ

#0127

出场

chūchǎng

xuất hiện, ra sân khấu, bước vào sân đấu

当大国工匠代表团步入科技盛典大会会场出场的那一刻，全场数千名科技工作者起立鼓掌致敬。

Dāng dà guó gōng jiàng dài biǎo tuán bù rù kē jì shèng diǎn dà huì chǎng chū chǎng de nà yí kè, quán chǎng shù qiān míng kē jì gōng zuò zhě qǐ lì gǔ zhǎng zhì jīng.

Vào khoảnh khắc đoàn đại biểu nghệ nhân bậc thầy nước lớn bước vào hội trường đại hội đại lễ khoa học công nghệ xuất hiện ra sân khấu, hàng ngàn cán bộ khoa học công nghệ toàn trường đã đứng dậy vỗ tay nghiêng mình kính chào.

16 nét

HÁN VIỆT: XUẤT TRƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0128

出动

chūdòng

xuất kích, điều động ra quân, phái ra

在特大自然灾害抢险救灾一线，国家应急救援指挥部紧急出动大型救援直升机与无人机投送生活物资。

Zài tè dà zì rán zāi hài qiǎn xiǎn jiù zī zāi yí xiàn, guó jiā yìng jí jiù yuán zhǐ huī bù jīn jí chū dòng dà xíng jiù yuán zhǐ shēng jī yǔ wú rén jī tóu sòng shēng huó wù zī.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ thiên tai đặc biệt lớn, Ban Chỉ huy Cứu nạn Khẩn cấp Quốc gia đã khẩn cấp phái ra xuất kích điều động máy bay không người lái và trực thăng cứu nạn cỡ lớn thả hàng cứu trợ vật tư sinh hoạt.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0129

出访

chūfǎng

đi thăm viếng, công du nước ngoài, xuất ngoại

由两院士领衔的国家高水平科学家代表团出访多所海外世界顶尖学府，深化多边前沿学术合作。

Yóu liǎng yuàn shǐ lǐng xián de guó jiā gāo shuǐ píng kē xué jiā dài biǎo tuán chū fǎng duō suǒ hǎi wài shì jiè dīng jiān xué fú, shēn huà duō biān qián yán xué shù hé zuò.

Đoàn đại biểu các nhà khoa học trình độ cao quốc gia do các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn đầu đã đi thăm viếng công du nước ngoài tới nhiều trường đại học hàng đầu thế giới ở hải ngoại, đi sâu hợp tác học thuật tiên phong đa phương.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0130

出路

chūlù

lối thoát, con đường phát triển, ngõ ra

实践充分证明，实现高质量发展的根本出路在于自主创新，必须把科技命脉牢牢掌握在自己手中。

Shí jiàn chōng fèn zhèng míng, shí xiàn gāo zhì liàng fā zhǎn de gēn běn chū lù zài zì zhǔ chuàng xīn, bì xū bǎ kē jì mìng mài láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng.

Thực tiễn đã chứng minh đầy đủ rằng con đường thoát lối đi căn bản để đạt được sự phát triển chất lượng cao nằm ở đổi mới sáng tạo tự chủ, bắt buộc phải nắm chắc huyết mạch khoa học công nghệ trong tay chính mình.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT LỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0131

出面

chūmiàn

đứng ra mặt, đích thân ra mặt can thiệp

为了支持青年学者开展自由探索式前沿攻关，资深战略科学家主动出面为青年团队争取专项科研资源。

Wèi le zhī chí qīng nián xué zhě kāi zhǎn zì yóu tàn suǒ shì qián yán gōng guān, zǐ shēn zhàn lüè kē xué jiā zhǔ dòng chū miàn wèi qīng nián tuán duì zhēng qǔ zhuān xiàng kē yán zī yuán.

Để hỗ trợ các học giả trẻ tuổi triển khai vượt khó tiên phong theo phương thức tự do tìm tòi, nhà khoa học chiến lược lão thành đã chủ động đứng ra mặt đích thân ra mặt tranh thủ nguồn lực nghiên cứu khoa học chuyên án cho nhóm trẻ.

18 nét

HÁN VIỆT: XUẤT DIỆN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0132

出名

chūmíng

nổi tiếng, nổi danh, lừng danh

这座历史悠久的文化古城凭借保存完好的千年世界文化遗产与秀美自然风光而闻名遐迩、享誉出名。

Zhè zuò lì shǐ yǒu jiǔ de wén huà gǔ chéng píng jiè bǎo cún wán hǎo de qiān nián shì jiè wén huà yí chǎn yǔ xiù měi zì rán fēng guāng ér wén míng xiá ěr, xiǎng yù chū míng.

Tòa cổ thành văn hóa có bề dày lịch sử lâu đời này nhờ vào cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp và di sản văn hóa thế giới ngàn năm được bảo tồn nguyên vẹn đã nổi tiếng lừng danh nổi danh gần xa nức tiếng bốn phương.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT DANH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0133

出入

chūrù

ra vào, ra vô; chênh lệch, sai số

微电子纳米超净实验室实行严格的人脸识别与防静电风淋准入系统，严密记录人员出入情况。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jīng shí yàn shì shí xíng yán gé de rén liǎn shí bié yǔ fáng jìng diàn fēng lín zhǔn rù xì tǒng, yán mì jì lù rén yuán chū rù qíng kuàng.

Phòng thí nghiệm siêu sạch nano vi điện tử thực thi hệ thống cho phép ra vào bằng tấm gió khử tĩnh điện và nhận diện khuôn mặt nghiêm ngặt, ghi chép chặt chẽ tình hình ra vào ra vô của nhân viên.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT NHẬP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0134

出事

chūshì

xảy ra sự cố, gặp tai nạn chuyện chẳng lành

载人航天与深潜工程全面落实极高标准的安全冗余设计，确保在任何复杂极端工况下都绝不出事。

Zài rén háng tiān yǔ shēn qián gōng chéng quán miàn luò shí jī gāo biāo zhǔn de ān quán róng yú shè jì, què bǎo zài rèn hé fù zá jí duān gōng kuàng xià dōu jué bù chū shì.

Công trình lặn sâu và hàng không vũ trụ có người lái thực thi toàn diện thiết kế an toàn dự phòng tiêu chuẩn cực cao, bảo đảm trong bất kỳ điều kiện làm việc cực đoan phức tạp nào cũng tuyệt đối không xảy ra sự cố gặp tai nạn.

19 nét

HÁN VIỆT: XUẤT SỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0135

出台

chūtái

ban hành, đưa ra thi hành (chính sách/văn bản)

国家相继出台一系列有力政策举措，全面加强基础研究 with 青年拔尖科技创新人才的长期稳定支持。

Guó jiā xiāng jì chū tái yí xié yǒu lì zhèng cè jǔ cuò, quán miàn jiā qiáng jī chū yán jiū yǔ qīng nián bá jiān kē jì chuàng xīn rén cái de cháng qī wén dīng zhī chí.

Nhà nước lần lượt ban hành đưa ra thi hành một loạt các giải pháp chính sách đặc lực, tăng cường toàn diện sự hỗ trợ ổn định lâu dài đối với nhân tài đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ xuất chúng trẻ tuổi và nghiên cứu cơ bản.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT ĐÀI



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0136

出行

chū xíng

đi lại, di chuyển đi xa, việc xuất hành

城市全面规划建设了低碳高效的公共交通网络与无障碍绿道, 倡导市民践行绿色低碳健康出行。

Chéng shì quán miàn guī huà jiàn shè le dī tàn gāo xiào de gōng gòng jiāo tōng wǎng lù yǔ wú zhàng ài lǚ dào, chàng dǎo shì mǐn jiàn xíng lǜ sè dī tàn jiàn kāng chū xíng.

Thành phố đã quy hoạch xây dựng toàn diện làn đường xanh không rào cản và mạng lưới giao thông công cộng ít phát thải carbon hiệu quả cao, kêu gọi người dân thực hành di chuyển đi lại xanh lành mạnh và ít phát thải carbon.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : XUẤT HÀNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0137

初等

chū děng

sơ cấp, cơ bản ban đầu (giáo dục sơ đẳng)

在科技人才梯队培养中, 不仅要抓好高等教育拔尖创新人才选拔, 更要夯实初等教育阶段的科学素养启蒙。

Zài kē jì rén cái tī duì péi yǎng zhōng, bù jǐn yào zhuā hǎo gāo děng jiào yù bá jiān chuàng xīn rén cái xuǎn bá, gèng yào yáo shí chū děng jiào yù yù jiē duàn de kē xué sù yǎng qǐ méng.

Trong việc nuôi dưỡng bậc thang nhân tài khoa học công nghệ, không chỉ phải làm thật tốt việc tuyển chọn nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng giáo dục đại học, mà càng phải bồi đắp vững chắc việc khai sáng tố chất khoa học ở giai đoạn giáo dục sơ cấp cơ bản.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : SƠ ĐẲNG

HSK 6 (3.0)

Giải từ / Động từ

#0138

除

chú

trừ, ngoại trừ; loại bỏ trừ bỏ (chủ ngữ); phép chia (toán học)

除了突破核心硬件瓶颈之外, 科研团队还必须大力推进工业基础软件与核心算法的自主研发。

Chú le tú pò hé xīn yǐng jiàn píng jǐng zhǐ wài, kē yán tuán duì hái bì xū dà lì tuī jìn gōng yè jī chǔ ruǎn jiàn yǔ hé xīn suàn fǎ de zì zhǔ yán fā.

Ngoại trừ trừ việc đột phá các nút thắt phần cứng cốt lõi ra, đội ngũ nghiên cứu khoa học còn bắt buộc phải đẩy mạnh tự chủ nghiên cứu phát triển các thuật toán cốt lõi và phần mềm nền tảng công nghiệp.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : TRỪ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0139

厨师

chú shī

đầu bếp, người nấu bếp

在远洋科考母船上, 经验丰富的厨师根据地科考高消耗特点精心调配荤素搭配、营养均衡的美味餐食。

Zài yuǎn yáng kē kǎo mǔ chuán shàng, jīng yàn fēng fù de chú shī gēn jù jí dì kē kǎo gāo xiāo hào tè diǎn jīng xīn tiào pèi hūn sù dā pèi, yíng yǎng jūn héng de měi wèi cān shí.

Trên con tàu mẹ khảo sát khoa học viễn dương, người đầu bếp người nấu bếp giàu dạn kinh nghiệm căn cứ vào đặc điểm tiêu hao năng lượng cao của khảo sát vùng cực đã cẩn thận điều phối những bữa ăn ngon thơm kết hợp hài hòa mặn chay và cân bằng dinh dưỡng.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRƯ SƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0140

储存

chǔ cún

lưu trữ, bảo quản chứa đựng (dữ liệu, hàng hóa)

国家超大型绿色数据中心采用深冷液冷技术与全闪存分布式架构, 安全可靠地储存海量核心数字资产。

Guó jiā chāo dà xíng lǜ sè shù jù zhōng xīn cǎi yòng shēn lěng yè lěng jì shù yǔ quán shǎn fēn bù shì jiàn gòu, ān quán kě róng de chǔ cún hǎi liàng hé xīn shù zì zī chǎn.

Trung tâm dữ liệu xanh siêu lớn cấp quốc gia áp dụng công nghệ làm mát bằng chất lỏng đông lạnh sâu cùng kiến trúc phân tán toàn bộ bằng bộ nhớ flash, lưu trữ an toàn và đáng tin cậy khối lượng tài sản số cốt lõi khổng lồ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRỮ TỒN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#0141

处处

chù chù

khắp nơi, mọi nơi, chỗ nào cũng

走进生机勃勃的现代农业科技创新示范园, 处处呈现出智能化无人农机高效作业的壮美景象。

Zǒu jìn shēng jī bó bó de xiàn dài nóng yè kē jì chuàng xīn shì fàn yuán, chù chù chéng xiàn zhī néng huà wú rén nóng jī gāo xiào zuò yè de zhuàng měi jǐng xiàng.

Bước chân vào khu trình diễn đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ nông nghiệp hiện đại ngập tràn sức sống, khắp nơi mọi nơi đâu đâu cũng hiện ra khung cảnh tráng lệ của các cỗ máy nông nghiệp không người lái thông minh hóa đang thao tác hiệu quả cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : XỨ XỨ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0142

处长

chù zhǎng

trưởng phòng, cục trưởng cấp phòng ban

科技部基础研究所处长深入一线科研院所调研, 广泛听取青年学者对科研经费改革的宝贵建议。

Kē jì bù jī chǔ yán jiū suǒ chù zhǎng shēn rù yī xiàn kē yán yuán suǒ diào yán, guǎng fàn tīng qǔ qīng nián xué zhě duì kē yán jīng fèi gǎi gé de bǎo guì jiàn yì.

Trưởng phòng Vụ Nghiên cứu Cơ bản Bộ Khoa học và Công nghệ đã đi sâu vào khảo sát tại các viện nghiên cứu nói tuyến đầu, lắng nghe rộng rãi những kiến nghị vô giá của các học giả trẻ về cải cách kinh phí nghiên cứu khoa học.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : XỨ TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0143

传出

chuán chū

truyền ra, phát ra, loan tin ra

在浩瀚深空探测指挥控制大厅内, 传出了深空着陆器成功安全降落月球背面的喜讯捷报。

Zài hào hàn shēn kōng tàn cè zhǐ huī kòng zhì dà tīng nèi, chuán chū le shēn kōng zhuó lù qì chéng gōng ān quán jiàng luò yuè qiú bèi miàn de xǐ xūn jié bào.

Bên trong đại sảnh chỉ huy điều khiển thám trắc không gian sâu bao la, đã phát ra truyền ra tin vui thắng trận về việc thiết bị hạ cánh không gian sâu đã đáp xuống an toàn thành công trên mặt sau Mặt Trăng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TRUYỀN XUẤT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0144

传媒

chuán méi

truyền thông, cơ quan truyền thông báo chí

主流数字传媒全面依托超高清视听与全息多模态技术, 向全社会广泛普及前沿前瞻科学知识。

Zhǔ liú shù zì chuán méi quán miàn yī tuō chāo qīng shì tīng yǔ quán xī duō mó tài jì shù, xiāng quán shè huì guǎng fàn pǔ jí qián yán qián zhān kē xué zhī shì.

Các cơ quan truyền thông truyền thông số dòng chính dựa vào công nghệ đa phương thức hologram và hình ảnh âm thanh siêu nét để phổ biến rộng rãi các kiến thức khoa học nhìn xa trông rộng tiên phong cho toàn xã hội.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TRUYỀN MÔI


HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0145

传输

chuánshū
truyền tải, truyền dẫn dữ liệu/năng lượng

新一代量子卫星保密通信网络实现了千公里级微弱量子密钥的高速率安全无损传输。

Xīn yí dài liàng zì wèi xīng bǎo mì tōng xìn wǎng luò shí xiàn le qiān gōng lǐ jí wēi ruò liàng zì mǐ yào de gāo sù lǚ ān quán wú sǔn chuán shū.

Mạng lưới thông tin bảo mật vệ tinh lượng tử thế hệ mới đã thực hiện việc truyền tải truyền dẫn an toàn không tổn thất tốc độ cao của khóa lượng tử yếu ớt cấp độ hàng ngàn cây số.

26 nét

HÁN VIỆT

TRUYỀN THĂU
HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0146

传言

chuányán
lời đồn đại, tin đồn thất thiệt; đồn đại

做严谨的科学研究必须以确凿的实验数据和客观真理为依据，决不能轻信盲从任何未经证实的网络传言。

Zuò yán jǐn de kē xué yán jiū bì xū yǐ què záo de shí yàn shù jù hé kè guān zhēn lǐ wéi yǐ jù, jué bù néng qīng xìn máng cóng rèn hé wèi jīng zhèng shí de wǎng luò chuán yán.

Làm nghiên cứu khoa học nghiêm cẩn bắt buộc phải lấy chân lý khách quan và số liệu thực nghiệm xác thực làm căn cứ, tuyệt đối không được nhẹ dạ mù quáng tin theo bất kỳ lời đồn đại tin đồn trên mạng chưa qua kiểm chứng nào.

27 nét

HÁN VIỆT

TRUYỀN NGÔN
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0147

船员

chuányuán
thủy thủ, thuyền viên trên tàu

在远洋万米深潜科学考察航次中，全体科考队员与船员密切配合、战风斗浪，圆满完成了各项科考任务。

Zài yuǎn yáng wàn mǐ shēn qián kē xué kǎo chá háng cì zhōng, quán tǐ kē kǎo duì yuán yǔ chuán yuán mǐ qiè pèi hé, zhàn fēng dòu làng, yuán mǎn wán chéng le gè xiàng kē kǎo rèn wù.

Trong chuyến hải trình khảo sát khoa học lặn sâu vạn mét viên dương, toàn thể cán bộ khảo sát và thuyền viên thủy thủ phối hợp chặt chẽ, chiến đấu với sóng gió, hoàn thành mỹ mãn các nhiệm vụ khảo sát khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT

THUYỀN VIÊN
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0148

船长

chuánzhǎng
thuyền trưởng, cơ trưởng tàu biển

极地破冰科考船舶长凭借数十年的远洋冰区航行经验，指挥巨轮安全穿过厚重南极冰架缝隙。

Jí dì pò bīng kē kǎo chuán chuán zhǎng píng jiè shù shí niǎn de yuǎn yáng bīng qū háng xíng jīng yàn, zhǐ huī jù lún ān quán chuān guò hòu zhòng nán jí bīng jià fèng xì.

Thuyền trưởng tàu khảo sát khoa học phá băng vùng cực nhờ vào mấy mươi năm kinh nghiệm hải hành vùng băng giá viễn dương đã chỉ huy con tàu khổng lồ vượt qua khe nứt thêm băng Nam Cực dày đặc một cách an toàn.

21 nét

HÁN VIỆT

THUYỀN TRƯỞNG
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0149

船只

chuánzhī
thuyền bè, tàu thuyền các loại

在繁忙的世界级深水港湾内，数万艘现代化大型集装箱船只与新能源绿色拖轮有序进出穿梭。

Zài fán máng de shì jì jí shēn shuǐ gǎng wǎn nèi, shù wàn sōu xiàn dài huà dà xíng jí zhuāng xiāng chuán zhī yǔ xīn néng yuán lǜ sè tuō lún yǒu xù jìn chū chuān suǒ.

Bên trong vịnh cảng nước sâu cấp thế giới nhộn nhịp, hàng vạn chiếc tàu thuyền thuyền bè container cỡ lớn hiện đại hóa cùng tàu kéo xanh năng lượng mới ra vào con thoi một cách trật tự.

25 nét

HÁN VIỆT

THUYỀN CHỈ
HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#0150

串

chuàn
chuỗi, chùm, xâu (lượng từ); xâu chuỗi kết nối

深空探测器搭载的高灵敏度传感器成功捕获并传回了一连串珍贵的深空物理观测数据。

Shēn kōng tàn cè qì dǎ zài de gāo lǐng mǐn dù chuán gǎn qì chéng gōng bǔ huò bīng chuán huí le yī lián chuán zhēn guì de shēn kōng wù lǐ guān cè shù jù.

Cảm biến độ nhạy cảm cao gắn trên tàu thăm trắc không gian sâu đã bắt trọn và truyền về thành công một chuỗi một xâu dữ liệu quan trắc vật lý không gian sâu vô cùng quý giá.

13 nét

HÁN VIỆT

XUYẾN
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0151

窗口

chuāngkǒu
cửa sổ phục vụ, quầy giao dịch; thời cơ cửa sổ

政务服务大厅设立了高层次海外人才引进综合服务一站式绿色窗口，提供了高效便捷的落户与创业服务。

Zhèng wù fú wù dà tīng shè lì le gāo céng cì hǎi wài rén cái yǐn jìn zōng hé fú wù yī zhàn shì lǜ sè chuāng kǒu, tí gòng le gāo xiào biàn jié de luò hù yǔ chuàng yè fú wù.

Đại sảnh dịch vụ hành chính công thiết lập quầy giao dịch cửa sổ luồng xanh phục vụ một cửa tổng hợp tiếp thu đưa vào nhân tài nước ngoài trình độ cao, cung cấp dịch vụ khởi nghiệp và định cư tiện lợi hiệu quả cao.

24 nét

HÁN VIỆT

SONG KHẨU
HSK 6 (3.0)

Động từ

#0152

创办

chuàngbàn
sáng lập, sáng lập thành lập (doanh nghiệp/viện)

优秀青年科学家依托国家重点实验室原创核心技术，成功创办了一批专注于前沿芯片研发的硬科技领军企业。

Yōu xiù qīng nián kē xué jiā yī tuō guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yuán chuàng hé xīn jī shù, chéng gōng chuàng bàn le yī pī zhuān zhù yú qián yán xīn piàn yán fā de yīng kē jī lǐng jūn qī yě.

Các nhà khoa học trẻ xuất sắc dựa vào công nghệ cốt lõi nguyên tác của Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia đã sáng lập thành lập thành công một loạt doanh nghiệp dẫn đầu công nghệ cứng chuyên sâu vào nghiên cứu phát triển chip tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT

SÁNG BIỆN
HSK 6 (3.0)

Động từ

#0153

创建

chuàngjiàn
kiến tạo, thành lập xây dựng nên

我们要加快创建国家实验室与世界一流科研机构，打造国家战略科技力量的核心支柱。

Wǒ men yào jiā kuài chuàng jiàn guó jiā shí yàn shì yǐ shì yì liú kē yán jī gòu, dǎ zào guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng de hé xīn zhī zhù.

Chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng nên thành lập kiến tạo các phòng thí nghiệm quốc gia và cơ quan nghiên cứu khoa học hàng đầu thế giới, gây dựng cột trụ cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

24 nét

HÁN VIỆT

SÁNG KIẾN



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0154

创意

chuàngyì

ý tưởng sáng tạo, ý tưởng độc đáo
sáng chế

在世界青年创客大赛中，同学们凭借自主研发的智能助残机械臂创意项目，在全场勇夺特等金奖。

Zài shì jì qīng nián chuàng kè dà sài zhōng, tóng xué men píng jiè zì zhù yán fā de zhì néng zhù cán jī xiè bì chuàng yì xiàng mù, zài quán chǎng yǒng duó tè děng jīn jiǎng.

Tại Cuộc thi Sáng tạo Khởi nghiệp Thanh niên Thế giới, các bạn học sinh nhờ vào dự án ý tưởng sáng tạo ý tưởng độc đáo cánh tay robot thông minh hỗ trợ người khuyết tật tự giải vàng đặc biệt toàn trường.

25 nét

HÁN VIỆT : SÁNG Ý

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#0155

此处

cǐchù

nơi đây, chỗ này, tại đây

此处矗立着我国完全自主设计建造的大科学实验装置核心主体工程，是攀登世界微观物理高峰的国之重器。

Cǐ chù chù lì zhe wǒ guó wán quán zì zhù shè jì jiàn zào de dà kē xué shí yàn zhǔng zhōng xīn zhǔ tǐ gōng chéng, shì pān dēng shì jiè wēi guān wù lǐ gāo fēng de guó zhī zhòng qì.

Nơi đây chỗ này sừng sững công trình phần thân cốt lõi của thiết bị thực nghiệm khoa học lớn do nước ta hoàn toàn tự chủ thiết kế xây dựng, là đại khí quốc gia để treo lên đỉnh cao vật lý vì mô thể giới.

22 nét

HÁN VIỆT : THỨ XỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Số lượng

#0156

此次

cǐcì

lần này, chuyến này, đợt này

此次深海万米载人深潜科考成功获取了大量极其珍贵的深渊地质岩心与极端深海微生物实物样本。

Cǐ cì shēn hǎi wàn mǐ zài rén shēn qián kē kǎo chéng gōng huò qǔ le dà liàng jí qí zhēn guì de shēn yuān dì zhì yán xīn yǔ jí duǎn shēn hǎi wēi shēng wù shí wù yàng běn.

Chuyến này lần này khảo sát khoa học lần sâu có người lái vạn mét biển sâu đã thu thập thành công khối lượng lớn mẫu vật thực thể vi sinh vật biển sâu cực đoan và lõi đá địa chất vực sâu vô cùng quý giá.

25 nét

HÁN VIỆT : THỨ THỨ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#0157

此前

cǐqián

trước đó, trước đây, trước thời
điểm này

在此前数年艰苦卓绝的攻关摸索中，科研团队经历了无数次失败，但从未丧失勇攀高峰的必胜信念。

Zài cǐ qián shù nián jiān kǔ zhuó jué de gōng guān mō suǒ zhōng, kē yán tuán duì jīng lì le wú shù cì shī bài, dàn cóng wèi sàng yǒng pān gāo fēng de bì shèng xìn niàn.

Trong những năm tháng tìm tòi vượt khó gian khổ tốt cùng trước đó trước đây, đội ngũ nghiên cứu đã trải qua vô số lần thất bại, nhưng chưa bao giờ đánh mất niềm tin tất thắng đứng cảm treo lên đỉnh cao.

25 nét

HÁN VIỆT : THỨ TIỀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0158

此事

cǐshì

việc này, chuyện này, sự việc này

针对学术评审中发现的个别疑似学术不端线索，学术道德委员会高度重视、迅速对此事展开独立调查。

Zhēn duì xué shù píng shěn shì zhōng fā xiàn de gè bié yí sì xué shù bù duān xiàn suǒ, xué shù dào dé wěi yuán huì gāo dù zhòng shì, xùn sù duì cǐ shì zhān kāi dú lì diào chá.

Hướng tới một vài manh mối nghi ngờ có hành vi sai trái học thuật phát hiện trong thẩm định học thuật, Hội đồng Đạo đức Học thuật đã hết sức coi trọng, nhanh chóng triển khai điều tra độc lập đối với việc này sự việc này.

22 nét

HÁN VIỆT : THỨ SỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0159

此致

cǐzhì

kính thư, trân trọng (lời kết thư
trang trọng: 此致敬礼)

海外杰出青年学者在写给祖国科研资助机构的求职自荐信末尾庄重写道：“此致，敬礼！”

Hǎi wài jié chū qīng nián xué zhě zài xiě gěi zǔ guó kē yán zī zhù jī gòu de qiú zhì zì jiàn xìn mò wēi zhūāng zhòng xié dào : "Cǐ zhì, jīng lǐ!"

Học giả trẻ kiệt xuất ở nước ngoài ở phần cuối bức thư tự tiến cử xin việc gửi cho cơ quan tài trợ nghiên cứu khoa học của Tổ quốc đã trang trọng viết: 'Kính thư, trân trọng kính chào!'

23 nét

HÁN VIỆT : THỨ TRÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0160

次数

cìshù

số lần, tần suất số lượt

该型号国产重大核心装备经受了数万次极限工况疲劳寿命冲击测试，各项指标均达到国际顶尖水准。

Gāi xíng hào guó chǎn zhòng dà hé xīn zhǔāng bèi jīng shòu le shù wàn cì jí xiàn gōng kuàng pí láo shòu mìng chōng jī cè shì, gè xiàng zhǐ biāo jūn dá dào guó jī dīng jiān shuǐ zhǔn.

Trang thiết bị cốt lõi trọng đại sản xuất trong nước thuộc mẫu này đã trải qua chịu đựng số lần số lượt kiểm tra va đập tuổi thọ mỗi điều kiện làm việc giới hạn hàng vạn lần, tất cả các chỉ tiêu đều đạt mức chuẩn đỉnh cao quốc tế.

27 nét

HÁN VIỆT : THỨ SỐ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0161

从不

cóngbù

chưa từng, không bao giờ, xưa nay
chưa từng

老一辈功勋科学家一生坚守求真务实的治学风范，在科学探索道路上从不迷信任何现成学术教条。

Lǎo yī bèi gōng gōng xūn kē xué jiā yī shēng jiān shǒu qiú zhēn wú shí de zhì xué fēng fàn, zài kē xué tàn suǒ dào lù shàng cóng bù mí xìn rèn hé xiàn chéng xué shù jiào tiáo.

Các nhà khoa học có công lao tiến bối trọn đời giữ vững tác phong làm học vấn cầu thị thực chất, trên con đường thám hiểm khoa học xưa nay chưa từng không bao giờ mê tín bất kỳ giáo điều học thuật có sẵn nào.

19 nét

HÁN VIỆT : TÔNG BẤT

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0162

从没

cóngméi

chưa bao giờ, từ trước đến nay
chưa từng

面对前沿“无人区”的艰难险阻，青年科研团队从没想过放弃，始终保持勇往直前的昂扬斗志。

Miàn duì qián yán "wú rén qū" de jiān nán xiǎn zǔ, qīng nián kē yán tuán duì cóng méi xiǎng guò fàng qì, shǐ zhōng bǎo chí zhe yǒng wǎng zhī qián de áng yáng dòu zhì.

Đứng trước những chông gai hiểm trở của 'vùng không người' tiên phong, đội ngũ nghiên cứu khoa học thanh niên từ trước đến nay chưa từng chưa bao giờ nghĩ tới việc từ bỏ, luôn giữ vững ý chí chiến đấu sục sôi đứng cảm tiến lên phía trước.

21 nét

HÁN VIỆT : TÔNG MỘT



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0163

醋

cù

giảm

老师鼓励大家积极醋，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giảm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#0164

村庄

cūnzhuāng

ngôi làng, thôn xóm, làng quê

国家全面推进美丽宜居乡村建设，昔日贫困落后的偏远山野村庄如今蝶变成了产业兴旺的现代生态宜居乐园。

Guó jiā quán miàn tuī jìn měi lì yí jū xiāng cūn jiàn shè, xī rì pín kùn luò hòu de piǎn yuǎn shān yě cūn zhuāng rú jīn dié biàn chéng le chǎn yè xīng wǎng de xiàn dài shēng tài yí jū lè yuán.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng làng quê nông thôn tươi đẹp đáng sống, những thôn xóm ngôi làng vùng núi xa xôi nghèo nàn lạc hậu thuở nào ngày nay đã lột xác hóa thành thiên đường đáng sống sinh thái hiện đại ngành nghề thịnh vượng.

23 nét

HÁN VIỆT: THÔN TRANG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0165

错过

cuòguò

bỏ lỡ, lỡ mất (cơ hội/thời điểm)

新一轮科技革命和产业变革历史机遇千载难逢，我们决不能错过抢占未来前沿科技制高点战略窗口期。

Xīn yī lún kē jì gé mìng hé chǎn yè biàn gé lì shǐ jī yù qiān zài nán féng, wǒ men jué bù néng cuò guò qiǎng zhàn wèi lái qián yán kē jì zhì gāo diǎn de zhàn lüè chuāng kǒu qī.

Thời cơ lịch sử của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp mới nghìn năm có một, chúng ta tuyệt đối không được bỏ lỡ lỡ mất giai đoạn cửa sổ chiến lược chiếm lĩnh đỉnh cao khoa học công nghệ tiên phong tương lai.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁC QUÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0166

搭

dā

dựng, bắc (cầu, lối); đi nhờ xe; gác lên

抢险救灾突击队冒着大雨在数小时内迅速搭起了一座座军用装配式应急钢桥，打通了生命救援陆路通道。

Qiǎng xiān jiù zāi tuī dǔ mìng zài shù xiǎo shí nèi xùn sù dǎ qǐ le yí zuò zuò jūn yòng shì zhuāng pèi shì yīng jí gāng qiáo, dǎ tōng le shēng mìng jiù yuán lù lù tōng dào.

Đội xung kích cứu nạn cứu hộ bất chấp mưa to chỉ trong vài giờ đã nhanh chóng dựng bắc nên từng cây cầu thép khẩn cấp lắp ghép dã chiến của quân đội, khơi thông con đường cứu nạn sinh mệnh trên bộ.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0167

搭档

dā dāng

bạn diễn, cộng sự, bạn đồng hành

航天员乘组两位优秀的飞行搭档在多次太空出舱出舱活动中配合默契，圆满完成了各项任务空间站科学载荷安装任务。

Háng tiān yuán chéng zǔ liǎng wèi yōu xiù de fēi xíng dā dāng zài duō cì tài kōng chū cāng huó chǎng zhǔ cāng chū cāng huó dòng zhōng pèi hé mò qì, yuán mǎn wán chéng le gè xiàng kōng jiàn zhàn kē xué zài hē ān zhuāng rèn wù.

Hai người cộng sự phi hành xuất sắc trong tổ bay phi hành gia đã phối hợp ăn ý nhịp nhàng trong nhiều đợt hoạt động bước ra ngoài khoang không gian, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ lắp đặt tải trọng khoa học trạm vũ trụ.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP ĐĂNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0168

搭配

dā pèi

phối hợp, kết hợp, ghép nối (màu sắc, dinh dưỡng)

国家学生营养改善计划科学制定食谱，注重荤素均衡与优质蛋白搭配，全面保障中小学生健康茁壮成长。

Guó jiā xué shēng yíng yǎng gǎi shàn jì huà kē xué zhì dìng shí pǔ, zhù zhòng hūn sù jūn héng yǔ yōu zhì dān bái dǎ pèi, quán miàn bǎo zhàng zhōng xiǎo xué shēng jiàn kāng zhuó zhuàng chéng zhǎng.

Chương trình Cải thiện Dinh dưỡng Học sinh Quốc gia đã xây dựng thực đơn một cách khoa học, chú trọng cân bằng giữa thịt rau và kết hợp phối trộn nguồn protein chất lượng cao, bảo đảm toàn diện cho học sinh tiểu học và trung học phát triển khỏe mạnh.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP PHỐI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0169

打动

dǎ dòng

làm cảm động, lay động lòng người

老一辈战略科学家隐姓埋名、无私奉献数十载的感人事迹，深深打动了在场的每一位青年科研学子。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yīn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn shù shí zài de gǎn rén shì jì, shēn shēn dǎ dòng le zài chǎng de měi yí wèi qīng nián kē yán xué zǐ.

Những tấm gương câu chuyện xúc động của các nhà khoa học chiến lược tiên bối đã ẩn danh giấu tên cống hiến vô tư suốt mấy mươi năm qua đã lay động làm cảm động sâu sắc từng người học trò nghiên cứu khoa học trẻ tuổi có mặt tại hội trường.

28 nét

HÁN VIỆT: TÁ ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0170

打断

dǎ duàn

ngắt lời, làm gián đoạn, chặt đứt

在严谨的国际前沿学术研讨中，学者们认真倾听报告发言，从不轻易无礼打断对方的阐述。

Zài yán jǐn de guó jì qián yán xué shù yán tǎo zhōng, xué zhě mèn rén zhēn qīng tīng bào gào fā yán, cóng bù qīng yì wú lǐ dǎ duàn duì fāng de chǎn shù.

Trong các cuộc hội thảo học thuật tiên phong quốc tế nghiêm cần, các học giả chăm chú lắng nghe bài thuyết trình phát biểu, xưa nay không bao giờ tùy tiện ngắt lời cắt ngang lời trần thuật của đối phương.

25 nét

HÁN VIỆT: TÁ ĐOẠN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0171

打发

dǎ fa

giết thời gian; đuổi đi, phải đi

在漫长寂寞的深空探测值班夜里，值班工程师通过研读前沿理论学术专著来充实自己，而不是无聊打发时间。

Zài màn cháng jì mò de shēn kōng tàn cè zhí bān yè lǐ, zhí bān gōng chéng shī tōng guò yán dú qián yán lǐ lùn xué shù zhuān zhù lái chōng shí zì jǐ, ér bù shì wú liáo dǎ fa shí jiān.

Trong những đêm trực ban thám trắc không gian sâu cô đơn dài đằng đẳng, các kỹ sư trực ban thông qua việc nghiên cứu sâu các chuyên khảo học thuật lý luận tiên phong để làm giàu bồi đắp kiến thức cho bản thân, chứ không phải để giết thời gian một cách vô vị.

24 nét

HÁN VIỆT: TÁ PHÁT



HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0172

打官司

dǎ guān si

kiện tụng, đi kiện, ra tòa phân xử

国家大力推进一站式多元解纷与诉讼服务体系建设，让群众不用打官司就能在基层高效化解各类民商事矛盾纠纷。

Guó jiā dà lì tuī jìn yí zhàn shì duō yuán jiě fēn yǔ sù sòng fú wú tí xī jiàn shè, ràng qún zhòng bù yòng dǎ guān sī jiù néng zài jī céng gāo xiào huà jiě gè lèi mǐn shāng shì máo dùn jiū fēn.

Nhà nước đẩy mạnh xây dựng hệ thống dịch vụ giải quyết tranh chấp và tố tụng đa dạng một cửa, giúp người dân không cần phải đi kiện ra tòa vẫn có thể hóa giải hiệu quả các mâu thuẫn tranh chấp dân sự thương mại ngay tại cơ sở.

35 nét

HÁN VIỆT: TÁ QUAN TI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0173

打牌

dǎ pái

chơi bài, đánh bài

在科技产业全球博弈中，我们必须加快培育壮大新质生产力，手中才能掌握更多具有战略威慑力的反制王牌。

Zài kē jì chǎn yè quán qiú bó yì zhōng, wǒ men bì xū jiā kuài péi yù zhūàng dà xīn zhì shēng chǎn lì, shǒu zhōng cái néng zhǎng wò gèng duō jù yǒu zhàn lüè wēi shè lì de fǎn zhì wáng pái.

Trong ván cờ độ sức toàn cầu về ngành công nghệ, chúng ta bắt buộc phải đẩy nhanh nuôi dưỡng và lớn mạnh lực lượng sản xuất chất lượng mới, thì trong tay mới nắm giữ được nhiều lá bài chủ chốt để mang tính chiến lược hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁ BÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0174

打印机

dǎ yìn jī

máy in

国家增材制造工程中心成功研制出能在微重力太空环境下稳定运行的高精度金属3D激光打印机。

Guó jiā zēng cái zhī zào gōng chéng zhōng xīn chéng gōng yán zhì chū néng zài wēi zhòng lì tài kōng huán jīng xià wěn dìng yùn xíng de gāo jīng dù jīn shǔ 3D jī guāng dǎ yìn jī.

Trung tâm Công trình Chế tạo Đắp dẫn Quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công máy in máy in laser 3D kim loại độ chính xác cao có thể vận hành ổn định trong môi trường không trọng lực ngoài không gian.

34 nét

HÁN VIỆT: TÁ ẤN CƠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0175

打造

dǎ zào

xây dựng, kiến tạo, tôi luyện chế tác nên

我们要加快建设高水平国家实验室，全力打造国家战略科技力量的核心支柱与世界科技创新高地。

Wǒ men yào jiā kuài jiàn shè gāo shuǐ píng guó jiā shí yàn shì, quán lì dǎ zào guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng de hé xīn zhī zhù yǔ shì jiè kē xué chuàng xīn gāo dì.

Chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng các phòng thí nghiệm quốc gia trình độ cao, dốc toàn lực kiến tạo xây dựng nền vùng đất cao đổi mới sáng tạo khoa học thế giới cùng cột trụ cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

28 nét

HÁN VIỆT: TÁ TẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0176

大道

dà dào

đại lộ, con đường lớn; đại đạo chính nghĩa

大道至简，实干为要；我们要坚定不移走中国特色自主创新大道，加快建设世界科技强国。

Dà dào zhì jiǎn, shí gàn wèi yào; wǒ men yào jiǎn dīng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhủ chuàng xīn dà dào, jiā kuài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó.

Đại đạo chí giản (đạo lý lớn thì giản dị), thực làm làm thực chất là quan trọng nhất; chúng ta phải kiên định không ngừng bước đi trên con đường lớn đại lộ tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc, đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0177

大街

dà jiē

đường phố lớn, phố xá chính

在智能网联汽车先导示范区的大街小巷，全无人驾驶智能网约车与清扫车正在平稳高效有序运行。

Zài zhì néng wǎng lián qì chē xiān dǎo shì fàn qū de dà jiē xiǎo xiàng, quán wú rén jià shì zhì néng wǎng yuē chē yú qīng sǎo chē zhèng zài píng wěn gāo xiào yǒu xù yùn xíng.

Trên khắp các ngõ hẻm đường phố lớn phố xá chính của Khu Trình diễn Thí điểm Xe Thông minh Kết nối Mạng, xe dọn vệ sinh và xe taxi công nghệ thông minh không người lái hoàn toàn đang vận hành trật tự hiệu quả cao và êm ái.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI NHAI

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#0178

大力

dà lì

ra sức, dốc sức mạnh mẽ, hết sức

国家大力支持战略科技领军人才挂帅出征，健全以创新价值、能力、贡献为导向的科技人才评价体系。

Guó jiā dà lì zhī chí zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái guà shuài chū zhēng, jiàn quán yǐ chuàng xīn jià zhí, néng lì, gòng xiàn wéi dǎo xiàng de kē jì rén cái píng jià tí xī.

Nhà nước dốc sức mạnh mẽ ra sức hỗ trợ nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược cầm quân xuất trận, hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân tài khoa học công nghệ lấy cống hiến, năng lực và giá trị đổi mới sáng tạo làm định hướng.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI LỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0179

大米

dà mǐ

gạo, hạt gạo

我国完全自主培育的高品质绿色有机海水稻大米富含多种微量元素，深受广大百姓喜爱。

Wǒ guó wán quán zì zhủ péi yù de gāo pīn zhì lì sè yāu jī hǎi shuǐ dào dà mǐ fù hán duō zhǒng wēi liàng yuán sù, shēn shòu guāng dà bǎi xìng xī ài.

Hạt gạo gạo lúa nước mặn hữu cơ xanh phẩm chất cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi trồng rất giàu các nguyên tố vi lượng, được đông đảo nhân dân vô cùng ưa chuộng.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI MỄ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Số lượng

#0180

大批

dà pī

số lượng lớn, hàng loạt, đợt lớn

依托国家重大科研项目平台，我国成功培养并吸引了大批具有国际视野的世界级顶尖青年科技人才。

Yī tuō guó jiā zhòng dà kē yán xiàng mù píng tái, wǒ guó chéng gōng péi yǎng bìng xī yīn le dà pī jù yǒu guó jì shì yě de shì jiè jí dīng jiān qīng nián kē jì rén cái.

Dựa vào nền tảng các dự án nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia, nước ta đã đào tạo và thu hút thành công một số lượng lớn hàng loạt nhân tài khoa học công nghệ thanh niên đỉnh cao tầm cỡ thế giới có tầm nhìn quốc tế.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI PHỄ


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0181

大赛

dàsài

cuộc thi lớn, giải đấu lớn mang tầm vóc

在世界青年科学家前沿科技创新创业大赛总决赛中，我国青年团队凭借原创芯片架构设计斩获全球最高奖项。

Zài shì jìe qīng nián kē xué jiā qián yán kē jì chuàng xīn chuàng yè dà sài zòng jué sài zhōng, wǒ guó qīng nián tuán duì píng yuán chuàng xīn piàn jiǎ gòu shè jì zhān huò quán qiú zuì gāo jiǎng xiàng.

Tại vòng chung kết cuộc thi lớn giải đấu lớn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong các nhà khoa học trẻ thế giới, nhóm bạn trẻ nước ta nhờ vào thiết kế kiến trúc chip nguyên tác đã đoạt giải thưởng cao nhất toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI TÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0182

大师

dàshī

bậc thầy, đại sư, chuyên gia kiệt xuất

战略科学家不仅是学术领域的泰斗大师，更是青年学子立身立行、追求真理的精神灯塔。

Zhàn lüè kē xué jiā bù jīn shì xué shù lǐng yù de tài dòu dà shī, gēng shì qīng nián xué zǐ lì shēn lì xíng, zhuī qiú zhēn lǐ de jīng shén dēng tǎ.

Nhà khoa học chiến lược không chỉ là bậc thầy đại sư thái sơn bắc đẩu trong lĩnh vực học thuật, mà còn là ngọn hải đăng tinh thần để các học trò trẻ tuổi noi theo tu dưỡng lập thân và theo đuổi chân lý.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SƯ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0183

大使

dàshǐ

đại sứ, đại sứ ngoại giao

在国际多边科技创新合作峰会上，我国驻外大使代表中国政府发表主旨演讲，倡导开放共享科技红利。

Zài guó jì duō biān kē jì zuò huàn xīn hé zuò fēng huì shàng, wǒ guó zhù wài dà shǐ dài biǎo zhōng guó zhèng fú fā biāo zhǔ zhǐ yán jiǎng, chàng dǎo kāi fàng gòng xiǎng kē jì hóng lì.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Đối mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Đa phương Quốc tế, vị đại sứ ngoại giao đại sứ nước ta tại nước ngoài đã đại diện cho Chính phủ Trung Quốc có bài diễn văn chủ đề, kêu gọi chia sẻ và mở rộng cổ tức khoa học công nghệ.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SỨ

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ chỉ thời gian

#0184

待会儿

dàihuǐr

lát nữa, chốc nữa, một lát nữa

总工程师对现场骨干叮嘱道：“各系统抓紧完成最后的参数校验，待会儿准时启动点火倒计时！”

Zōng gōng chéng shī duì xiàn chǎng gǔ gàn dīng zhǔ dào: "gè xì tǒng zhuā jīn wán chéng zuì hòu de cān shù jiào yàn, dài huì er zhǔn shí qǐ dòng diǎn huǒ dào jì shí!"

Vị tổng công trình sư căn dặn các cán bộ nòng cốt tại hiện trường: "Các hệ thống khẩn trương hoàn thành việc kiểm tra đối chiếu tham số cuối cùng, lát nữa một lát nữa sẽ đứng giờ khởi động đếm ngược điểm hỏa!"

34 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI HỘI NHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0185

单打

dāndǎ

đánh đơn (thể thao); đơn đả độc đấu

关键核心技术攻关决不能单打独斗，必须发挥新型举国体制优势，组织跨学科、大兵团协同作战。

Guān jiàn hé xīn jì shù gōng guān jué bù néng dān dǎ dú dòu, bì xū fā huī xīn xíng jù guó tǐ zhì yōu shì, zǔ zhī kuà xué kē, dà bīng tuán xíng tóng zuò zhàn.

Vượt khó công nghệ lõi then chốt tuyệt đối không thể đơn đả độc đấu đơn đả một mình, bắt buộc phải phát huy ưu thế thể chế toàn quốc kiểu mới, tổ chức tác chiến hiệp đồng binh đoàn lớn, liên ngành học.

26 nét

HÁN VIỆT: THIỆN TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0186

担忧

dānyōu

lo lắng, lo âu, băn khoăn trăn trở

经过反复严格的多物理场极限环境仿真验证，工程师们彻底消除了对新型合金构件深海抗压性能的担忧。

Jīng guò fǎn fù yán gé de duō wù lǐ chǎng jí xiàn huán jīng fǎng zhēn yàn zhèng, gōng chéng shī mēn chē dĩ xiǎo chú le duì xīn xíng hé jīn gòu jiàn shēn hǎi kàng yā xíng néng de dān yōu.

Trải qua sự kiểm chứng mô phỏng môi trường giới hạn đa trường vật lý nghiêm ngặt lặp đi lặp lại, các kỹ sư đã xóa bỏ triệt để mối lo âu lo lắng băn khoăn về tính năng chịu áp suất biển sâu của cấu kiện hợp kim kiểu mới.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐAM ƯU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0187

诞生

dàn shēng

ra đời, đản sinh, xuất hiện

中国共产党的诞生深刻改变了近代以后中华民族发展的方向和进程，具有开天辟地的伟大历史意义。

Zhōng guó gòng chǎn dǎng de dàn shēng shēn kè gǎi biàn le jīn dài yǐ hòu zhōng huá mín zú fā zhǎn de fāng xiàng hé jìn chéng, jù yǒu kāi tiān pì dì de wēi dà lì shǐ yì yì.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã làm thay đổi sâu sắc phương hướng và tiến trình phát triển của dân tộc cả từ thời cận đại, sở hữu ý nghĩa lịch sử vĩ đại mang tính khai thiên lập địa.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẢN SINH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0188

当成

dāngchéng

coi như là, xem như là, coi là

青年科学家把国家重大战略需求当成自己的毕生奋斗目标，扎根科研一线潜心探索。

Qīng nián kē xué jiā bǎ guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú dāng chéng zì jǐ de bì shēng fēn dòu mù biāo, zhā gēn kē yán yī xiàn qián xīn tàn sù.

Các nhà khoa học trẻ tuổi coi như là xem như cấu chiến lược trọng đại của quốc gia như là mục tiêu phấn đấu cả đời của chính mình, cắm rễ nơi tuyến đầu nghiên cứu khoa học chuyên tâm tìm tòi.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG THÀNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#0189

当天

dāngtiān

ngày hôm đó, ngay trong ngày

大科学装置成功获取第一束高能重离子束流的当天，全体参建科研工作者无不欢欣鼓舞、倍感自豪。

Dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng huò qǐ dì yī shù gāo néng zhòng lí zǐ shù liú dì dāng tiān, quán tǐ cān jiàn kē yán gōng zuò zhě wú bù huān xīn gǔ wǔ, bèi gǎn zì háo.

Vào đúng ngày hôm đó ngay trong ngày thiết bị khoa học lớn thu được chùm hạt ion nặng năng lượng cao đầu tiên thành công, toàn thể các cán bộ nghiên cứu khoa học tham gia xây dựng ai nấy đều hân hoan cổ vũ, vô cùng tự hào.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG THIÊN


HSK 6 (3.0)

Động từ

#0190

当作

dàngzuò

coi là, xem như, đối đãi như

我们要把保护知识产权当作激励科技原始创新的基本保障，坚决依法严惩任何侵权行为。

Wǒ men yào bǎ bǎo hù zhī shǐ chǎn quán dàng zuò jī běn zhàng ān de jī běn bǎo zhàng, jiǎn jué yī fǎ yán chéng rēn hé qīn quán wéi.

Chúng ta phải coi là xem việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ như là sự bảo đảm cơ bản để khích lệ đổi mới sáng tạo nguyên bản khoa học công nghệ, kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật mọi hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm quyền lợi.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐƯƠNG TÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0191

党

dǎng

bữa tiệc

老师鼓励大家积极党，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bữa tiệc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT : ĐẢNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0192

档

dǎng

tập tin

老师鼓励大家积极档，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tập tin, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT : ĐẢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0193

档案

dàng àn

hồ sơ, tư liệu lưu trữ, tàng thư

国家档案馆运用超高精度数字化扫描与无酸纸修复技术，永久安全地保护着数百万份珍贵的国家历史档案。

Guó jiā dàng àn guǎn yùn yòng chāo gāo jīng dù shù zì huà sǎo miáo yǔ wú suān zhǐ xiū fù jì shù, yǒng jiǔ ān quán dì bǎo hù zhe shù bǎi wàn fèn zhēn guì de guó jiā lì shǐ dàng àn.

Cục Lưu trữ Quốc gia áp dụng kỹ thuật quét số hóa độ chính xác siêu cao cùng công nghệ phục chế bằng giấy không chứa axit, bảo vệ vĩnh viễn và an toàn hàng triệu tài liệu hồ sơ lịch sử vô giá của quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT : ĐĂNG ÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0194

岛

dǎo

hòn đảo

老师鼓励大家积极岛，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hòn đảo, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐẢO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0195

到期

dàoqī

đến hạn, mãn hạn, hết hạn kỳ

重大国家科技攻坚项目实行极其严格的里程碑考核机制，确保各项预定研发指标全部按期高质量交付完成。

Zhòng dà guó jiā kē jì gōng jiàn xiàng mù shí xíng jí qí yán gé de lǐ chéng bēi kǎo hé jí zhì, què bǎo gē xiàng yù dìng yán fā zhǐ biāo quán bù àn qī gāo zhì liàng jiāo fù wán chéng.

Dự án vượt khó khoa học công nghệ quốc gia trọng đại thực thi cơ chế sát hạch mốc lịch trình cực kỳ nghiêm ngặt, bảo đảm tất cả các chỉ tiêu nghiên cứu phát triển dự định khi đến hạn đều bàn giao hoàn thành chất lượng cao đúng hạn.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐẢO KỲ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0196

盗版

dàobǎn

bản lậu, sao chép lậu, vi phạm bản quyền

国家司法机关依法重拳出击，严厉打击任何非法破解与盗版工业软件的违法犯罪行为。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ zhòng quán chū jī, yán lì dǎ jī rēn hé fǎ fǎ jiě kè yǔ dàobǎn gōng yè ruǎn jiàn de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Cơ quan tư pháp quốc gia theo đúng pháp luật ra đòn trừng trị mạnh tay, triệt phá nghiêm khắc mọi hành vi tội phạm vi phạm pháp luật sao chép lậu bản lậu và bê khóa phần mềm công nghiệp phi pháp.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO BẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0197

道教

Dàojiào

Đạo giáo (tôn giáo truyền thống Trung Hoa)

道教文化中“道法自然、天人合一”的深刻哲学思想，为当代生态文明建设提供了丰富的东方智慧启示。

Dào jiào wén huà zhōng "dào fǎ zì rán, tiān rén hé yī" de shēn kè zhé xué sī xiǎng, wéi dāng dài shēng tài wén míng jiàn shè tí gòng le fēng fù de dōng fāng zhì huì qǐ shì.

Tư tưởng triết học sâu sắc 'Đạo noi theo tự nhiên, thiên nhân hợp nhất' trong văn hóa Đạo giáo Đạo giáo đã mang lại những bài học gợi mở trí tuệ phương Đông phong phú cho công cuộc xây dựng văn minh sinh thái đương đại.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO GIÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0198

道歉

dàoqiàn

xin lỗi, tạ lỗi

意识到自己在会议上的言辞欠妥后，他主动真诚地向项目组同仁当面赔礼道歉。

Yí shí dào zì jǐ zài huì yì shàng de yán cí qiǎn tuǒ hòu, tā zhǔ dòng zhēn chéng de xiàng xiàng mù zǔ tóng rén dāng miàn péi lǐ dào qiàn.

Nhận ra lỗi lẽ của mình trong cuộc họp có phần chưa thỏa đáng, anh ấy đã chủ động chân thành gặp mặt xin lỗi các đồng nghiệp trong tổ dự án.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO KHIẾM



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0199

地板

dǐbǎn

sàn nhà, mặt sàn lót nền

微电子纳米超净实验室全域铺设了超高平整度防静电耐磨环氧树脂地板, 有效杜绝微细静电干扰。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jìng shí yàn shì quán yù pū shè le chāo gāo píng zhèng dù dǎo jīng diàn nài mó huán yǎng shù zhī dì bǎn, yǒu xiào dù jué wēi jì jīng diàn gān rǎo.

Toàn bộ khu vực phòng thí nghiệm siêu sạch nano vi điện tử được lát sàn nhà mặt sàn nền nhựa epoxy chống mài mòn dẫn điện tĩnh độ phẳng siêu cao, ngăn ngừa hiệu quả sự can nhiễu tĩnh điện vi mô.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA BÀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0200

地名

dì míng

địa danh, tên địa phương

国家探月工程团队把月球背面多处重要撞击坑与地质构造, 以我国古代杰出科学家与历史文化地名命名。

Guó jiā tàn yuè gōng chéng tuán duì bǎ yuè qiú bèi miàn duō chù zhòng yào zhuàng jī kēng yǔ dì zhì gòu zào, yǐ wǒ guó gǔ dài jié chū kē xué jiā yǔ lì shǐ wén huà dì míng míng míng.

Đội ngũ công trình thám trắc Mặt Trăng của nước ta đã lấy địa danh văn hóa lịch sử và tên các nhà khoa học kiệt xuất cổ đại của nước ta để đặt tên cho nhiều cấu tạo địa chất và hố va chạm quan trọng ở mặt sau Mặt Trăng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA DANH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0201

地下室

dì xià shì

tầng hầm, phòng ngầm dưới đất

在地下两百米深的超精密光学防震地下室, 科学家们正在开展极端高灵敏度引力波微弱信号探测。

Zài dì xià liǎng bǎi mǐ shēn de chāo jīng mì guāng xué fèn zhèn dì xià shì, kē xué jiā zhèng zài kāi zhǎn jí duān gāo líng mǐn dù yǐn lì bō wēi ruò xìn hào tàn cè.

Bên trong tầng hầm phòng ngầm dưới đất cách ly rung chấn quang học siêu chính xác sâu 200 mét dưới lòng đất, các nhà khoa học đang triển khai dò tìm tín hiệu yếu ớt sóng hấp dẫn độ nhạy cảm cực cao.

📖 32 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA HẠ THẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0202

低头

dī tóu

cúi đầu, gục đầu; chịu khuất phục

面对外部极端严苛的技术封锁与打压, 中国科研人员从未低头妥协, 依靠自力更生攻克了一道道技术难关。

Miàn duì wài bù jí duān yán kē de jì shù fēng suǒ yǔ dǎ yā, zhōng guó kē yán rén yuán cóng wèi dī tóu tuǒ xié, yī kào zì lì gēng shēng gōng kè le yī dào dào jì shù nán guān.

Đứng trước sự chèn ép và phong tỏa công nghệ cực kỳ khắt khe từ bên ngoài, cán bộ nghiên cứu khoa học Trung Quốc chưa bao giờ chịu khuất phục cúi đầu thỏa hiệp, dựa vào tự lực cánh sinh chinh phục từng ải khó công nghệ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0203

低温

dī wēn

nhiệt độ thấp, hàn nhiệt

超导量子计算机核心处理器必须在接近绝对零度的极限超低温环境下运行, 才能保持量子比特的相干性。

Chāo dǎo liàng zǐ jī suàn jī hé xīn chǔ lǐ qì bì xū zài jiē jìn duì duō líng dù de jié xiàn chāo dī wēn huán jīng xià yùn xíng, cái néng bǎo chí liàng zǐ bǐ tè de xiāng gān xìng.

Bộ xử lý cốt lõi của máy tính lượng tử siêu dẫn bắt buộc phải vận hành trong môi trường hàn nhiệt nhiệt độ thấp siêu lạnh giới hạn tiệm cận độ không tuyệt đối mới có thể duy trì tính kết hợp của các qubit.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ ÔN

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#0204

滴

dī

giọt; nhỏ giọt

清晨初升的朝阳下, 一颗颗晶莹剔透的露珠在翠绿的青草叶尖上轻轻滑落。

Qīng chén chū shēng de zhāo yáng xià, yī kē kē jīng yíng tī tòu de lù zhū zài cuì lǜ de qīng cǎo yè jiān shàng qīng qīng huá luò.

Dưới ánh nắng ban mai vừa hé rạng, từng giọt sương mai trong veo lấp lánh nhẹ nhàng trượt lặn trên đầu ngọn cỏ non xanh mướt.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : TÍCH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0205

抵达

dǐ dá

đến nơi, cập bến, tới đích

搭载着珍贵南极冰芯样品的我国“雪龙”号极地科考船历经数月远洋航行, 顺利平安抵达上海国内基地码头。

Dā zài zhe zhēn guì nán jí bīng xīn yàng pīn de wǒ guó "xuě lóng" hào jí dì kē kǎo chuán lì jīng shù yuè yuǎn yáng háng xíng, shùn lì píng ān dī dá shàng hǎi guó nèi jī dì mǎ tóu.

Tàu khảo sát khoa học vùng cực 'Tuyết Long' của nước ta chở theo các mẫu lõi băng Nam Cực vô giá sau nhiều tháng hải trình viễn dương đã cập bến an toàn thuận lợi tại cầu cảng căn cứ nội địa Thượng Hải.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : ĐỂ ĐẠT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0206

抵抗

dǐ kàng

chống cự, kháng cự; sức đề kháng

科学规律的体育锻炼与均衡健康的饮食习惯, 能够显著增强人体的免疫抵抗力与抗病康复能力。

Kē xué guī lǜ de tǐ yù duàn liàn yǔ jūn héng jiàn kāng de yǐn shí xí guǎn, néng gòu xiǎn zhù zēng qiáng rén tǐ de miǎn yì dī kàng lì yǔ bìng kāng fù néng lì.

Việc rèn luyện thể dục thể thao theo quy luật khoa học cùng thói quen ăn uống cân bằng lành mạnh có thể tăng cường rõ rệt sức đề kháng miễn dịch và khả năng hồi phục chống chọi bệnh tật của cơ thể người.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : ĐỂ KHÁNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0207

电车

diàn chē

xe điện, tàu điện, xe điện bánh hơi

现代化城市全面规划运营了零排放新能源现代有轨电车网络, 为广大市民提供了绿色低碳舒适的出行体验。

Xiàn dài huà chéng shì quán miàn guī huà yùn yíng le líng pái fàng xīn néng yuán xiàn dài yǒu guǐ diàn chē wǎng lù, wèi guǎng dà shì mīn tí gòng le lǜ sè dī tàn shū shì de chū xíng tǐ yàn.

Đô thị hiện đại hóa đã quy hoạch vận hành toàn diện mạng lưới tàu điện xe điện xe điện chạy trên ray hiện đại năng lượng mới không phát thải, mang lại trải nghiệm đi lại thoải mái xanh ít phát thải carbon cho đông đảo người dân thành phố.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ĐIỆN XA



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0208

电动

diàn dòng

điện

老师鼓励大家积极电动，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diàn dòng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT : ĐIỆN ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0209

电力

diàn lì

điện lực, năng lượng điện, nguồn điện

我国建成了全球规模最大的特高压交直流智能输电网络，实现了清洁绿色电力跨越数千公里的高效跨区输送。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de tè gāo yǎ jiāo zhǐ liú zhì néng shù diàn wǎng lù, shí xiàn le qīng jié lǜ sè diàn lì kuà yuē shù qiān gōng lǐ de gāo xiào kuà qū shù sòng.

Nước ta đã xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới truyền tải điện thông minh xoay chiều và một chiều siêu cao áp quy mô lớn nhất thế giới, thực hiện truyền tải xuyên vùng hiệu quả cao nguồn năng lượng điện điện lực xanh sạch vượt hàng ngàn cây số.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐIỆN LỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0210

电器

diàn qì

đồ điện, thiết bị điện gia dụng

国家全面推行绿色智能家用电器消费升级以旧换新工程，有力促进了全社会节能降碳与绿色生活方式。

Guó jiā quán miàn tuī xíng lǜ sè zhì néng jiā yòng diàn qì xiǎo fēi shēng jí yì jiù huàn xīn gōng chéng, yǒu lì cù jìn le quán shè huì jié néng jiàng tàn yán yú lǜ sè shēng huó fāng shì.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện công trình đổi cũ lấy mới nâng cấp tiêu dùng thiết bị điện đồ điện gia dụng thông minh xanh, thúc đẩy mạnh mẽ lối sống xanh và giảm phát thải carbon tiết kiệm năng lượng toàn xã hội.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐIỆN KHÍ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0211

吊

diào

treo, cầu kéo; viếng tang (điếu viếng)

跨海大桥架设工程现场，全球最大吨位起重船伸出巨型钢臂，将重达数千吨的整孔预制钢箱梁精准吊装就位。

Kuà hǎi dà qiáo jià shè de gōng chéng xiàn chǎng, quán qiú zuì dà dūn wèi qì zhòng chuán shēn chū jù xíng gāng bì, jiāng zhòng dá shù qiān dūn de zhěng kǒng yù zhì gāng xiāng liáng jīng zhǔn diào zhuāng jiù wèi.

Tại công trường lắp dựng cầu vượt biển, tàu cần cẩu có tải trọng lớn nhất thế giới vươn cánh tay thép khổng lồ, cầu lắp dầm hộp thép đúc sẵn nặng hàng ngàn tấn đặt chuẩn xác vào đúng vị trí.

11 nét

HÁN VIỆT : ĐIỀU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0212

调研

diào yán

khảo sát nghiên cứu, điều tra nghiên cứu

国家战略科技专家组深入高新技术产业园区开展专题调研，精准把握关键核心技术产业链短板与突破口。

Guó jiā zhàn lüè kē jì zhuān jiǎ zú shēn rù gāo xīn jì shù yán yán, jīng zhǔn bǎ wò guān jiàn hé xīn jì shù zhàn yě lián duǎn bǎn yú tū pò kǒu.

Tổ chuyên gia khoa học công nghệ chiến lược quốc gia đã đi sâu vào các khu công viên ngành công nghệ cao mới để triển khai điều tra nghiên cứu khảo sát nghiên cứu chuyên đề, nắm bắt chuẩn xác điểm yếu và đột phá khẩu của chuỗi ngành công nghệ lõi then chốt.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐIỀU NGHIÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0213

跌

diē

ngã

老师鼓励大家积极跌，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diē, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ngã, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT : TRƯỢT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0214

定价

dìng jià

định giá, ấn định mức giá; mức giá quy định

国家医疗保障部门通过常态化药品集中带量采购与医保谈判，科学合理确定创新药品的医保支付定价。

Guó jiā yī liáo bǎo zhàng bù mén tóng guò cháng tài huà yào pìn jí zhòng dài liàng cǎi gòu yǔ yī bǎo tán pàn, kē xué hé lǐ què dìng chuàng xīn yào pìn de yī bǎo zhī fù dìng jià.

Cơ quan bảo hiểm y tế quốc gia thông qua đàm phán bảo hiểm y tế và mua sắm tập trung theo số lượng thuốc thường xuyên đã xác định mức giá định giá thanh toán bảo hiểm y tế của các loại thuốc đối mới sáng tạo một cách khoa học hợp lý.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐỊNH GIÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ / Tính từ

#0215

定时

dìng shí

định giờ, hẹn giờ; đúng giờ định kỳ

深空探测飞控计算机能够精确执行毫秒级定时指令，自动精准控制姿态调整发动机的点火关机时间。

Shēn kōng tàn cè fēi kòng jì suàn jī néng gòu jīng què zhǐ xīng háo miǎo jí dìng shí zhǐ lìng, zì dòng jīng zhǔn kòng zhì zǐ tài tiáo zhěng fā dòng jī de diǎn huǒ guān jī shí jiān.

Máy tính điều khiển bay thám trắc không gian sâu có thể chấp hành chuẩn xác các chỉ lệnh định giờ hẹn giờ cấp độ mili-giây, tự động điều khiển chuẩn xác thời gian tắt máy điểm hỏa của động cơ điều chỉnh tư thế.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐỊNH THỜI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0216

定位

dìng wèi

định vị, xác định vị trí; định vị mục tiêu

我国完全自主建成的北斗全球卫星导航系统，为全球用户提供全天候、高精度、高可靠的定位与授时服务。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ jiàn chéng de běi dòu quán qiú wèi xīng dǎo háng xī tǒng, wèi quán qiú yòng hù tí gōng quán tiān hòu, gāo jīng dù, gāo kě kào de dìng wèi yǔ shòu shí fú wù.

Hệ thống vệ tinh định hướng Bắc Đẩu toàn cầu do nước ta hoàn toàn tự chủ xây dựng hoàn chỉnh cung cấp dịch vụ định thời và định vị xác định vị trí độ tin cậy cao, độ chính xác cao 24/7 cho người dùng trên toàn thế giới.

17 nét

HÁN VIỆT : ĐỊNH VỊ


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0217

动画

dòng huà

hoạt hình, phim hoạt hình

国家重大科技工程科普团队运用高分辨率三维数字动画，生动直观还原了微观量子纠缠与黑洞吸积物理全过程。

Guó jiā zhòng dà kē jì gōng chéng kè pǔ tuán duì yùn yòng gāo fēn biān lǜ sān wéi shù zì dòng huà, shēng dòng zhí guān huán yuán le wēi guān liàng zì jiū chán yǔ hēi dòng xī jī wū lì quán guò chéng.

Đội ngũ phổ biến khoa học công trình khoa học công nghệ trọng đại quốc gia áp dụng hoạt hình phim hoạt hình kỹ thuật số 3D độ phân giải cao, tái hiện sinh động trực quan toàn bộ tiến trình vật lý bồi tụ hố đen và vướng víu lượng tử vì mô.

24 nét

HÁN VIỆT · ĐỘNG HOA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0218

都市

dū shì

đô thị, đại đô thị hiện đại

京津冀、长三角与粤港澳大湾区三大世界级现代化国际都市圈，成为了引领全国高质量发展的强劲增长极。

Jīng jīn jì, zhǎng sān jiǎo yǔ yuè gǎng ào dà wǎn qū sǎn dà shì jiè jí xiàn dài huà guó jì dū shì quān, chéng wéi le yǐn lǐng quán guó gāo zhì liàng fā zhǎn de qiáng jīng zēng zhǎng jí.

Ba đại đô thị quốc tế hiện đại hóa đẳng cấp thế giới gồm Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc, Vùng đồng bằng sông Trường Giang và Vùng Vịnh Lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao đã trở thành cực tăng trưởng mạnh mẽ dẫn dắt sự phát triển chất lượng cao của cả nước.

19 nét

HÁN VIỆT · ĐÔ THỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0219

斗争

dòu zhēng

đấu tranh, độ sức kiên cường

敢于斗争、敢于胜利，是党和人民不可战胜的强大精神力量，激励着我们在各种风浪考验中勇毅前行。

Gǎn yú dòu zhēng, gǎn yú shèng lì, shì dǎng hé rén mín bù kě zhàn shèng de qiáng dà jīng shén lì liàng, jī lì zhe wǒ men zài gè zhǒng fēng làng kǎo yàn zhōng yǒng yì qián xíng.

Dám đấu tranh, dám thắng lợi là nguồn sức mạnh tinh thần bất khả chiến bại của Đảng và nhân dân, khích lệ chúng ta dũng cảm kiên nghị tiến bước trong mọi thử thách phong ba bão táp.

19 nét

HÁN VIỆT · ĐẤU TRANH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0220

毒品

dú pǐn

ma túy, chất ma túy gây nghiện

国家公安禁毒部门常态化开展边境缉毒扫毒专项行动，坚决将各类新型毒品封堵阻截在国门之外。

Guó jiā gōng ān jìn dú bù mén cháng huà kāi zhān biān jīn dú sǎo dú zhuān xiàng xíng dòng, jiǎn jué jiāng gè lèi xīn xíng dú pīn fēng dǔ zǔ jié zài guó mén zhī wài.

Cơ quan công an phòng chống ma túy quốc gia thường xuyên triển khai các đợt cao điểm chuyên đề phòng chống và truy quét ma túy vùng biên cương, kiên quyết phong tỏa ngăn chặn mọi loại ma túy mới ngay từ ngoài cửa ngõ đất nước.

21 nét

HÁN VIỆT · ĐỘC PHẨM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0221

赌

dǔ

đánh bạc, cá cược; đánh cược liều mạng

做科学研究必须秉持严谨求实、循序渐进的科学态度，容不得半点心存侥幸的盲目投机与孤注一掷豪赌。

Zuò kē xué yán jiū bì xū bǐng chí yán jìn qín shí, xún xù jiàn jìn de kē xué tài dù, róng bù dé bàn diǎn xīn cún jiǎo xìng de máng mù tóu jī yǔ gū zhù yí zhì háo dǔ.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải giữ vững thái độ khoa học tuân tự từng bước, cấu thị nghiêm cẩn, không thể dung thứ cho nửa điểm đánh cược cá cược liều mạng và đầu cơ mù quáng ôm tâm lý may rủi.

11 nét

HÁN VIỆT · ĐỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0222

赌博

dǔ bó

đánh bạc, cờ bạc

国家司法机关依法严厉打击任何形式的跨境网络赌博与地下赌场，坚决斩断涉赌资金链与技术推广链。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé xíng shì de kuà jìng wǎng luo dǔ bó yǔ dì xià dǔ chǎng, jiǎn jué zhǎn duàn shè dǔ zī jīn lián yǔ jì shù tuī guǎng lián.

Cơ quan tư pháp quốc gia xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật mọi hình thức cờ bạc trực tuyến qua mạng xuyên biên giới và sông bạc ngầm, kiên quyết cắt đứt chuỗi dòng tiền và chuỗi cung ứng kỹ thuật liên quan đến cờ bạc.

21 nét

HÁN VIỆT · ĐỔ BÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0223

渡

dù

vượt sông, vượt qua gian nan; bến đò

面对复杂严峻的国际科技博弈形势，我们要坚定必胜信心、勇毅攻坚克难，携手共渡风雨难关。

Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì kē jì bó yì xíng shì, wǒ men yào jiǎn dīng bì shèng xīn xìn, yǒng yì gōng gōng jiàn kè nán, xié shǒu gòng dù fēng yǔ nán guān.

Đứng trước cục diện độ sức khoa học công nghệ quốc tế phức tạp và gay gắt, chúng ta phải giữ vững niềm tin tất thắng, dũng cảm kiên nghị vượt qua khó khăn, cùng nhau vượt qua chèo chống qua gian nan mưa gió bão bùng.

12 nét

HÁN VIỆT · ĐỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0224

端

duān

kết thúc

老师鼓励大家积极端，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí duān, yǒng yú tàn sù xīn zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực kết thúc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT · ĐOAN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0225

端午节

Duān wǔ jié

Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch)

每逢农历五月初五端午节，全国各地江河湖泊上百舸争流、龙舟竞渡，人们包粽子挂艾草寄托家国情怀。

Měi féng nóng lì wǔ yuè chū wǔ duān wǔ jié, quán guó gè dì jiāng hé hú pō shàng bǎi gē zhēng liú, lóng zhōu jìng dù, rén men bāo zòng zǐ guà ài cǎo jì tuō jiā guó qīng huái.

Mỗi dịp Tết Đoan Ngọ mùng 5 tháng 5 âm lịch, trên các sông ngòi hồ đầm khắp cả nước hàng trăm chiến thuyền đua nhau vượt sóng, thuyền rồng rộn ràng đua tài, mọi người cùng gói bánh chưng bánh ú, treo lá ngải cứu gửi gắm tình cảm gia đình và quê hương đất nước.

35 nét

HÁN VIỆT · ĐOAN NGỌ TIẾT



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0226

短片

duǎnpiàn

phim ngắn, video ngắn

在国际科技文化交流周开幕式上，组委会展映了一部展现青年科学家勇攀世界科技高峰的精彩纪实高清短片。

Zài guó jì kē jì wén huà jiāo liú zhōu kāi mù shì shàng, zǔ wěi huì zhǎn yǐng le yí bù zhǎn xiàn qīng nián kē xué jiǎ yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng de jīng cǎi jì shí gāo qīng duǎn piàn.

Tại lễ khai mạc Tuần lễ Giao lưu Văn hóa Khoa học Công nghệ Quốc tế, ban tổ chức đã trình chiếu một bộ phim ngắn video clip tư liệu độ nét cao đặc sắc phổ biến các nhà khoa học trẻ tuổi dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN PHIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0227

队伍

duì wǔ

hàng ngũ, đội ngũ (quân đội, chuyên gia)

国家着力打造一支政治过硬、业务精湛、勇于担当的高素质专业化科技攻关骨干队伍。

Guó jiā zhù lì dǎ zào yí zhī zhèng zhì guò yìng, yè wù jīng zhàn, yǒng yú dān dāng de gāo sù zhì zhuān yè huà kē jì gōng guān gǔ gàn duì wǔ.

Nhà nước dốc sức tối luyện xây dựng một đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ nòng cốt chuyên nghiệp chất lượng cao có bản lĩnh chính trị vững vàng, nghiệp vụ tinh thông và dám nghĩ dám làm dũng cảm gánh vác.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ĐỘI NGŨ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0228

对抗

duì kàng

đối kháng, chống cự, đối đầu

在国际多边事务中，坚决反对搞封闭排他的小圈子与阵营对抗，积极倡导真正的多边主义与团结合作。

Zài guó jì duō biān shì wù zhōng, jiān jué fǎn duì gāo fēng bì pái tā de xiǎo quān zì yǔ zhēn yíng duì kàng, jī jí chàng dǎo zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì yǔ tuán jié hé zuò.

Trong các vấn đề đa phương quốc tế, kiên quyết phản đối việc dựng lên các vòng tròn khép kín bài ngoại và đối đầu phe phái, tích cực đề xướng chủ nghĩa đa phương chân chính và đoàn kết hợp tác.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI KHÁNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0229

对外

duì wài

đối ngoại, hướng ra bên ngoài

我国坚定不移推进高水平对外开放，深度融入全球科技创新网络，积极发起和牵头组织国际大科学计划。

Wǒ guó jiān dīng bù yí tuī jìn gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, shēn dù róng rù quán qiú kē jì chuàng xīn wǎng luò, jī jí fā qǐ hé qiān tóu zǔ zhī guó jì dà kē xué jì huà.

Nước ta kiên định không ngừng thúc đẩy mở cửa đối ngoại hướng ra bên ngoài trình độ cao, hội nhập sâu sắc vào mạng lưới đối mở sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu, tích cực phát động và chủ trì tổ chức các kế hoạch khoa học lớn quốc tế.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI NGOẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0230

蹲

dūn

ngồi xổm, ngồi thụp xuống

植物学家蹲在森林湿地边，手持放大镜专注观察着一株极其珍稀的地衣植物标本。

Zhí wù xué jiā dūn zài sēn lín shī dì biān, shǒu chí fàng dà jìng zhuān zhù guān chá zhe yí zhū jí qí zhēn xī de dì yī zhí wù biāo běn.

Nhà thực vật học ngồi xổm bên mép vùng đất ngập nước trong rừng, tay cầm kính lúp chăm chú quan sát một mẫu thực vật địa y vô cùng quý hiếm.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TỒN

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#0231

多半

duō bàn

phần nhiều, hầu như, phần lớn

根据多源卫星遥感与高精度动力学模型推演，该热带低压多半会在未来二十四小时内进一步增强为强台风。

Gēn jù duō yuán wèi xīng yáo gǎn yǔ gāo jīng dù dòng lì xué mó xíng tuī yǎn, gāi rè dài yā duō bàn huì zài wèi lái èr shí sì xiǎo shí nèi jìn yí bù zēng qiáng wéi qiáng tái fēng.

Căn cứ vào suy diễn mô hình động lực học độ chính xác cao và viễn thám vệ tinh đa nguồn, vùng áp thấp nhiệt đới này phần nhiều hầu như chắc chắn sẽ mạnh lên thành bão mạnh trong vòng 24 giờ tới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: ĐA BẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0232

多方面

duō fāng miàn

nhiều phương diện, đa phương diện, nhiều mặt

国家从科研经费投入、人才税收优惠与成果转化激励等多方面出台有力举措，全面激发全社会创新创造活力。

Guó jiā cóng kē yán jīng fèi tóu rù, rén cái shuì shuǐ yōu huì yǔ chéng guǒ zhuǎn huà jī lì děng duō fāng miàn chū tái yǒu lì cuò, quán miàn jī fā quán shè huì chuàng xīn chuàng zào huó lì.

Nhà nước từ nhiều mặt nhiều phương diện đa phương diện như khích lệ chuyển hóa thành quả, ưu đãi thuế nhân tài và đầu tư kinh phí nghiên cứu khoa học đã ban hành các giải pháp đặc lực, khơi dậy toàn diện sức sống sáng tạo đối mới toàn xã hội.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: ĐA PHƯƠNG DIỆN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0233

多媒体

duō méi tǐ

đa phương tiện, multimedia

国家数字科技馆运用全息互动多媒体技术，让广大青少年身临其境感受深空探测与微观物理的神奇奥秘。

Guó jiā shù zì kē jiǎng yùn yòng quán xī hù dòng duō méi tǐ jì shù, ràng guǎng dà qīng nián shēn lín qí jìng gǎn shòu shēn kōng tàn cè yǔ wēi guān wù lǐ de shén qí ào mì.

Bảo tàng Khoa học Công nghệ Kỹ thuật số Quốc gia ứng dụng công nghệ đa phương tiện đa phương tiện tương tác hologram, giúp đồng đảo thanh thiếu niên được đích thân cảm nhận những điều huyền bí kỳ diệu của vật lý vi mô và thăm trức không gian sâu.

📖 30 nét

HÁN VIỆT: ĐA MÔI THỂ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0234

夺

duó

đoạt lấy, giành lấy, cướp lấy; vượt lên

在世界技能大赛数控精密加工项目中，我国青年大国工匠沉着迎战、一举夺得全球总冠军金牌。

Zài shì jiè jì néng dà sài shù kòng jīng mì jiā gōng xiàng mù zhōng, wǒ guó qīng nián dà guó gōng jiàng chén zhuó yíng zhàn, yí jǔ duó de quán qiú zòng guān jūn jīn pǎi.

Tại nội dung thi gia công chính xác điều khiển số (CNC) của Cuộc thi Kỹ năng Thế giới, người thợ bậc thầy nước lớn trẻ tuổi của nước ta đã bình tĩnh thi đấu, một mạch giành lấy đoạt lấy tấm huy chương vàng quán quân toàn cầu.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: ĐOẠT



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0235

夺取

duóqǔ

giành lấy, đoạt lấy, giành thắng lợi

我们要发扬敢打硬仗、能打胜仗的拼搏精神，坚决夺取关键核心技术自主攻坚战的全面胜利。

Wǒ men yào fā yáng gǎn dǎ yìng zhàng, néng dǎ shèng zhàng de pīn bó jīng shén, jiān jué duó qǔ guān jiàn hé xīn jī shù zì zhǔ gōng jīn zhàn de quán miàn shèng lì.

Chúng ta phải phát huy tinh thần phấn đấu dám đánh trận khó, có thể đánh thắng trận, kiên quyết đoạt lấy giành lấy thắng lợi toàn diện của trận đánh lớn tự chủ vượt khó công nghệ lõi then chốt.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐOẠT THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0236

恩人

ēnrén

ân nhân, người có ơn cứu mạng

在抗洪抢险一线，被困群众紧紧拉着人民子弟兵应急救援队的手，热泪盈眶地连声道谢救命恩人。

Zài kàng hóng qiǎng xiǎn yī xiàn, bèi kùn qún zhòng jīn jīn lā zhe rén mǐn zǐ dì bīng yìng jí jiǔ yuán duì yuán de shǒu, rè lèi yíng kuàng dì lián shēng dào xiè jiù mìng ēn rén.

Nơi tuyến đầu chống lũ cứu hộ, bà con nhân dân bị mắc kẹt nắm chặt lấy tay các chiến sĩ cứu nạn khẩn cấp bộ đội con em nhân dân, nước mắt rưng rưng xúc động liên tục nói lời cảm ơn người có ơn ân nhân cứu mạng.

23 nét

HÁN VIỆT: ÂN NHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0237

儿科

érkē

khoa nhi, nhi khoa

国家儿童医学中心依托人工智能与基因测序技术，在儿科罕见遗传病精准诊断与个性化治疗上取得重大突破。

Guó jiā ér tóng yī xué zhōng xīn yī tuō rén gōng zhì néng yǐ jī yīn cè xù jì shù, zài ér kē hǎn jiàn yí chuán bǐng jǐng zhùn zhěn duàn yǔ gè xìng huà zhì liáo shàng qǔ dé zhòng dà tū pò.

Trung tâm Y học Trẻ em Quốc gia dựa vào công nghệ giải trình tự gen và trí tuệ nhân tạo đã đạt được đột phá trọng đại trong điều trị cá thể hóa và chẩn đoán chuẩn xác các bệnh di truyền hiếm gặp ở khoa nhi nhi khoa.

18 nét

HÁN VIỆT: NHÂN KHOA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0238

发病

fābìng

phát bệnh, khởi phát bệnh, bùng phát bệnh

科研团队深入解析了阿尔茨海默病在微观神经突触层面的早期分子发病机制，为研发靶向新药提供了全新靶点。

Kē yán tuán duì shēn rù jiě xī le Ā ěr cǐ hǎi mò bìng zài wēi guān shén jīng tǔ chù céng miàn de zǎo qī fēn zǐ fā bìng jī zhī, wèi yán fā bǎ xiàng xiān yào tí gòng le quán xīn bǎ diǎn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã phân tích sâu sắc cơ chế phát bệnh khởi phát bệnh phân tử giai đoạn sớm ở cấp độ synap thần kinh vi mô của bệnh Alzheimer, mang lại đích tác động hoàn toàn mới cho việc nghiên cứu phát triển thuốc mới nhằm trúng đích.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÁT BỆNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0239

发电

fādiàn

phát điện, sản xuất điện năng; đánh điện tín

全球单机容量最大十六兆瓦海上风电机组在东海海域成功并网发电，年发电量可满足数万户家庭用电需求。

Quán qiú dān jī róng liàng zuì dà shí liù zhào wǎ hǎi shàng fēng diàn jī zǔ zài dōng hǎi yù chéng gōng bìng wǎng fā diàn, nián fā diàn liàng kě mǎn zú shù wàn hù jiā tīng yòng diàn xū qiú.

Tổ máy phát điện điện gió ngoài khơi 16 MW công suất đơn máy lớn nhất toàn cầu đã hòa lưới phát điện thành công tại vùng biển Đông Hải, sản lượng điện hàng năm có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của hàng vạn hộ gia đình.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÁT ĐIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0240

发放

fāfàng

phát cấp, chi trả, phân phát (tiền/học bổng)

国家全面落实对青年战略科技拔尖人才的精准支持，足额按时发放国家优秀青年科学基金专项资助经费。

Guó jiā quán miàn luò shí duì qīng nián zhàn lüè kē jì bǎ jiān rén cái de jīng zhǔn zhī chí, zú é àn shí fā fàng guó jiā yōu xiù qīng nián kē xué jī jīn zhuān xiàng zī zhù jīng fèi.

Nhà nước thực thi toàn diện sự hỗ trợ chuẩn xác đối với nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ chiến lược thanh niên, chi trả phân phát phát cấp kịp thời đầy đủ kinh phí tài trợ chuyên án Quỹ Khoa học Thanh niên Xuất sắc Quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÁT PHÓNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0241

发怒

fānù

nổi giận, phát cáu, dưng dưng nổi giận

在面对复杂的工程技术分歧时，总设计师始终保持沉着冷静与从容气度，决不因意见相左而轻易发怒。

Zài miàn duì fù zá de gōng chéng jì shù fēn qí shí, zǒng shè jī shǐ shì zhōng báo chí chén zhuō lèng jìng yǔ cóng róng qì dù, jué bù yīn yì jiàn xiāng zuǒ ér qīng yì fā nù.

Khi đứng trước những bất đồng kỹ thuật công trình phức tạp, vị tổng công trình sư luôn giữ vững phong thái điềm tĩnh ung dung và bình tĩnh, tuyệt đối không vì ý kiến trái chiều mà tùy tiện phát cáu nổi giận.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÁT NỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0242

发起

fāqǐ

khởi xướng, phát động, khởi xướng tổ chức

中国科学院联合全球多个顶尖学术机构共同发起国际深空探测联合科学计划，推动全人类和平探索宇宙。

Zhōng guó kē xué yuán lián hé quán qiú duō gè dīng jiān xué shù jī gòu gòng tóng fā qǐ guó jì shēn kōng tàn cè lián hé kē xué jì huà, tuī dòng quán rén lèi hé píng tàn sù yǔ zhòu.

Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc liên kết cùng nhiều cơ quan học thuật hàng đầu toàn cầu cùng nhau phát động khởi xướng Kế hoạch Khoa học Liên hợp Thăm trắc Không gian Sâu Quốc tế, thúc đẩy toàn nhân loại thám hiểm vũ trụ vì hòa bình.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÁT KHỞI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0243

发言人

fāyánrén

người phát ngôn, phát ngôn viên chính thức

国家航天局新闻发言人在中外记者发布会上庄重宣布，我国新一代载人月球探测工程已全面进入实施阶段。

Guó jiā háng tiān jù xīn wén fā yán rén zài zhōng wài jì zhě fā bù huì shàng zhuāng zhòng xuān bù, wǒ guó xīn yí dài zài rén yuè qiú tàn cè gōng chéng yì quán miàn jìn rù shí shī jiē duàn.

Người phát ngôn phát ngôn viên báo chí Cục Vũ trụ Quốc gia tại buổi họp báo phóng viên trong và ngoài nước đã trang trọng tuyên bố rằng công trình thám trắc Mặt Trăng có người lái thế hệ mới của nước ta đã bước vào giai đoạn thực thi toàn diện.

33 nét

HÁN VIỆT: PHÁT NGÔN NHÂN



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0244

发炎

fā yán

viêm, sưng viêm, phát viêm

在术后康复期间，医护人员定时细致观察创口愈合情况，并采用新型纳米抗菌敷料有效防止伤口发炎感染。

Zài shù hòu kāng fù qī jiān, yī hù rén yuán dīng shí xī zhì guān chá chuāng kǒu yù hé qīng kuàng, bìng cǎi yòng xīn xíng nà mǐ kàng jūn fū liào yǒu xiào fáng zhǐ shāng kǒu fā yán gān rǎn.

Trong thời gian phục hồi sau phẫu thuật, đội ngũ y tế định kỳ quan sát tỉ mỉ tình trạng lành vết mổ, đồng thời áp dụng băng gạc nano kháng khuẩn kiểu mới để ngăn ngừa vết thương sưng viêm nhiễm trùng hiệu quả.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÁT VIÊM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0245

法庭

fǎ tíng

tòa án, phiên tòa, phòng xét xử
pháp đình

国家知识产权法庭依法审理重大涉高新技术发明专利侵权纠纷，坚决保护科技创新主体的合法权益。

Guó jiā zhī shǐ chǎn quán fǎ tíng yī fǎ shěn lǐ zhòng dà shè gāo xīn jì shù fā míng zhuan lì qīn quán jiū fēn, jiǎn jué bǎo hù kē jì chuàng xīn zhǔ tǐ de hé fǎ quán yì.

Tòa án Tòa án Sở hữu Trí tuệ Quốc gia theo quy định của pháp luật đã xét xử các vụ tranh chấp xâm phạm bằng sáng chế phát minh liên quan đến công nghệ cao trọng đại, kiên quyết bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các chủ thể đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÁP ĐÌNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#0246

法语

Fǎ yǔ

tiếng Pháp

在联合国多边国际科学合作论坛上，同声传译系统实现了中文、英语与法语等多语种的秒级高精度实时互译。

Zài lián hé guó duō biān guó jì kē xué hé zuò lùn tán shàng, tóng shēng chuán yì xì tǒng shí xiàn le zhōng wén, yīng yǔ yǔ fǎ yǔ děng duō yǔ zhǒng de miǎo jí gāo jīng dù shí shí hù yì.

Tại Diễn đàn Hợp tác Khoa học Quốc tế Đa phương Liên Hợp Quốc, hệ thống dịch cabin song song đã thực hiện dịch thuật chuẩn xác thời gian thực cấp độ giây giữa nhiều ngôn ngữ như tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Trung.

19 nét

HÁN VIỆT: PHÁP NGỮ

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#0247

番

fān

lần, phen, hồi (trận); gấp bội (lần)

经过几代科技工作者数十年如一日的艰苦一番番接力探索，我国空间遥感成像分辨率实现了质的跨越式跃升。

Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí nián rú yì rì de jiān kǔ yī fān fān jiē lì tàn suǒ, wǒ guó kōng jiān yáo gǎn chéng xiàng fēn biàn lǜ shí xiàn le zhì de kuà yuè shì yuè shēng.

Trải qua biết bao phen tiếp sức kiếm tìm gian nan dang dằng hàng chục năm như một của nhiều thế hệ cán bộ khoa học công nghệ, độ phân giải chụp ảnh viễn thám không gian của nước ta đã đạt được bước nhảy vọt vượt bậc về chất.

8 nét

HÁN VIỆT: PHAN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0248

番茄

fān qié

cà chua, quả cà chua

在航天生态生保系统太空植物栽培舱内，航天员成功培育采摘出了鲜嫩多汁的太空航天育种樱桃番茄。

Zài háng tiān shēng tài shēng bǎo xì tǒng tài kōng zhī wú zāi péi cāng nèi, háng tiān yuán chéng gōng péi yù cái zhāi chū le xiān nèn duō zhī de tài kōng háng tiān yù zhòng yīng táo fān qié.

Bên trong khoang canh tác thực vật không gian của hệ thống sinh thái bảo đảm sinh mạng hàng không vũ trụ, các phi hành gia đã nhân giống trồng trọt thu hoạch thành công quả cà chua cà chua bí nhân giống vũ trụ tưới mọng nước.

19 nét

HÁN VIỆT: PHAN GIA

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#0249

凡是

fán shì

hễ là, phàm là, bất cứ

凡是有利于保护生态环境与增进民生福祉的惠民举措，政府都将不遗余力地大力推进。

Fán shì yǒu lì yú bǎo hù shēng tài huán jīng yǔ zēng jìn mǐn shēng fú zhǐ de huì mǐn jǔ cuò, zhèng fǔ dōu jiāng bù yí yú lì dì dà lì tuī jìn.

Bất cứ chủ trương vì dân nào có lợi cho việc bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao phúc lợi đời sống nhân dân, chính phủ đều sẽ dốc toàn lực đẩy mạnh thực hiện.

19 nét

HÁN VIỆT: PHẠM THỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0250

繁殖

fán zhí

sinh sản, nhân giống, sinh sôi nảy nở

通过攻克野生动物人工受精与胚胎移植关键技术，我国珍稀濒危物种朱鹮与人工繁育大熊猫种群规模实现了稳步扩大。

Tōng guò gōng kè yě shēng dòng wù rén gōng féi shuō yǔ tāi zhuān yí zhǐ guān jiàn jì shù, wǒ guó zhēn xī bīn wēi wù zhǒng zhū huán yǔ rén gōng fán yù dà xióng māo zhǒng qún guī mó shí xiàn le wěn bù kuò dà.

Nhờ vào việc chinh phục các công nghệ then chốt về thụ tinh nhân tạo và cấy ghép phôi cho động vật hoang dã, quy mô quần thể loài chim cổ quăm mào và gấu trúc lớn nhân giống nhân tạo quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng nước ta đã tăng trưởng mở rộng ổn định.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỒN THỰC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0251

反抗

fǎn kàng

phản kháng, kháng cự, vùng lên
chống lại

在近代全民族救亡图存的英勇斗争中，中华儿女面对外敌入侵进行了不屈不挠、惊天动地的顽强反抗。

Zài jìn dài quán mín zǐ jiù wáng tú cún de yīng yǒng dòu zhēng zhōng, zhōng huá ér nǚ miàn duì wài dí rù qín jìn xíng le bù qū bù náo, jīng tiān dòng dì de wán qiáng fǎn kàng.

Trong cuộc đấu tranh anh dũng cứu nước cứu đời của toàn dân tộc thời cận đại, những người con đất nước đứng trước quân thù ngoại bang xâm lược đã tiến hành cuộc phản kháng ngoan cường bất khuất rung chuyển trời đất.

25 nét

HÁN VIỆT: PHẢN KHÁNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0252

反问

fǎn wèn

hỏi vặn lại, chất vấn ngược lại, câu hỏi tu từ

面对外媒记者的无理刁难挑衅，外交部发言人以无可辩驳的历史事实一连进行了有力的连续反问，令对方哑口无言。

Miàn duì wài méi jì zhě de wú lǐ diāo nàn tiǎo xīn, wài jiāo bù fā yán rén yǐ wú kě biàn bó de lì shǐ shí shí yǐ lián jìn xíng le yǒu lì de lián xù fǎn wèn, lìng duì fāng yǎ kǒu wú yán.

Đứng trước sự gây khó dễ khiêu khích vô lý của phóng viên báo chí nước ngoài, người phát ngôn Bộ Ngoại giao bằng những sự thật lịch sử không thể chối cãi đã liên tục đặt ra những câu hỏi vặn lại đầy danh thép, khiến đối phương phải cứng họng không nói nên lời.

22 nét

HÁN VIỆT: PHẢN VẤN


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0253

反响

fǎnxiǎng

tiếng vang, phản hồi phản ứng của dư luận

我国科研团队在超导量子计算领域取得的颠覆性原创突破在国际顶级学术界引起了极其热烈的强烈反响。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài dǎo chāo dào liàng zì jì suàn lǐng yù qū dé de diǎn fù xīng yuán chuàng tūng pò zài guó jì dǐng jí xué shù jiè yīn qǐ le jí qí rè liè de qiáng liè fǎn xiǎng.

Bước đột phá nguyên tác mang tính cách mạng mà đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đạt được trong lĩnh vực tính toán lượng tử siêu dẫn đã tạo nên tiếng vang phản hồi vô cùng sôi nổi và mãnh liệt trong giới học thuật đỉnh cao quốc tế.

23 nét

 HÁN VIỆT: **PHẢN HƯỞNG**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#0254

犯

fàn

phạm phải, mắc phải; xúc phạm xâm phạm

在精密航天发射工程中，我们必须坚持极端严谨科学的态度，坚决做到防微杜渐，绝不犯低级粗心的技术错误。

Zài jīng mì háng tiān fā shè gōng chéng zhōng, wǒ men bì xū jiǎn chí jí duǎn yán jīn kē xué de tài dù, jiǎn jué zuò dào fáng wēi dù jiàn, jué bù fàn dī jí cū xīn de jì shù cuò wù.

Trong công trình phóng hàng không vũ trụ chính xác, chúng ta bắt buộc phải giữ vững thái độ khoa học cực kỳ nghiêm cẩn, kiên quyết phòng ngừa từ những việc nhỏ nhất, tuyệt đối không mắc phải phạm phải những sai lầm kỹ thuật cầu thủ sơ đẳng.

9 nét

 HÁN VIỆT: **PHẠM**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0255

犯规

fànguī

phạm quy, phạm luật (trong thi đấu/quy chế)

在国际机器人智能足球锦标赛中，视觉算法裁判系统能够毫秒级精准识别并判定机器人的任何越界与碰撞犯规。

Zài guó jī qì rén zhì néng zú qiú jīn biāo sài zhōng, shì jué suàn fǎ cái pàn xì tǒng néng gòu háo miǎo jí jīng zhǔn shí bié bìng pàn dīng jī qì rén de rèn hé yuè jiè yǔ pèng chuāng fàn guī.

Tại Giải Vô địch Bóng đá Thông minh Robot Quốc tế, hệ thống trọng tài thuật toán thị giác có thể nhận diện và phán định chuẩn xác cấp độ mili-giây bất kỳ lỗi va chạm và vi phạm quy phạm luật nào của robot.

19 nét

 HÁN VIỆT: **PHẠM QUY**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0256

犯罪

fànzui

phạm tội, hành vi phạm tội phạm pháp

国家公安网安部门运用大数据与人工智能深度分析技术，依法严厉打击跨境电信网络诈骗等新型违法犯罪。

Guó jiā gōng ān wǎng ān bù yùn yòng dà shù jù yǔ rén gōng zhì néng shēn dù fēn xī jì shù, yī fǎ yán lì dǎ jī kuà yìng diàn xìn wǎng luò zhà piàn dēng xīn xíng wéi fǎ fàn zuì.

Lực lượng an ninh mạng công an quốc gia áp dụng công nghệ phân tích sâu trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các hành vi phạm tội phạm kiểu mới như lừa đảo mạng viễn thông xuyên biên giới.

22 nét

 HÁN VIỆT: **PHẠM TỘI**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0257

防范

fángfàn

phòng ngừa, đề phòng, phòng bị rủi ro

我们要全面强化底线思维，有效防范和化解人工智能等新兴前沿科技发展中可能伴生的伦理与安全风险。

Wǒ men yào quán miàn qiáng huà dǐ xiàn sī wéi, yǒu xiào fáng fàn hé huà jiě rén gōng zhì néng děng xīn xíng qián yán kē jì fā zhǎn zhōng kě néng bàn shēng de lǚ lǐ yǔ ān quán fēng xiǎn.

Chúng ta phải tăng cường toàn diện tư duy lẫn ranh độ, hóa giải và phòng ngừa phòng bị để phòng hiệu quả các rủi ro an toàn và đạo đức có thể nảy sinh kèm theo trong sự phát triển của công nghệ tiên phong mới nổi như trí tuệ nhân tạo.

24 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG PHẠM**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0258

防守

fángshǒu

phòng thủ, phòng ngự, giữ chốt

国家网络安全防护体系构建了全天候纵深动态防御矩阵，牢牢守住了关键信息基础设施与金融数据安全的坚固防守防线。

Guó jiā wǎng luò ān quán fáng hù tǐ xì gòu jiàn le quán tiān hòu zòng shēn dòng tài fáng yù jǔ zhēn, láo láo shǒu zhù le guān jiàn xìn xī jī chǔ shè shǐ yǔ jīn róng shù jù ān quán de jiān gù fáng shǒu fáng xiǎn.

Hệ thống bảo vệ an ninh mạng quốc gia đã xây dựng ma trận phòng ngự động thái theo chiều sâu suốt 24/7, giữ vững chắc chắn phòng tuyến phòng thủ kiên cố bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin trọng yếu và an toàn dữ liệu tài chính.

25 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG THỦ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0259

房价

fángjià

giá nhà ở, giá bất động sản nhà đất

国家坚持“房子是用来住的、不是用来炒的”定位，因城施策统筹做好保交楼与稳房价稳预期工作。

Guó jiā jiān chí "fáng zǐ shì yòng lái zhù de, bú shì yòng lái chǎo de" dìng wèi, yīn chéng shì cè tǒng chóu zuò hào bào jiāo lóu yǔ wěn fáng jià wěn yù qī gōng zuò.

Nhà nước kiên trì định vị 'Nhà là để ở, không phải để đầu cơ lướt sóng', tùy theo tình hình từng thành phố để điều hành đồng bộ làm tốt công tác ổn định kỳ vọng, ổn định giá nhà ở giá nhà và bảo đảm bàn giao nhà.

22 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG GIÁ**
HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0260

仿佛

fǎng fú

dường như, tựa như, ngỡ như

漫步在雨后烟波浩渺的江南古镇石板路上，空气中弥漫着丁香花香，仿佛置身于水墨画卷之中。

Màn bù zài yǔ hòu yān bō hào miǎo de jiāng nán gǔ zhèn shí bǎn lù shàng, kōng qì zhōng mǐ máng zhe dīng xiāng huā xiāng, fǎng fú zhì shēn yú shuǐ mò huà juǎn zhī zhōng.

Đạo bước trên con đường lát đá của thị trấn cổ Giang Nam khỏi sương mờ ảo sau cơn mưa, không gian thoáng thoang hương hoa đinh hương, ngỡ như đang lạc bước giữa một bức tranh thủy mặc hữu tình.

17 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG PHẠT**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0261

飞船

fēichuán

tàu vũ trụ, phi thuyền không gian

神舟载人飞船与天和核心舱在浩瀚太空中顺利完成全自主快速交会对接，航天员乘组从容入驻空间站。

Shén zhōu zài rén fēi chuán yǔ tiān hé hé xīn cāng zài hào hàn tài kōng zhōng shùn lì wán chéng quán zì zhǔ kuài sù jiāo huì duì jiē, háng tiān yuán chéng zǔ cóng róng rù zhù kōng jiān zhàn.

Tàu vũ trụ phi thuyền có người lái Thần Châu và khoang cốt lõi Thiên Hòa đã hoàn thành thuận lợi việc ghép nối giao hội nhanh hoàn toàn tự chủ giữa vũ trụ bao la, phi hành đoàn ung dung tiến vào trạm vũ trụ.

23 nét

 HÁN VIỆT: **PHI THUYỀN**



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0262

飞行员

fēixíngyuán

phi công, người lái máy bay

我国新一代隐身隐形歼击机试飞员凭借精湛绝伦的飞行技艺与过人胆魄，圆满完成各项极端工况试飞极限科目。

Wǒ guó xīn yí dài yǐn shēn yǐn xíng jiān jī jī shì fēi yuán píng jié jīng zhàn jué lún de fēi xíng jì yì yǔ guò rén dǎn pò, yuán mǎn wán chéng gè xiàng jí duān gōng kuàng shì fēi jī xiàn kē mù.

Phi công người lái máy bay bay thử dòng máy bay tiêm kích tàng hình thế hệ mới của nước ta nhờ vào lòng can đảm phi thường và kỹ năng bay tuyệt đỉnh đã hoàn thành mỹ mãn các hạng mục thử nghiệm bay giới hạn điều kiện làm việc cực đoan.

35 nét

HÁN VIỆT: PHI HÀNG VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0263

肺

fèi

phổi

广袤茂密的原始森林被称为“地球之肺”，在吸收二氧化碳与维持全球碳氧平衡中发挥着核心作用。

Guǎng mào mào mì de yuán shǐ sēn lín bèi chēng wéi "dì qiú zhī fèi", zài xī shōu èr yǎng huà tàn yǔ wéi chí quán qiú tàn yǎng píng héng zhōng fā hūi zhēn zhōng yòng.

Những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn rậm rạp được mệnh danh là 'Lá phổi xanh của Trái Đất', giữ vai trò cốt lõi trong việc hấp thụ khí CO2 và duy trì sự cân bằng carbon - oxy toàn cầu.

13 nét

HÁN VIỆT: PHẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0264

分工

fēngōng

phân công, phân chia nhiệm vụ công việc

在大科学工程协同攻关中，各跨学科子团队明确职责分工、紧密协作配合，汇聚成了强大的创新攻坚合力。

Zài dà kē xué gōng chéng xié tóng gōng guān zhōng, gè kuà xué kē zī tuán duì míng què zhī zé fēn gōng, jīn mǐ xié zuò pèi hé, huì jù chéng le qiáng dà de chuāng xīn gōng jīn hé lì.

Trong công tác vượt khó hiệp đồng công trình khoa học lớn, các nhóm con liên ngành xác định rõ ràng phân công phân chia nhiệm vụ trách nhiệm, phối hợp cộng tác chặt chẽ, quy tụ thành sức mạnh hợp lực vượt khó đối mỗi sáng tạo hùng hậu.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÂN CÔNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0265

分裂

fēn liè

phân chia, phân bào; chia rẽ, phân liệt

国家主权、安全和领土完整神圣不可侵犯，全党全军全国各族人民坚决粉碎一切企图分裂国家的图谋与行径。

Guó jiā zhǔ quán, ān quán hé lǐng tǔ wán zhěng shén shèng bù kě qīn fǎn, quán dǎng quán jūn quán guó gè zú rén mín jiǎn jué fēn suì yì qí tuó fēn liè guó jiā de tú móu yǔ xíng jìng.

Chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm, toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trên cả nước kiên quyết đập tan mọi mưu toan và hành vi hòng chia rẽ đất nước.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÂN LIỆT

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0266

愤怒

fèn nù

phẫn nộ, căm phẫn, giận dữ

目睹不法分子肆意破坏国家重点保护珍稀动物的恶劣行径，现场群众感到无比愤怒。

Mù dǔ bù fǎ fēn zǐ sī yì pò huài guó jiā zhòng diǎn bǎo hù zhēn xī wén wù de è liè xíng jìng, xiàn chǎng qún zhòng gǎn dào wú bǐ fèn nù.

Tận mắt chứng kiến hành vi xấu xa của những kẻ bất lương ngang nhiên phá hoại các cổ vật quý hiếm được bảo vệ trọng điểm của quốc gia, người dân có mặt tại hiện trường vô cùng phẫn nộ.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẪN NỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0267

风暴

fēng bão

cơn bão, phong ba bão táp; làn sóng biến động

面对突如其来的全球金融海啸与经贸风暴，我国依托超大规模国内市场与强大韧性经受了严峻考验。

Miàn duì tū rú qí lái de quán qiú jīn róng hǎi xiào yǔ jīng mào fēng bão, wǒ guó yī tuō chāo dà mó guó nèi shì chǎng yú qiáng dà rèn xíng jīng shòu zhǔ le yán jùn kǎo yàn.

Đứng trước cơn sóng thần tài chính và cơn bão kinh tế thương mại toàn cầu ập đến bất ngờ, nước ta dựa vào thị trường nội địa siêu quy mô và sức bền dẻo dai mạnh mẽ đã vượt qua kỳ sát hạch thử thách gay gắt.

18 nét

HÁN VIỆT: PHONG BẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0268

峰会

fēng huì

hội nghị thượng đỉnh, hội nghị cấp cao

在世界科技创新峰会上，全球五十多个国家的顶尖科学家共同签署了人类开放科学前沿合作倡议。

Zài shì jiè kē jī chuāng xīn fēng huì kǎi mǔ shì shàng, quán qiú wú shí duō gè guó jiā de dīng jiān kē xué jiā gòng tóng qiān shù le rén lèi kāi fàng kē xué qián yán hé zuò cháng yì.

Tại lễ khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh Hội nghị cấp cao Đối mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Thế giới, các nhà khoa học hàng đầu từ hơn 50 quốc gia trên toàn cầu đã cùng ký kết Sáng kiến Hợp tác Tiên phong Khoa học Mở Nhân loại.

28 nét

HÁN VIỆT: PHONG HỘI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0269

奉献

fèng xiàn

cống hiến, hiến dâng, phụng hiến

无数乡村教师与基层医务工作者将青春与汗水无私奉献给了偏远山区的教育和医疗卫生事业。

Wú shù xiāng cūn jiāo shī yǔ jī céng yī wù gōng zuò zhě jiāng qīng chūn yǔ hàn shuǐ wú sī fèng xiàn gěi le piān yuǎn shān qū de jiàoyù yǔ yī liáo wèi shēng shì yè.

Biết bao thầy cô giáo cảm bàn và nhân viên y tế cơ sở đã không tiếc thanh xuân và mồ hôi vô tư cống hiến cho sự nghiệp y tế chăm sóc sức khỏe và giáo dục nơi vùng núi cao xa xôi hẻo lánh.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỤNG HIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0270

佛

fó

Phật, Đức Phật; tượng Phật

敦煌莫高窟壁画与石窟大佛利用先进的纳米级高保真数字扫描与多光谱防褪色技术，实现了永久高精度数字化保存。

Dūn huáng mò gāo kū bì huà yǔ shí kuāng dà fú lì yòng xiān jīn de nà mǐ jí gāo bǎo zhēn shù zì sǎo máo yǔ duō guāng pǔ fáng tuì sè jì shù, shí xiàn le yǒng jiǔ gāo jīng dù shù zì huà bǎo cún.

Bích họa hang Mạc Cao Đôn Hoàng và tượng Phật hang đá áp dụng công nghệ chống phai màu đa phổ và quét kỹ thuật số độ trung thực cao cấp độ nano tiên tiến, đã thực hiện bảo tồn kỹ thuật số độ chính xác cao vĩnh viễn.

9 nét

HÁN VIỆT: PHẬT


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0271

佛教

Fójiào
Phật giáo, đạo Phật

佛教自汉代传入中国后与中华传统本土文化深度交融互鉴，形成了独具东方魅力的中华佛教文化遗产。

Fó jiào zì hàn dài chuán rù zhōng guó hòu yǔ zhōng huá chuán tǒng běn tǔ wén huà shēn dù jiāo róng hù jiàn, xíng chéng le dú jù dōng fāng mèi lì de zhōng guó fó jiào wén huà yí chǎn.

Phật giáo sau khi truyền vào Trung Quốc từ thời nhà Hán đã dung hợp giao lưu sâu sắc cùng văn hóa bản địa truyền thống Trung Hoa, hình thành nên di sản văn hóa Phật giáo Phật giáo Trung Hoa mang sức quyến rũ phương Đông độc đáo.

20 nét

 HÁN VIỆT : **PHẬT GIÁO**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#0272

服

fú
phục vụ

老师鼓励大家积极服，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực phục vụ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤC**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0273

浮

fú
nổi, nổi lên trên mặt nước; bề nổi hời hợt

做科学研究容不得任何浮躁虚华，广大科技工作者要坐住坐稳“冷板凳”，下苦功夫潜心攻克底层硬核技术。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé rén hé fú zào xū huá, guāng dà kē jì gōng zuò zhě yào zuò zhù zuò wěn "lěng bǎn dēng", xià kǔ gōng fu qián xīn gōng kè dī céng yìng hé ji shù.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho bất kỳ sự hời hợt bề nổi xốc nổi phù hoa nào, đông đảo những người làm khoa học phải ngồi vững ngồi yên trên 'ghế板凳 lạnh', dày công khổ luyện chuyên tâm chinh phục công nghệ lõi cứng tận đáy.

8 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0274

父女

fù nǚ
cha và con gái, hai cha con

老一辈国防科技功勋科学家与同样投身航天科研一线的女儿，谱写了一段两代父女接力科技报国的动人佳话。

Lǎo yī bèi guó fáng kē jì gōng xūn kē xué jiā yǔ tóng yàng tóu shēn háng tiān kē yán yī xiàn de nǚ ér, pǔ xiě le yī duàn liǎng dài fù nǚ jiē lì kē jì bào guó de dòng rén jiā huà.

Nhà khoa học có công lao khoa học công nghệ quốc phòng tiền bối cùng người con gái cũng dẫn thân nơi tuyến đầu nghiên cứu hàng không vũ trụ đã viết nên một giai thoại cảm động về hai thế hệ cha và con gái cha con tiếp sức phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

24 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤ NỮ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0275

父子

fù zǐ
cha và con trai, hai cha con

两代地质科学家父子接续扎根青藏高原五十载，为查明国家深处战略资源储量作出了卓越历史贡献。

Liǎng dài dì zhì kē xué jiā fù zǐ jiē xù zhā gēn qīng zàng gāo yuán wú shí zài, wéi chá míng guó jiā shēn dì zhàn lǚ zī yuán chǔ liàng zuò chū le zhuó yuè lì shǐ gòng xiàn.

Hai thế hệ nhà khoa học địa chất hai cha con cha và con trai đã liên tục cắm rễ nơi cao nguyên Thanh Tạng suốt 50 năm qua, lập nên những cống hiến lịch sử trác việt cho việc xác minh trữ lượng tài nguyên chiến lược lòng đất sâu quốc gia.

25 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤ TỬ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0276

妇女

fù nǚ
phụ nữ

保障广大妇女儿童的合法权益并促进性别平等，是衡量社会文明进步的重要标志。

Bǎo zhàng guǎng dà fù nǚ ér tóng de hé fǎ quán yì bìng cù jìn xìng bié píng děng, shì héng liáng shè huì wén míng jìn bù de zhòng yào biāo zhì.

Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đông đảo phụ nữ và trẻ em cùng việc thúc đẩy bình đẳng giới là thước đo quan trọng đánh giá sự tiến bộ văn minh của xã hội.

19 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤ NỮ**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0277

负

fù
gánh vác; mang theo; âm (số âm/ điện tích âm); thua

广大青年科技骨干勇挑重担、不负韶华，在前沿科学攻关中勇当敢为人先的排头兵。

Guǎng dà qīng nián gǔ gàn yǒng tiǎo zhòng dān, bù fù shào huá, zài qián yán kē xué gōng guān zhōng yǒng dǎng gǎn wéi rén xiān de pái tóu bīng.

Đông đảo các cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ trẻ tuổi dũng cảm gánh vác gánh vác trọng trách, không phụ thắm năm thanh xuân, dũng cảm làm người lính đi đầu dám đi trước thiên hạ trong các trận đánh khoa học tiên phong.

8 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤ**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0278

复苏

fù sū
phục hồi, hồi sinh, phục hồi khởi sắc

随着国家宏观组合政策协同发力，高技术制造业与绿色低碳产业全面强劲复苏、展现出蓬勃生机。

Suí zhe guó jiā hóng guān zǔ hé zhèng cè xié tóng fā lì, gāo jì shù zhì zào yè yǔ yù lǜ sè dī tàn chān yè quán miàn qiáng jīng fù sū, zhǎn xiàn chū péng bó shēng jī.

Cùng với việc các chính sách hỗ trợ vĩ mô của Nhà nước hiệp đồng phát huy hiệu quả, ngành chế tạo công nghệ cao và ngành công nghiệp xanh ít phát thải carbon đã hồi sinh phục hồi mạnh mẽ toàn diện, phô diễn sức sống dạt dào.

27 nét

 HÁN VIỆT : **PHỤC TỒ**
HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Tính từ

#0279

副

fù
bộ, đôi (lượng từ); phó, phụ (phó viện trưởng, phó tổng)

在大科学工程总指挥部统一领导下，常务副总设计师深入施工一线现场督导关键设备精密安装。

Zài dà kē xué gōng chéng zǒng zhǐ huī bù tǒng yǐ líng dǎo xià, cháng wù fù zǒng shè jì shī shēn rù shī gōng yī xiàn xiàn chǎng dū dǎo guān jiàn shè bèi jīng mì ān zhuāng.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Bộ Tổng Chỉ huy công trình khoa học lớn, vị Phó Tổng Công trình sư thường trực đã đi sâu vào tuyến đầu hiện trường thi công giám sát lắp đặt chính xác các thiết bị then chốt.

13 nét

 HÁN VIỆT : **PHÓ**


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0280

富人

fùrén

người giàu, người giàu có

国家坚持把实现全体人民共同富裕作为中国式现代化的本质要求，坚决防止两极分化与过度贫富差距。

Guó jiā jiān chí bǎ shí xiàn quán tǐ rén mín gòng tóng fù yú zuò wéi zhōng guó shì xiàn dài huà de běn zhì yāo qiú, jiǎn jué fēng zhì liǎng jí fēn huà yǔ guò dù pín fù chā jù.

Nhà nước kiên trì lấy việc thực hiện toàn thể nhân dân cùng giàu có (cùng chung thịnh vượng) làm yêu cầu bản chất của hiện đại hóa kiểu Trung Quốc, kiên quyết ngăn ngừa sự phân hóa hai cực giữa người nghèo và người giàu người giàu có.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÚ NHÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0281

富有

fùyǒu

giàu có, giàu tính, tràn đầy dồi dào

青年科学家群体思想活跃、敢于打破常规，是一支最具原始创新潜力与富有探索活力的生力军。

Qīng nián kē xué jiā qún tǐ sī xiǎng huó yuè, gǎn yú dǎ pò cháng guī, shì yí zhī zuì yuán shǐ chuàng xīn qián lì yǔ fù yǒu tàn suǒ huó lì de shēng lì jūn.

Tập thể các nhà khoa học trẻ tuổi tư tưởng linh hoạt năng động, dám phá vỡ lối mòn, là một lực lượng xung kích tràn đầy giàu tính sức sống tìm tòi và sở hữu tiềm năng đổi mới sáng tạo nguyên bản lớn nhất.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÚ HỮU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0282

改装

gǎizhuāng

cải tạo lắp ráp lại, độ xe cải tiến trang bị

科研团队将大型民用干线客机成功改装为高灵敏度空间天文观测与高空大气物理科学试验平台。

Kē yán tuán duì jiāng dà xíng mǐn yòng gàn xiàn kè jī chéng gōng gǎi zhuāng wéi gāo líng mǐn dù kōng jiān tiān wén guān cè yǔ gāo kōng dà qì wù lǐ kē xué shì yàn píng tái.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã cải tạo lắp ráp lại cải tiến thành công chiếc máy bay chở khách đường trục dân dụng cỡ lớn thành nền tảng thử nghiệm khoa học vật lý khí quyển tầm cao và quan trắc thiên văn không gian độ nhạy cảm cao.

28 nét

HÁN VIỆT: CẢI TRANG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#0283

杆

gān

cột, cán cờ, thanh trục; cây (gân: nòng súng/cán cân)

在智慧城市新型基础设施建设中，集成了5G微基站、环境传感器与智能照明的多功能智能灯杆遍布街头。

Zài zhì huì chéng shì xīn xíng jī chǔ shè shì jiàn shè zhōng, jī chéng le 5G wēi jī zhàn, huán jīng chuán gǎn qì yǔ zhì néng zhào míng de duō gōng néng zhì néng dēng gān biàn bù jiē tóu.

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng kiểu mới đô thị thông minh, các cột đèn thông minh đa chức năng tích hợp chiếu sáng thông minh, cảm biến môi trường và trạm gốc vi mô 5G phân bố khắp mọi nẻo đường.

14 nét

HÁN VIỆT: CAN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0284

肝

gān

Gan

老师鼓励大家积极肝，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Gan, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: CAN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0285

赶不上

gǎn bu shàng

đuổi không kịp, theo không kịp, không bắt kịp

在日新月异的全球科技创新浪潮中，我们必须分秒必争、跑步前进，否则就会落后挨打、赶不上时代步伐。

Zài rì xīn yuè yì de quán qiú kē jī chuàng xīn làng cháo zhōng, wǒ men bì xū fēn miǎo bì zhēng, pǎo bù qián jìn, fǒu zé jiù huì hòu ài dǎ, gǎn bu shàng shí dài bù fá.

Trong làn sóng đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu thay đổi từng ngày từng giờ, chúng ta bắt buộc phải tranh thủ từng phút từng giây, chạy nước rút tiến lên phía trước, nếu không sẽ bị tụt hậu ăn đòn, theo không kịp đuổi không kịp bước chân thời đại.

30 nét

HÁN VIỆT: CẢN BẮT THƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#0286

赶忙

gǎnmáng

vội vàng, vội vã, hối hả khẩn trương

当监测屏幕上首次捕捉到反物质粒子湮灭微弱信号时，值班青年学者赶忙记录下全部珍贵原始物理数据。

Dāng jiān cè píng mǔ shàng shǒu cì bǔ zhuō dào fǎn wù zhì lì zì yǎn miè wēi ruò xīn hào shí, zhí bān qīng nián xué zhě gǎn máng jì lù xià quán bù zhēn guì yuán shǐ wù lǐ shù jù.

Khi trên màn hình quan trắc lần đầu tiên bắt trọn được tín hiệu yếu ớt của sự hủy hạt phản vật chất, người học giả trẻ tuổi trực ban đã vội vã vội vàng hối hả ghi chép lại toàn bộ số liệu vật lý nguyên bản vô giá.

21 nét

HÁN VIỆT: CẢN MANG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0287

赶上

gǎnshàng

đuổi kịp, bắt kịp; gặp đúng dịp

新时代青年学子赶上了国家科技事业大发展的的大好历史时代，更要肩负起实现科技强国的崇高使命。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ gǎn shàng le guó jiā kē jī shì yè dà fā zhǎn de dà hào lì shǐ shí dài, gèng yào jiān fù qǐ shí xiàn kē jī qiáng guó de chóng gāo shǐ mìng.

Sinh viên học trò thời đại mới đã gặp đúng dịp bắt kịp thời đại lịch sử vô cùng tốt đẹp của sự phát triển vượt bậc sự nghiệp khoa học công nghệ quốc gia, càng phải gánh vác sứ mệnh cao đẹp thực hiện cường quốc khoa học công nghệ.

19 nét

HÁN VIỆT: CẢN THƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0288

敢于

gǎnyú

dám, dũng cảm dám làm, có can đảm

科研人员要敢于打破既有学术权威理论束缚，敢于勇闯前沿科学“无人区”，敢于提出颠覆性原创假说。

Kē yán rén yào gǎn yú dǎ pò jǐ yǒu xué wēi lǐ lùn shù fù, gǎn yú yǒng chuǎng qián yán kē xué "wú rén qū", gǎn yú tí chū diǎn fù xīng yuán chuàng jiǎ shuō.

Cán bộ nghiên cứu khoa học phải dám dũng cảm dám phá vỡ sự trói buộc lý luận uy quyền học thuật có sẵn, dám xông pha vào 'vùng không người' của khoa học tiên phong, dám đưa ra những giả thuyết nguyên tác mang tính cách mạng.

27 nét

HÁN VIỆT: CẢN VU



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0289

感人

gǎnrén

cảm động, lay động lòng người,
cảm động sâu sắc

老一辈国防科技功勋院士隐姓埋名数十年为国铸剑的感人事迹，激励着一代代青年科技英才奋勇前行。

Lǎo yì bèi guó fáng kē jì gōng xūn yuán shì yīn xìng mǐ míng shù shí nián wèi guó zhù jiàn de gǎn rén shì jì, jī lì zhe yí dài dài qīng nián kē jì yīng cái fèn yǒng qiǎn xíng.

Những tấm gương câu chuyện lay động lòng người cảm động của các viện sĩ có công lao khoa học công nghệ phòng tiến bối ẩn danh giấu tên mấy mươi năm đúc kiếm cho Tổ quốc đã khích lệ bao thế hệ anh tài khoa học công nghệ trẻ tuổi dũng cảm tiến bước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CẢM NHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0290

干涉

gān shè

can thiệp, can thiệp vào chuyện nội bộ; giao thoa (quang học)

中国始终坚定奉行和平共处五项原则，坚决反对任何外部势力以任何借口干涉别国内部事务。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng fèng xíng hé píng gòng chǔ zhǔ wú xiàng yuán zé, jiǎn jué fǎn duì rēn hé wài bù shì lì yǐ rēn hé jiè kǒu gān shè bié guó nèi bù shì wù.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, kiên quyết phản đối bất kỳ thế lực bên ngoài nào lấy bất kỳ lý do gì để can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CAN THIỆP

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#0291

刚好

gāng hǎo

vừa đúng, vừa khéo, vừa vặn

深空探测器在高速掠过目标小行星上空的瞬间，高精度测绘光学相机刚好捕捉到了极清晰地貌照片。

Shēn kōng tàn cè qì zài gāo sù luè guò mù biāo xiǎo xíng xīng shàng kōng de shùn jiǎn, gāo jīng dù cè huì guāng xué xiàng jī gāng hǎo bǔ zhuō dào le jí gāo qīng dì mào zhào piān.

Vào khoảnh khắc tàu thám trắc không gian sâu bay lướt qua phía trên tiểu hành tinh mục tiêu ở tốc độ cao, máy ảnh quang học đo vẽ độ chính xác cao vừa vặn vừa đúng vừa khéo bắt trọn được bức ảnh địa mạo cực kỳ sắc nét.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CƯƠNG HẢO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0292

岗位

gǎng wèi

vị trí công tác, cương vị làm việc

广大基层党员干部在抢险救灾、科研攻关等急难险重岗位上坚守初心、冲锋在前。

Guǎng dà jī céng dǎng yuán gàn bù zài qiǎn xiǎn jiù zāi, kē yán gōng guān dēng jì nán xiǎn zhòng gǎng wèi shàng jiǎn shǒu chǔ xīn, chōng fēng zài qián.

Đồng đảo cán bộ đảng viên cơ sở tại các cương vị công tác khó khăn hiểm nghèo như cứu nạn cứu hộ và nghiên cứu khoa học then chốt luôn giữ vững tâm nguyện ban đầu, xông pha đi đầu.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: CƯƠNG VỊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0293

港口

gǎng kǒu

cảng biển, bến cảng, cảng hàng hải

我国建成了全球规模最大、自动化程度最高的全自动化绿色智慧集装箱港口群，海运集装箱吞吐量稳居世界第一。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, zì dòng huà chéng dù gāo de quán zì dòng huà lǜ sè zhì huì jí zhuāng xiāng gǎng kǒu qún, hǎi yùn jí zhuāng xiāng tǒn tǔ liàng wén jù shì jiè dì yī.

Nước ta đã xây dựng thành công quần thể cảng container thông minh xanh tự động hóa hoàn toàn có quy mô lớn nhất và mức độ tự động hóa cao nhất thế giới, sản lượng container thông qua đường biển vững vàng đứng số một toàn cầu.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CẢNG KHẨU

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0294

高层

gāo céng

cao tầng

在面对复杂的挑战时，保持高层的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gāo céng de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao tầng đặc biệt quan trọng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CAO TẦNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0295

高档

gāo dǎng

cao cấp, sang trọng, thượng hạng

这套手工定制的高档真皮沙发做工极其考究，质感温润细腻且耐摩擦耐用。

Zhè tào shǒu gōng dìng zhì de gāo dǎng zhēn pí shā fā zuò gōng jì qí kǎo jiū, zhì gǎn wēn rùn xì nǐ qiè nài mó nài yòng.

Bộ ghế sofa da thật cao cấp đặt may thủ công này có đường may vô cùng tinh xảo, chất da mềm mịn màng lại có độ bền chống mài mòn vượt trội.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CAO ĐẰNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0296

高等

gāo děng

cao cấp, nâng cao, đại học (bậc giáo dục)

国家全面推进高等教育高质量发展，加快构建具有中国特色、世界一流的高水平研究型大学集群体系。

Guó jiā quán miàn tuī jìn gāo děng jiào yù gāo zhì liàng fā zhǎn, jiǎ kuài gòu jiàn jù yǒu zhōng guó tè sè, shì jiè yí liú de gāo shuǐ píng yán jiū xíng dà xué jí qún tǐ xì.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện phát triển chất lượng cao giáo dục đại học bậc cao cao cấp, đẩy nhanh kiến tạo hệ thống cụm trường đại học định hướng nghiên cứu trình độ cao hàng đầu thế giới mang đặc sắc Trung Quốc.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: CAO ĐẰNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0297

高峰

gāo fēng

đỉnh cao, giờ cao điểm, đỉnh núi

勇攀世界科技高峰，必须坚定走高水平科技自立自强之路，努力在关键核心技术领域实现重大原创突破。

Yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng, bì xū jiān dìng zòu gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zhī lù, nǔ lì zài guān jiàn hē xīn jì shù lǐng yù shí xiàn zhòng dà yuán chuàng tú pò.

Dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới bắt buộc phải kiên định bước đi trên con đường tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, nỗ lực đạt được những đột phá nguyên tắc trọng đại trong các lĩnh vực công nghệ lõi then chốt.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: CAO PHONG



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0298

高考

gāokǎo

kỳ thi tuyển sinh đại học quốc gia
(Gaokao)

全国普通高校招生统一考试是国家选拔栋梁之才的重要制度，全社会共同全力维护高考的公平公正与安全顺畅。

Quán guó pǔ tōng gāo xiào zhāo shēng tōng yī kǎo shì shì guó jiā xuǎn bá dòng liáng zhī cái de zhòng yào zhì dù, quán shè huì gòng tóng quán lì wéi hù gāo kǎo de fāng fāng zhèng zhèng yǔ ān quán shùn chāng.

Kỳ thi Tuyển sinh Đại học Thống nhất Toàn quốc là chế độ quan trọng để Nhà nước tuyển chọn nhân tài rường cột, toàn xã hội chung sức dốc toàn lực gìn giữ tính công bằng, công minh và an toàn thông suốt của kỳ thi đại học.

26 nét

HÁN VIỆT: CAO KHẢO

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0299

高科技

gāokējī

công nghệ cao, kỹ thuật cao tân
tiến

我们必须牢牢把握新一轮高科技产业变革重大历史机遇，加快实现关键核心高科技产业链自主可控。

Wǒ men bì xū láo láo bǎ wò xīn yī lún gāo kējī chǎn yè biàn gé zhòng dà lì shǐ jī yù, jiǎ kuài shí xiàn guān jiàn hé xīn gāo kējī chǎn yè zì zhǔ kě kòng.

Chúng ta bắt buộc phải nắm chắc thời cơ lịch sử trọng đại của cuộc chuyển dịch ngành công nghiệp công nghệ cao kỹ thuật cao mới, đẩy nhanh thực hiện tự chủ kiểm soát toàn bộ chuỗi ngành công nghệ cao then chốt.

32 nét

HÁN VIỆT: CAO KHOA KỸ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0300

高手

gāoshǒu

cao thủ, bậc kỳ tài chuyên gia xuất
chúng

在大科学工程超精密装配现场，全国技术能手与特级技师高手们正以微米级精度精心组装核心超导构件。

Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì zhuāng pèi xiàn chǎng, quán guó jì shù néng shǒu yǔ tè jí jì shī gāo shǒu men zhèng yǐ wēi mǐ jī jīng dù jīng xīn zǔ zhuāng hé xīn chāo dǎo gōu jiàn.

Tại hiện trường lắp ráp siêu chính xác của công trình khoa học lớn, các chuyên gia bậc thầy cao thủ kỹ thuật viên đặc cấp cùng những bàn tay vàng kỹ thuật viên quốc gia đang cẩn thận tỉ mỉ lắp ráp các cấu kiện siêu dẫn cốt lõi ở độ chính xác cấp độ micromet.

27 nét

HÁN VIỆT: CAO THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0301

稿子

gǎozi

bản thảo, bài viết, bản thảo bài báo

在顶级学术期刊审稿答辩前夕，青年学者反复修改打磨论文稿子，字斟句酌推敲每一处实验论证逻辑。

Zài dǐng jí xué shù qī kǎn shěn gǎo dá biān qián xī, qīng nián xué zhě fǎn fù xiū gǎi dá mó lùn wén gǎo zi, zì zhēn jù zhuó tuī qiāo měi yī chù shí yàn lùn zhèng luó jí.

Trước thêm bảo vệ phản biện bài báo trên tạp chí học thuật đỉnh cao, người học giả trẻ tuổi liên tục sửa chữa trau chuốt bản thảo bài viết luận văn, cân nhắc từng câu từng chữ suy xét logic luận chứng thực nghiệm ở từng chỗ.

24 nét

HÁN VIỆT: CAO TỬ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0302

歌唱

gēchàng

ca hát, ca ngợi bằng lời ca

在庆祝大国重器成功试飞的联欢晚会上，全体建设者引吭高歌，热情歌唱伟大祖国的繁荣富强。

Zài qīng zhù dà guó zhòng qì chéng gōng shì fēi de lián huān wǎn huì shàng, quán tǐ jiàn shè zhě yǐn háng gāo gē, rè qíng gē chàng wēi dà zǔ guó de fán róng fù qiáng.

Tại đêm dạ hội liên hoan chúc mừng đại khí quốc gia bay thử thành công, toàn thể những người xây dựng đã cất cao tiếng hát, nhiệt tình ca hát ca ngợi sự phồn vinh giàu mạnh của Tổ quốc vĩ đại.

20 nét

HÁN VIỆT: CA XƯỚNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0303

歌词

gēcí

lời bài hát, ca từ

这首为广大科技工作者量身创作的主题歌词深情昂扬，生动诠释了心怀祖国、勇攀科学高峰的壮丽情怀。

Zhè shǒu wèi guǎng dà kē jì gōng zuò zhě liàng shēn chuàng zuò de zhǔ tí qǔ gē cí shēn qíng āng yáng, shēng dòng quán shì le xīn huái zǔ guó, yǒng pán kē xué gāo fēng de zhuàng lì qíng huái.

Lời bài hát ca từ bài hát chủ đề được sáng tác riêng cho đồng đội những người làm công tác khoa học công nghệ vô cùng sâu lắng hào hùng, diễn giải sinh động tâm lòng tráng lệ mang trong tim Tổ quốc đứng cảm trào lên đỉnh cao khoa học.

21 nét

HÁN VIỆT: CA TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0304

歌星

gēxīng

ca sĩ ngôi sao, ca sĩ nổi tiếng

在国家大型科技公益文艺盛典上，知名歌星与青年科研工作同仁高唱弘扬科学家精神的时代赞歌。

Zài guó jiā dà xíng kē jì gōng yì wén yì shèng diǎn shàng, zhī míng gē xīng yǔ qīng nián kē yán gōng zuò zhě tóng táng gāo chàng hóng yáng kē jiā jīng shén de shí dài zàn gē.

Tại đại lễ văn nghệ công ích khoa học công nghệ quy mô lớn của quốc gia, các ca sĩ ngôi sao ca sĩ nổi tiếng cùng các cán bộ nghiên cứu trẻ tuổi cùng đồng nghiệp sẵn sàng cất cao bài ca ngợi ca thời đại kiến dựng tinh thần nhà khoa học.

21 nét

HÁN VIỆT: CA TINH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0305

革新

géxīn

cải tiến, đổi mới cách tân, canh tân

新型超导材料与先进算法架构的技术革新，全面推动了全球量子计算机研发进程实现历史性跨越。

Xīn xíng chāo dǎo cái liào yǔ xiān jìn suàn fǎ jià gòu de jì shù gé xīn, quán miàn tuī dòng le quán qiú liàng zǐ jì suàn jī yán fā jìn chéng shí xiàn lì shǐ xìng kuà yuè.

Sự cải tiến đổi mới cách tân công nghệ của kiến trúc thuật toán tiên tiến cùng vật liệu siêu dẫn kiểu mới đã thúc đẩy toàn diện tiến trình nghiên cứu phát triển máy tính lượng tử toàn cầu thực hiện bước nhảy vọt lịch sử.

24 nét

HÁN VIỆT: CÁCH TÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0306

给予

jǐ yǔ

trao cho, dành cho, ban cho (sự
giúp đỡ, khen thưởng)

国家对在关键基础研究与国防尖端科技创新中作出突出贡献的领军科学家，依法给予国家最高崇高荣誉表彰。

Guó jiā duì zài guān jiàn jī chǔ yǎn jiū yǔ guó fáng jiān duǎn kē jì chuàng xīn zhōng zuò chū tū chū lì shǐ gòng xiàn de lǐng jūn kē xué jiā, yī fǎ jǐ yǔ guó jiā zuì gāo chóng gào róng yǔ biāo zhāng.

Nhà nước theo quy định của pháp luật trao tặng sự biểu dương tôn vinh danh dự cao quý nhất cấp quốc gia cho các nhà khoa học đầu ngành có cống hiến lịch sử nổi bật trong nghiên cứu cơ bản then chốt và đổi mới công nghệ quốc phòng mũi nhọn.

16 nét

HÁN VIỆT: CẤP DƯ


HSK 6 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#0307

更是

gèngshì

càng là, lại càng là, hơn thế nữa là

实现高水平科技自立自强不仅是国家发展的强劲动力，更是保障国家长治久安与战略安全的根本基石。

Shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng bù jīn shì guó jiā fā zhǎn de qiáng jīng dòng lì, gèng shì bǎo zhàng guó jiā cháng zhǎng zhì jiǔ ān yǔ zhàn lüè ān quán de gēn běn jī shí.

Thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao không chỉ là động lực mạnh mẽ của sự phát triển đất nước, mà lại càng là càng là nền tảng căn bản bảo đảm an ninh chiến lược và sự bình yên lâu dài của quốc gia.

17 nét

 HÁN VIỆT: **CANH THỊ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0308

工商

gōngshāng

công thương, công nghiệp và thương mại

国家市场监督管理总局工商部门全面深化商事制度改革，持续为高新技术企业创业创新提供便捷高效服务。

Guó jiā shì chǎng jiān dū guǎn lǐ gōng shāng bù mén quán miàn shēn huà shāng shì zhì dù gǎi gé, chí xù wéi gāo xīn jì shù qǐ yè chuàng yè chuang xīn tí gōng biàn jié gāo xiǎo fú wù.

Cơ quan công thương công nghiệp và thương mại quản lý giám sát thị trường quốc gia đi sâu toàn diện cải cách chế độ thương mại, liên tục cung cấp dịch vụ tiện lợi hiệu quả cao cho doanh nghiệp công nghệ cao khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

26 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG THƯƠNG**
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0309

公

gōng

công, công cộng, công bằng; giống đực (động vật)

大科学装置与国家重大科研基础设施全面面向全球科学家公平、公正、公开开放共享使用。

Dà kē xué zhuāng zhì yǔ guó jiā zhòng dà kē yán jī chǔ shè shí quán miàn miàn xiàng quán qiú kē jì xué jiā gōng píng, gōng zhèng, gōng kāi kāi fàng gòng xiǎng shí yòng.

Thiết bị khoa học lớn cùng cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia mở cửa công khai chia sẻ sử dụng một cách công bằng công tâm, công bằng và công khai hướng tới các nhà khoa học toàn cầu.

13 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0310

公安

gōng'ān

công an, lực lượng an ninh trật tự

公安干警依托现代智能化社会治安立体防控体系，有力守护着人民群众生命财产安全与社会长治久安。

Gōng ān gǎn jīng yī tuō xiàn dài zhì néng huà shè huì zhì ān lǐ tí fáng kòng tǐ xì, yǒu lì shǒu hù zhe rén mín qún zhòng shēng mìng cái chǎn ān quán yǔ shè huì cháng zhǎng zhì jiǔ ān.

Cán bộ chiến sĩ công an dựa vào hệ thống phòng ngừa kiểm soát đa chiều an ninh trật tự xã hội thông minh hóa hiện đại đã bảo vệ đặc lực cho sự bình yên lâu dài của xã hội và an toàn tài sản tính mạng của quần chúng nhân dân.

25 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG AN**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0311

公鸡

gōngjī

con gà trống

雄鸡破晓报晓啼鸣，生态智慧农业示范基地迎来了充满生机与活力的崭新黎明。

Xióng jī pò xiǎo bào xiǎo tí míng, shēng tài zhì huì nóng yè shì fàn jī dì yíng lǐ lái le chōng mǎn shēng jī yǔ huó lì de zhǎn xīn míng.

Chú gà trống con gà trống cất tiếng gáy vang báo hiệu bình minh xé tan màn đêm, khu căn cứ trình diễn nông nghiệp thông minh sinh thái đón chào một rạng đông hoàn toàn mới ngập tràn sức sống dạt dào.

21 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG KÊ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0312

公众

gōngzhòng

công chúng, quần chúng nhân dân rộng rãi

国家大科学装置在全国科技周期间全面向公众免费开放，让广大市民近距离领略前沿科学的神奇魅力。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì zài quán guó kē jì zhōu qí jiān quán miàn xiàng gōng zhòng miǎn fèi kāi fàng, ràng guāng dà mǐn zhòng jìn jù lí líng lüè qián yán kē xué de shén qí mèi lì.

Các thiết bị khoa học lớn của quốc gia trong Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc đã mở cửa miễn phí toàn diện cho công chúng quần chúng, giúp đông đảo người dân được thưởng thức sức quyến rũ kỳ diệu của khoa học tiên phong ở cự ly gần.

24 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG CHÚNG**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0313

公主

gōngzhǔ

công chúa

唐代文成公主远嫁吐蕃的历史佳话，为促进汉藏两族文化交流与民族团结谱写了光辉篇章。

Táng dài wén chéng gōng zhǔ yuǎn jià tuǒ pǔ de lì shǐ jiā huà, wéi cù jìn hàn cáng liǎng zú wén huà jiāo liú yǔ mín zú tuán jié pǔ xiě le guāng huī piān zhāng.

Giai thoại lịch sử Công chúa Văn Thành nhà Đường gả về Tây Tạng đã viết nên thiên anh hùng ca rực rỡ thúc đẩy giao lưu văn hóa và tình đoàn kết gắn bó giữa hai dân tộc Hán - Tạng.

21 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG CHỦ**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0314

攻击

gōngjī

tấn công, công kích; tấn công mạng

国家网络安全应急中心成功化解了多起针对国家关键电力基础设施的有组织特大境外分布式黑客网络攻击。

Guó jiā wǎng luò ān quán yǐng jī zhōng xīn chéng gōng huà jiě le duō qǐ zhēn duì guó jiā guān jiàn diàn lì jī chǔ shè shī de yǒu zǔ zhī tè dà jīng wài fēn bù shì hēi kè wǎng luò gōng jī.

Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp An ninh Mạng Quốc gia đã hóa giải thành công nhiều vụ tấn công mạng phân tán bằng tin tặc đặc biệt lớn từ nước ngoài có tổ chức nhắm vào cơ sở hạ tầng điện lực then chốt của quốc gia.

18 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG KÍCH**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0315

供给

gōngjǐ

cung ứng, cung cấp; nguồn cung

深化供给侧结构性改革，着力提升产业链供应链韧性与安全水平，以高质量供给引领和创造新需求。

Shēn huà gòng jǐ cè jié gōu xìng gǎi gé, zhuó lì tí shēng chǎn yè liàn gòng yīng liàn rèn xìng yǔ ān quán shuǐ píng, yǐ gāo zhì liàng gòng jǐ yīn lǐng hé chuàng zào xīn xū qiú.

Đi sâu cải cách cơ cấu phía cung, tập trung nâng cao sức bền dẻo dai và mức độ an toàn của chuỗi công nghiệp chuỗi cung ứng, dùng nguồn cung chất lượng cao để dẫn dắt và kiến tạo nên nhu cầu mới.

18 nét

 HÁN VIỆT: **CUNG CẤP**


HSK 6 (3.0)

Động từ

#0316

宫

Gōng

cung điện

老师鼓励大家积极宫，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí Gōng, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cung điện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: CUNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0317

巩固

gǒng gù

củng cố, làm vững chắc; vững chắc

严格落实“四个不摘”要求，持续巩固拓展脱贫攻坚成果，坚决守住不发生规模性返贫的底线。

Yán gé luò shí "sì gè bù zhāi" yāo qiú, chí xù gǒng gù tuò zhān tuō pín gōng jiān chéng guǒ, jiǎn jué shǒu zhù bù fā shēng guī mó xíng fǎn pín de dī xiàn.

Thực hiện nghiêm ngặt yêu cầu 'Bốn không dỡ bỏ', liên tục củng cố và mở rộng thành quả xóa đói giảm nghèo, kiên quyết giữ vững lần ranh đỏ không để xảy ra tái nghèo trên diện rộng.

25 nét

HÁN VIỆT: CÙNG CỐ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0318

贡献

gòng xiàn

cống hiến, đóng góp, sự cống hiến

这位终生扎根戈壁荒漠的治沙造林楷模，为筑牢国家北方生态安全屏障做出了卓越贡献。

Zhè wèi zhōng shēng zhā gē bì huāng mò de zhì shā zào lín kǎi mó, wèi zhù láo guó jiā bēi fāng shēng tài ān quán píng zhàng zuò chū le zhuó yuè gòng xiàn.

Tấm gương điển hình trồng rừng phủ xanh đất cát cả đời bám trụ nơi sa mạc hoang vu này đã có những đóng góp kiệt xuất trong việc bồi đắp vững chắc bức tường thành an ninh sinh thái phía bắc Tổ quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: CỐNG HIẾN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0319

构建

gòu jiàn

xây dựng, kiến tạo, thiết lập cấu trúc

我们要加快构建以国家实验室为引领的高水平国家战略科技力量体系，形成强大创新合力。

Wǒ men yào jiā kuài gòu jiàn yǐ guó jiā shí yàn shì wèi yǐn lǐng de gāo suǐ píng guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng tǐ xì, xíng chéng qiáng dà chuàng xīn hé lì.

Chúng ta phải đẩy nhanh kiến tạo xây dựng hệ thống lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia trình độ cao lấy phòng thí nghiệm quốc gia làm dẫn dắt, hình thành sức mạnh hợp lực đổi mới sáng tạo hùng hậu.

24 nét

HÁN VIỆT: CẤU KIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0320

姑姑

gū gu

cô (em gái/chị gái của bố)

逢年过节回到老家，和蔼可亲的姑姑总是会提前为我们准备一大桌丰盛可口的家乡特色菜肴。

Féng nián guò jié huí dào lǎo jiā, hé ǎi kě qīn de gū gu zōng shì huí tí qián wèi wǒ men zhǔn bèi yí dà zhuō féng shèng kě kǒu de jiā xiāng tè sè cài yáo.

Mỗi dịp lễ tết trở về quê hương, người cô hiền hậu và dễ mến luôn chuẩn bị sẵn từ sớm cho chúng tôi cả một bàn tiệc đầy ắp các món ăn đặc sản quê nhà thơm ngon.

26 nét

HÁN VIỆT: CÔ CÔ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0321

孤独

gū dú

cô độc, đơn độc, lẻ loi

为了探索深邃幽暗的宇宙未知奥秘，一代代天文科学家耐得住漫长的孤独，在无人区天文台常年坚守观测。

Wèi le tàn sù shēn suì yōu àn de yǔ zhòu wèi zhī ào mì, yí dài dài tiān wén kē jiā nài dé zhù màn cháng de gū dú, zài wú rén qū tiān wén tái cháng nián jiān shǒu guān cè.

Nhằm kiếm tìm khám phá những điều bí ẩn chưa biết của vũ trụ sâu thẳm tối tăm, biết bao thế hệ nhà thiên văn học đã chịu đựng được sự cô độc đẳng đẳng lâu dài, quanh năm kiên cường bám trụ quan trắc tại các đài thiên văn vùng không người.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔ ĐỘC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0322

孤儿

gū'ér

trẻ mồ côi, trẻ em mồ côi

国家全面完善困境儿童与孤儿基本生活兜底保障机制，社会各界爱心汇聚守护孩子们健康快乐成长。

Guó jiā quán miàn wán shàn kùn jìng ér tóng yǔ gū'ér jī běn shēng huó dǒu dī bǎo zhàng jī zhì, shè huì gè jiè ài xīn huì jù shǒu hù hái zǐ men jiàn kāng kuài lè chéng zhǎng.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện cơ chế bảo đảm an sinh tối thiểu cuộc sống cơ bản cho trẻ em mồ côi cô nhi và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, các giới trong xã hội quy tụ tình thương chở che các em nhỏ lớn lên khỏe mạnh vui tươi.

20 nét

HÁN VIỆT: CÔ NHÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0323

古典

gǔ diǎn

cổ điển

漫步在苏州古典园林精巧曲折的亭台楼阁间，移步换景，处处皆彰显出极高的东方美学意境。

Màn bù zài sū zhōu gǔ diǎn yuán lín jīng qiǎo qū zhé de tíng tái lóu gé jiān, yí bù huàn jǐng, chù chù jiē zhāng xiǎn chū jī gāo de dōng fāng měi xué yì jìng.

Dạo bước giữa những đỉnh đài lầu gác uốn lượn tinh xảo của các khu vườn cổ điển Tô Châu, mỗi bước chân là một khung cảnh biến chuyển, nơi nơi đều toát lên ý cảnh mỹ học phương Đông đỉnh cao.

19 nét

HÁN VIỆT: CỔ ĐIỂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0324

股

gǔ

cổ phần

老师鼓励大家积极股，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gǔ, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cổ phần, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: CỔ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0325

股东

gǔ dōng

cổ đông

高科技上市企业在年度股东大会上审议并通过了关于加大前沿核心技术研发投入的重大战略决议。

Gāo kē jì shàng shì qì yě zài nián dù gǔ dōng dà huì shàng shēn yì bìng tōng guò le guān yú jiā dà qián yán hé xīn jī shù yán fā tóu rù de zhòng dà zhàn lüè jué yì.

Doanh nghiệp công nghệ cao niêm yết trên sàn chứng khoán tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thẩm tra và biểu quyết thông qua bản nghị quyết chiến lược trọng đại về việc tăng cường đầu tư cho nghiên cứu phát triển công nghệ lõi tiên phong.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

CỔ ĐÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0326

股票

gǔ piào

cổ phiếu, chứng khoán

在参与股票证券市场投资时，投资者应当树立理性长期的价值投资理念，切实防范盲目投机风险。

Zài cān yù gǔ piào zhèng quān shì chāng tóu zī shí, tóu zī zhě yīng dāng shù lǐ xìng cháng qī de jià zhí tóu zī lǐ niǎn, qiè shí fáng fàn máng mù tóu jī fēng xiǎn.

Khi tham gia đầu tư trên thị trường cổ phiếu chứng khoán, nhà đầu tư cần gây dựng triết lý đầu tư giá trị dài hạn và lý tính, phòng ngừa triệt để các rủi ro đầu cơ mù quáng.

📖 17 nét

HÁN VIỆT

CỔ PHIẾU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0327

故障

gù zhàng

sự cố, hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật

复兴号智能高铁搭载的全景在线健康监测系统，能够实现对全列车数千个关键零部件微小故障的毫秒级智能预警。

Fù xīng hào zhì néng gāo tiě dā zài de quán jǐng zài xiàn jiàn kāng jiān cè xì tǒng, néng gòu shí xiàn duì quán liè chē shù qiān gè guān jiàn bù jiàn wēi xiǎo gù zhàng de háo miǎo jí zhì néng yù jǐng.

Hệ thống giám sát sức khỏe trực tuyến toàn cảnh trang bị trên đoàn tàu cao tốc thông minh Phục Hưng có thể thực hiện cảnh báo sớm thông minh ở mức mili-giây đối với các sự cố hư hỏng vi mô của hàng ngàn linh kiện then chốt trên toàn bộ đoàn tàu.

📖 20 nét

HÁN VIỆT

CỔ CHƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0328

顾

Gù

Gu

老师鼓励大家积极顾，勇于探索新的知识。lǎo shī gù dà jiā jī jí gù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Gu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT

CỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0329

刮

guā

thổi (gió); cạo (râu, vẩy)

窗外突然刮起了强烈的阵风，不一会儿乌云密布，下起了一场痛快的大雨。

Chuāng wài tū rán guā qǐ le qiáng liè de zhēn fēng, bù yí huì er wú yún mì bù, xià qǐ le yí cháng tòng kuài de dà yǔ.

Bên ngoài cửa sổ đột nhiên thổi lên những cơn gió giật mạnh mẽ, chẳng mấy chốc mây đen phủ kín bầu trời, đổ xuống một trận mưa rào sáng khoái.

📖 11 nét

HÁN VIỆT

QUÁT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0330

拐

guǎi

rẽ, quẹo; chống gậy; lừa gạt (guǎipiàn)

全自动智能巡检机器人在狭窄复杂的核设施管道内部灵活拐弯前进，精准排查每一处安全隐患。

Quán zì dòng zhì néng xún jiǎn jī qì zài xiá zhǎi fú zá de hé shè shī guǎn dào nèi bù líng huó guǎi wǎn qián jìn, jīng zhǔn pái chá měi yí chù ān quán yǐn huàn.

Robot tuần tra kiểm tra thông minh tự động hoàn toàn rẽ quẹo linh hoạt tiến về phía trước bên trong đường ống cơ sở hạt nhân chật hẹp phức tạp, rà soát xác nhận từng nguy cơ mất an toàn tiềm ẩn.

📖 13 nét

HÁN VIỆT

QUÁI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0331

关爱

guān'ài

quan tâm chăm sóc, yêu thương chăm sóc

全社会大力弘扬科学家精神，真诚关爱青年科技工作者，为他们潜心探索创造优良工作与生活环境。

Quán shè huì dà lì hóng yáng kē jiā jīng shén, zhēn chéng guān ài qīng nián kē jì gōng zuò zhě, wèi tā men qián xīn tàn suǒ chuàng zào yōu liáng gōng zuò yǔ shēng huó huán jīng.

Toàn xã hội ra sức xiển dương tinh thần nhà khoa học, chân thành yêu thương chăm sóc quan tâm chăm sóc các cán bộ khoa học công nghệ trẻ, kiến tạo môi trường sống và làm việc ưu việt để họ chuyên tâm tìm tòi.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

QUAN ÁI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0332

关联

guān lián

liên quan, liên đới, mối quan hệ tương quan

量子多体物理前沿研究深入揭示了极端强关联电子体系中奇妙的微观超导与量子相变物理规律。

Liàng zǐ duō tǐ wù lǐ qián yán yán jiū shēn rù jiē shì le jí duān qiáng guān lián diàn zǐ tǐ zhōng qí miào de wēi guān chāo dǎo yǔ liàng zǐ xiāng biàn wù lǐ guī lǚ.

Nghiên cứu tiên phong vật lý đa thể lượng tử đã hé lộ sâu sắc các quy luật vật lý chuyển pha lượng tử và siêu dẫn vi mô kỳ diệu bên trong hệ thống electron tương quan liên quan liên đới mạnh cực đoan.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

QUAN LIÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0333

观光

guān guāng

tham quan ngắm cảnh, du lịch ngắm cảnh

串联起数十个国家级地质公园与古村落的大峡谷全景生态旅游观光公路，吸引了数以百万计的中外自驾游客。

Chuán lián qǐ shù shí gè guó jiā jí dì zhì gōng yuán yǔ gǔ cūn luò de dà xiá gǔ quán jǐng shēng tài lǚ yóu guān guāng gōng lù, xī yǐn le shù yǐ bǎi wàn jì de zhōng wài zì jià yóu kè.

Tuyến đường cao tốc du lịch tham quan ngắm cảnh sinh thái toàn cảnh hẻm núi lớn kết nối hàng chục công viên địa chất cấp quốc gia và các ngôi làng cổ đã thu hút hàng triệu lượt du khách tự lái xe trong và ngoài nước.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

QUÁN QUANG


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0334

官司

guānsi

vụ kiện tụng, kiện cáo ở tòa án

国家全面加强企业海外知识产权维权援助机制, 支持高新技术创新主体依法打赢跨国专利维权官司。

Guó jiā quán miàn qiáng huà qī yì yě hǎi wài zhī shǐ chàn quán wéi quán yuán zhǔ jī zhì, zhī chí gāo xīn jì shù chuàng xīn zhǔ tǐ yī fǎ dǎ yíng kuà guó zhuān lì wéi quán guān sī.

Nhà nước tăng cường toàn diện cơ chế hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp ở nước ngoài, ủng hộ các chủ thể đổi mới sáng tạo công nghệ cao theo đúng pháp luật đánh thắng các vụ kiện tụng kiện cáo bảo vệ quyền bằng sáng chế xuyên quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN TI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0335

管道

guǎndào

đường ống dẫn, tuyến ống dẫn khí/dầu/nước

国家重大西气东输天然气超级能源管道全线贯通平稳运行, 为沿线数亿人民群众输送清洁绿色能源。

Guó jiā zhòng dà xī qì dōng shū tiān rán qì chāo jí néng yuán guǎn dào quán xiàn guān tōng píng yùn wěn yún xíng, wéi yán xiàn shù yì rén qún qún zhòng shù sòng qīng jié lǜ sè néng yuán.

Tuyến đường ống đường ống dẫn năng lượng siêu cấp khí tự nhiên Tây Khí Đông Thâu trọng đại quốc gia đã thông tuyến toàn diện vận hành ổn định, truyền tải năng lượng xanh sạch cho hàng trăm triệu người dân dọc tuyến.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢN ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0336

光辉

guāng huī

rực rỡ, chói lọi; ánh hào quang

科学家精神犹如一座永不熄灭的精神灯塔, 放射出指引科技工作者勇攀世界科技高峰的光辉力量。

Kē xué jiā jīng shén yóu rú yī zuò yǒng bù xī miè de jīng shén dēng tǎ, fàng shè chū zhǐ yīn kē jì gōng zuò zhě yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng de guāng huī lì liàng.

Tinh thần nhà khoa học tựa như một ngọn hải đăng tinh thần vĩnh viễn không bao giờ tắt, tỏa ra nguồn sức mạnh chói lọi dẫn đường cho các cán bộ khoa học công nghệ dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: QUANG HUY

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0337

广阔

guǎng kuò

rộng lớn, bao la, bát ngát, thênh thang

新时代为广大青年施展才华提供了无比广阔的人生舞台, 青年一代当在强国建设中放飞青春梦想。

Xīn shí dài wéi wèi guǎng dà qīng nián shǐ zhǎn cái huá tí gòng liǎo wú bǐ guǎng kuò de rén shēng wǔ tái, qīng nián yì dài dāng zài qiáng guó jiàn shè zhōng fàng fēi qīng chūn mèng xiǎng.

Thời đại mới đã mang lại một vũ đài cuộc đời vô cùng rộng lớn bao la để đồng bào thanh niên thi thố tài năng, thể hiện tài năng trong sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh.

26 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG KHOÁT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0338

轨道

guǐ dào

quỹ đạo (vệ tinh, hành tinh); đường ray (đường sắt)

空间站组合体在距离地面数百公里的近地轨道上平稳运行, 各项空间科学实验载荷按计划有序展开。

Kōng jiān zǔ hé tǐ zài jù lí dì miàn shù bǎi gōng lǐ de jìn dì guǐ dào shàng píng wěn yùn xíng, gè xiàng kōng jiān kē xué shí yàn zài jì huà yǒu xù zhǎn kāi.

Tổ hợp trạm vũ trụ đang vận hành êm ái trên quỹ đạo tầm thấp quanh Trái Đất cách mặt đất hàng trăm cây số, toàn bộ các tải trọng thực nghiệm khoa học không gian đang được triển khai tuần tự theo đúng kế hoạch.

21 nét

HÁN VIỆT: QUỲ ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0339

跪

guì

Quỳ xuống

老师鼓励大家积极跪, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ dà jiā jī jī guì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Quỳ xuống, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: QUỲ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0340

国产

guóchǎn

sản xuất trong nước, nội địa sản xuất

我国完全自主研发的国产大型客机成功投入商业化常态化安全运营, 圆了中华民族的“大飞机梦”。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de guó chǎn dà xíng fēi jī chéng gōng tóu rù shāng yè huà cháng àn yùn yíng, yuán le zhōng huá mín zú de "dà fēi jī mèng".

Dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước nội địa sản xuất do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã được đưa vào vận hành thương mại an toàn thường xuyên thành công, hiện thực hóa 'Giấc mơ máy bay cỡ lớn' của dân tộc Trung Hoa.

21 nét

HÁN VIỆT: QUỐC SẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0341

国歌

guógē

quốc ca

在重大国际科学学术盛典颁奖现场, 伴随着雄壮庄严的国歌声, 鲜艳的五星红旗在最高处冉冉升起。

Zài zhòng dà guó jì kē xué xué shù shèng diǎn bō jiǎng xiàn chǎng, bàn suí zhe xióng zhuàng zhuāng yán de guó gē shēng, xiān yàn de wǔ xīng hóng qí zài zuì gāo chù rán rán shēng qǐ.

Tại hiện trường trao giải đại lễ học thuật khoa học quốc tế trọng đại, hòa cùng tiếng quốc ca trang nghiêm hùng tráng, lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ từ từ bay lên nơi vị trí cao nhất.

18 nét

HÁN VIỆT: QUỐC CA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0342

国会

guóhuì

quốc hội, nghị viện quốc gia

在国际多边科技合作跨议题磋商中, 多国议员与学术代表就共同应对全球气候变暖达成了广泛共识。

Zài guó jì duō biān kē jì hé zuò kuà yì tí cāo shāng zhōng, duō guó yì yuán yǔ xué shù dài biào jiù gòng tóng yìng duì quán qíu qì hòu biàn nuǎn dá chéng le guǎng fàn gòng shí.

Trong các cuộc tham vấn đề tài xuyên quốc gia về hợp tác khoa học công nghệ đa phương quốc tế, các học giả đại diện và nghị sĩ quốc hội của nhiều quốc gia đã đạt được nhận thức chung rộng rãi về việc cùng ứng phó với tình trạng nóng lên toàn cầu.

24 nét

HÁN VIỆT: QUỐC HỘI


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0343

国旗

guóqí
quốc kỳ, lá cờ tổ quốc

航天员在月球表面成功展示并展开了完全自主研发的新型高强度耐极端温差鲜艳五星红旗国旗。

Hàng tiên yuan zài yuè qiú biāo miàn chéng gōng zhǎn shì bìng zhān kāi le wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng gāo qiáng dù nài jí duǎn wēn chà xiān yàn wú xīng hóng qí guó qí.

Các phi hành gia trên bề mặt Mặt Trăng đã trưng bày và giương cao thành công lá cờ tổ quốc quốc kỳ cờ đỏ năm sao rực rỡ chịu chênh lệch nhiệt độ cực đoan cường độ cao kiểu mới do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo.

21 nét

HÁN VIỆT : QUỐC KỲ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0344

国王

guówáng
quốc vương, nhà vua

在诺贝尔科学奖颁奖典礼上，瑞典国王亲自为在基础科学原创领域取得卓越突破的杰出科学家颁发金质奖章。

Zài nuò bèi ěr kē xué jiǎng bǎn jiǎng diǎn lǐ shàng, ruì diǎn guó wáng qīn zì wèi zài jī chǔ kē xué yuán chuàng lǐng yù qū dé zhuó yuè tū pō de jié chū kē xué jiǎ bǎn fā jīn zhì jiǎng zhāng.

Tại lễ trao giải thưởng khoa học Nobel, nhà vua Quốc vương Thụy Điển đã đích thân trao tặng huy chương vàng cho các nhà khoa học kiệt xuất đạt được đột phá trắc việt trong lĩnh vực nguyên tác khoa học cơ bản.

22 nét

HÁN VIỆT : QUỐC VƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0345

果酱

guǒjiàng
mứt hoa quả, mứt trái cây

现代生态农业示范基地将高山优质有机鲜蓝莓深加工制成零添加高品质果酱，畅销海内外大市场。

Xiàndài shēng tài nóng yè shì fàn jī dì jiāng gāo shān yōu zhì yǒu jī xiān lán méi shēn jiā gōng zhì chéng líng tiān jiā gāo pīn zhì guǒ jiàng, chāng xiāo hǎi nèi wài dà shì chǎng.

Khu căn cứ trình diễn nông nghiệp sinh thái hiện đại chế biến sâu quả việt quất tươi hữu cơ chất lượng cao vùng núi cao thành mứt hoa quả mứt trái cây phẩm chất cao không phụ gia, bán chạy trên các thị trường lớn trong và ngoài nước.

17 nét

HÁN VIỆT : QUẢ TƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0346

果树

guǒshù
cây ăn quả, cây ăn trái

农业科技特派员深入革命老区，指导果农科学修剪高产果树并推广智慧滴灌节水灌溉新技术。

Nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù gé míng lǎo qū, zhǐ dǎo guǒ nóng kē xué xiū jiǎn gāo chǎn guǒ shù bīng tuī guǎng zhì huì dī guǎn jié shuǐ guàn gài xīn jì shù.

Phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp đi sâu vào vùng căn cứ cách mạng cũ, hướng dẫn bà con nông dân trồng cây ăn quả cắt tỉa cây ăn quả cây ăn trái năng suất cao một cách khoa học và nhân rộng kỹ thuật mới tưới tiết kiệm nước tưới nhỏ giọt thông minh.

23 nét

HÁN VIỆT : QUẢ THỤ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0347

过渡

guò dù
quá độ, chuyển tiếp, chuyển giao giai đoạn

我国坚定不移推进能源结构转型，加快构建以新能源为主体、传统化石能源平稳过渡的新型电力系统。

Wǒ guó jiǎn dīng bù yí tuī jìn néng yuán jié gòu zhuǎn xíng, jiǎ kuài gòu jiàn yǐ xīn néng yuán wéi zhǔ tǐ, chuán tǒng huà shí néng yuán píng wěn guò dù de xīn xíng diàn lì xì tǒng.

Nước ta kiên định thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu năng lượng, đẩy nhanh xây dựng hệ thống điện lực kiểu mới lấy năng lượng mới làm chủ thể và chuyển tiếp quá độ ổn định từ năng lượng hóa thạch truyền thống.

21 nét

HÁN VIỆT : QUÁ ĐỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#0348

过后

guòhòu
sau đó, sau này, về sau

暴雨过后，国家高标准农田智慧排水防涝系统迅速发挥效能，数小时内便将积水全部排净。

Bào yǔ guò hòu, guó jiā gāo biāo nián zhì huì pái shuǐ fáng lǎo xì tǒng xùn sù fā huī xiào néng, shù xiǎo shí nèi biàn jiāng jī shuǐ quán bù pǎi jìng.

Sau khi cơn mưa to đi qua sau đó, hệ thống tiêu ứng thoát nước thông minh ruộng đồng tiêu chuẩn cao quốc gia đã nhanh chóng phát huy hiệu năng, chỉ trong vài giờ đã thoát sạch toàn bộ nước đọng.

17 nét

HÁN VIỆT : QUÁ HẬU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0349

过时

guòshí
lỗi thời, quá hạn, lỗi mốt

在科技快速迭代更新的浪潮中，我们必须持续勇于创新，决不能固步自封使用过时的旧技术框架。

Zài kē jì kuài sù dié dài gēng xīn de làng cháo zhōng, wǒ men bì xū chí yǒu yǒng yú chuàng xīn, jué bù néng gù bù zì fēng shǐ yòng guò shí de jiù jì shù kuāng jià.

Trong làn sóng chuyển giao nâng cấp nhanh chóng của khoa học công nghệ, chúng ta bắt buộc phải liên tục dũng cảm đổi mới sáng tạo, tuyệt đối không được tự mãn dậm chân tại chỗ sử dụng khung kỹ thuật cũ kỹ lỗi thời.

23 nét

HÁN VIỆT : QUÁ THỜI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0350

海报

hǎibào
áp-phích, tranh cổ động, tờ áp phích quảng cáo

在国际世界科技日当天，高校校园内张贴了多幅生动展现人类探索浩瀚深空历程的精彩科普宣传海报。

Zài guó jì shì jiè kē jì rì dàng tiān, gāo xiào yuán nèi zhāng tiē le duō fú shēng dòng zhǎn xiàn rén lèi tàn suǒ hào hàn shēn kōng lì chéng de jīng cǎi kē pǔ xuān chuán hǎi bào.

Vào đúng ngày Ngày Khoa học Công nghệ Thế giới Quốc tế, trong khuôn viên trường đại học đã dán nhiều bức tranh cổ động tờ áp-phích tuyên truyền phổ biến khoa học đặc sắc phổ biến sinh động chặng đường nhân loại thám hiểm không gian sâu bao la.

22 nét

HÁN VIỆT : HẢI BÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#0351

海底

hǎidǐ
đáy biển, lòng biển sâu

我国完全自主研发的新一代载人潜水器在万米海底深渊顺利完成科学采样作业并安全返航。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài zài rén qián shuǐ qì zài wàn mí hǎi dǐ shēn yuán shùn lì wán chéng kē xué cǎi yàng zuò yè bìng ān quán fǎn háng.

Tàu lặn có người lái thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hoàn thành thuận lợi thao tác lấy mẫu khoa học nơi vực sâu đáy biển vạn mét và quay trở về an toàn.

18 nét

HÁN VIỆT : HẢI ĐỂ



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0361

好转

hǎozhuǎn

chuyển biến tốt, khởi sắc, thuyên giảm

通过全面推进流域生态综合治理, 长江水质持续好转, 长江江豚等珍稀水生生物种群数量显著回升。

Tōng guò quán miàn tuī jìn liú yù shēng tài zōng hé zhì lǐ, cháng jiāng shuǐ zhì chí xù hǎo zhuǎn, cháng jiāng jiāng tún děng zhēn xī shuǐ shēng shēng wú zhǒng qún shù liàng xiǎn zhù huí shēng.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện quản lý tổng hợp sinh thái lưu vực, chất lượng nước sông Trường Giang liên tục chuyển biến tốt khởi sắc, số lượng quần thể sinh vật thủy sinh quý hiếm như cá heo sông Trường Giang đã phục hồi rõ rệt.

22 nét

HÁN VIỆT

HẢO CHUYỂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0362

合约

héyuē

hợp đồng, thỏa thuận giao kết

在国际科技成果转化大会上, 中外创新企业正式签署了联合开展新一代固体电池产业化合作合约。

Zài guó jì kē jì chéng guǒ zhuǎn huà dà huì shàng, zhōng wài chuàng xīn qǐ yè zhèng shì qiān shǔ le lián hé kāi zhǎn xīn yí dài gù tǐ diàn chí chǎn yè huà hé zuò hé yuē.

Tại Đại hội Chuyển giao Thành quả Khoa học Công nghệ Quốc tế, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp đồng hợp tác cùng triển khai công nghiệp hóa pin thể rắn thế hệ mới.

22 nét

HÁN VIỆT

CÁP YÊU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0363

和谐

hé xié

hài hòa, hòa hợp, êm ấm cân đối

坚持人与自然和谐共生, 坚定不移走生产发展、生活富裕、生态良好的文明发展道路。

Jiān chí rén yǔ zì rán hé xié gòng shēng, jiǎn dīng bù yí zǒu shēng chǎn fā zhǎn, shēng huó fù yù, shēng tài liáng hǎo de wén míng fā zhǎn dào lù.

Kiên trì sự cùng chung sống hài hòa hòa hợp giữa con người và tự nhiên, kiên định bước đi trên con đường phát triển văn minh sản xuất phát triển, đời sống sung túc ấm no và sinh thái trong lành tốt đẹp.

18 nét

HÁN VIỆT

HOÀ HÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0364

核心

hé xīn

cốt lõi, trọng tâm, hạt nhân

掌握具有完全自主知识产权的核心关键技术, 是保障国家产业安全与高质量发展的命脉。

Zhǎng wò jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán de hé xīn guān jiàn jì shù, shì bǎo zhàng guó jiā chǎn yè ān quán yǔ gāo zhì liàng fā zhǎn de mìng mài.

Làm chủ các công nghệ cốt lõi then chốt sở hữu bản quyền trí tuệ tự chủ hoàn toàn là mạch máu sinh mệnh bảo đảm an ninh công nghiệp và sự phát triển chất lượng cao của quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT

HẠCH TÂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#0365

黑夜

hēi yè

đêm tối, màn đêm, bóng đêm

在深山峡谷无人区的大科学射电望远镜控制室里, 科学家们穿透漫漫黑夜、静静聆听来自百亿光年外的宇宙脉冲。

Zài shēn shān xiá gǔ wú rén qū de dà kē xué shè diàn wǎng yuǎn jīng kòng zhì shì lì, kē xué jiǎ men chuān tòu màn màn hēi yè, jìng jìng líng tīng lái zì bǎi yì guāng nián wài de yǔ zhòu mài chōng.

Bên trong phòng điều khiển kính viễn vọng vô tuyến khoa học lớn tại vùng không người nơi thung lũng núi sâu, các nhà khoa học xuyên qua màn đêm đêm tối mịt mù dài đằng đẵng, tĩnh lặng lắng nghe các xung động vũ trụ đến từ ngoài trăm tỷ năm ánh sáng.

23 nét

HÁN VIỆT

HẮC ĐẠ

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0366

很难说

hěn nán shuō

khó nói

在面对复杂的挑战时, 保持很难说的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí hěn nán shuō de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái khó nói đặc biệt quan trọng.

35 nét

HÁN VIỆT

NGÂN NAN THUẾT

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#0367

狠

hěn

tàn nhẫn, dữ dội; kiên quyết dốc sức (hạ quyết tâm)

面对卡脖子技术难关, 我们要下狠功夫啃最硬的骨头, 坚决打赢关键核心技术攻坚战。

Miàn duì qiǎ bó zǐ jì shù nán guān, wǒ men yào xià hèn gōng fu kěn zuì ying de gǒu tóu, jiān jué dǎ yǐng guān jiàn hé xīn jì shù gōng jī zhàn.

Đứng trước ải khó công nghệ nghẽn cổ chai, chúng ta phải kiên quyết dốc sức dốc hết sức gặm khúc xương cứng nhất, kiên quyết đánh thắng trận đánh lớn vượt khó công nghệ lõi then chốt.

9 nét

HÁN VIỆT

NGÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#0368

横

héng

ngang, nằm ngang; nét ngang (chữ Hán)

这架宏伟壮观的斜拉跨海大桥如同一条钢铁巨龙, 横跨在波澜壮阔的海湾之上。

Zhè jià hóng wēi zhuàng guān de xié là kuà hǎi dà qiáo rú tóng yí tiáo gāng tiě jù lóng, héng kuà zài bō lán zhuàng kuò de hǎi wān zhī shàng.

Cây cầu dây văng vượt biển tráng lệ uy nghiêm này tựa như một con rồng thép khổng lồ, vắt ngang qua vịnh biển sóng cuộn mãnh mẽ.

12 nét

HÁN VIỆT

HOÀNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0369

衡量

héng liáng

đo lường, cân nhắc đong đếm, đánh giá chuẩn mực

衡量一项基础科研成果价值的根本标准, 在于其是否真正拓展了人类认知边界或解决了国家重大战略急需。

Héng liáng yí xiàng jī chǔ kē yán chéng guǒ jià zhí de gēn běn biāo zhǔn, zài yú qí shì fǒu zhēn zhèng tuò zhǎn le rén lèi rèn zhī biān jiè huò jiě jué le guó jiā zhòng dà zhàn lüè jí xū.

Tiêu chuẩn căn bản để cân nhắc đong đếm đo lường đánh giá giá trị của một thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản, là ở chỗ nó có thực sự mở rộng ranh giới nhận thức của nhân loại hoặc giải quyết nhu cầu cấp bách chiến lược trọng đại của quốc gia hay không.

23 nét

HÁN VIỆT

HÀNH LƯỢNG



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0370

宏大

hóng dà

vĩ đại, to lớn hoành tráng, sâu rộng

探月与深空探测工程是一项气势磅礴、立足长远的宏大国家战略科技工程，凝聚了中华民族的千年梦想。

Tàn yuè yǔ shēn kōng tàn cè gōng chéng shì yí xiàng qì shì páng bó, lì zú cháng yuǎn de hóng dà guó jiā zhàn lüè kē jì gōng chéng, níng jù le zhōng huá mín zú de qiān nián mèng xiǎng.

Công trình thám trắc không gian sâu và thám trắc Mặt Trăng là một công trình khoa học công nghệ chiến lược quốc gia hoành tráng to lớn vĩ đại khí thế dõng non lấp biển dựa trên tầm nhìn dài hạn, ngưng tụ ước mơ ngàn năm của dân tộc Trung Hoa.

11 nét

HÁN VIỆT: HOÀNH ĐẠI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0371

洪水

hóng shuǐ

lũ lụt, nước lũ cuộn trào

长江流域水工程梯级水库群发挥强大的联合防洪调度作用，成功拦截并削减了特大流域洪水的下泄洪峰。

Cháng jiāng liú yù shuǐ gōng chéng tǐ jí shuǐ kù qún fā huī qiáng dà de lián hé fáng hóng diào dù zuò yòng, chéng gōng lán jié bìng xuē jiǎn le tè dà liú yù hóng shuǐ de xià xiè hóng fēng.

Quần thể các hồ chứa bậc thang thuộc các công trình thủy lợi trên lưu vực sông Trường Giang đã phát huy vai trò điều phối phòng chống lũ liên hoàn mạnh mẽ, ngăn chặn và cắt giảm thành công đỉnh lũ xả xuống hạ lưu của trận lũ lụt đặc biệt lớn trên lưu vực.

19 nét

HÁN VIỆT: HỒNG THUỶ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0372

忽略

hū lǚ

bỏ qua, xem nhẹ, lơ là

在精密科学仪器研发制造中，哪怕忽略了万分之一毫米的微观装配公差，都可能导致整

机光学成像分辨率大幅下降。
Zài jīng mì kē xué yí qì yán fā zhì zào zhōng, nǎ pà hū lǚ le wàn fēn zhī yí háo mǐ de wēi guān zhuāng pèi gōng chāi, dōu kě néng dǎo zhì zhēng jī guāng xué chéng xiàng fēn biān lǚ dà fú xià jiàng.

Trong việc nghiên cứu chế tạo các dụng cụ khoa học chính xác, cho dù chỉ bỏ qua một phần vạn milimet sai số lắp ráp vì lơ cũng có thể dẫn tới sự sụt giảm nghiêm trọng độ phân giải chụp ảnh quang học của toàn bộ cỗ máy.

21 nét

HÁN VIỆT: HỒT LƯỢC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#0373

壶

hú

ấm, bình (ấm trà, bình nước)

在冬日午后为远道而来的挚友沏上一壶清香馥郁的热普洱茶，围炉促膝长谈。

Zài dōng rì wǔ hòu wéi yuǎn dào ér lái de zhì yǒu qī shàng yí hú qīng xiāng fú yù de rè pǔ ěr chá, wéi lú cù xī cháng tán.

Vào buổi chiều đông pha một ấm trà Phổ Nhĩ nóng thơm nồng nức để tiếp đãi người bạn tri kỷ từ phương xa tới, cùng ngồi bên bếp ấm tâm tình hàn huyên.

11 nét

HÁN VIỆT: HỒ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0374

互动

hù dòng

tương tác, giao lưu tương tác qua lại

在全国科技周主场展览中，青年科学家通过数字孪生仿真平台与现场中小学生开展了生动的科学互动实验。

Zài quán guó kē jì zhōu zhǔ chǎng zhǎn lǎn zhōng, qīng nián kē xué jiā tóng guò shù zì luǎn shēng fǎng zhēn píng tái yǔ xiǎn chǎng zhōng xiǎo xué shēng kāi zhǎn le shēng dòng yǒu qù de kē xué hù dòng shí yǎn.

Tại triển lãm sân nhà Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn Quốc, các nhà khoa học trẻ thông qua nền tảng mô phỏng song sinh số đã triển khai các thực nghiệm khoa học tương tác giao lưu tương tác sinh động thú vị với các em học sinh tiểu học và trung học tại hiện trường.

25 nét

HÁN VIỆT: HỒ ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Tính từ

#0375

户外

hù wài

ngoài trời, dã ngoại không gian ngoài trời

新型轻量化高效柔性太阳能电池在极端极地户外严寒环境下经过长期实测，展现出卓越的耐候抗低温发电性能。

Xīn xíng qīng liàng huà gāo xiào róu xìng tài yáng néng diàn chí zài jī duān jí dī hù wài yán hán huán jīng xià jīng guò cháng qī shí cè, zhǎn xiàn chū zhù yào de nài hòu kǎng dī wēn fā diàn xìng néng.

Pin mặt trời mềm dẻo hiệu quả cao siêu nhẹ kiểu mới trong môi trường giá rét ngoài trời dã ngoại vùng cực đoan trải qua kiểm nghiệm thực tế lâu dài đã phô diễn tính năng phát điện chịu nhiệt độ thấp chống chịu thời tiết khắc nghiệt.

22 nét

HÁN VIỆT: HỘ NGOẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0376

护

hù

bảo vệ

老师鼓励大家积极护，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bảo vệ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: HỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0377

花费

huā fèi

tiêu tốn, chi phí; tổn phí

老一辈战略科学家花费了毕生精力与心血，为祖国筑牢了坚不可摧的国防科技地下钢铁长城。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā huā fèi le bì shēng jīng lì yǔ xīn xuè, wéi zǔ guó zhù láo le jiān bù kě cuī de guó fáng kē jì dì xià gāng tiě cháng chéng.

Các nhà khoa học chiến lược tiền bối đã tiêu tốn cống hiến trọn vẹn tâm huyết và sinh lực cả cuộc đời, bồi đắp vững chắc bức Vạn Lý Trường Thành thép dưới lòng đất khoa học công nghệ quốc phòng không thể phá vỡ cho Tổ quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: HOA PHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0378

花瓶

huā píng

bình hoa, lọ hoa; bình hoa di động (chỉ hình thức)

做科学研究容不得任何形式主义的花架子，科研成果绝不能当作摆设的花瓶，而要经受住工程实践的真刀真枪检验。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé rèn hé xíng shì zhī huā jià zi, kē yán chéng guǒ jué bù néng dāng zuò bǎi shè de huā píng, ér yào jīng shòu zhù gōng chéng shí jiàn de zhēn dāo zhēn qiāng jiǎn yàn.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho bất kỳ thứ rườm rà của chủ nghĩa hình thức, thành quả nghiên cứu khoa học tuyệt đối không được coi như lọ hoa bình hoa làm cảnh để trưng bày, mà phải chịu đựng được sự kiểm chứng thật bằng dao thật súng thật của thực tiễn công trình.

23 nét

HÁN VIỆT: HOA BÌNH


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0379

花生

huā shēng

củ lạc, đậu phộng

农科院专家成功培育出了高产、高油酸且抗旱抗病性卓越的优质新型花生新品种。

Nóng kē yuán zhuān jiā chéng gōng péi yù chū le gāo chǎn, gāo yóu suān qiē kàng hàn kàng bìng xíng zhuō yuē de yōu zhì xīn xíng huā shēng xīn pín zhǒng.

Các chuyên gia Viện Khoa học Nông nghiệp đã lai tạo thành công giống lạc mới chất lượng cao cho năng suất vượt trội, hàm lượng axit oleic cao cùng khả năng chịu hạn kháng sâu bệnh siêu việt.

22 nét

HÁN VIỆT HOA SINH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0380

化解

huàjiě

hóa giải, giải tỏa triệt tiêu (nguy cơ/mâu thuẫn)

我们要全面增强科技安全底线思维，有效防范和化解产业链供应链关键环节可能面临的断供风险。

Wǒ men yào quán miàn zēng qiáng kē jì ān quán dī xiàn sī wéi, yǒu xiào fáng fǎn hé huà jiě chǎn yè liàn gòng yīng liàn guān jiàn huán jié kě néng miǎn lín de duàn gòng fēng xiǎn.

Chúng ta phải tăng cường toàn diện tư duy lẫn ranh giới an toàn khoa học công nghệ, phòng ngừa và triệt tiêu hóa giải hiệu quả các nguy cơ gián đoạn nguồn cung mà các khâu then chốt của chuỗi cung ứng chuỗi ngành nghề có thể đối mặt.

25 nét

HÁN VIỆT HOA GIẢI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0381

幻想

huàn xiǎng

ảo tưởng, mộng tưởng, tưởng tượng

脚踏实地的奋斗胜过一切不切实际的空洞幻想，唯有实干才能托起伟大复兴的宏伟梦想。

Jiǎo tà shí dì de fèn dòu shèng guò yī qiè bù qiè shí jì de kōng dòng huàn xiǎng, wéi yǒu shí gān cái néng tuō qǐ wéi dà fù xīng de hóng wěi mèng xiǎng.

Sự phấn đấu kiên định vững vàng từng bước thực tế giá trị hơn mọi ảo tưởng xa vời viễn vông, chỉ có hành động thực chất mới nâng đỡ được những ước mơ phục hưng vĩ đại.

22 nét

HÁN VIỆT HUYỄN TƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0382

患者

huàn zhě

bệnh nhân, người bệnh

国家组织开展罕见病药品集中攻关与医保准入谈判，让广大罕见病患者用得上、用得起全球前沿创新救命药。

Guó jiā zǔ zhī kāi zhǎn hǎn jiàn bìng yào pīn jī zhōng gōng guān yǔ yī bǎo zhǔn rù tán pàn, ràng guǎng dà hǎn jiàn bìng huàn zhě yòng de shàng, yòng de qǐ quán qiú qián yán chuàng xīn jiù mìng yào.

Nhà nước tổ chức triển khai đàm phán đưa thuốc vào bảo hiểm y tế và tập trung nghiên cứu thuốc điều trị bệnh hiếm, giúp cho đồng bào bệnh nhân mắc bệnh hiếm nghèo hiếm gặp được tiếp cận và có đủ khả năng chi trả các loại thuốc cứu mạng đối mới sáng tạo tiên phong toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT HOẠN GIẢ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0383

皇帝

huáng dì

hoàng đế, vua

秦始皇统一六国并创立中央集权体制，成为中国历史上第一位使用“皇帝”称号的封建君主。

Qín shǐ huáng tǒng yī liù guó bìng chuàng lì zhōng yāng jí quán tǐ zhì, chéng wéi zhōng guó lì shǐ shàng dì yī wèi shǐ yòng "huáng dì" chéng hào de fēng jiàn jūn zhǔ.

Tấn Thủy Hoàng thống nhất sáu nước và thiết lập thể chế tập quyền trung ương, trở thành vị quân chủ phong kiến đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc sử dụng danh hiệu 'Hoàng đế'.

27 nét

HÁN VIỆT HOÀNG ĐẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0384

回应

huì yìng

hồi đáp, phản hồi, đáp lại

国家科技部门积极回应广大青年学者的关切，全面推行科研经费“包干制”以最大限度赋予科研自主权。

Guó jiā kē jì bù mén jī jí huì yìng guǎng dà qīng nián xué zhě de guān qiè, quán miàn tuī xíng kē yán jīn fēi "bāo gān zhì" yǐ zuì dà xiàn dù fù yǔ kē yán zì zhǔ quán.

Cơ quan khoa học công nghệ quốc gia tích cực đáp lại phản hồi hồi đáp mỗi quan tâm của đồng đảo các học giả trẻ, đẩy mạnh toàn diện chế độ 'khoán trọn gói' kinh phí nghiên cứu khoa học để trao quyền tự chủ nghiên cứu khoa học ở mức cao nhất.

28 nét

HÁN VIỆT HỒI ỨNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0385

毁

huǐ

hủy hoại, phá hủy, làm hỏng

在严谨的科研工作中，一次疏忽大意的违规操作就可能彻底毁掉历经数月艰苦制备的高纯度单晶薄膜样品。

Zài yán jǐn de kē yán gōng zuò zhōng, yī cì shū hū dà yì de wéi guī cāo zuò jiù kě néng chè dǐ huǐ diào lǐ jīng shù yuè jiǎn kǔ zhì bèi de gāo chún dù dān jīng mó bǎo yàng pǐn.

Trong công tác nghiên cứu khoa học nghiêm cần, một lần thao tác vi phạm quy định do sơ suất cấu thả cũng có thể phá hủy hủy hoại hoàn toàn mẫu màng mỏng đơn tinh thể độ tinh khiết cao điều chế gian khổ suốt nhiều tháng trời.

13 nét

HÁN VIỆT HUỖY

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0386

会见

huì jiàn

tiếp kiến, hội kiến gặp mặt chính thức

国家领导人在人民大会堂亲切会见载人航天工程功勋航天员代表，高度赞扬他们为国争光的崇高奉献精神。

Guó jiā lǐng dǎo rén zài rén mín dà táng qīn qiè huì jiàn zài rén háng tiān gōng chéng gōng xūn háng tiān yuán dài biǎo, gāo dù zàn yáng tā men wéi guó zhēng guāng de chóng gāo fēng xiàng jīng shén.

Lãnh đạo Nhà nước tại Đại Lễ đường Nhân dân đã thân mật hội kiến tiếp kiến các đại biểu phi hành gia có công lao của công trình hàng không vũ trụ có người lái, đánh giá rất cao tinh thần cống hiến cao đẹp vì Tổ quốc mang lại vinh quang của họ.

28 nét

HÁN VIỆT HỘI KIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0387

会长

huì zhǎng

hội trưởng, chủ tịch hội đồng hiệp hội

国际应用物理学会会长在全体大会上发表开幕辞，呼吁全球青年学者加强在前沿量子科技领域的跨国协作。

Guó jì yìng yòng wù lǐ xué huì huì zhǎng zài quán tǐ dà huì shàng fā biǎo kāi mù cí, hū yù quán qiú qīng nián xué zhě jiā qiáng zài qián yán liàng zǐ kē jì lǐng yù de kuà guó xié zuò.

Hội trưởng Chủ tịch Hiệp hội Vật lý Ứng dụng Quốc tế tại đại hội toàn thể đã có bài phát biểu khai mạc, kêu gọi các học giả trẻ tuổi toàn cầu tăng cường hiệp đồng xuyên quốc gia trong lĩnh vực công nghệ lượng tử tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT HỘI TRƯỞNG



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0388

绘画

huìhuà

hội họa, tranh vẽ; vẽ tranh mỹ thuật

高分辨率多光谱成像技术成功应用于古代传世名画的数字修复，重现了中华古典绘画的绝美神韵与细腻笔触。

Gāo fēn biān lǜ duō guāng pǔ chéng xiàng jì shù chéng gōng yìng yòng yú gù dài chuán shì míng huà de shù zì xiū fù, chóng xiàn le zhōng huá gù diǎn huì huà de jué měi shén yùn yǔ xì nì bǐ chù.

Công nghệ chụp ảnh đa phổ độ phân giải cao được ứng dụng thành công vào phục hồi kỹ thuật số các bức danh họa cổ truyền đời, tái hiện thần thái tuyệt mỹ và nét vẽ tinh tế của nền hội họa cổ điển Trung Hoa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HỘI HỌA

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#0389

昏

hūn

hôn mê, choáng váng; chập tối, hoàng hôn

在南极极夜极寒野外勘探中，科考队员顶住严重低温低氧引起的头昏反应，毅然完成了气象观测站架设任务。

Zài nán jí yè jí hán yě wài kǎn tàn zhōng, kē kǎo duì yuán dǐng zhù yán zhòng dī wēn dī yǎng yīn qì de tóu hūn fǎn yīng, yì rán wán chéng le qì xiàng guān cè zhàn jià shè rèn wù.

Trong cuộc khảo sát dã ngoại giá rét đêm cực Nam Cực, các đội viên kiên nhẫn sát khoa học đã vượt qua cảm giác choáng váng đầu váng do thiếu oxy và nhiệt độ cực thấp gây ra, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ dựng trạm quan trắc khí tượng.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: HÔN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0390

混

hùn

trộn lẫn, pha lẫn; sống lẫn lộn qua ngày (hùn)

微电子纳米光刻胶原料必须达到十二个九超高纯度标准，绝不容许混入任何微米级哪怕极微小的杂质颗粒。

Wēi diàn zǐ nà mǐ guāng kè jiāo yuán liào bì xū dá dào shí èr gè jiǔ chāo gāo chún dù biāo zhǔn, jué bù róng xǔ hùn rù rè hé wēi mǐ jí nǎ pà jí wēi xiǎo de zá zhì kē lì.

Nguyên liệu keo cán quang nano vi điện tử bắt buộc phải đạt tiêu chuẩn siêu tinh khiết 12 số chín, tuyệt đối không cho phép trộn lẫn pha lẫn bất kỳ hạt tạp chất nào cho dù là siêu nhỏ cấp độ micromet.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: HỖN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#0391

混合

hùnhé

hỗn hợp, pha trộn, trộn lẫn

新型绿色动力客机采用了先进的生物航空煤油与高压液态氢气混合推进动力系统，实现了超低碳排放飞行。

Xīn xíng lǜ sè dòng lì kè jī cái yòng le xiān jìn de shēng wù háng kōng méi yóu yǔ gāo yā yè tài qīng qì hùnhé tuī jìn dòng lì xì tǒng, shí xiàn le chāo dī tàn pái fāng fēi xíng.

Máy bay chở khách sử dụng động cơ xanh kiểu mới đã áp dụng hệ thống động lực đẩy hỗn hợp tiên tiến giữa dầu hỏa hàng không sinh học và khí hydro lỏng áp suất cao, thực hiện các chuyến bay phát thải carbon siêu thấp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HỖN CÁP

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0392

混乱

hùnlùn

hỗn loạn, lộn xộn, rối loạn vô trật tự

在大型突发公共安全事件演练中，应急指挥系统能够高效疏导庞大人流，坚决防止发生踩踏与现场秩序混乱。

Zài dà xíng tū fā gōng ān quán shì jiàn yǎn liàn zhōng, yìng jí zhǐ huī xì tǒng néng gōu gāo xiào shū dǎo páng dà rén liú, jiǎn jué fáng zhǐ fā shēng cǎi tà yǔ xiàn chǎng zhì xù hùn luàn.

Trong các đợt diễn tập sự cố an toàn công cộng đột xuất quy mô lớn, hệ thống chỉ huy khẩn cấp có thể phân luồng điều tiết dòng người khổng lồ một cách hiệu quả cao, kiên quyết ngăn ngừa hiện tượng giẫm đạp và trật tự hiện trường bị hỗn loạn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: HỖN LOẠN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0393

活跃

huóyuè

sôi nổi, hoạt bát, năng động; làm sôi nổi

教授通过设计一系列互动问答游戏，迅速活跃了学术讲座现场的气氛。

Jiào shòu tōng guò shè jì yí xié hù dòng wèn dá yóu xì, xùn sù huó yuè le xué shù jiǎng zuò xiàn chǎng de qì fēn.

Giáo sư thông qua việc thiết kế chuỗi trò chơi hỏi đáp tương tác đã nhanh chóng khuấy động bầu không khí sôi nổi của buổi thuyết trình học thuật.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HOẠT ĐƯỢC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0394

火箭

huǒjiàn

tên lửa, tên lửa đẩy vũ trụ

我国新一代无毒无污染重型运载火箭在沿海航天发射场成功发射升空，将空间站大型核心舱送入预定轨道。

Wǒ guó xīn yí dài wú dú wú wū rǎn zhòng xíng yùn zài zài huò jiàn zài yán hái háng tiān fā shè cháng chéng gōng fā shè shàng kōng, jiāng kōng jiān zhàn dà xīng hé xīn cāng sòng rù yù dìng guī dào.

Tên lửa đẩy hạng nặng thế hệ mới không độc hại không gây ô nhiễm của nước ta tại bãi phóng vũ trụ ven biển đã phóng thành công lên không gian, đưa khoang lõi cỡ lớn của trạm vũ trụ vào đúng quỹ đạo dự kiến.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: HOÀ TIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0395

机动车

jīdòngchē

xe cơ giới, phương tiện giao thông gắn động cơ

城市全面推行新能源智能网联机动车充电桩全覆盖工程，有力构建了绿色低碳智慧交通基础设施新生态。

Chéng shì quán miàn tuī xíng xīn néng yuán zhì néng wǎng lián jī chǔ zài quán fù gài gōng chéng, yǒu lì gòu jiàn le lǜ sè dī tàn zhī huì jiāo tōng jī chǔ shī shēng tài.

Thành phố đẩy mạnh toàn diện công trình phủ kín trạm sạc xe cơ giới phương tiện cơ giới kết nối mạng thông minh năng lượng mới, xây dựng nên hệ sinh thái mới hạ tầng giao thông thông minh xanh ít phát thải carbon đầy sức mạnh.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: CƠ ĐỘNG XA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0396

机关

jīguān

cơ quan công quyền; cơ quan then máy, cạm bẫy

各级党政机关坚决贯彻落实中央八项规定精神，持之以恒纠治“四风”，切实减轻基层干部的形式主义负担。

Gè jí dǎng zhèng jī guān jiǎn jué guān ché luò shí zhōng guāng fēng bǎ xiàng guī dìng jīng shén, chí zhǐ yì héng jiǔ zhì "sì fēng", qiè shí jiǎn qīng jī céng gàn bù de xíng shì zhǔ yì fù dān.

Các cơ quan Đảng và chính quyền các cấp kiên quyết quán triệt thực hiện tinh thần Tám quy định của Trung ương, kiên trì không ngừng bài trừ 'Bốn tác phong xấu', giảm nhẹ thiết thực gánh nặng chủ nghĩa hình thức cho các cán bộ ở cơ sở.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CƠ QUAN


HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0397

机械

jī xiè

cơ khí, máy móc; máy móc ráp khuôn

我国盾构机制造技术实现了从完全依赖进口到领跑全球的历史性跨越，自主研发的超大直径硬岩掘进机械出口数十个国家。

Wǒ guó dùn gōu jī zhì zào jī shù shí xiàn le cóng wán quán yī lài jìn kǒu dào lǐng pǎo quán qiú de lì shǐ xìng kuà yuè, zì zhǔ yán zhì de chāo dà zhǐ jīng yīng yán jué jìn jī xiè chū kǒu shù shí gè guó jiā.

Công nghệ chế tạo máy đào hầm TBM của nước ta đã đạt được bước nhảy vọt lịch sử từ chỗ hoàn toàn phụ thuộc vào nhập khẩu tiến tới dẫn đầu toàn cầu, máy móc đào hầm đã cứng đường kính siêu lớn tự chủ nghiên cứu đã xuất khẩu tới hàng chục quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: CƠ GIỚI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0398

基督教

jī dū jiào

Kitô giáo, đạo Cơ đốc

在世界文明多元交流与比较宗教哲学学术研讨会上，学者们深入探讨了基督教在人类历史演进中的文化影响。

Zài shì jiè wén míng duō yuán jiāo liú yǔ yǐ bǐ jiào zōng jiào zhé xué xué shù yán tào huì shàng, xué zhě men shēn rù tàn tǎo le jī dū jiào zài rén lèi shǐ yǎn jìn zhōng de wén huà yǐng xiǎng.

Tại hội thảo học thuật triết học tôn giáo so sánh và giao lưu đa nguyên các nền văn minh thế giới, các học giả đã đi sâu bàn thảo về ảnh hưởng văn hóa của Kitô giáo đạo Cơ đốc trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

31 nét

HÁN VIỆT: CƠ ĐỐC GIÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0399

激情

jī qíng

nhiệt huyết, đam mê cháy bỏng, cảm xúc sục sôi

广大青年科学家怀揣科技报国的赤子初心与满腔激情，在深空探测与人工智能前沿赛道上奋勇争先。

Guǎng dà qīng nián kē xué jiā huái kē jì bào guó de chì zǐ chū xīn yǔ mǎn qiāng jī qíng, zài shēn kōng tàn cè yǔ rén gōng zhì néng qián yán sài dào shàng fèn yǒng zhēng xiān.

Đồng đạo các nhà khoa học trẻ tuổi mang trong tim tấm lòng son phụng sự Tổ quốc bằng khoa học cùng nhiệt huyết đam mê sục sôi, đã dũng cảm tiên phong trên đường đua mũi nhọn trí tuệ nhân tạo và thám hiểm không gian sâu.

22 nét

HÁN VIỆT: KÍCH TÌNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0400

吉利

jí lì

may mắn, cát tường tốt lành

在农历新春佳节来临之际，千家万户张贴寓意吉祥吉利的大红春联与福字，满怀喜悦期盼新的一年风调雨顺。

Zài nóng lì xīn chūn jiā jié lái lín zhī jì, qiān jiā wàn hù zhāng tiē yù yì jí xiáng jí lì de dà hóng chūn lián yǔ fú zì, mǎn huái xī yuè qī pàn xīn de yī nián fēng tiáo yǔ shùn.

Trước thêm Tết Nguyên Đán cổ truyền đến gần, muôn nhà muôn cửa dán những bức câu đối đỏ và chữ Phúc mang ngụ ý may mắn cát tường tốt lành, tràn ngập niềm vui mong chờ một năm mới mưa thuận gió hòa.

23 nét

HÁN VIỆT: CÁT LỢI

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0401

吉祥

jí xiáng

cát tường, may mắn như ý, điềm lành

中华传统非遗剪纸艺人运用巧手剪出一张张寓意吉祥如意、五谷丰登的精美窗花，装点喜庆的新春佳节。

Zhōng huá chuán tǒng fēi yí jiǎn zhǐ yì rén yùn yòng qiǎo shǒu jiǎn chū yǐ zhāng zhāng yù yì jí xiáng rú yì, wǔ gǔ fēng dēng de jīng měi chuāng huā, zhuāng diǎn xǐ qīng de xīn chūn jiā jié.

Nghệ nhân cắt giấy di sản phi vật thể truyền thống bằng đôi bàn tay khéo léo đã cắt nên từng bức tranh dán cửa sổ tinh xảo mang ý nghĩa cát tường như ý, mùa màng bội thu, trang hoàng cho ngày Tết Nguyên đán rộn rã niềm vui.

22 nét

HÁN VIỆT: CÁT TƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0402

极端

jí duān

cực đoan, tột cùng; thời tiết cực đoan

国家气象防灾减灾中心建立了完善的气候灾害早期预警网络，显著提升了对特大暴雨等极端天气的精准监测预报能力。

Guó jiā qì xiàng fáng zǎi jiǎn zhōng xīn jiàn lì le wán shàn de qì hòu zāi hài zǎo qī yù jǐng wǎng luò, xiǎn zhù tí shēng le duì tè dà bào yǔ děng jí duān tiān qì de jīng zhǔn jiān cè yǔ bào nòng lì.

Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ Thiên tai Khí tượng Quốc gia đã thiết lập mạng lưới cảnh báo sớm thảm họa khí hậu hoàn thiện, nâng cao rõ rệt năng lực giám sát và dự báo chuẩn xác đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa to lũ lớn đặc biệt lớn.

24 nét

HÁN VIỆT: CỰC ĐOAN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0403

急救

jí jiù

cấp cứu, sơ cứu khẩn cấp

城市智慧医疗急救调度网络依托5G与车联网技术，实现了急救车“上车即入院”的院前院内无缝高效救治。

Chéng shì zhì huì yī liáo jí jiù tiáo dù wǎng luò yī tuō 5G yǔ chē lián wǎng jī shù, shí xiàn le jí jiù chē "shàng chē jí rù yuàn" de yuàn qián yuàn nèi wú fèng gāo xiǎo jiù zhì.

Mạng lưới điều phối cấp cứu y tế thông minh đô thị dựa vào công nghệ Internet vạn vật kết nối xe và 5G đã thực hiện việc cứu chữa hiệu quả cao liên mạch trong và trước viện 'lên xe cấp cứu là coi như nhập viện'.

19 nét

HÁN VIỆT: CẤP CỨU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0404

疾病

jí bìng

bệnh tật, dịch bệnh nguy hiểm

国家深入推进健康中国战略，完善重大慢性非传染性疾病早期筛查与综合防治体系，筑牢全民健康基石。

Guó jiā shēn rù tuī jìn jiàn kāng zhōng guó zhàn lüè, wán shàn zhòng dà màn xìng fēi chuán rǎn xìng jí bìng zǎo qī shāi chá yǔ zōng hé fáng zhì tǐ xì, zhù láo quán mǐn jiàn kāng jī shí.

Nhà nước đi sâu thúc đẩy Chiến lược Một Trung Quốc Khỏe mạnh, hoàn thiện hệ thống sàng lọc sớm và phòng chống điều trị tổng hợp các bệnh mãn tính không truyền nhiễm nguy hiểm, xây đắp vững chắc nền móng sức khỏe cho toàn dân.

16 nét

HÁN VIỆT: TẬT BỆNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ / Lượng từ

#0405

集

jí

tập hợp, quy tụ; tập (sách/phim - lượng từ); tuyển tập

国家实验室集聚了全球多学科领军战略科学家与拔尖青年科技英才，形成了强大的原始创新攻坚军团。

Guó jiā shí yàn shì jí jù le quán qiú duō xué kē lǐng jūn zhàn lüè kē xué jiā yǔ bá jiān qīng nián kē jì yīng cái, xíng chéng le qiáng dà de yuán shǐ chuàng xīn gōng jīn jūn tuán.

Phòng thí nghiệm quốc gia quy tụ tập hợp các anh tài khoa học công nghệ thanh niên xuất chúng cùng các nhà khoa học chiến lược dẫn đầu đa ngành học trên toàn cầu, hình thành nên một binh đoàn vượt khó đối mới sáng tạo nguyên bản hùng hậu.

8 nét

HÁN VIỆT: TẬP



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0406

加盟

jiāméng

gia nhập, đầu quân liên kết, nhượng quyền

多位在国际前沿微电子与量子计算领域享有盛誉的海外顶尖青年学者，毅然选择全职加盟国家实验室。

Duō wèi zài guó jì qián yán wēi diàn zǐ yǔ liàng zǐ jì suàn lǐng yù xiāng yǒu shèng yù de hǎi wài dīng jiān qīng nián xué zhě, yì rán xuǎn zé quán zhí jiā méng guó jiā shí yǎn shì.

Nhiều học giả trẻ tuổi hàng đầu ở nước ngoài có danh tiếng lẫy lừng trong các lĩnh vực tính toán lượng tử và vi điện tử tiên phong quốc tế đã kiên quyết lựa chọn gia nhập đầu quân toàn thời gian cho Phòng Thí nghiệm Quốc gia.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : GIA MINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0407

茄子

qiézi

cà tím, quả cà tím

在现代太空航天育种农业示范温室里，培育出的优质高产紫色长茄子肉质细腻柔嫩、营养价值极高。

Zài xiàn dài tài kōng háng yòng nóng yù zhōng nóng yù shì fān wēn shì lǐ, péi yù chū de yōu zhì gāo chǎn zǐ sè zhǎng qié zǐ ròu zhì xì nì róu nèn, yíng yǎng jià zhí jí gāo.

Bên trong nhà kính trình diễn nông nghiệp chọn tạo giống hàng không vũ trụ hiện đại, giống cà tím quả cà tím dài màu tím năng suất cao chất lượng cao được nuôi cấy cùi thịt mịn màng mềm mại, giá trị dinh dưỡng cực kỳ cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : GIA TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0408

家电

jiādiàn

thiết bị điện gia dụng, đồ điện gia dụng

我国智能绿色家电制造业全面加快数字化转型升级，多项核心变频与节能技术已跃居全球领先水平。

Wǒ guó zhì néng lǜ sè jiā diàn zhì zào yè quán miàn jiā kuài shù zì huà zhuǎn xíng shēng jí, duō xiàng hé xīn biàn pín yǔ jié néng jì shù yǐ yuè jū quán qiú líng xiān shuǐ píng.

Ngành chế tạo đồ điện gia dụng thiết bị điện gia dụng xanh thông minh của nước ta đẩy nhanh toàn diện năng cấp chuyển đổi số, nhiều công nghệ tiết kiệm năng lượng và biến tần cốt lõi đã vươn lên đứng ở mức dẫn đầu toàn cầu.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : GIA ĐIỆN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0409

家园

jiāyuán

ngôi nhà chung, mái ấm quê hương, quê nhà

我们要携手全球各国科技界共同应对气候变化与生态危机，全力守护人类赖以生存的唯一美丽地球家园。

Wǒ men yào xié shǒu quán qiú gè guó kē jì jiè gòng tóng yìng duì qì hòu biàn huà yǔ shēng tài wēi jī, quán lì shǒu hù rén lèi yǐ shēng cún de wéi yī měi lì dì qiú jiā yuán.

Chúng ta phải chung tay cùng giới khoa học công nghệ các nước trên toàn cầu cùng ứng phó với khủng hoảng sinh thái và biến đổi khí hậu, dốc toàn lực bảo vệ quê hương mái ấm quê nhà Trái Đất tươi đẹp duy nhất mà nhân loại nương tựa để sinh tồn.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : GIA VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0410

嘉宾

jiā bīn

khách quý, đại biểu danh dự

本届全球人工智能创新大会吸引了来自全球五十余个国家和地区的千余位业界重磅嘉宾出席。

Běn jiè quán qiú rén gōng zhì néng chuàng xīn dà huì xī yǐn le lái zì quán qiú wǔ shí yú gè guó jiā hē dì qū de qiān yú wèi yè jiè zhòng bàng jiā bīn chū xí.

Đại hội Đổi mới Trí tuệ Nhân tạo Toàn cầu lần này đã thu hút hơn một nghìn vị khách quý trọng thể trong ngành đến từ hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới tham dự.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : GIA TÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#0411

假日

jià rì

ngày nghỉ, kỳ nghỉ lễ

在节假日期间，大科学装置建设现场的千余名科研工程师与建设者依然坚守岗位、分秒必争抢抓工期。

Zài jié jià rì qī jiān, dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè xiān chāng de qiān yú míng kē yán gōng chéng shī yǐ jiàn shè zhě yǐ rán jiān shǒu gǎng wèi, fēn miǎo bì zhēng qiǎng zhuā gōng qī.

Trong kỳ nghỉ ngày nghỉ lễ, hơn ngàn kỹ sư nghiên cứu khoa học cùng những người xây dựng tại hiện trường xây dựng thiết bị khoa học lớn vẫn kiên trì bám trụ vị trí, tranh thủ từng phút từng giây chạy đua với tiến độ thi công.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : GIẢ NHẬT

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0412

尖

jiān

nhọn, sắc nhọn; tinh hoa mũi nhọn (đầu nhọn)

大科学装置纳米探针显微镜的超细单原子针尖，能够极其精确地对单个微分子进行原子级物理操控。

Dà kē xué zhuāng zhì nǎo mǐ tàn zhēn xiǎn wēi jīng de chāo xī dān yuán zǐ zhēn jiān, néng gòu jí qī jīng què dì duì dān ge wēi guān fēn zǐ jīn xíng yuán zǐ jí wù lǐ cāo kòng.

Đầu kim nhọn đơn nguyên tử siêu mảnh của kính hiển vi đầu dò nano thiết bị khoa học lớn có thể thao tác vật lý cấp độ nguyên tử một cách vô cùng chuẩn xác đối với từng phân tử vi mô đơn lẻ.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : TIÊM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0413

监测

jiāncè

quan trắc, giám sát đo đạc, theo dõi

国家生态环境遥感卫星星座实现了对全国江河湖海与大气空气质量的全天候全覆盖高精度动态监测。

Guó jiā shēng tài huán gǎng yǎng wéi xīng zīng xiàn le duì quán guó jiāng hé hú hǎi yǔ dà qì kōng qì zhì liàng de quán tiān hòu quán fù gāi gāo jīng dù dòng tài jiān cè.

Chùm vệ tinh viễn thám môi trường sinh thái quốc gia đã thực hiện việc theo dõi quan trắc giám sát đo đạc động thái độ chính xác cao bao phủ toàn diện 24/7 đối với chất lượng không khí khí quyển và sông hồ biển cả trên cả nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : GIAM TRẮC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0414

监督

jiān dū

giám sát, kiểm tra giám sát; sự giám sát

健全党统一领导、全面覆盖、权威高效的监督体系，完善对权力运行的制约和全方位有效监督。

Jiàn quán dǎng tóng yī lǐng dǎo, quán miàn fù gài, quán wēi gāo xiào de jiān dū tǐ xì, wán shàn duì quán lì yùn xíng de zhì yuē hé quán fāng wèi yǒu xiào jiān dū.

Hoàn thiện hệ thống giám sát có sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, bao phủ toàn diện, có thẩm quyền và hiệu quả cao, hoàn thiện sự ràng buộc và kiểm tra giám sát hữu hiệu toàn diện đối với việc vận hành quyền lực.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : GIAM ĐỐC



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0415

捡
jiǎn

nhặt lên

老师鼓励大家积极**捡**，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
nhặt lên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: KIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0416

简介
jiǎnjiè

tóm tắt giới thiệu, giới thiệu sơ lược

在大科学工程官方学术网站首页上，详细刊登了该前沿重大装置的科研使命、核心参数与科学目标简介。

Zài dà kē xué gōngchéng guān fāng xué shù wǎng zhàn shǒu yè shàng, xiáng xì kǎn dēng le gāi qián yán zhòng dà zhuāng zhì de kē yán shǐ mìng, hé xīn cān shù yǔ kē xué mù biāo jiǎn jiè.

Trên trang chủ trang web học thuật chính thức của công trình khoa học lớn đã đăng tải chỉ tiết bài giới thiệu sơ lược tóm tắt giới thiệu về mục tiêu khoa học, tham số cốt lõi và sứ mệnh nghiên cứu khoa học của thiết bị trọng đại tiên phong này.

24 nét

HÁN VIỆT: GIẢN GIỚI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0417

剑
jiàn

thanh kiếm, gươm báu

一代代功勋科学家在大西北荒漠戈壁深处隐姓埋名、为国铸**剑**，铸就了捍卫国家安全的坚固战略盾牌。

Yí dài dài gōng gōng xūn kē xué jiā zài dà xī běi huāng mò mò gē bì shēn chù yín xíng mǎi míng, wèi guó zhù jiàn, zhù jiù le hàn wèi guó jiā ān quán de jiān gù zhàn lüè dùn pái.

Bao thế hệ các nhà khoa học có công lao nơi sâu thẳm sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc đã ẩn danh giấu tên, đúc kiếm thanh kiếm cho Tổ quốc, đúc nên tấm lá chắn chiến lược kiên cố bảo vệ an ninh quốc gia.

11 nét

HÁN VIỆT: KIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0418

鉴定
jiàn dìng

thẩm định, nghiệm thu giám định chuyên môn

国家科技成果评估委员会组织多名权威院士专家，对这一具有国际领先水平的工业软件系统进行了严格的技术**鉴定**。

Guó jiā kē jì chéng guǒ píng gū wéi yuán huì zǔ zhǐ duǒ míng quán wéi yuán shì zhuān jiā, duì zhè yí yǒu guó jì líng xiān shuǐ píng de gōng yè ruǎn jiàn xì tǒng jìn xíng le yán gé de jì shù jiàn dìng.

Hội đồng Đánh giá Thành quả Khoa học Công nghệ Quốc gia đã tổ chức nhiều chuyên gia viện sĩ có thẩm quyền tiến hành nghiệm thu giám định kỹ thuật nghiêm ngặt đối với hệ thống phần mềm công nghiệp sở hữu trình độ dẫn đầu quốc tế này.

16 nét

HÁN VIỆT: GIẨM ĐỊNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0419

箭
jiàn

mũi tên, tên bắn; tên lửa vũ trụ (huǒjiàn)

长征系列运载火箭如同一支支离弦之箭冲破九霄，将一颗颗中国研制的高性能卫星精准送入太空预定轨道。

Cháng zhēng xì liè yùn zài huǒ jiàn rú yí zhī zhī lí xián zhī jiàn chōng pò jiǔ xiāo, jiāng yí kē kē zhōng guó yán zhì de gāo xìng néng wèi xīng jīng zhún sòng rù tài kōng yù dìng guī dào.

Dòng tên lửa đẩy Trường Chinh tựa như những mũi tên mũi tên bắn rời khỏi dây cung lao vút xuyên qua chín tầng mây, đưa từng quả vệ tinh tinh năng cao do Trung Quốc chế tạo vào chuẩn xác quỹ đạo định sẵn ngoài không gian.

8 nét

HÁN VIỆT: TIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0420

将军
jiāng jūn

tướng quân, cấp tướng quân đội; chiếu tướng (cờ vua)

这位战功赫赫的老将军在建军节座谈会上勉励青年官兵牢记强军兴军强国使命，做党和人民的忠诚卫士。

Zhè wèi zhàn gōng hè hè de lǎo jiāng jūn zài jiàn jūn jié zuò tán huì shàng miǎn lì qīng nián guān bīng láo jì qiáng jūn xīng jūn qiáng guó shǐ mìng, zuò dāng hé rén mín de zhōng chéng wèi shì.

Vị tướng quân lão thành lập nhiều chiến công hiển hách tại buổi tọa đàm Ngày Thành lập Quân đội đã động viên cán bộ chiến sĩ trẻ tuổi khắc ghi sứ mệnh xây dựng quân đội hùng mạnh phụng sự đất nước, làm người lính bảo vệ trung thành của Đảng và nhân dân.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯỚNG QUÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0421

讲课
jiǎng kè

giảng bài, lên lớp thuyết giảng

中国空间站航天员开展了多次精彩生动的“天宫课堂”太空**讲课**，在千万青少年心中播下了科学的种子。

Zhōng guó kōng jiàn zhàn háng tiān yuán kāi zhǎn le duō cì jīng cǎi shēng dòng de "tiān gōng kē táng" tài kōng jiǎng kè, zài qiān wàn qīng shào nián xīn zhōng bō xià le kē xué de zhǒng zǐ.

Các phi hành gia trên trạm vũ trụ Trung Quốc đã triển khai nhiều buổi lên lớp thuyết giảng giảng bài không gian 'Lớp học Thiên Cung' sinh động đặc sắc, gieo vào trong tim hàng triệu thanh thiếu niên những hạt mầm khoa học.

27 nét

HÁN VIỆT: GIẢNG KHOÁ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0422

酱
jiàng

nước xốt, tương, nước chấm sốt

中华传统非物质文化遗产古法酿造大豆**酱**选用优质大豆，经过天然阳光晒制发酵，酱香醇厚浓郁。

Zhōng huá chuán tǒng fēi wù zhì wén huà yí chǎn gǔ fǎ niàng zào dà dòu tiān niàng jiàng xuǎn yòng yōu zhì dà dòu, jīng guò tiān rán yáng guāng shài zhì fā jiào, jiàng xiāng chún hòu nóng yù.

Món tương ngọt nước xốt tương đậu nành ủ lên men theo phương pháp cổ truyền di sản văn hóa phi vật thể truyền thống Trung Hoa lựa chọn đậu nành chất lượng cao, trải qua phơi nắng tự nhiên lên men, hương vị tương thơm nồng đậm đà.

8 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0423

酱油
jiàng yóu

nước tương, xì dầu

古法传统酿造特级头道生抽酱油色泽红褐透亮、鲜咸醇厚，是中式烹饪提鲜增色不可或缺的靈魂调料。

Gǔ fǎ chuán tǒng niàng zào tè jí tóu dào shēng chōu jiàng yóu sè zé hóng hē tòu liàng, xiān xián chún hòu, shì zhōng shì pēng rèn tí xiān zēng sè bù kě huò quē de línghún tiáoliào.

Xì dầu nước tương nhất phẩm cốt được ủ lên men theo phương pháp thủ công cổ truyền có màu nâu đỏ óng ánh, vị mặn ngọt đậm đà, là gia vị linh hồn không thể thiếu làm dậy vị và lên màu cho ẩm thực Trung Hoa.

17 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG DẦU



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0424

骄傲

jiāo ào

kiêu ngạo, tự hào

在取得骄人成绩的同时我们要时刻保持谦逊求实，切不可固步自封、盲目骄傲自满。

Zài qǔ dé jiāo rén chéng jì de tóng shí wǒ men yào shí kè bǎo chí qiān xūn qiú shí, qìe bù kě gù bù zì fēng, máng mù jiāo ào zì mǎn.

Trong khi gặt hái được những thành tích đáng tự hào, chúng ta cần luôn giữ thái độ khiêm tốn cầu thị, tuyệt đối không được tự mãn hay kiêu ngạo chủ quan.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : KIÊU NGẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0425

焦点

jiāo diǎn

tiêu điểm, tâm điểm chú ý; tiêu cự (quang học)

如何统筹高质量发展与高水平安全，成为了当前全球经济治理与国际战略研讨会上备受瞩目的核心焦点。

Rú hé tǒng chóu gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ gāo shuǐ píng ān quán, chéng wéi liǎo dāng qián quán qú jīng jì zhì lǐ yǔ guó jì zhàn lüè yán tao huì shàng bèi shòu zhǔ mù dí hé xīn jiāo diǎn.

Làm thế nào để điều phối hài hòa giữa phát triển chất lượng cao và an ninh mức độ cao đã trở thành tâm điểm tiêu điểm cốt lõi thu hút sự chú ý sâu sắc tại các hội thảo chiến lược quốc tế và quản trị kinh tế toàn cầu hiện nay.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : TIÊU ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0426

脚印

jiǎo yìn

dấu chân, vết chân in hằn

一步一个脚印，求真务实攀登；广大科研工作者在科学探索的漫漫征途上留下了坚实执着的奋斗足迹。

Yí bù yí gē jiǎo yìn, qiú zhēn wú shí pān dēng; guāng dà kē yán gōng zuò zhě zài kē xué tàn suǒ de màn màn zhēng tú shàng liú xià le jiān shí zhí zhuō de fèn dòu zú jì.

Từng bước từng bước một dấu chân vết chân in hằn, thực chất cầu thị trèo lên đỉnh cao; đồng đạo những người làm công tác nghiên cứu khoa học trên hành trình dài đằng đẵng thám hiểm khoa học đã để lại những dấu ấn phần dấu kiên trì vững chắc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : CƯỚC ẤN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0427

教堂

jiàotáng

nhà thờ, thánh đường giáo đường

在欧洲著名历史文化名城，拥有数百年历史的古典哥特式大教堂被完整保护，吸引了全球各地的游客。

Zài ōu zhōu zhù míng lì shǐ wén huà míng chéng, yǒng yǒu shù bǎi nián lì shǐ de gù diǎn gē tè shì dà jiào táng bèi wán zhěng bǎo hù, xī yīn le quán qú gē dì de yóu kè.

Tại thành phố lịch sử văn hóa danh tiếng của Châu Âu, nhà thờ giáo đường thánh đường kiểu Gothic cổ điển có bề dày lịch sử hàng trăm năm được bảo tồn nguyên vẹn, thu hút du khách từ khắp nơi trên toàn cầu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : GIÁO ĐƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#0428

教育部

jiàoyùbù

Bộ Giáo dục

教育部全面启动高校拔尖创新人才培养战略行动，着力加强基础学科拔尖学生早期发现与贯通培养。

jiào yù bù quán miàn qǐ dòng gāo xiào bá jiān chuàng xīn rén cái péi yǎng zhàn lüè xíng dòng, zhuó lì jiā qiáng jī chǔ xué kē bá jiān xué shēng zǎo qī fā xiàn yǔ guān tōng péi yǎng.

Bộ Giáo dục Bộ Giáo dục đã khởi động toàn diện hành động chiến lược bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng các trường đại học, chú trọng tăng cường việc bồi dưỡng liên thông và phát hiện từ sớm học sinh xuất sắc các ngành học cơ bản.

📖 34 nét

HÁN VIỆT : GIÁO DỤC BỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0429

接收

jiēshōu

tiếp nhận, thu nhận, nhận tín hiệu

五百米口径球面射电望远镜拥有无与伦比的高灵敏度，能够精准接收捕捉百亿光年外的微弱电磁波信号。

Wǔ bǎi mǐ kǒu jīng qiú miàn shè diàn wàng yuǎn jīng yǒng yǒu wú yǔ lún bǐ de gāo líng mǐn dù, néng gòu jīng zhǔn jiē shōu bǎi yì guāng nián wài de wēi ruò diàn cí bō xìn hào.

Kính viễn vọng vô tuyến hình cầu khẩu độ 500 mét sở hữu độ nhạy cảm cao vô song, có thể thu nhận tiếp nhận bắt trọn chuẩn xác các tín hiệu sóng điện từ yếu ớt ngoài trăm tỷ năm ánh sáng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : TIẾP THU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0430

揭

jiē

mở ra, vạch trần; bóc ra lật mở

科研攻关团队通过多学科交叉融合创新，首次深入揭示了高温超导微观物理机制的重大未知奥秘。

Kē yán gōng guān tuán duì tōng guò duō xué kē jiāo chā róng hé chuāng xīn, shǒu cì shēn rù jiē shì le gāo wēn chāo dǎo wēi guān wù lǐ jī zhì de zhòng dà wèi zhī ài mì.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó thông qua đổi mới sáng tạo dung hợp liên ngành đa học thuật lần đầu tiên đã hé mở vạch trần mở ra một cách sâu sắc điều huyền bí chưa biết trọng đại của cơ chế vật lý vi mô siêu dẫn nhiệt độ cao.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : YẾT

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#0431

街头

jiētóu

đầu đường, trên đường phố, góc phố

在国家智能网联汽车示范城市的街头，全自动无人清扫车与智能网约车正在平稳高效穿梭运行。

Zài guó jiā zhì néng wǎng lián qì chē shì fàn chéng shì de jiē tóu, quán zì dòng wú rén sǎo sǎo chē yǔ zhì néng wǎng yuē chē zhèng zài píng wěn gāo xiào chuān suō yùn xíng.

Trên đường phố đầu đường các góc phố của thành phố trình diễn xe kết nối mạng thông minh quốc gia, xe taxi công nghệ thông minh và xe dọn vệ sinh không người lái tự động hoàn toàn đang vận hành con thoi êm ái hiệu quả cao.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : NHAI ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#0432

节假日

jiéjiàrì

các ngày nghỉ lễ, ngày lễ tết nghỉ ngơi

每逢节假日，国家现代科技馆与天文馆总是迎来数以万计前来感受科学魅力的青少年与家。

Měi féng jié jià rì, guó jiā xiàn dài kē jì gǎn yǔ tiān wén guǎn zǒng shì yíng lái shù yǐ wàn jì qián lái gǎn shòu kē xué mèi lì de qīng shào nián yǔ jiā zhǎng.

Mỗi dịp các ngày nghỉ lễ ngày lễ tết, Bảo tàng Thiên văn và Bảo tàng Khoa học Công nghệ Hiện đại Quốc gia luôn đón tiếp hàng vạn lượt phụ huynh và thanh thiếu niên tới cảm nhận sức quyến rũ của khoa học.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : TIẾT GIẢ NHẬT



HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0433

节能

jiénéng

tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm điện
năng

我国全面推行绿色建筑标准与工业节能降碳改造, 极大提升了能源资源综合利用效率。

Wǒ guó quán miàn tuī xíng lǜ sè jiàn zhù biāo zhǔn yǔ gōng yè jié néng jiàng tàn gāi zào, jí dà tí shēng le néng yuán zī yuán zǒng hé lì yòng xiào lǜ.

Nước ta đẩy mạnh toàn diện cải tạo giảm phát thải carbon và tiết kiệm năng lượng tiết kiệm điện năng công nghiệp cùng tiêu chuẩn công trình kiến trúc xanh, nâng cao vượt bậc hiệu suất sử dụng tổng hợp tài nguyên năng lượng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT • TIẾT NĂNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0434

节奏

jié zòu

tiết tấu, nhịp điệu, nhịp độ công
việc

在智能化全自动汽车焊装车间内, 数百台工业机器人按照极其严密精准的生产节拍与节奏协同作业。

Zài zhì néng huà quán zì dòng qì chē hàn zhuāng chē jiān nèi, shù bǎi tái gōng yè jī qì rén àn zhào jí qì yán mǐ jīng zhǔn de shēng chǎn jié pāi yǔ jié zòu xié tóng zuò yè.

Bên trong phân xưởng hàn lắp ráp ô tô tự động hóa thông minh hoàn toàn, hàng trăm robot công nghiệp phối hợp nhịp nhàng làm việc theo đúng nhịp độ và tiết tấu sản xuất vô cùng chặt chẽ chuẩn xác.

📖 23 nét

HÁN VIỆT • TIẾT TẤU

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0435

杰出

jié chū

kiệt xuất, xuất chúng, lỗi lạc

国家设立专项引才育才计划, 全方位支持杰出青年科学家在国家重大科技工程中挑大梁、当主角。

Guó jiā shè lì zhuān xiàng yǐn cái yù cái jì huà, quán fāng wèi zhī chí jié chū qīng nián kē xué jiā zài guó jiā zhòng dà kē jì gōng chéng zhòng tiāo dà liáng, dāng zhǔ jué.

Nhà nước thành lập chương trình thu hút và bồi dưỡng nhân tài chuyên đề, hỗ trợ toàn diện cho các nhà khoa học trẻ tuổi kiệt xuất gánh vác trọng trách lớn, đóng vai trò nhân vật chính trong các công trình khoa học công nghệ trọng đại của đất nước.

📖 22 nét

HÁN VIỆT • KIẾT XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Giới từ

#0436

截止

jiézhǐ

tính đến thời điểm, kết thúc vào lúc
(dùng sau 到/截至)

截止到今年年底, 我国已累计建成全球规模最大的5G移动通信与千兆光纤宽带精品网络。

Jié zhǐ dào jīn nián nián dǐ, wǒ guó yǐ lěi jì jiàn chéng quán qiú guī mó zuì dà de 5G yí dòng tōng xìn yǔ qiān zhào guāng xiān kuān dài jīng pǐn wǎng luò.

Tính đến thời điểm kết thúc vào lúc cuối năm nay, nước ta đã xây dựng hoàn thành lũy kế mạng lưới viễn thông di động 5G và băng thông rộng cáp quang Gigabit chất lượng cao quy mô lớn nhất thế giới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT • TIẾT CHỈ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Giới từ

#0437

截至

jié zhì

tính đến thời điểm, tính đến (ngày,
tháng, năm)

截至今年三季度末, 我国累计建成并开通5G基站数百万个, 建成了全球最大的高速移动宽带网络。

Jié zhì jīn nián sān jì dù mò, wǒ guó lěi jì jiàn chéng bìng kāi tōng 5G jī zhàn shù bǎi wàn gè, jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de gāo sù yí dòng kuān dài wǎng luò.

Tính đến cuối quý 3 năm nay, nước ta đã tích lũy xây dựng và đưa vào hoạt động hàng triệu trạm thu phát sóng 5G, xây dựng nên mạng lưới băng thông rộng di động tốc độ cao có quy mô lớn nhất thế giới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT • TIẾT CHỈ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0438

解

jiě

giải thích, giải quyết; cởi bỏ;
nghiem (toán học: jiě)

青年数学家在灵感迸发的攻关之夜, 成功解决了困扰国际偏微分方程学界数十年的拓扑非线性解析解。

Qīng nián shù xué jiā zài líng gǎn bèng fā de gōng guān zhī yè, chéng gōng jiě yuē le kǔn rǎo guó jì piān wēi fēn fāng chéng xué jiè shù shí nián de tuō pǔ fēi xiàn xìng jiě xī jiě.

Nhà toán học trẻ tuổi trong đêm vượt khó cảm hứng bùng nổ đã giải tìm được nghiệm giải thành công nghiệm giải tích phi tuyến tô-pô từng làm đau đầu giới giải tích phương trình đạo hàm riêng quốc tế suốt mấy mươi năm qua.

📖 13 nét

HÁN VIỆT • GIẢI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0439

解说

jiěshuō

thuyết minh, bình luận giải thích; lời
bình

在科技博览会大科学工程展区, 青年学者生动形象的专业解说让复杂的量子原理变得通俗易懂。

Zài kē jì bó lǎn huì dà kē xué gōng chéng zhǎn qū, qīng nián xué zhě shēng dòng xíng xiàng de zhuān yè jiě shuō ràng fù zá de liàng zǐ yuán lǐ biàn dé tōng sù yì dòng.

Tại khu trưng bày công trình khoa học lớn của Triển lãm Khoa học Công nghệ, lời bình thuyết minh bình luận giải thích chuyên môn sinh động hình tượng của các học giả trẻ đã giúp cho nguyên lý lượng tử phức tạp trở nên dễ hiểu bình dị.

📖 23 nét

HÁN VIỆT • GIẢI THUYẾT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0440

界

jiè

giới, ranh giới; giới học thuật/giới
hạn

中国科学家在基础科学领域的原创重大突破, 赢得了国际学术界与全球科学同行的高度评价与广泛赞誉。

Zhōng guó kē xué jiā zài jī chǔ kē xué lǐng yù de yuán chuàng zhòng dà tú pò, yíng dé le guó jì xué shù jiè yǔ quán qiú kē xué tóng háng de gāo dù píng jià yǔ guǎng fàn zàn yù.

Những đột phá trọng đại nguyên tác trong lĩnh vực khoa học cơ bản của các nhà khoa học Trung Quốc đã nhận được sự đánh giá rất cao và sự khen ngợi rộng rãi của đồng nghiệp khoa học toàn cầu cùng giới học thuật giới học thuật quốc tế.

📖 13 nét

HÁN VIỆT • GIỚI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0441

借鉴

jièjiàn

tham khảo học hỏi, tiếp thu kinh
nghiệm, rút kinh nghiệm

我们要积极借鉴国际大科学工程管理的成熟先进经验, 不断健全具有中国特色的现代科研管理体制。

Wǒ men yào jī jí jiè jiàn guó jì dà kē xué gōng chéng guǎn lǐ de chéng shú xiān jìn jīng yàn, bù duàn jiàn quán jù yǒu zhōng guó tè sè de xiàn dài kē yán guǎn lǐ tǐ zhì.

Chúng ta phải tích cực học hỏi tiếp thu tham khảo rút kinh nghiệm những kinh nghiệm tiên tiến chín muồi trong quản lý các công trình khoa học lớn quốc tế, không ngừng hoàn thiện thể chế quản lý nghiên cứu khoa học hiện đại mang đặc sắc Trung Quốc.

📖 17 nét

HÁN VIỆT • TÁ GIẢM


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0442

金额

jīn'é
khoản tiền, số tiền, tổng kim ngạch

国家设立高水平基础科学专项资助基金，资助金额与资助周期大幅提升以保障科学家潜心攻关。

Guójiā shè lì gāo shuǐ píng jī chǔ kē xué zhuān xiàng zī zhù jī jīn, zī zhù jīn é yǔ zī zhù zhōu qī dà tí shēng yī bǎo zhàng kē xué jiā qián xīn gòng guān.

Nhà nước thiết lập quỹ tài trợ chuyên án khoa học cơ bản trình độ cao, chu kỳ tài trợ và số tiền khoản tiền tài trợ được nâng cao vượt bậc để bảo đảm các nhà khoa học chuyên tâm vượt khó.

23 nét

HÁN VIỆT: KIM NGẠCH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0443

金钱

jīnqián
tiền tài, tiền bạc, của cải vật chất

老一辈战略科学家一生淡泊名利，决不为金钱利益所诱惑，心中唯有报效祖国与追求科学真理的崇高志向。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yì shēng dàn bó míng lì, jué bù wéi jīn qián lì yì suǒ yòu huò, xīn zhōng wéi yǒu bào xiào zǔ guó yǔ zhuī qiú kē xué zhēn lǐ de chóng gāo zhì xiàng.

Các nhà khoa học chiến lược tiên tiến bối trợn đời đam bạc danh lợi, tuyệt đối không bị lợi ích tiền tài tiền bạc cám dỗ, trong lòng chỉ có chí hướng cao đẹp theo đuổi chân lý khoa học và đến đáp phụng sự Tổ quốc.

27 nét

HÁN VIỆT: KIM TIỀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0444

金融

jīn róng
tài chính, thị trường tài chính

加快建设金融强国，做好科技金融、绿色金融、普惠金融、养老金融、数字金融五篇文章。

Jiǎ kuài jiàn shè jīn róng qiáng guó, zuò hǎo kē jì jīn róng, lǜ sè jīn róng, pǔ huì jīn róng, yǎng lǎo jīn róng, shù zì jīn róng wǔ piān dà wén zhāng.

Đẩy nhanh xây dựng cường quốc tài chính, làm tốt năm bài toán lớn: tài chính công nghệ, tài chính xanh, tài chính bao trùm, tài chính dưỡng lão và tài chính số.

23 nét

HÁN VIỆT: KIM DUNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#0445

尽

jìn
hết sức, dốc hết; hoàn toàn (jìn: cố gắng hết sức)

广大科技工作者竭尽全力突破核心技术瓶颈，把毕生精力与汗水尽情奉献给祖国的伟大科学事业。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě jié lì quán lì tǔ pò hé xīn jī shù píng jǐng, bǎ bì shēng jīng lì yǔ hàn shuǐ jìn qíng fèng xiàn gěi zǔ guó de wěi dà kē xué shì yè.

Đồng đảo những người làm khoa học dốc hết sức dốc toàn lực đột phá nút thắt công nghệ cốt lõi, cống hiến hết mình dâng hiến trọn vẹn mồ hôi và sinh lực cả cuộc đời cho sự nghiệp khoa học vĩ đại của Tổ quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: TẬN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#0446

近日

jīnrì
mấy ngày gần đây, dạo gần đây, mới đây

近日，我国完全自主研制的第四代先进核能系统大科学装置成功实现满功率平稳运行。

Jīn rì, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de dì sì dài xiān jìn hé néng xì tǒng dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng shí xiàn mǎn gōng lǜ píng wěn yùn xíng.

Mới đây mấy ngày gần đây, thiết bị khoa học lớn hệ thống năng lượng hạt nhân tiên tiến thế hệ thứ tư do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thực hiện thành công việc vận hành ổn định hết công suất.

23 nét

HÁN VIỆT: CẬN NHẬT

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0447

近视

jìn shì
cận thị; viễn cận (nghĩa bóng)

国家全面实施儿童青少年近视综合防控工程，大力保障学生每天两小时阳光体育锻炼时间。

Guó jiā quán miàn shí shī ér tóng qīng shào nián jìn shì zōng hé fáng kòng gōng chéng, dà lì bǎo zhàng xué shēng měi tiān liǎng xiǎo shí yáng guāng tǐ yù duàn liàn shí jiān.

Nhà nước triển khai toàn diện dự án phòng chống kiểm soát tổng hợp cận thị ở trẻ em thanh thiếu niên, bảo đảm mạnh mẽ cho học sinh có đủ 2 tiếng mỗi ngày tham gia rèn luyện thể dục thể thao ngoài trời dưới ánh nắng mặt trời.

24 nét

HÁN VIỆT: CẬN THỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0448

进攻

jìn gōng
tấn công, công kích; thể tấn công

在重大国防科技联合演习中，新型合成作战旅展现了全域立体感知与多源精确打击的高效联合进攻作战能力。

Zài zhòng dà guó fáng kē jì lián hé yǎn xí zhōng, xīn xíng hé chéng zuò zhàn lǚ zhǎn xiàn le quán yù lì tǐ gǎn zhī yǔ duō yuán jīng què dǎ jī de gāo xiào lián hé jìn gōng zuò zhàn néng lì.

Trong cuộc diễn tập liên hợp khoa học công nghệ quốc phòng trong đại, lữ đoàn tác chiến hợp thành kiểu mới đã phô diễn năng lực tác chiến tấn công liên hợp hiệu quả cao với khả năng nhận thức lập thể toàn miền và tấn công chuẩn xác đa nguồn.

17 nét

HÁN VIỆT: TIẾN CÔNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0449

惊人

jīngrén
kinh ngạc, đáng kinh ngạc, phi thường

新一代国产超大规模并行智能计算集群展现了惊人的数据吞吐效率与每秒百亿亿次超超算力。

Xīn yí dài guó chǎn chāo dà guī mó bìng xíng zhì néng jì suàn jī qún zhǎn xiàn chū le jīng rén de shù jù tǔn tǔ xiǎo lǜ yǔ měi miǎo bài yì yì cì chāo qiǎng suàn lì.

Cụm tính toán thông minh song song quy mô siêu lớn sản xuất trong nước thế hệ mới đã phô diễn sức mạnh tính toán siêu mạnh trăm vạn tỷ tỷ phép tính mỗi giây cùng hiệu suất lưu chuyển dữ liệu đáng kinh ngạc kinh ngạc.

22 nét

HÁN VIỆT: KINH NHÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0450

惊喜

jīng xǐ
vui sướng bất ngờ, ngạc nhiên vui mừng

深空探测器在遥远未知星系的光谱分析中捕捉到了微弱有机分子信号，让全体天文学家倍感惊喜振奋。

Shēn kōng tàn cè qì zài yǎo yuǎn wèi zhī xīng xì de guāng pǔ fēn xī zhōng bǔ zhù dào le wēi ruò yǒu jī fēn zǐ xìn hào, ràng quán tǐ tiān wén xué jiā bèi gǎn jīng xǐ zhēn fèn.

Tàu thám trắc không gian sâu trong phân tích quang phổ của thiên hà xa xôi chưa biết đã bất ngờ được tín hiệu phân tử hữu cơ yếu ớt, khiến toàn thể các nhà thiên văn học vô cùng vui sướng bất ngờ phấn chấn hân hoan.

27 nét

HÁN VIỆT: KINH HỖ



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0451

精

jīng

tinh vi, tinh xảo; tinh anh, tinh hoa;
tinh thông

我们必须坚持走专精特新发展道路，着力培育一大批在细分高科技领域掌握独门绝技的隐形冠军企业。

Wǒ men bì xū jiān chí zǒu zhuan jīng tè xīn fā zhān dào lù, zhuó lì péi yù yí dà pī zài fēn gāo kē jì lǐng yù zhāng wò dú mén jué jì de yīn xīng guān jūn qì yè.

Chúng ta bắt buộc phải kiên trì bước đi trên con đường phát triển chuyên môn hóa – tinh tế hóa tinh vi tinh thông – đặc sắc hóa – mới mẻ (chuyên tinh đặc tân), chú trọng nuôi dưỡng một lực lượng lớn các doanh nghiệp quán quân ẩn mình nắm giữ tuyệt kỹ độc quyền trong các lĩnh vực công nghệ cao phân khúc nhỏ.

8 nét

HÁN VIỆT: TINH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0452

精美

jīngměi

tinh xảo tuyệt mỹ, đẹp để tinh tế

利用现代三维激光显微扫描技术，千年古青铜器上极其精美的微观云雷纹饰被完整数字化复原。

Lì yòng xiàn dài sān wéi jī guāng xiǎn wēi sǎo miào jī shù, qiān nián gǔ qīng tóng qì shàng jí qí jīng měi de wēi guān yún léi wén shì bèi wán zhěng shù zì huà fù yuán.

Ứng dụng công nghệ quét hiển vi laser 3D hiện đại, những hoa văn mây sấm sét vi mô vô cùng tinh xảo tuyệt mỹ đẹp để trên đồ đồng cổ ngàn năm đã được phục nguyên kỹ thuật số một cách trọn vẹn.

22 nét

HÁN VIỆT: TINH MỸ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0453

精品

jīngpǐn

sản phẩm tinh hoa, sản phẩm chất
lượng cao tuyệt phẩm

大科学工程建设团队坚持精益求精的工匠精神，把每一处超高真空密封构件都精心打造成经得起历史检验的精品工程。

Dà kē xué gōng chéng jiàn shè tuán duì jiān chí jīng yì qíng jīng de gōng jiàng jīng shén, bǎ měi yí chù chāo gāo zhēn kōng mì fēng gòu jiàn dōu jīng xīn dǎ zào chéng jīng dé qí lì shǐ jiǎn yàn de jīng pǐn gōng chéng.

Đội ngũ xây dựng công trình khoa học lớn kiên trì tinh thần người thợ nghệ nhân tinh ích cầu tinh (tốt rồi muốn tốt hơn), cẩn thận tạo tác từng cấu kiện niêm phong chân không siêu cao thành công trình tinh hoa sản phẩm tinh hoa chất lượng cao chịu được sự kiểm chứng của lịch sử.

20 nét

HÁN VIỆT: TINH PHẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0454

井

jǐng

giếng nước, giếng khoan địa chất;
trật tự ngăn nắp (jǐng rán)

我国成功钻探出亚洲陆上首口深达万米以上的超深层特深科学勘探油气井，创造了深地工程新纪录。

Wǒ guó chéng gōng zuān tàn chū yà zhōu lù shàng shǒu kǒu shēn dá wàn mǐ yǐ shàng de chāo shēn céng tè shēn kē xué kǎn tàn yóu qì jǐng, chuàng zào le shēn dì gōng chéng xīn jì lù.

Nước ta đã khoan thành công giếng khoan giếng thăm dò khoa học đầu tiên sâu trên đất liền đầu tiên của châu Á có độ sâu hơn một vạn mét, kiến tạo nên kỷ lục mới về công trình lòng đất sâu.

14 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0455

景

jǐng

cảnh, cảnh sắc, phong cảnh; cảnh
ngộ

登上大科学装置天文观测台极目远眺，群山叠翠、云蒸霞蔚，壮丽宏伟的自然胜景令人心旷神怡。

Dēng shàng dà kē xué zhuāng zhì tiān wén guān cè tái jímù yuǎn tiào, qún shān dié cuì, yún zhēng xiá wèi, zhuàng lì hóng wēi de zì rán shèng jǐng lìng rén xīn kuàng shén yí.

Bước lên đài quan trắc thiên văn của thiết bị khoa học lớn phóng tầm mắt nhìn ra xa, núi non trùng điệp ngát xanh, mây bốc rảng rực rỡ, thắng cảnh phong cảnh cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ tráng lệ khiến lòng người khoáng đạt sảng khoái.

9 nét

HÁN VIỆT: CẢNH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0456

景点

jǐng diǎn

Điểm tham quan

老师鼓励大家积极景点，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jǐng diǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Điểm tham quan, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

20 nét

HÁN VIỆT: CẢNH ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#0457

净

jìng

sạch sẽ, thanh tịnh; thuần túy, chỉ
toàn

微电子纳米超净制造车间实行百级超净空气过滤标准，确保空气中没有任何微米级悬浮微尘颗粒。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jīng zhì zào chē jiān xíng bǎi jí chāo jīng kōng qì guò lǜ biāo zhǔn, què bǎo kōng qì zhōng méi yǒu rèn hé wēi mǐ jí xuán fú wēi chén kē lì.

Phân xưởng chế tạo siêu sạch sạch sẽ nano vi điện tử thực thi tiêu chuẩn lọc không khí siêu sạch cấp 100, bảo đảm trong không khí không có bất kỳ hạt bụi mịn lơ lửng cấp độ micromet nào.

13 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0458

纠纷

jiū fēn

tranh chấp, mâu thuẫn xích mích

坚持和发展新时代“枫桥经验”，把非诉讼纠纷解决机制挺在前面，努力把各类基层矛盾纠纷化解在萌芽状态。

Jiān chí hé fā zhǎn xīn shí dài "fēng qiáo jīng yàn", bǎ fēi sù sòng jiū fēn jiě jué jī zhì tǐng zài qián miàn, nǚ lì bǎ gè lèi jī cǎng máo dùn jiū fēn huà jiě zài méng yá zhuàng tài.

Kiên trì và phát triển 'Kinh nghiệm Phong Kiều' thời đại mới, đặt cơ chế giải quyết tranh chấp phi tố tụng lên hàng đầu, nỗ lực hóa giải mọi mâu thuẫn tranh chấp ở cơ sở ngay từ khi còn trong trứng nước.

23 nét

HÁN VIỆT: CỬ PHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0459

纠正

jiū zhèng

chỉnh đốn, sửa chữa, uốn nắn (sai
lệch, tác phong)

党组织坚决纠正形式主义、官僚主义等不良倾向，切实把基层干部从繁文缛节与无效考核中彻底解脱出来。

Dǎng zǔ zhǐ jiǎn jué jiū zhèng xíng shì zhǔ yì, guān liáo zhǔ yì děng bù bú liáng qīng xiàng, qiè shí bǎ jī céng gān bù cóng fán wén rǎn jié yǔ wú xiào kǎo hé zhōng chè dì jiě tuō chū lái.

Tổ chức Đảng kiên quyết uốn nắn sửa chữa các khuynh hướng xấu như chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa quan liêu, giải phóng triệt để cán bộ cơ sở thoát khỏi các thủ tục phiền hà rườm rà và các đột khảo hạch đánh giá vô hiệu quả.

24 nét

HÁN VIỆT: CỬ CHỈNH



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0460

酒水

jiǔshuǐ

rượu và đồ uống, đồ uống các loại

在庆祝重大科技攻关胜利的国际学者交流冷餐会上，会务组精心准备了独具地方特色的绿色天然果汁与精致茶点酒水。

Zài qīng zhù zhòng dà kē jì gōng guān shèng lì de guó jì xué zhě jiāo liú lěng cān huì shàng, huì wù zǔ jīng xīn zhǔn bèi le dú jù dì fāng tè sè de lǜ sè tiān rán guǒ zhī yǔ jīng zhì chá diǎn jiǔ shuǐ.

Tại tiệc đứng giao lưu các học giả quốc tế chúc mừng thắng lợi của trận đánh khoa học công nghệ trọng đại, ban tổ chức đã cẩn thận chuẩn bị nước ép hoa quả tự nhiên xanh cùng các loại đồ uống rượu và đồ uống và điểm tâm trà tinh tế mang đặc sắc địa phương độc đáo.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TỬU THUỶ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0461

救命

jiù mìng

cứu mạng, cứu tính mạng; Cứu tôi với!

国家加快推进急需重大创新靶向药物与高端医疗设备自主研发，为无数危重症患者送去了救命的新希望。

Guó jiā jiā kuài tuī jìn jí xū zhòng dà chuāng xiān bǎ xiàng yào wù yǔ gāo duān yī liáo shè bèi zì zhǔ yán fā, wéi wú shù wēi zhòng zhèng huàn zhě sòng qù le jiù mìng de xīn xī wàng.

Nhà nước đẩy nhanh thúc đẩy tự chủ nghiên cứu phát triển các trang thiết bị y tế cao cấp và các loại thuốc trúng đích đối mới sáng tạo trọng đại cấp bách, mang lại niềm hy vọng mới cứu mạng cứu tính mạng cho vô số bệnh nhân nguy kịch.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CỨU MỆNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0462

救援

jiù yuán

cứu viện, cứu trợ cứu nạn

国家专业应急救援队伍配备了先进的生命探测雷达与无人救援飞行器，在灾区一线昼夜搜寻被困群众。

Guó jiā zhuān yè yìng jí jiù yuán duì wú pèi bèi le xiān jìn de shēng mìng tàn cè léi dá yǔ wú rén jiù yuán fēi xíng qì, zài zāi qū yí xiàn zhòu yè sōu xún bèi kùn qún zhòng.

Đội ngũ cứu nạn cứu hộ cứu viện khẩn cấp chuyên nghiệp quốc gia trang bị radar dò tìm sinh mạng tiên tiến cùng thiết bị bay cứu nạn không người lái, ngày đêm tìm kiếm cứu nạn bà con bị mắc kẹt nơi tuyến đầu vùng thiên tai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : CỨU VIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0463

救助

jiù zhù

cứu trợ, giúp đỡ cứu nạn, cứu giúp

国家全面完善多层次社会救助体系与困难群众兜底保障机制，让科技创新成果更广泛惠及民生福祉。

Guó jiā quán miàn wán shàn duō céng cì shè huì jiù zhù tǐ xì yǔ kùn nán qún zhòng dǒu dǐ bǎo zhàng jī zhǐ, ràng kē jì chuāng xīn chéng guó gèng guāng fàn huì jī mǐn shēng fú zhǐ.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện cơ chế bảo đảm tối thiểu cho quần chúng có hoàn cảnh khó khăn và hệ thống cứu giúp cứu trợ xã hội đa tầng nấc, giúp các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ mang lại lợi ích rộng rãi hơn cho phúc lợi dân sinh.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : CỨU TRỢ

HSK 6 (3.0)

Cụm từ / Liên từ

#0464

就是说

jiù shì shuō

tức là, có nghĩa là, nói cách khác

该新型超导材料的临界转变温度已突破常压液氮温区，这就是说未来超导应用成本将实现数量级大幅降低。

Gāi xīn xíng chāo dǎo cái liào de lín jiè zhuǎn biàn wēn dù yǐ túo pò cháng yā yè qìng wēn qū, zhè jiù shì shuō wèi lái chāo dǎo yīng yòng chéng běn jiāng shí xiàn shù liàng jí dà fú jiàng dī.

Nhiệt độ chuyển biến giới hạn của loại vật liệu siêu dẫn kiểu mới này đã vượt qua vùng nhiệt độ nitơ lỏng ở áp suất thường, tức là có nghĩa là nói cách khác chi phí ứng dụng siêu dẫn trong tương lai sẽ giảm mạnh theo cấp số nhân.

📖 30 nét

HÁN VIỆT : TỰ THỊ THUỶẾT

HSK 6 (3.0)

Liên từ

#0465

就算

jiù suàn

cho dù, dẫu cho, dẫu rằng

在攀登世界科技最高峰的征程中，就算前路布满荆棘与挑战，广大青年学者也决不退缩、勇往直前。

Zài pān dēng shì jiè kē jì zuì gāo fēng de zhēng chéng zhōng, jiù suàn qián lù bù mǎn jīng jì yǔ tiǎo zhàn, guǎng dà qīng nián xué zhě yě jué bù tuì suō, yǒng wǎng zhí qián.

Trong hành trình trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới, cho dù dẫu cho con đường phía trước giăng đầy chông gai và thách thức, đông đảo các học giả trẻ tuổi cũng tuyệt đối không lùi bước, dũng cảm tiến lên phía trước.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : TỰ TOÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0466

剧

jù

vở kịch, phim ảnh; kịch liệt, dữ dội

一部生动展现老一辈战略科学家奉献一生的重大历史题材原创话剧，在全国各大高校巡演并引发强烈共鸣。

Yí bù shēng dòng zhǎn xiàn lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā fèng xiàn yí shēng de zhòng dà lì shǐ tí cái yuán chuàng huà jù, zài quán guó gè dà gāo xiào xún yǎn bìng yīn fā qiáng liè gòng míng.

Một vở kịch kịch nói nguyên tác để tài lịch sử trọng đại phổ biến sinh động sự cống hiến trọn đời của các nhà khoa học chiến lược tiên bối đã lưu diễn tại các trường đại học lớn trên cả nước và tạo nên sự đồng cảm mãnh liệt.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : KỊCH

HSK 6 (3.0)

Giới từ / Động từ / Danh từ

#0467

据

jù

căn cứ vào, theo như; chiếm giữ; bằng chứng

据国家重大科技基础设施运行监测报告显示，多项大科学装置的核心物理指标已全面跃居全球领跑地位。

Jù guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī yùn xíng jiān cè bào gào xiǎn shì, duō xiàng dà kē xué zhuāng zhì de hé xīn wù lǐ zhǐ biāo yǐ quán miàn yuè jū quán qiú lǐng pǎo dì wèi.

Theo như căn cứ vào báo cáo quan trắc vận hành cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia cho thấy, các chỉ tiêu vật lý cốt lõi của nhiều thiết bị khoa học lớn đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu toàn cầu một cách toàn diện.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : CƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0468

捐

juān

quyên góp, hiến tặng, quyên tặng từ thiện

老一辈功勋院士把一生积攒的数百万科研奖金全额捐赠给国家重点大学，设立青年科学探索基金。

Lǎo yī bèi gōng xūn yuán shì bǎ yí shēng jī zǎn de shù bǎi wàn kē yán jiǎng jīn quán é juān zèng gěi guó jiā zhòng yǎn dà xué, shè lì qīng nián kē xué tàn suǒ jī jīn.

Vị Viện sĩ có công lao tiên bối đã hiến tặng quyền góp toàn bộ hàng triệu tệ tiền thưởng nghiên cứu khoa học tích góp cả đời mình cho trường đại học trọng điểm quốc gia, thành lập Quỹ Khám phá Khoa học Thanh niên.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : QUYÊN



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0469

捐款

juānkǎn

quyên góp tiền, quyên tiền từ thiện; tiền quyên góp

在国家最高科学技术奖颁奖典礼后，老院士将全部数千万元奖金无私捐款设立了青年科学探索创新基金。

Zài guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng bǎn jiǎng diǎn lǐ hòu, lǎo yuàn shì jiǎng quán bù shù qiān wàn yuán jiǎng jīn wú sī juǎn kǎn shè lì le qīng nián kē xué tàn suǒ chuàng xīn jī jīn.

Sau lễ trao Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Tối cao Quốc gia, vị viện sĩ lão thành đã vô tư quyên góp tiền quyền tiền toàn bộ số tiền thưởng hàng chục triệu tệ để thiết lập Quỹ Đối mới Sáng tạo Khám phá Khoa học Thanh niên.

16 nét

HÁN VIỆT: QUYÊN KHOẢN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0470

捐赠

juānzèng

quyên tặng, hiến tặng, quyên góp biếu tặng

海外爱国学者将毕生珍藏的珍贵古代科技古籍善本文献无偿捐赠给国家图书馆永久珍藏与数字化共享。

Hải wài ài guó xué zhě zhēng cáng de zhēn guì gǔ dài kē jì gǔ jī shān běn wén xiàn wú cháng juān zèng gěi guó jiā tǔ shū guǎn yǒng jiǔ zhēn cáng yǔ shù zì huà gòng xiǎng.

Người học giả yêu nước ở nước ngoài đã hiến tặng quyên tặng vô điều kiện toàn bộ tài liệu văn hiến sách cổ khoa học kỹ thuật cổ đại vô giá được mình trân quý cất giữ cả đời cho Thư viện Quốc gia lưu giữ vĩnh viễn và chia sẻ số hóa.

18 nét

HÁN VIỆT: QUYÊN TẶNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0471

捐助

juānzhù

quyên góp giúp đỡ, tài trợ cứu trợ

社会爱心企业设立专项教育基金，持续无私捐助中西部偏远山区学校建设现代数字科学实验室。

Shè huì ài xīn qī yè shè lì zhuān xiàng jiàoyù jī jīn, chí xù wú sī juān zhù zhōng xī bù piǎn yuǎn shān qū xué xiào jiàn shè xiān dài shù zì kē xué shí yàn shì.

Doanh nghiệp có lòng hảo tâm trong xã hội đã thiết lập quỹ giáo dục chuyên án, liên tục vô tư tài trợ quyên góp giúp đỡ các trường học vùng núi xa xôi miền Trung và Tây xây dựng các phòng thí nghiệm khoa học kỹ thuật số hiện đại.

16 nét

HÁN VIỆT: QUYÊN TRỢ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0472

决策

jué cè

ra quyết sách, quyết sách chiến lược

健全重大行政决策程序与科学民主决策机制，充分发挥国家高端智库在国家治理中的战略咨询作用。

Jiàn quán zhòng dà xíng zhèng jué cè chéng xù yǔ kē xué mǐn zhǔ jué cè jī zhì, chōng fèn fā huy guó jiā gāo duān zhì kù zài guó jiā zhì lǐ zhōng de zhàn lüè zī xún zuò yòng.

Hoàn thiện quy trình quyết sách hành chính trọng đại cùng cơ chế ra quyết sách dân chủ khoa học, phát huy đầy đủ vai trò tư vấn chiến lược của các viện nghiên cứu tài không cao cấp quốc gia trong quản trị đất nước.

26 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT SÁCH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Động từ

#0473

绝

jué

tuyệt đối; tuyệt mỹ; cắt đứt đoạn tuyệt

在大科学工程超高精度微纳装配中，工艺公差要求极高，绝不允许出现哪怕纳米级的微小错位。

Zài dà kē xué gōng chéng chāo gāo jīng dù wēi nà zhuāng pèi zhōng, gōng yì gōng chāi yāo qiú jí gāo, jué bù yǔn xǔ chū xiàn nǎ pà nǎ mǐ jī de wēi xiǎo cuò wèi.

Trong lắp ráp vi nano độ chính xác siêu cao của công trình khoa học lớn, yêu cầu dung sai công nghệ cực kỳ cao, tuyệt đối tuyệt đối không cho phép xuất hiện sai lệch dù chỉ là cấp độ nanomet.

12 nét

HÁN VIỆT: TUYỆT

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0474

绝大多数

jué dà duō shù

tuyệt đại đa số, phần lớn áp đảo

经过高标准综合验收，该重大科研基础设施项目绝大多数关键核心零部件均实现了完全自主可控国产化替代。

Jīng guò gāo biāo zōng hé yàn shōu, gāi zhòng dà kē yán jī chǔ shè shǐ xiàng mù jué dà duō shù guān jiàn hé xīn líng bù jiàn jūn shí xiàn le wán quán zì zhǔ kòng guó chǎn huà tì dài.

Trải qua nghiệm thu tổng hợp tiêu chuẩn cao, tuyệt đại đa số phần lớn áp đảo các linh phụ kiện cốt lõi then chốt của dự án cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại này đều đã thực hiện thay thế nội địa hóa tự chủ kiểm soát hoàn toàn.

35 nét

HÁN VIỆT: TUYỆT ĐẠI ĐA SỐ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0475

觉

jué

cảm thấy, nhận thức ra; giác ngộ (giào)

青年学者在与老科学家的深入交流中，深刻觉悟到了胸怀祖国、科技报国这八个字沉甸甸的历史分量。

Qīng nián xué zhě zài yǔ lǎo kē xué jiā de shēn rù jiāo liú zhōng, shēn kè jué wù dào le xiōng huái zǔ guó, kē jì bào guó zhè bā gè zì chén diàn diàn de lì shǐ fèn liàng.

Người học giả trẻ tuổi trong các cuộc giao lưu sâu sắc cùng nhà khoa học lão thành đã nhận thức giác ngộ cảm thấy sâu sắc sức nặng lịch sử nặng trĩu của 8 chữ vàng 'Mang trong tim Tổ quốc, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học'.

8 nét

HÁN VIỆT: GIÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0476

觉悟

jué wù

giác ngộ, nhận thức tư tưởng giác ngộ

共产党员必须不断提高政治站位与思想政治觉悟，时刻牢记全心全意为人民服务的根本宗旨。

Gōng chǎn dǎng yuán bì xū bù duàn tí gāo zhèng zhì zhàn wèi yǔ sī xiǎng zhèng zhì jué wù, shí kè lǎo jì quán xīn quán yì wéi rén mǐn fú wù de gēn běn zōng zhì.

Người đảng viên bắt buộc phải không ngừng nâng cao bản lĩnh lập trường chính trị và sự giác ngộ tư tưởng chính trị, luôn luôn khắc ghi tôn chỉ căn bản hết lòng hết sức phụng sự nhân dân.

20 nét

HÁN VIỆT: GIÁO NGỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0477

军队

jūn duì

quân đội, lực lượng vũ trang

人民军队坚决听党指挥、能打胜仗、作风优良，是保卫祖国领土主权与维护世界和平的钢铁长城。

Rén mǐn jūn duì jiān jué tīng dǎng zhǐ huī, néng dǎ shèng zhàng, zuò fēng yōu liáng, shì bào wèi zǔ guó lǐng tǔ zhǔ quán yǔ wéi hù shì jiè hé píng de gāng tiě cháng chéng.

Quân đội nhân dân kiên quyết nghe theo sự chỉ huy của Đảng, đánh là thắng, tác phong mẫu mực, là bức tường thành thép bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc và gìn giữ hòa bình thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÂN ĐỘI



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0478

军舰

jūnjiàn

tàu chiến, chiến hạm hải quân

我国完全自主设计建造的新一代现代化万吨级大型驱逐舰与新型军舰, 在浩瀚大洋上展现出强大威慑力。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ shè jì jiàn zào de xīn yí dài xiàn dài huà wàn dùn jí dà xíng qū zhǔ jiàn yú xīn xíng jūn jiàn, zài hào hàn dà yáng shàng zhǎn xiàn chū qiáng dà wēi shè lì.

Chiến hạm tàu chiến kiểu mới cùng tàu khu trục cỡ lớn hiện đại hóa vạn tấn thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ thiết kế xây dựng đã phô diễn sức rắn đe hùng mạnh trên đại dương bao la.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÂN HẠM

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0479

军事

jūn shì

quân sự

现代国防与军队现代化建设深度融合了大数据、人工智能以及无人作战等前沿军事科技成果。

Xiàndài guó fáng yǔ jūn duì xiàn dài huà jiàn shè shēn dù róng hé le dà shù jù, rén gōng zhì néng yǐ jí wú rén zuò zhàn děng qián yán jūn shì kē jì chéng guǒ.

Công cuộc hiện đại hóa quân đội và quốc phòng hiện đại kết hợp sâu sắc các thành quả khoa học công nghệ quân sự tiên phong như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và tác chiến không người lái.

22 nét

HÁN VIỆT: QUÂN SỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0480

开创

kāichuàng

khai sáng, mở ra tiền lệ, mở đường kiến tạo

我国科研团队成功攻克了常温超导理论探索中的核心瓶颈, 开创了微观强关联物理研究的全新学术流派。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng gōng kè le le cháng wēn chāo dǎo lǐ lùn tàn suǒ zhōng de hé xīn píng jǐng, kāi chuàng le wēi guān qiáng guān lián wú lì yán jiū de quán xīn xué shù liú pài.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã chinh phục thành công nút thắt cốt lõi trong khám phá lý luận siêu dẫn nhiệt độ phòng, mở ra khai sáng nên trường phái học thuật hoàn toàn mới cho nghiên cứu vật lý tương quan mạnh vì mở.

23 nét

HÁN VIỆT: KHAI SÁNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0481

开关

kāiguān

công tắc, nút đóng mở; đóng mở

新型超快全时光电子逻辑开关的响应速度达到了飞秒级, 为研制超高速光电计算机奠定了坚实基础。

Xīn xíng chāo kuài quán shí guāng diàn zǐ luó jí kāi guān de xiǎng yīng sù dù dá dào le fēi miǎo jí, wéi yán zhì chāo gāo sù guāng diàn jì suàn jī diǎn dìng le jiān shí jī chǔ.

Tốc độ đáp ứng của công tắc công tắc logic quang điện tử toàn quang siêu nhanh kiểu mới đã đạt tới cấp độ femto-giây, đặt nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu chế tạo máy tính quang điện tử siêu tốc độ cao.

23 nét

HÁN VIỆT: KHAI QUAN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0482

开设

kāishè

mở ra, thiết lập đưa vào giảng dạy/kinh doanh

顶尖研究型大学面向全体研究生开设了跨学科前沿量子信息与智能科学交叉创新核心课程。

Dìng jiān yán jiū xíng dà xué miàn xiàng quán tǐ yán jiū shēng kāi shè le kuà xué kē qián yán liàng zǐ xīn xī yǔ zhì néng kē xué jiāo chā chuàng xīn hé xīn tóng shí kē chéng.

Các trường đại học nghiên cứu đỉnh cao đã thiết lập mở ra các môn học đại cương cốt lõi đổi mới sáng tạo liên ngành khoa học thông minh và thông tin lượng tử tiên phong hướng tới toàn thể học viên sau đại học.

22 nét

HÁN VIỆT: KHAI THIẾT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0483

开通

kāitōng

khai thông, thông xe/thông tuyến; cởi mở tư tưởng

跨越大江大海的超级跨海高速铁路通道全线正式开通运营, 极大拉近了沿线各大核心城市群的时空距离。

Kuà yuè dà jiāng dà hǎi de chāo jí kuà hǎi gāo sù tiě lù tōng dào quán xiàn zhèng shì kāi tōng yùn yíng, jí dà lǎ jìn le yán xiàn gè dà hé xīn chéng shì qún de shí kōng jù lí.

Tuyến đường sắt cao tốc vượt biển siêu cấp vắt ngang qua sông lớn biển cả đã chính thức khai thông thông tuyến vận hành, thu hẹp vượt bậc khoảng cách thời gian và không gian giữa các cụm đô thị cốt lõi dọc tuyến.

18 nét

HÁN VIỆT: KHAI THÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0484

开头

kāitóu

phần mở đầu, sự khởi đầu, ban đầu; bắt đầu

良好的开端是成功的一半, 大科学装置首期物理工程试验的圆满成功为后续全面科研运行开了个好头。

Liáng hǎo de kāi duān shì chéng gōng de yí bàn, dà kē xué zhūāng zhī shǒu qī wù lǐ gōng chéng shì yàn de yuán mǎn chéng gōng wéi hòu xù quán miàn kē yán yùn xíng kāi le gè hǎo tóu.

Sự khởi đầu tốt đẹp là một nửa của thành công, sự thành công mỹ mãn của thử nghiệm công trình vật lý giai đoạn một của thiết bị khoa học lớn đã mở ra một sự khởi đầu phần mở đầu vô cùng tốt đẹp cho việc vận hành nghiên cứu khoa học toàn diện tiếp theo.

20 nét

HÁN VIỆT: KHAI ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0485

开夜车

kāiyèchē

làm đêm, thức khuya làm việc/học tập thâu đêm

为了抢在重大国际学术会议截稿前完成全部物理模型验证, 攻关团队连续数周开夜车反复优化核心算法。

Wèi le qiǎng zài zhòng dà guó jì xué shù huì yì jié gāo qián wán chéng quán bù wù lǐ mó xíng yàn zhèng, gōng guān tuán duì lián xù shù zhōu kāi yè chē fǎn fù yōu huà hé xīn suàn fǎ.

Để kịp hoàn thành toàn bộ việc kiểm chứng mô hình vật lý trước hạn chót nhận bài của hội nghị học thuật quốc tế trọng đại, nhóm vượt khó đã liên tục thức khuya làm việc làm đêm thâu đêm suốt nhiều tuần để tối ưu hóa thuật toán cốt lõi.

34 nét

HÁN VIỆT: KHAI DẠ XA

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0486

看得见

kàn de jiàn

nhìn thấy được, trông thấy rõ ràng

科技创新的丰硕成果不仅体现在高水平论文上, 更转化为了广大人民群众身边摸得着、看得见的民生福祉。

Kē jì chuàng xīn de fēng shuò chéng guǒ bù jīn tǐ xiàn zài gāo shuǐ píng lùn wén shàng, gèng zhuǎn huà wéi le rén mín qún zhòng shēn biān mō dé zhe, kàn dé jiàn de mín shēng fú zhǐ.

Những thành quả trứ quả của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không chỉ thể hiện ở các bài báo học thuật trình độ cao, mà càng chuyển hóa thành những phúc lợi dân sinh nhìn thấy được sờ thấy được ngay bên cạnh đồng bào quần chúng nhân dân.

35 nét

HÁN VIỆT: KHÁN ĐẮC KIẾN



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0487

看得起

kàndeqǐ

coi trọng, tôn trọng, đánh giá cao

我们在世界科技舞台上要自立自强、自信自尊，靠过硬的原始创新实力赢得国际科学界同行的真正看得起与尊重。

Wǒ men zài shì jiè kē jì wǔ tái shàng yào zì lì zì qiáng, zì xìn zì zūn, kào guò yìng de yuán shǐ chuàng xīn shí lì yìng dé guó jì kē xué jiè tóng háng de zhēn zhèng kàn de qǐ yǔ zūn zhòng.

Chúng ta trên vũ đài khoa học công nghệ thế giới phải tự tin tự trọng, tự chủ tự cường, dựa vào thực lực đổi mới sáng tạo nguyên bản vững vàng để giành được sự coi trọng đánh giá cao và tôn trọng thực sự của các đồng nghiệp trong giới khoa học quốc tế.

35 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH ĐẮC KHỞI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0488

看管

kānguǎn

trông nom, canh giữ quản lý, bảo quản

国家珍贵古籍善本特藏库实行全天候智能恒温恒湿与生物防虫看管，确保传世科技文献典籍万无一失。

Guó jiā zhēn guì gǔ jí wù tái cáng kù shí xíng quán tiān hòu zhì néng héng wēn héng shī yǔ shēng wù fáng chóng kǎn guǎn, què bǎo chuán shì kē jì wén xiàn diǎn jí wàn wú yī shī.

Kho lưu trữ đặc biệt sách cổ quý hiếm của quốc gia thực thi việc canh giữ quản lý trông nom bảo quản và chống côn trùng sinh học, độ ẩm nhiệt độ ổn định thông minh 24/7, bảo đảm các văn bản điển tịch khoa học truyền đời an toàn tuyệt đối không một sai sót.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH QUẢN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0489

看好

kàn hǎo

đánh giá cao, có triển vọng tốt, trông coi cẩn thận

国际顶级投资机构与前沿学术界高度看好中国在新型全固态电池与量子智能硬件领域的广阔产业化前景。

Guó jì dīng jí tóu zī jī gòu yǔ qián yán xué shù jiè gāo dù kàn hǎo zhōng guó zài xīn xíng quán gù tài diàn chí yǔ liàng zǐ zhì néng yǐng jiàn lǐng yù de guǎng kuò chǎn yè huà qiǎn jǐng.

Giới học thuật tiên phong cùng các cơ quan đầu tư hàng đầu quốc tế đánh giá rất cao nhìn nhận triển vọng tốt đối với triển vọng công nghiệp hóa rộng mở của Trung Quốc trong các lĩnh vực phần cứng thông minh lượng tử và pin toàn thể rắn kiểu mới.

25 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH HẢO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0490

看作

kàn zuò

coi như là, xem như là, coi là

新时代广大青年学者把服务国家重大战略科技需求看作自己至高无上的学术荣耀与奋斗价值所在。

Xīn shí dài dà guāng nián xué zhě bǎ fú wú guó jiā zhòng dà zhàn lüè kè jì jī xū qiú kàn zuò zì jǐ zhì gāo wú shàng de xué shù róng yào yǔ fèn dòu jià zhí suǒ zài.

Đồng đạo các học giả trẻ tuổi thời đại mới coi xem việc phục vụ nhu cầu khoa học công nghệ chiến lược trọng đại quốc gia như là niềm vinh dự học thuật và giá trị phấn đấu tối cao của chính mình.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH TÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0491

康复

kāng fù

phục hồi chức năng, bình phục sức khỏe

我国完全自主研发的脑机接口智能外骨骼康复机器人，已成功帮助数千名偏瘫患者重新站立行走。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de nǎo jī jiē kǒu zhì néng wài gǔ gé kāng fù jī qì rén, yì chéng gōng bāng zhù shù qiān míng piān tān huàn zhě chóng xīn zhàn lì xíng zǒu.

Robot phục hồi chức năng phục hồi sức khỏe khung xương ngoài thông minh giao diện não - máy do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã giúp đỡ thành công hàng ngàn bệnh nhân liệt nửa người có thể đứng dậy đi lại được.

27 nét

HÁN VIỆT: KHANG PHỤC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0492

抗议

kàng yì

kháng nghị, phản đối, phản kháng

针对个别国家在国际多边贸易体系中单方面加征不合理关税的霸凌行径，多国商务代表团提出了强烈抗议。

Zhēn duì gè bié guó jiā zài guó jì duō biān mào yì tǐ xì zhōng dān fāng miàn jiā zhēng bù hé lǐ guān shuì de bà líng xíng jīng, duō guó shāng wù dài biǎo tuán tǐ chū le qiáng liè kàng yì.

Trước hành vi đơn phương áp thuế quan bất hợp lý mang tính chèn ép của một số quốc gia trong hệ thống thương mại đa phương quốc tế, nhiều đoàn đại biểu thương mại các nước đã lên tiếng phản đối kịch liệt.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH NGHỊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0493

考场

kǎochǎng

phòng thi, trường thi, điểm thi

全国普通高考全部考场全面普及智能化考务巡查系统与防作弊电磁屏蔽设备，确保考试绝对公平公正。

Quán guó pǔ tōng gāo kǎo quán bù kǎo chǎng quán miàn pǔ jí zhì néng huà kǎo wù xún chá xì tǒng yǔ fáng zuì bié diàn cí píng bǐ shè bèi, què bǎo kǎo shì jué duì gōng píng gōng zhèng.

Tất cả các phòng thi trường thi kỳ thi tuyển sinh đại học phổ thông toàn quốc đã phổ cập toàn diện thiết bị che chắn điện từ chống gian lận và hệ thống tuần tra thanh tra thi thông minh hóa, bảo đảm kỳ thi tuyệt đối công bằng công chính.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢO TRẢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0494

考题

kǎotí

đề thi, câu hỏi thi

高校基础科学强基计划选拔面试考题注重考察考生的科学好奇心、逻辑思维深度与前沿创新潜质。

Gāo xiào jī chǔ kē xué qiáng jì huà xuǎn bǎ miàn shì kǎo tí zhòng kǎo chá kǎo shēng de kē xué hào qí xīn, ló jí sī wéi shēn dù yǔ qián yán chuàng xīn qián zhì.

Các câu hỏi thi đề thi phỏng vấn tuyển chọn Kế hoạch Củng cố Nền móng khoa học cơ bản của các trường đại học chú trọng khảo sát tiềm năng đổi mới sáng tạo tiên phong, độ sâu tư duy logic và trí tò mò khoa học của thí sinh.

24 nét

HÁN VIỆT: KHẢO ĐỀ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0495

科研

kē yán

nghiên cứu khoa học, công tác nghiên cứu

国家全面深化科研经费管理体制改革，赋予科研人员更大的科研经费支配权与技术路线自主决策权。

Guó jiā quán miàn shēn huà kē yán jīng fèi guǎn lǐ tǐ zhì gǎi gé, fù yǔ kē yán rén yuán gòng dà de kē yán jīng fèi zhì pèi quán yǔ jì shù lù xiàn zì zhǔ jué cè quán.

Nhà nước đi sâu toàn diện cải cách thể chế quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học nghiên cứu khoa học, trao cho cán bộ nghiên cứu quyền tự chủ quyết định lộ trình kỹ thuật và quyền chi phối kinh phí nghiên cứu lớn hơn.

19 nét

HÁN VIỆT: KHOA NGHIÊN


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0496

客车

kèchē

xe khách, xe chở khách, toa xe chở khách

我国完全自主研发的新型氢燃料电池大型公路客车，在极寒低温高原环境下实现零排放稳定运行。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng qīng rán liào diàn chí dà xíng gōng lù kè chē , zài jí hán dī wēn gāo yuán jīng huán jīng xià shí xiàn líng pái fàng wēn dīng yún xíng .

Dòng xe khách xe chở khách đường bộ cỡ lớn chạy bằng pin nhiên liệu hydro kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thực hiện việc vận hành ổn định không phát thải trong môi trường cao nguyên nhiệt độ thấp giá rẻ.

19 nét

HÁN VIỆT : KHÁCH XA

HSK 6 (3.0)

Động từ năng nguyện

#0497

肯

kěn

chịu, bằng lòng, sẵn sàng (chịu khó/chịu khổ)

世上无难事，只要肯登攀；做前沿科学研究只要肯下苦功夫、敢啃硬骨头，就一定能够突破技术瓶颈。

Shì shàng wú nán shì , zhǐ yào kěn dēng pān ; zuò qián yán kē xué yán jiū zhǐ yào kěn xià kǔ gōng fu , gǎn kěn yìng gǒu tóu , jiù yí dìng néng tū pò jì shù píng jīng .

Trên đời không có việc gì khó, chỉ cần chịu bằng lòng treo lên đỉnh cao; làm nghiên cứu khoa học tiên phong chỉ cần chịu sẵn sàng dày công khổ luyện, dám gặm khúc xương cứng thì nhất định sẽ có thể đột phá nút thắt công nghệ.

9 nét

HÁN VIỆT : KHẺ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0498

空军

kōngjūn

không quân, lực lượng không quân

人民空军新型国产重型隐身歼击机在大国重器多机编队演训中展现出卓越的超音速巡航与态势感知能力。

Rén mín kōng jūn xīn xíng guó chǎn zhòng xíng yīn shēn jiǎn jī zài dà guó zhòng qì duǒ jī biān duì yǎn xùn zhōng zhǎn xiàn chū zhào yuè de cháo yīn sù xún háng yǔ tài shì gǎn zhī néng lì .

Dòng máy bay tiêm kích tàng hình hạng nặng sản xuất trong nước kiểu mới của Không quân Không quân Nhân dân trong các đợt diễn tập bay biên đội nhiều máy bay đại khí quốc gia đã phô diễn khả năng nhận thức tình huống và bay hành trình siêu thanh tốc độ vượt.

20 nét

HÁN VIỆT : KHÔNG QUÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0499

口试

kǒushì

thi vấn đáp, thi nói trực tiếp

在博士研究生招生选拔复试中，专业专家组通过多轮深度综合面试全面考察考生的学术创新思维与应变能力。

Zài bó shì yán jiū shēng zhāo shēng xuǎn bá fù shì zhōng , zhuān yè zhuān jiǎ zú tǒng guó duǒ lún shēn dù zōng hé kǒu shì quán miàn kǎo chá kǎo shēng de xué shù chuàng xīn sī wéi yǔ yīng biàn néng lì .

Trong kỳ thi vấn đáp phỏng vấn thí tuyển sinh nghiên cứu sinh tiến sĩ, hội đồng chuyên gia chuyên môn thông qua nhiều vòng thi vấn đáp thi nói tổng hợp chuyên sâu đã khảo sát toàn diện khả năng ứng biến và tư duy đổi mới sáng tạo học thuật của thí sinh.

28 nét

HÁN VIỆT : KHẨU THÍ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0500

扣

kòu

khẩu trừ, trừ tiền; cài cúc, bấm khóa; cúc áo

航天员在出舱太空行走前，极其细致地逐一反复检查并扣紧舱外航天服的每一个高密封安全安全锁扣。

Háng tiān yuán zài chū cāng tài kōng xíng zǒu qián , jí qí xì zhì dì zhū yī fǎn fù jiǎn chá bìng kòu jìn cāng wài háng tiān fú de měi yí gè gāo mì fēng ān quán ān quán suǒ kòu .

Phi hành gia trước khi bước ra ngoài khoang đi bộ không gian đã vô cùng tỉ mỉ lắp đi lắp lại kiểm tra và bấm khóa cài cúc từng chốt khóa an toàn niêm phong cao của bộ quần áo phi hành ngoài khoang.

9 nét

HÁN VIỆT : KHẨU

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0501

酷

kù

ngẫu, phong cách cực chất; khắc nghiệt (khốc liệt)

在世界青年创客大会上，我国中学生展示的脑机接口智能仿生机械臂炫酷精湛，赢得了全场阵阵喝彩。

Zài shì jiè qīng nián chuàng kè dà huì shàng , wǒ guó zhōng xué shēng zhǎn shì de nǎo jī jiē kǒu zhì néng fǎng shēng jī xié bī xuàn kù jīng zhàn , yíng dé le quán chǎng zhèn zhèn hè cái .

Tại Đại hội Khởi nghiệp Thanh niên Thế giới, cánh tay robot phỏng sinh học thông minh giao diện não - máy cực chất ngẫu tuyệt đỉnh do học sinh trung học nước ta trưng bày đã nhận được những tràng pháo tay tán thưởng khắp toàn trường.

14 nét

HÁN VIỆT : KHỐC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0502

跨

kuà

bước qua, bắc qua; liên-, xuyên- (liên ngành, xuyên biên giới)

我国成功建设了世界上跨度最大、技术最复杂的跨海高铁两用斜拉桥，刷新了多项世界桥梁工程纪录。

Wǒ guó chéng gōng jiàn shè le shì jiè shàng kuà dù zuì dà , jì shù zuì fù zá de kuà hǎi gāo tiě liáng yòng xié lā qiáo , shuā xīn le duō xiàng shì jiè qiáo liáng gōng chéng jì lù .

Nước ta đã xây dựng thành công cây cầu dây văng kết hợp đường bộ và đường sắt vượt biển có nhịp khẩu độ lớn nhất và công nghệ phức tạp nhất thế giới, làm mới hàng loạt kỷ lục công trình cầu đường thế giới.

13 nét

HÁN VIỆT : KHOÁ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0503

快车

kuàichē

tàu nhanh, xe tốc hành, xe chạy nhanh

我国全面融入全球科技创新网络，搭乘新一轮科技革命与产业变革快车，实现了高水平跨越式发展。

Wǒ guó quán miàn róng rù quán qiú kē jì chuàng xīn wǎng luò , dā chéng xīn yí lún kē jì gē míng yǐ chǎn yè biàn gé kuài chē , shí xiàn le gāo shuǐ píng kuà yuè shì fā zhǎn .

Nước ta hội nhập toàn diện vào mạng lưới đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu, đáp chuyến xe tốc hành tàu nhanh của cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học công nghệ mới, thực hiện sự phát triển nhảy vọt trình độ cao.

24 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI XA

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0504

宽阔

kuānkuò

rộng rãi, thênh thang bao la, thoáng đãng

大科学装置园区主干道宽阔平坦，两旁绿树成荫，现代科研楼宇错落有致、环境优雅宜人。

Dà kē xué zhuāng zhì yuán qū zhǔ gàn dà kuān kuò píng tǎn , liǎng páng lǜ shù chéng yīn , xiàn dài kē yán lóu yǔ cuò luò yǒu zhì , huán jīng yōu yǎ yí rén .

Đại lộ trục chính khu công viên thiết bị khoa học lớn thênh thang rộng rãi bằng phẳng, hai bên rợp bóng cây xanh, các tòa nhà nghiên cứu khoa học hiện đại bố trí hài hòa ngăn nắp, môi trường tao nhã dễ chịu.

20 nét

HÁN VIỆT : KHOAN KHOÁT


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0505

矿
kuàng
khoáng sản, quặng mỏ, hầm mỏ

我国深海地质科考团队在西太平洋万米海沟成功探明了储量极其丰富的大型富钴结壳稀有金属多金属矿。

Wǒ guó shēn hǎi dì zhì kǎo tàn duì zài xī tài píng yáng wàn mǐ hǎi gōu chéng gōng tàn míng liǎo chǔ lìàng jí qí fēng fù de dà xíng fù gǔ jié ké xī yóu jīn shǔ duō jīn shǔ kuàng.

Đội ngũ khảo sát địa chất biển sâu của nước ta tại rãnh biển vạn mét Tây Thái Bình Dương đã thăm dò xác minh thành công mỏ đa kim khoáng sản kim loại hiếm vỏ bọc giàu coban cỡ lớn có trữ lượng cực kỳ phong phú.

11 nét

HÁN VIỆT : KHOÁNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0506

阔
kuò
**rộng lớn, khoáng đạt; giàu sang
rộng rãi**

青年科学家在探索未知宇宙奥秘的广阔天地中大有可为，为人类科技进步书写着绚丽壮美的时代华章。

Qīng nián kē xué jiā zài tàn sù wèi zhī yǔ zhòu ào mì de guǎng kuò tiān dì zhōng dà yǒu kě wéi, wéi rén lèi jī jìn bù shǔ xiě zhe xuàn lì zhuàng měi de shí dài huá zhāng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi trong khoảng trời bao la rộng lớn khoáng đạt khám phá những điều huyền bí của vũ trụ chưa biết có thể lập nên đại nghiệp, viết nên những áng văn thời đại tráng lệ rực rỡ cho tiến bộ khoa học công nghệ nhân loại.

12 nét

HÁN VIỆT : KHOÁT

HSK 6 (3.0)

Trợ từ

#0507

啦
la
rối, nhé, đấy (trợ từ ngữ khí)

当神舟载人飞船返回舱在东风着陆场稳稳着陆那一刻，地面指挥控制中心爆发出雷鸣般的掌声：“航天员平安回家啦！”

Dāng shén zhōu zài rén fēi chuán fǎn huí cāng zài dōng fēng zhuó lù chǎng wěn wěn zhuó lù nà yí kè, dì miàn zhǐ huī kòng zhì zhōng xīn bào fā chū léi míng bān de zhǎng shēng : "háng tiān yuán píng ān huí jiā la!"

Vào khoảnh khắc khoang hồi quyển của tàu vũ trụ có người lái Thần Châu hạ cánh vững vàng tại bãi đáp Đông Phong, trung tâm điều khiển chỉ huy mặt đất đã vang lên những tràng pháo tay như sấm dậy: 'Các phi hành gia đã trở về nhà bình an rồi!'

9 nét

HÁN VIỆT : LAP

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0508

来往
lái wǎng
**qua lại, đi lại giao thiệp, quan hệ
qua lại**

随着高水平对外开放持续深入，中外青年学者之间的前沿学术研讨与友好来往日益频繁密切。

Suí zhe gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng chí xù shēn rù, zhōng wài qīng nián xué zhě zhī jiān de qián yán xué shù yán tǎo yǔ yǒu hào lái wǎng rì yì pín fán mì qiè.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao tiếp tục đi vào chiều sâu, sự giao thiệp qua lại hữu nghị và hội thảo học thuật tiên phong giữa các học giả trẻ trong và ngoài nước ngày càng trở nên gần gũi mật thiết và thường xuyên.

22 nét

HÁN VIỆT : LAI VẮNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0509

赖
lài
dựa dẫm, ỷ lại; quỵ nợ; xấu (tội)

关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，我们决不能盲目依赖外部技术引进，必须坚持自立自强。

Guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bù lái, mǎi bù lái, tǎo bù lái, wǒ men jué bù néng máng mù yī lài wài bù jì shù yǐn jìn, bì xū jiān chí zì lì zì qiáng.

Công nghệ lõi then chốt là thứ không thể đòi được, không thể mua được và cũng không thể xin được, chúng ta tuyệt đối không được ỷ lại dựa dẫm mù quáng vào việc du nhập công nghệ bên ngoài, bắt buộc phải kiên trì tự chủ tự cường.

14 nét

HÁN VIỆT : LAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0510

栏目
lán mù
**chuyên mục, tiết mục truyền
hình/báo chí**

国家广播电视台开辟了大型科普纪实精品栏目，深入展现战略科学家与大国工匠科技报国的动人奋斗故事。

Guó jiā guǎng bō diàn shì tái kāi pì le dà xíng kē pǐ le dà xíng kē pǐ jī shí jīng pǐn lán mù, shēn rù zhǎn xiàn zhàn lüè kē xué jiā yǔ dà guó gōng jiàng kē jì bào guó de dòng rén fèn dòu gù shì.

Đài Phát thanh và Truyền hình Quốc gia đã mở chuyên mục phim tài liệu phổ biến khoa học đặc sắc quy mô lớn, khắc họa sâu sắc những câu chuyện phấn đấu cảm động phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của các nhà khoa học chiến lược và thợ cả đại đức của đất nước.

23 nét

HÁN VIỆT : LAN MỤC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0511

蓝领
lán lǐng
**công nhân áo xanh, người lao động
chân tay kỹ thuật**

国家大力推进现代职业技能教育体系建设，着力培育数千万掌握高精尖制造技能的新时期知识型蓝领大工匠。

Guó jiā dà lì tuī jìn xiàn dài zhi yè jī néng jiào yù tǐ xì jiàn shè, zhuó lì péi yù shù qiān wàn zhǎng wò gāo jīng jiān zhì zào jì néng de xīn shí dài zhī shì xíng lán lǐng dà gōng jiàng.

Nhà nước ra sức đẩy mạnh xây dựng hệ thống giáo dục kỹ năng nghề nghiệp hiện đại, chú trọng nuôi dưỡng hàng chục triệu đại nghệ nhân người thợ công nhân áo xanh mẫu mực trí thức thời đại mới nắm giữ kỹ năng chế tạo đỉnh cao tinh vi.

16 nét

HÁN VIỆT : LAM LÃNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0512

蓝天
lán tiān
bầu trời xanh, bầu trời trong xanh

国家持续深入推进蓝天保卫战，全国各大主要城市空气质量优良天数比例连年创下历史新高。

Guó jiā chí xù shēn rù tuī jìn lán tiān bǎo wèi zhàn, quán guó gè dà zhǔ yào chéng shì kōng qì zhì liàng yōu liáng tiān shù bǐ lì lián nián chuàng xià lì shǐ xīn gāo.

Nhà nước liên tục đi sâu đẩy mạnh Cuộc chiến bảo vệ bầu trời xanh, tỷ lệ số ngày có chất lượng không khí đạt loại tốt và ưu lương của các đô thị lớn chủ yếu trên cả nước liên tục nhiều năm xác lập kỷ lục lịch sử mới.

21 nét

HÁN VIỆT : LAM THIÊN

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0513

懒
lǎn
lười biếng, lười

克服懒惰拖延的最好办法就是将庞大的大目标拆解为具体的微小步骤并立即行动。

Kè fú lǎn duò tuō yán de zuì hǎo bàn fǎ jiù shì jiāng páng dà de dà mù biāo chāi jiě wéi jù thể de wēi xiǎo bù zhòu bìng lì jí xíng dòng.

Cách tốt nhất để vượt qua tính lười biếng và thói quen trì hoãn là chia nhỏ mục tiêu lớn thành các bước cụ thể và bắt tay vào hành động ngay lập tức.

11 nét

HÁN VIỆT : LÃN


HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0514

牢

láo
**vững chắc, kiên cố bền chặt; nhà tù
nhà giam**

广大科技工作者要牢固树立国家安全意识与底线思维，牢牢把国家科技发展的命脉掌握在自己手中。

Guāng dà kē jì gōng zuò zhě yào dǎo gù shù lǐ guó jiā ān quán yì shí yǔ dǐ xiàn sī wéi, láo láo bǎ guó jiā kē jì fā zhǎn de mìng mài wò zài zì jǐ shǒu zhōng.

Đồng đảo những người làm khoa học cần xác lập vững chắc kiên cố ý thức an ninh quốc gia và tư duy lẫn ranh đỏ, nắm chắc thật chặt huyết mạch phát triển khoa học công nghệ quốc gia trong chính tay mình.

9 nét

HÁN VIỆT: LAO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0515

老乡

lǎoxiāng
đồng hương, bà con cùng quê

青年农业科技特派员常年扎根大西北田间地头，用通俗易懂的家乡话手把手教老乡们掌握高产节水栽培技术。

Qīng nián nóng yè kē jì tè pài yuán cháng nián zhā gēn dà xī běi tián jiān dì tóu, yòng tōng sù yì dōng de jiā xiāng huà shǒu bǎ shǒu jiào lǎo xiāng men zhǎng wò gāo chǎn jié shuǐ zāi péi jì shù.

Phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp thanh niên quanh năm cắm rễ nơi đồng ruộng miền Đại Tây Bắc, dùng tiếng quê hương dễ hiểu bình dị để cầm tay chỉ việc dạy bà con đồng hương bà con cùng quê nắm vững kỹ thuật canh tác tiết kiệm nước năng suất cao.

21 nét

HÁN VIỆT: Lǎo HƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0516

乐曲

yuèqǔ
khúc nhạc, bản nhạc giai điệu

伴随着激昂庄严的胜利乐曲声，大国重器研发功勋团队迈着铿锵坚定的步伐走上国家科学技术最高领奖台。

Bàn suí zhe jī áng zhuāng yán de shèng lì yuè qǔ shēng, dà guó zhòng qì yán fā gōng xūn tuán duì mài zhe kēng qiāng jiān dìng de bù fá zǒu shàng guó jiā kē xué jì shù zuì gāo jiǎng táng.

Hòa cùng tiếng khúc nhạc bản nhạc thắng lợi trang nghiêm hùng tráng, đội ngũ có công lao nghiên cứu phát triển đại khí quốc gia bước đi những bước chân kiên định dong đặc bước lên bục nhận Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Tối cao Quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT: LẠC KHÚC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0517

冷气

lěngqì
hơi lạnh, luồng khí lạnh; máy điều hòa lạnh

在国家超级计算中心超大规模服务器机房内，先进的精密制冷系统与冷气循环系统高效带走海量运算热量。

Zài guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn chāo dà guī mó fú wú jī jī fǎng nèi, xiān jìn de jīng mì zhōng qì yuán xì tǒng yǔ lěng qì xún huán xì tǒng gāo xiào dài zǒu hǎi liàng yùn suàn rè liàng.

Bên trong phòng máy chủ quy mô siêu lớn của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, hệ thống tuần hoàn hơi lạnh luồng khí lạnh và hệ thống làm mát bằng chất lỏng chính xác tiên tiến đã giải phóng hiệu quả cao lượng nhiệt tính toán khổng lồ.

23 nét

HÁN VIỆT: LẠNH KHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0518

冷水

lěngshuǐ
nước lạnh, gáo nước lạnh (nghĩa bóng)

面对科研攻关中个别暂时的质疑与冷水，青年学者从不气馁动摇，始终以确凿坚实的实验数据予以有力证明。

Miàn duì kē yán gōng guān zhōng gè bié zàn shí de zhì yí yǔ lěng shuǐ, qīng nián xué zhě zhēn cōng bù qì nǐ dòng yáo, shí zhōng yǐ què záo jiān shí de shí yàn shù jù yǔ yǐ yǒu lì zhèng míng.

Đứng trước gáo nước lạnh nước lạnh và sự hoài nghi tạm thời cá biệt trong vượt khó nghiên cứu khoa học, người học giả trẻ tuổi chưa bao giờ nản lòng dao động, luôn dùng số liệu thực nghiệm vững chắc xác thực để chứng minh đầy thuyết phục.

20 nét

HÁN VIỆT: LẠNH THUỶ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0519

礼堂

lǐtáng
hội trường, lễ đường, giảng đường lớn

在人民大会堂万人大礼堂内，国家科学技术奖励大会隆重举行，热烈表彰为国奉献的杰出科技工作者。

Zài rén mín dà huì táng wàn rén dà lǐ táng nèi, guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì lǒng zhòng jǔ xíng, rè liè biǎo zhāng wéi guó fèng xiàn de jié chū kē jì gōng zuò zhě.

Bên trong đại lễ đường hội trường vạn người của Đại Lễ đường Nhân dân, Đại hội Khen thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã long trọng diễn ra, nhiệt liệt tuyên dương các cán bộ khoa học công nghệ kiệt xuất cống hiến cho Tổ quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: LỄ ĐƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0520

理

lǐ
lý do

老师鼓励大家积极理，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lý do, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: LÝ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0521

理财

lǐcái
quản lý tài chính, quản lý tiền của, đầu tư tài chính

金融监管部门持续强化公众金融素养普及，引导广大市民树立理性稳健的科学理财与风险防范意识。

Jīn róng jiān guǎn bù mén chí xù qiáng huà gōng zhòng jīn róng sù yǎng pǔ jí, yǐn dǎo guāng dà shì mǐn shù lǐ xìng wěn jiǎn de kē xué lǐ cái yǔ fēng xiǎn fáng fàn yì shí.

Cơ quan giám sát tài chính liên tục tăng cường phổ cập tổ chất tài chính công chúng, định hướng đồng đảo người dân xác lập ý thức phòng ngừa rủi ro và quản lý tài chính đầu tư tài chính khoa học thận trọng lý tính.

20 nét

HÁN VIỆT: LÝ TÀI

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0522

理智

lǐzhì
lý trí, tỉnh táo sáng suốt; lý tính

在国际地缘政治风云变幻的关键时刻，各方应当保持克制与高度理智，坚持通过和平对话政治解决争端。

Zài guó jì dì yuán zhèng zhì fēng yún biàn huàn de guān jiàn shí kè, gè fāng yīng dāng bǎo chí kè zhì yǔ gāo dù lǐ zhì, jiān chí thông qua hé píng huà zhèng zhì jiě jué zhēng duān.

Vào thời khắc then chốt diễn biến địa chính trị quốc tế nhiều biến động, các bên cần giữ vững sự kiềm chế và lý trí tỉnh táo cao độ, kiên trì giải quyết tranh chấp bằng biện pháp chính trị thông qua đối thoại hòa bình.

22 nét

HÁN VIỆT: LÝ TRÍ

HSK 6
(3.0)Tính từ / Danh từ /
Động từ

#0523

利
lì

có lợi, lợi ích; thuận lợi; sắc bén

利民之事，丝发必兴；我们要推动科技创新成果更多更公平惠及全体人民，切实增进民生福祉。

Lì mín zhī shì, sī fā bì xīng; wǒ men yào tuī dòng kē jī chuàng xīn chéng guǒ gèng duō gèng gōng gòng píng huì jī quán tǐ rén mín, qiè shí zēng jìn mín shēng fú zhǐ.

Việc có lợi có lợi cho dân, dù nhỏ như sợi tơ sợi tóc cũng nhất định phải làm (lợi dân chỉ sự, tí phát tất hưng); chúng ta phải thúc đẩy các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ mang lại lợi ích công bằng hơn nhiều hơn cho toàn thể nhân dân, củng cố thực chất phúc lợi dân sinh.

13 nét

HÁN VIỆT: LỢI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0524

联盟
lián méng

liên minh, liên minh hợp tác

由数十所顶尖高校与领军科技企业发起成立的国家人工智能产业创新联盟，加速推进了算力与算法生态融合。

Yóu shù shí suǒ dīng jiān gāo xiào yǔ lǐng jūn kē jī qí yè fā qí chéng lì de guó jiā rén gōng zhì néng chān yè chuàng xīn lián méng, jiǎ sù tuī jìn le suàn lì yǔ suàn fǎ shēng tài róng hé.

Liên minh Đối mới Ngành Trí tuệ Nhân tạo Quốc gia do hàng chục trường đại học hàng đầu cùng doanh nghiệp công nghệ đầu ngành khởi xướng thành lập đã đẩy nhanh thúc đẩy sự dung hợp hệ sinh thái thuật toán và năng lực tính toán.

19 nét

HÁN VIỆT: LIÊN MINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0525

联赛
liánsài

giải đấu liên đoàn, giải vô địch đấu vòng tròn

在全国大学生机器人创新设计超级联赛中，各高校代表队凭借自主研发的算法程序展开激烈竞技较量。

Zài quán guó dà xué shēng jī qì rén chuàng xīn shè jì chāo jí lián sài zhōng, gè gāo xiào dài biǎo duì píng jiè zì zhǔ yán zhì de suàn fǎ chéng xù zhǎn kāi jī lìè jìng jì jiào liàng.

Tại Giải đấu liên đoàn Siêu liên đoàn Thiết kế Đối mới Sáng tạo Robot Sinh viên Đại học Toàn quốc, các đội tuyển đại diện các trường đại học dựa vào các chương trình thuật toán tự chủ nghiên cứu phát triển đã triển khai so tài thi đấu kịch tính.

21 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TÀI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0526

联手
liánshǒu

bắt tay, hợp sức chung tay, liên kết kết hợp

多所顶尖研究型大学与国家战略科技领军企业强强联手，共同建立前沿颠覆性技术协同创新联合实验室。

Duō suǒ dīng jiān yán jiū xíng dà xué yǔ guó jiā zhàn lüè kē jī líng jūn qì yè qiáng qiáng lián shǒu, gòng tóng jiàn lì qián yán fān pò xìng jì shù xié tóng chuàng xīn lián hé shí yàn shì.

Nhiều trường đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu cùng các doanh nghiệp dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược quốc gia mạnh mẽ bắt tay chung tay hợp sức, cùng nhau xây dựng phòng thí nghiệm liên hợp đổi mới sáng tạo hiệp đồng công nghệ mang tính cách mạng tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: LIÊN THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0527

凉鞋
liángxié

dép xăng-đan, giày mùa hè thoáng mát

新型仿生高分子纳米透气材料成功应用于运动凉鞋制造，兼具极佳的轻量化减震与抗菌防滑性能。

Xīn xíng fǎng shēng gāo fēn zǐ nà mǐ tòu qì cái liào chéng gōng yìng yòng yú yùn dòng liáng xié zhì zào, jiān jù jí jiǎ de qīng liàng huà jiǎn zhèn yǔ kàng jūn fǎng huá xīng néng.

Vật liệu nano polymer thoáng khí phỏng sinh học kiểu mới được ứng dụng thành công vào chế tạo dép xăng-đan giày xăng-đan thể thao, đồng thời sở hữu tính năng chống trơn kháng khuẩn và giảm chấn siêu nhẹ cực kỳ ưu việt.

17 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG HẢI

HSK 6
(3.0)Danh từ chỉ nơi
chỗ

#0528

两侧
liǎngcè

hai bên, hai bên sườn, hai phía bên

大科学装置高能同步辐射光源实验环形管道两侧，精准密布着数百台超高精度微纳聚焦磁铁透镜。

Dà kē xué zhuāng zhì gāo néng tóng bù fú shè guāng yuán shí yàn huán xíng guǎn dào liǎng cè, jīng zhǔn mì bù zhāo shù bǎi tái chāo gāo jīng dù wēi nà jù jiāo cí tiě tòu jìng.

Hai bên hai phía bên đường ống hình khuyên thực nghiệm nguồn sáng bức xạ synchrotron năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn phân bố dày đặc chuẩn xác hàng trăm bộ thấu kính nam châm hội tụ vi nano độ chính xác siêu cao.

21 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG TRẮC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#0529

两手
liǎngshǒu

hai tay, hai bàn tay; hai phương diện đối sách

在推进国家重大工程攻关中，我们要坚持自主研发与开放合作两手抓、两手硬，筑牢科技安全防线。

Zài tuī jìn guó jiā zhòng dà gōng chéng gōng guān zhōng, wǒ men yào jiān chí zì zhǔ yán fā yǔ kāi fàng hé zuò liǎng shǒu zhuā, liǎng shǒu yìng, zhù láo kè jī ān quán fáng xiàn.

Trong công tác thúc đẩy vượt khó các công trình trọng đại quốc gia, chúng ta phải kiên trì nắm chắc hai tay hai phương diện vừa tự chủ nghiên cứu phát triển vừa hợp tác mở cửa, cả hai tay đều cứng rắn vững vàng, củng cố vững chắc phòng tuyến an toàn khoa học công nghệ.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG THỦ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0530

聊
liáo

trò chuyện, tán gẫu, nói chuyện

资深战略科学家利用学术研讨间隙与青年学子围坐在一起，促膝长谈、亲切交流聊起当年的科研攻关往事。

Zī shēn zhàn lüè kē xué jiā li yòng xué shù yán tāo jiàn xī yǔ qīng nián xué zǐ wéi zuò zài yì qí, cù xī cháng tán, qīn qiè jiāo liú liáo qí dāng nián de kē yán gōng guān wǎng shì.

Nhà khoa học chiến lược lão thành tranh thủ khoảng trống giữa các buổi hội thảo học thuật ngồi quây quần cùng các học trò trẻ tuổi, tâm tình thân mật, trò chuyện tán gẫu rôm rả về những câu chuyện dĩ vãng vượt khó nghiên cứu khoa học năm xưa.

13 nét

HÁN VIỆT: LIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#0531

聊天儿
liáotiānr

tán gẫu, trò chuyện gẫu, nói chuyện phiếm

在紧张繁重的实验攻关之余，团队骨干们在园区咖啡厅轻松喝茶聊天儿，在思想碰撞中常能迸发出新灵感。

Zài jǐn zhāng fán zhòng de shí yàn gōng guān zhī yú, tuán duì gǔ gàn men zài yuán qū kā fēi jiǎo qīng sōng hē chá liáo tiān ér, zài sī xiǎng pèng chuàng zhōng cháng néng bèng fā chū zhān xīn líng gǎn.

Ngoài những giờ vượt khó thực nghiệm nặng nề căng thẳng, các cán bộ nòng cốt của nhóm ngồi tại góc cà phê khuôn viên thoải mái uống trà tán gẫu trò chuyện phiếm, trong những va chạm tư tưởng thường có thể bùng nổ những nguồn cảm hứng hoàn toàn mới.

35 nét

HÁN VIỆT: LIÊU THIÊN NHÂN



HSK 6 (3.0)

Động từ

#0532

料

liào

vật chất

老师鼓励大家积极料, 勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí liào, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vật chất, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: LIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0533

裂

liè

nứt, rạn nứt; phân tách chia cắt

经过极限压力与极寒交变工况严苛考验, 该新型碳纤维复合材料构件表面没有出现任何微米级微裂纹。

Jīng guò jí xiàn yā lì yǔ jí hán jiāo biàn gōng kuàng yán kē kǎo yàn, gāi xīn xīng tàn xiān wéi fù hé cái liào gòu jiàn biāo miàn méi yǒu chū xiàn rèn hé wēi mǐ jí wēi liè wén.

Trải qua sự thử thách khắc nghiệt của điều kiện làm việc luân phiên biến đổi giá rét cực đoan và áp lực giới hạn, bề mặt cấu kiện vật liệu composite sợi carbon kiểu mới này không hề xuất hiện bất kỳ vết nứt rạn nứt vi mô nào cấp độ micromet.

11 nét

HÁN VIỆT: LIỆT

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#0534

灵活

líng huó

linh hoạt, mềm dẻo, nhạy bén

在应对复杂多变的国际经贸环境时, 企业应当根据市场供求波动灵活调整全球供应链采购策略。

Zài yìng duì fù zá duō biàn de guó jì jīng mào huán jīng shí, qì yè yīng dǎng gēn jù shì chǎng gòng qiú bō dòng líng huó tiáo zhěng quán qiú gòng ying lián cǎi gòu cè lüè.

Khi ứng phó với môi trường kinh tế thương mại quốc tế biến chuyển phức tạp, doanh nghiệp cần linh hoạt điều chỉnh chiến lược thu mua chuỗi cung ứng toàn cầu cần cù theo biến động cung cầu thị trường.

26 nét

HÁN VIỆT: LINH HOẠT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0535

领取

lǐng qǔ

nhận, lĩnh, lĩnh nhận (giải thưởng/trợ cấp)

青年科学家步上国家科学大会领奖台, 庄重领取了国家自然科学奖一等奖荣誉证书与金色勋章。

Qīng nián kē xué jiā bù shàng guó jiā kē xué dà huì lǐng jiǎng tái, zhuāng zhòng lǐng qǔ le guó jiā zì rán kē xué jiǎng yì děng jiǎng róng yǔ zhèng shù yǔ jīn sè xīn zhāng.

Nhà khoa học trẻ tuổi bước lên bục nhận giải Đại hội Khoa học Quốc gia, trang trọng lĩnh nhận tấm huân chương màu vàng và giấy chứng nhận danh dự Giải Nhất Giải thưởng Khoa học Tự nhiên Quốc gia.

16 nét

HÁN VIỆT: LÃNH THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0536

领袖

lǐng xiù

lãnh tụ, người lãnh đạo kiệt xuất

卓越的战略科技领袖能够准确洞察全球前沿科技发展脉搏, 引领重大科研攻关团队勇闯科学无人区。

Zhuó yuè de zhàn lüè kē jì lǐng xiù néng gòu zhǔn què dòng chá quán qiú qián yán kē jì fā zhǎn mǎo bó, yǐn lǐng zhòng dà kē yán gōng guān tuán duì yǒng chuǎng kē xué wú rén qū.

Một nhà lãnh tụ khoa học công nghệ chiến lược kiệt xuất có thể thấu suốt chuẩn xác mạch đập phát triển khoa học công nghệ tiên phong toàn cầu, dẫn dắt các nhóm nghiên cứu khoa học trọng đại dũng cảm đột phá vào vùng đất chưa người khám phá của khoa học.

17 nét

HÁN VIỆT: LÃNH TỰ

HSK 6 (3.0)

Đại từ / Phó từ

#0537

另

lìng

khác, một cái khác; ngoài ra

在原有传统实验路径受阻的情况下, 攻关团队果断另辟蹊径, 提出了基于拓扑量子态的全新物理测量方案。

Zài yuán yǒu chuán tǒng shí yàn lù jīng shòu zǔ de qīng kuàng xià, gōng guān tuán duì guǒ duàn líng pì xī jīng, tí chū le jī yú tuō pǔ liàng zì tài de quán xīn wú lǐ cè liáng fāng àn.

Trong tình huống lộ trình thực nghiệm truyền thống ban đầu bị bế tắc cản trở, nhóm vượt khó đã quả đoán mở ra một con đường khác biệt, đề xuất phương án đo đạc vật lý hoàn toàn mới dựa trên trạng thái lượng tử tô-pô.

10 nét

HÁN VIỆT: LÃNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0538

流感

liú gǎn

bệnh cúm, bệnh cúm mùa

国家疾控中心依托全国多病原大数据监测预警网络, 实现了对季节性流感病毒株变异趋势的超前精准研判。

Guó jiā jí kòng zhōng xīn yī tuō quán guó duō yuán dà shù jù jiān cè yǔ jīng wǎng luò, shí xiàn le duì jì jì xíng liú gǎn bìng dú zhū biàn yì qū shì de cháo qián jīng zhǔn yán pàn.

Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Quốc gia dựa vào mạng lưới cảnh báo sớm quan trắc dữ liệu lớn đa nguồn đa tác nhân gây bệnh toàn quốc đã thực hiện việc đánh giá nhận định chuẩn xác đón đầu xu thế biến dị của các chủng virus cúm bệnh cúm mùa theo mùa.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯU CẢM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0539

留言

liú yán

để lại lời nhắn, gửi tin nhắn; lời nhắn để lại

在大科学工程纪念馆电子互动留言墙上, 成千上万青少年留下了“科技强国有我、勇攀科学高峰”的庄严誓言。

Zài dà kē xué gōng chéng jì niàn guǎn jī niàn guǎn diàn zì hù dòng liú yán qiáng shàng, chéng qiān shàng wàn qīng shào nián liú xià le "kē jì qiáng guó yǒu wǒ, yǒng pān kē xué gāo fēng" de zhuāng yán shì yán.

Trên bức tường điện tử tương tác để lại lời nhắn lời nhắn của Nhà Lưu niệm Công trình Khoa học Lớn, hàng ngàn hàng vạn thanh thiếu niên đã để lại lời thề trang nghiêm 'Cường quốc khoa học công nghệ có cháu, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học'.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯU NGÔN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#0540

楼道

lóu dào

hành lang tòa nhà, lối đi cầu thang

现代化智慧科研综合实验大楼全楼道配备了智能感应节能LED照明系统与全方位微型环境安全监测仪。

Xiān dài huà zhī huì kē yán zōng hé shí yàn dà lóu quán lóu dào pèi bèi le zhì néng gǎn yīng jié néng LED zhào míng xì tǒng yǔ quán fāng wèi wēi xīng huán jīng ān quán jiān cè yí.

Toàn bộ hành lang lối đi hành lang tòa nhà của Tòa nhà Thực nghiệm Tổng hợp Nghiên cứu Khoa học Thông minh Hiện đại hóa đều được trang bị máy quan trắc an toàn môi trường vi mô toàn diện và hệ thống chiếu sáng LED tiết kiệm điện cảm ứng thông minh.

22 nét

HÁN VIỆT: LẦU ĐẠO



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0541

楼房

lóufáng

nhà tầng, tòa nhà nhiều tầng, nhà lầu

国家高新技术产业开发区内一座座现代化绿色低碳科研实验楼房拔地而起、错落有致，环境极为优美。

Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè zuò yú nèi yí zuò zuò xià dài huà lǜ sè dì tān kē yán shí yàn lóu fáng bá dì ér qǐ, cuò luò yǒu zhì, huán jīng jí wéi yōu měi.

Bên trong Khu Phát triển Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia, từng tòa từng tòa nhà tầng tòa nhà nhiều tầng thực nghiệm nghiên cứu khoa học xanh ít phát thải carbon hiện đại mọc lên sừng sững, bố trí hài hòa ngăn nắp, cảnh quan môi trường vô cùng tươi đẹp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : LÂU PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0542

陆军

lùjūn

lục quân, lực lượng lục quân

人民陆军新型国产信息化无人作战系统与重型装甲装备在高原戈壁实战化演练中展现出强大全域综合作战效能。

Rén mín lù jūn xīn xíng guó chǎn xī huà wú rén zuò zhàn xì tǒng yǔ zhòng xíng zhòng giáp zhuāng jī zhòng bēi zài gāo yuán gē bì shí zhān huà yǎn xùn zhōng zhān xiàn chǔ qiáng dà quán yǔ zōng hé zuò zhàn xiào néng.

Hệ thống tác chiến không người lái thông tin hóa và trang bị thiết giáp hạng nặng sản xuất trong nước kiểu mới của Lục quân Lục quân Nhân dân trong các đợt diễn tập thực chiến hóa trên sa mạc cao nguyên đã phổ biến hiệu năng tác chiến tổng hợp toàn miền vô cùng hùng mạnh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : LỤC QUÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0543

录像

lùxiàng

video ghi hình, đoạn băng ghi hình; quay video

深海万米载人潜水器搭载的超高清深海特种摄像机，清晰拍摄记录下了海底热液喷口极其珍贵的高清科学录像。

Shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì dā zài de chāo gāo qīng shēn hǎi tè zhōng shè xiàng jī, qīng xī pāi shè jì lù xià le hǎi dǐ rè yè pēn kǒu jí qí zhēn guì de gāo qīng kē xué lù xiàng.

Máy quay phim đặc chủng biển sâu siêu nét gắn trên tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu đã ghi hình chụp lại rõ nét đoạn băng ghi hình video ghi hình khoa học độ nét cao vô cùng quý giá về miệng phun thủy nhiệt dưới đáy biển.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : LỤC TƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0544

录音机

lùyīnjī

máy ghi âm, máy thu âm

在口述科技史访谈中，青年学者利用高保真数字录音机完整记录下了老一辈战略科学家宝贵的治学治研心路历程。

Zài kǒu shù kē jì shǐ fǎng tán zhōng, qīng nián xué zhě lì yòng gāo bǎo zhēn shù zì lù yīn jī wán zhěng jì lù xià le lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā bǎo guì de zhì xué zhì yán xīn lù lì chéng.

Trong các cuộc phỏng vấn lịch sử khoa học công nghệ truyền khẩu, các học giả trẻ đã sử dụng máy ghi âm máy thu âm kỹ thuật số độ trung thực cao để ghi lại trọn vẹn chặng đường tâm huyết làm học vấn và nghiên cứu vô giá của các nhà khoa học chiến lược tiền bối.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : LỤC ÂM CƠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0545

路过

lùguò

đi ngang qua, đi qua, tình cờ đi qua

许多中外学者在路过大科学装置模型展示厅时，无不驻足凝神观看并对中国科技的非凡成就交口称赞。

Xǔ duō zhōng wài xué zhě zài lù guò dà kē xué zhuāng zhì mó xíng zhǎn shì tīng shí, wú bù zhǔ zú níng shén guān kàn bìng duì zhōng guó kē jì de fēi fán chéng jiù jiǔ jiào kǒu chēng zàn.

Nhiều học giả trong và ngoài nước khi đi ngang qua đi qua phòng trưng bày mô hình thiết bị khoa học lớn đều không khỏi dừng chân chăm chú ngắm nhìn và đồng thanh khen ngợi những thành tựu phi phàm của khoa học công nghệ Trung Quốc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : LỘ QUÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0546

露

lù

lộ ra, phơi bày; giọt sương

当得知自己的科研方案获得全票通过并立项资助时，他脸上露出了欣慰开朗的笑容。

Dāng dé zhī zì jǐ de kē yán fāng àn huò dé quán piào tōng guò bìng lì xiàng zī zhù shí, tā liǎn shàng lù chū le xīn wèi kāi lǎng de xiào róng.

Khi biết tin đề án nghiên cứu khoa học của mình được 100% phiếu tán thành và cấp kinh phí thực hiện, trên gương mặt anh nở nụ cười rạng rỡ đầy mãn nguyện.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : LỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0547

旅店

lǚdiàn

nhà trọ, khách sạn nhỏ, quán trọ

在高原偏远深空天文观测站附近的小镇上，这家整洁温馨的生态绿色旅店常年为来往科学家提供周到的食宿保障。

Zài gāo yuán piǎn yuǎn shēn kōng tiān wén guān cè zhàn fù jìn de xiǎo zhèn shàng, zhè jiā zhěng jìé wēn xīn de shēng tài lǜ sè lǚ diàn cháng nián wéi lái wǎng kē xué jiā tíng gòng zhōu zhāo de shí sù bǎo zhàng.

Tại thị trấn nhỏ gần trạm quan trắc thiên văn không gian sâu xa xôi trên cao nguyên, quán trọ khách sạn nhỏ sinh thái xanh ấm cúng gọn gàng này quanh năm cung cấp dịch vụ bảo đảm ăn ở chu đáo cho các nhà khoa học đi lại.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : LỮ ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0548

绿化

lǚhuà

trồng cây xanh, phủ xanh, phủ xanh đô thị

国家高新技术科学城全面推行高标准生态园林绿化工程，人均绿地面积与森林覆盖率位居全国前列。

Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng quán miàn tuī xíng gāo biāo zhūn shēng tài yuán lín lǚ huà gōng chéng, rén jūn lǜ dì miàn jī yǔ sēn lín fù gài lǜ wèi jū quán guó qián liè.

Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia đẩy mạnh toàn diện công trình phủ xanh trồng cây xanh công viên sinh thái tiêu chuẩn cao, diện tích cây xanh bình quân đầu người và độ che phủ rừng đứng ở hàng đầu trên cả nước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : LỤC HOA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0549

马车

mǎchē

xe ngựa; cỗ xe kéo

从昔日落后闭塞的人拉马车到今日领先全球的时速三百五十公里智能高铁，中国交通实现了历史性伟大跨越。

Cóng xī rì luò hòu bì sè de rén lā mǎ chē dào jīn rì lǐng xiān quán qiú de shí sù sān bǎi wú shí gōng lǐ zhì néng gāo tiě, zhōng guó jiāo tōng shí xiàn le lì shǐ xíng wéi dà kuà yuè.

Từ cỗ xe ngựa xe ngựa người kéo bế tắc lạc hậu thuở nào cho tới đoàn tàu cao tốc thông minh 350 km/h dẫn đầu toàn cầu ngày nay, giao thông Trung Quốc đã thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại mang tính lịch sử.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : MÃ XA


HSK 6 (3.0)

Trợ từ

#0550

嘛

ma

mà, chứ sao (trợ từ cuối câu biểu thị hiển nhiên/nhắc nhở)

科学探索本来就是一条前人未走过的艰难道路嘛，遇到挫折失败在所难免，关键是要保持百折不挠的定力。

Kē xué tàn suǒ běn lái jiù shì yì tiáo qián rén wèi zǒu guò de jiǎn nán dào lù ma, yù dào cuò zhé shī bài zài suǒ nán miǎn, guān jiàn shì yào bǎo chí bǎi zhé bù nǎo de dìng lì.

Thăm hiểm khoa học vốn dĩ chính là một con đường gian nan mà người đi trước chưa từng bước qua mà, gặp phải khó khăn trắc trở thất bại là điều không thể tránh khỏi, điều mấu chốt là phải giữ vững định lực kiên cường bất khuất không lùi bước.

8 nét

HÁN VIỆT • MA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0551

埋

mái

chôn, vùi lấp; giấu mình vùi đầu (mái đầu)

广大功勋科学家隐姓埋名数十年如一日，默默奉献、把青春和热血深深埋进了祖国的戈壁荒原与大山深处。

Guāng dà gōng xūn kē xué jiā yīn xìng mái míng shù shí nián rú yì rì, mò mò fèng xiàn, bǎ qīng chūn hé rè xuè shēn shēn mái jìn le zǔ guó de gē bì huāng yuán yǔ dà shān shēn chù.

Đồng đảo các nhà khoa học có công lao đã ẩn danh giấu mình giấu tên mấy mươi năm như một, âm thầm cống hiến, gửi gắm vùi lấp thanh xuân và máu nóng sâu vào nơi thâm sơn cùng cốc và hoang nguyên sa mạc Gobi của Tổ quốc.

13 nét

HÁN VIỆT • MAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0552

馒头

mán tou

bánh màn thầu, bánh bao chay

北方传统老面手工蒸出的大馒头麦香浓郁、松软劲道，是百姓餐桌上不可或缺的主食。

Běi fāng chuán tǒng lǎo miàn shǒu gōng zhēng chū de dà mán tou mài xiāng nóng yù, sōng ruǎn jìn dào, shì bǎi xìng cān zhuō shàng bù kě huò quē de zhǔ shí.

Những chiếc bánh màn thầu chay to tròn hấp bằng men bột chua truyền thống miền Bắc thơm nức mùi lúa mạch, vừa mềm xốp lại dẻo dai, là món ăn chính không thể thiếu trên mâm cơm người dân.

20 nét

HÁN VIỆT • MÀN ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0553

慢车

màn chē

tàu chợ, tàu chậm, xe chạy chậm

在大力发展智能高速铁路的同时，国家在偏远山区依然常态化开行公益性“慢火车”，保障老乡们便捷出行。

Zài dà lì fā zhǎn zhì néng gāo sù tiě lù de tóng shí, guó jiā zài piǎn yuǎn shān qū yī rán cháng tài huà kāi xíng gōng yì xìng "màn huǒ chē", bǎo zhàng lǎo xiāng men biàn jié chū xíng.

Song song với việc ra sức phát triển đường sắt cao tốc thông minh, Nhà nước tại các vùng núi xa xôi vẫn duy trì vận hành thường xuyên các chuyến 'tàu chậm' tàu chợ mang tính công ích, bảo đảm bà con đi lại thuận tiện.

21 nét

HÁN VIỆT • MẠNH XA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0554

盲人

máng rén

người mù, người khiếm thị

科研团队完全自主研发的智能导盲机器狗利用激光雷达与机器视觉，能够精准引导盲人安全无障碍过马路。

Kē yán tuán wán quán zì yán fā zhī zhǎn yán jī qǒu lì yòng jī guāng léi dá yǔ jī qì shì jué, néng gòu jīng zhǔn yǐn dǎo máng rén ān quán wú zhàng ài guò mǎ lù.

Chú chó robot dẫn đường thông minh do đội ngũ nghiên cứu khoa học hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển sử dụng thị giác máy tính và radar laser có thể dẫn đường chuẩn xác cho người khiếm thị người mù qua đường an toàn không rào cản.

17 nét

HÁN VIỆT • MẠNH NHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#0555

没收

mò shōu

tịch thu, sung công, sung quỹ nhà nước

市场监管执法部门依法严惩侵犯知识产权违法行为，坚决没收全部假冒伪劣产品并依法追究法律责任。

Shì chǎng jiān fǎ quán zhī fǎ bù yán chéng qīn fǎ zhī shí chǎn quán wéi fǎ xíng wéi, jiǎn jué mò shōu quán bù jiǎ mào wéi lì chǎn pǐn bìng yī fǎ zhuī jiū fǎ lǚ zé rèn.

Cơ quan thực thi pháp luật giám sát thị trường theo quy định của pháp luật trừng trị nghiêm khắc hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, kiên quyết tịch thu sung công toàn bộ sản phẩm giả mạo kém chất lượng và truy cứu trách nhiệm pháp lý theo đúng pháp luật.

24 nét

HÁN VIỆT • MỘT THU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0556

梅花

méihuā

hoa mai, bông hoa mai mùa đông

“宝剑锋从磨砺出，梅花香自苦寒来”；广大科研工作者在艰苦攻关中百折不挠、勇夺科技创新制高点。

"bǎo jiàn fēng cóng mó lì chū, méi huā xiāng zì kǔ hán lái"; guāng dà kē yán gōng zuò zhě zài jiǎn kǔ gōng guān zhōng bǎi zhé bù nǎo, yǒng duó kē jì chuàng xīn zhì gāo diǎn.

'Bảo kiếm sắc bén nhờ tôi luyện mài giũa, hoa mai ngát hương từ giá rét lạnh căm' (Bảo kiếm phong từng mai lộ xuất, mai hoa hương tự khổ hàn lai); đồng đảo cán bộ nghiên cứu khoa học trong khó khăn vượt khó trăm lần không gục ngã, dũng cảm đoạt lấy đỉnh cao đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ.

23 nét

HÁN VIỆT • MAI HOA

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0557

美容

měiróng

làm đẹp, thẩm mỹ, chăm sóc sắc đẹp

现代生物医药工程中心将重组胶原蛋白高科技成果转化安全高效的医美护肤与皮肤修复制品。

Xiān dài shēng yào gōng chéng zhōng xīn jiāng chóng zǔ jiāo yuán dàn bái gāo kē jì chéng guǒ chéng gōng zhuǎn huà wéi ān quán gāo xiào de yī měi hú fū yǔ pí fū xiū fù zhì pǐn.

Trung tâm Công trình Y sinh Dược phẩm Hiện đại đã chuyển hóa thành công thành quả công nghệ cao collagen tái tổ hợp thành các chế phẩm phục hồi da và chăm sóc sắc đẹp làm đẹp y khoa an toàn hiệu quả cao.

25 nét

HÁN VIỆT • MỸ DUNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0558

蒙

méng

che phủ, trùm lên; lừa gạt; mờ mịt u mê

在狂暴肆虐的高原沙尘暴中，即便特种防护面罩上蒙上了一层厚厚的沙尘，巡线电工依然坚毅巡护电网铁塔。

Zài kuáng bào sì nù de gāo yuán shā chén bào zhōng, jí biàn tè zhǒng fáng hù miàn zhào shàng le yì céng hòu hòu de shā chén, xún xiàn diàn gōng yī rán jiǎn yì xún hù diàn wǎng tiě tǎ.

Trong cơn bão cát cao nguyên cuồng phong gầm thét dữ dội, đầu chiếc mặt nạ bảo hộ đặc chủng đã bị che phủ trùm lên một lớp cát bụi dày đặc, người thợ điện tuần tra đường dây vẫn kiên nghị tuần tra bảo vệ cột tháp lưới điện.

10 nét

HÁN VIỆT • MÔNG



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#0559

猛**měng** **mạnh mẽ, dữ dội, dũng mãnh;
đột ngột**

面对突发极端地质灾害山洪迅猛来袭，
应急预警系统毫秒级触发响应，成功引
导数千群众提前安全转移。

Miàn duì tū fā jí duǎn dì zhì zài hài shān hóng
xùn měng lái xī, yìng jí yù jīng xì tǒng háo miǎo
jí chū fā xiāng yìng, chéng gōng yǐn dǎo shù
qiān qún zhòng tí qián ān quán zhuǎn yí.

Đứng trước lũ quét thiên tai địa chất cực
đoan đột xuất ập tới dữ dội mãnh liệt
mạnh mẽ, hệ thống cảnh báo khẩn cấp đã
kích hoạt phản ứng cấp độ mili-giây, dẫn
đắt thành công hàng ngàn người dân sơ
tán an toàn trước giờ.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: MẪNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0560

秘书长**mìshūzhǎng** **tổng thư ký, bí thư trưởng hiệp
hội/tổ chức**

联合国多边科学组织秘书长在世界前沿
科技峰会上发表主旨演说，高度赞扬中
国为全球可持续发展作出的杰出贡献。

Lián hé guó duō biān kē xué zǔ zhǐ mì shū
zhǎng zài shì jiè qián yán kē jì fēng huì shàng
fā biǎo zhǔ zhǐ yán shuō, gāo dù zàn yáng
zhōng guó wèi quán qiú kè chí xù fā zhǎn zuò
chū de jié chū gòng xiàn.

Tổng Thư ký Tổng thư ký Tổ chức Khoa học
Đa phương Liên Hợp Quốc tại Hội nghị
Thượng đỉnh Khoa học Công nghệ Tiên
phong Thế giới đã có bài diễn thuyết chủ
đề, đánh giá rất cao những cống hiến kiệt
xuất của Trung Quốc cho sự phát triển bền
vững toàn cầu.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: BÍ THƯ TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#0561

棉**mián** **bông, cây bông gòn, sợi bông**

我国完全自主培育的高产优质抗虫杂交
棉花新品种在大西北百万亩现代智慧农
场喜获大丰收。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ péi yù de gāo chǎn
yōu zhì kàng chóng zá jiāo mián huā xīn pín
zhǒng zài dà xī běi bǎi wàn mù xiàn dài zhì huì
nóng chǎng xǐ huò dà fēng shōu.

Giống bông vải cây bông lai kháng sâu
bệnh chất lượng cao năng suất cao do
nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi
trồng đã đón nhận mùa đại bội thu tại
hàng triệu mẫu nông trường thông minh
hiện đại miền Đại Tây Bắc.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: MIỀN

🎉 HOÀN THÀNH TẬP 1 (561 TỪ)!

- ☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh

- ☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
☐ Đã làm bài tập ôn tập ngắt quãng SRS

**Sẵn sàng mở tiếp Tập 2! 🚀**

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7-9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

